

HSK 3.0 NEW STANDARD • CẤP ĐỘ 7 - 9 (CAO CẤP)

TẬP 2 (2/3) • TỪ #770 - #1538

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 7-9 (3.0)

Bản phát hành chuẩn in ấn A4 được chia nhỏ tiện lợi để dễ dàng tải về, học tập mọi lúc mọi nơi và in ấn đóng sổ tay cầm tay nhỏ gọn.

**TẬP 2: Gồm 769 Từ Vựng Chọn Lọc**

Thứ tự từ #770 đến #1538 trên tổng số 2307 từ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mực**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & tập viết chữ Hán

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=3.0&level=7> →





☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0770

倒霉

dǎo méi

đen đủi, xui xẻo, bất hạnh

出门忘带雨伞又恰逢突降暴雨确实有点倒霉，但幸好有好心路人借伞相助。

Chú mén wàng dài yǔ sǎn yòu qià féng tú jiàng bào yǔ què shí yǒu diǎn dǎo méi, dàn xìng hǎo yǒu hǎo xīn lù rén jiè sǎn xiāng zhù.

Ra khỏi nhà quên mang ô lại đúng lúc trời đổ mưa to quả thực có chút xui xẻo, nhưng may sao đã có người qua đường tốt bụng cho mượn ô giúp đỡ.

22 nét

HÁN VIỆT ĐẢO MỐC

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đồ Nổi Bật: Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẩy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ TỪ LOẠI HSK 7-9 (3.0) • TẬP 2

Tập này: 769 từ vựng

428

Danh từ

229

Động từ

89

Tính từ

0

Đại từ

1

Số & Lượng từ

22

Từ loại khác



HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0770

倒霉

dǎo méi

đen đủi, xui xẻo, bất hạnh

出门忘带雨伞又恰逢突降暴雨确实有点倒霉，但幸好有好心路人借伞相助。

Chū mén wàng dài yǔ sǎn yòu qià féng tū jiàng bào yǔ yǒu què shì yǒu diǎn dǎo méi, dàn xīng hǎo yǒu hǎo xīn lù rén jiè sǎn xiāng zhù.

Ra khỏi nhà quên mang ô lại đúng lúc trời đổ mưa to quả thực có chút xui xẻo, nhưng may sao đã có người qua đường tốt bụng cho mượn ô giúp đỡ.

22 nét

HÁN VIỆT : ĐẢO MỐC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0771

倒数

dào shǔ

đếm ngược (dàoshǔ); xếp từ dưới lên, đứng bét (dàoshǔ)

我国在前沿微纳超精密制造领域彻底摆脱了过去受制于人的落后局面，多项核心指标从过去倒数跃居世界第一。

Wǒ guó zài qián yán wēi nà chāo jīng mì zhì zào lǐng yù chǐ de bài zhì tuō le guò qù shòu zhì yú rén de luò hòu jú miàn, duō xiàng hé xīn zhǐ biāo cóng guò qù dào shǔ yuè jū shì jiè dì yī.

Nước ta trong lĩnh vực chế tạo siêu siêu chính xác vi nano tiên phong đã thoát khỏi hoàn toàn cực diện lạc hậu phụ thuộc vào người khác trong quá khứ, nhiều chỉ tiêu cốt lõi từ chỗ xếp từ dưới lên đứng bét trong quá khứ đã nhảy vọt vươn lên đứng số một thế giới.

23 nét

HÁN VIỆT : ĐẢO SỐ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0772

倒塌

dǎo tā

sụp đổ, đổ sập, đổ nát hoàn toàn

大科学装置超重载荷地下主实验大厅采用了九级抗震设防高强结构设计，确保在大震极限工况下绝不倒塌损毁。

Dà kē xué zhuāng zhì chāo zhòng zài hè dì xià zhǔ shí yàn dà tīng cǎi yòng le jiǔ jí kàng zhèn shè fáng gāo qiáng jié gòu shè jì, què bǎo zài dà zhèn jī xiàn gōng kuàng xià jué bù dǎo tā sǔn huī.

Đại sảnh thực nghiệm chính dưới lòng đất chịu tải siêu nặng của thiết bị khoa học lớn áp dụng thiết kế kết cấu cường độ cao phòng hộ kháng chấn cấp 9, bảo đảm dưới điều kiện làm việc giới hạn động đất lớn tuyệt đối không bị đổ sập sụp đổ hay hư hại.

19 nét

HÁN VIỆT : ĐẢO THÁP

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0773

倒下

dǎo xià

ngã xuống, quy, ngã, hy sinh nằm xuống

功勋战略科学家数十年如一日坚守在大科学工程攻坚第一线，直到生命的最后一刻依然没有倒下、永远屹立在科学之巅。

Gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā shù shí nián rú yī rì jiān shǒu zài dà kē xué gōng chéng gōng jiàn dì yī xiàn, zhí dào shēng mìng de zuì hòu yí kè yī rán méi yǒu dǎo xià, yǒng yuǎn yì lì zài kē xué zhī diǎn.

Vị nhà khoa học chiến lược có công lao mấy chục năm như một ngày kiên cường bám trụ nơi tuyến đầu vượt khó công trình khoa học lớn, cho tới khoảnh khắc cuối cùng của sinh mệnh vẫn không hề quy, ngã, ngã xuống, mãi mãi sừng sững trên đỉnh cao khoa học.

19 nét

HÁN VIỆT : ĐẢO HẠ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0774

悼念

dào niàn

tưởng niệm, thương tiếc tưởng nhớ, truy điệu

全国科技工作者怀着无比沉痛的心情深切悼念逝世的科学泰斗，誓言继承大师遗志、勇攀世界高峰。

Quán guó gē jì gōng zuò zhě huái zhe wú bǐ chén tòng de xīn qíng shēn qiè dào niàn shì shì de kē xué tài dòu, shì yán jì chéng dà shī yì zhì, yǒng pān shì jiè gāo fēng.

Những người làm khoa học công nghệ các giới trên toàn quốc mang theo tâm trạng vô cùng đau buồn sâu sắc tưởng niệm thương tiếc tưởng nhớ vị cây đại thụ khoa học vừa qua đời, tuyên thệ kế thừa di nguyện của đại sư đứng cảm trào lên đỉnh cao thế giới.

23 nét

HÁN VIỆT : ĐIỀU NIỆM

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0775

盗

dào

trộm cắp, đánh cắp; kẻ trộm đạo tặc (dàocǎi)

国家网络空间防御体系运用前沿加密算法，严密防范境外敌对势力非法窃取国家大科学装置核心实验数据。

Guó jiā wǎng luò kòng jiàn fáng yù tǐ xī yùn yòng qián yán jiǎ mì suàn fǎ, yán mì fáng fǎn jìng wài dì duì shì lì fēi fǎ dào qǔ guó jiā dà kē xué zhuāng zhì hé xīn shí yàn shù jù.

Hệ thống phòng thủ không gian mạng quốc gia ứng dụng thuật toán mã hóa tiên phong, phòng ngừa nghiêm ngặt các thực thể thù địch nước ngoài đánh cắp trộm cắp trái phép số liệu thực nghiệm cốt lõi của thiết bị khoa học lớn quốc gia.

9 nét

HÁN VIỆT : ĐẠO

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0776

盗窃

dào qiè

trộm cắp, ăn trộm, lấy trộm

国家网络安全法严厉打击任何利用黑客技术非法侵入关键信息基础设施与盗窃核心数据的违法犯罪行为。

Guó jiā wǎng luò ān quán fǎ yán lì dǎ jī yǎn liú dǎ jī rén hé lì yòng hǎi kè jì shù fǎ fǎ qī rǔ guān jiàn xīn xī jī chú shè shí yǔ dào qiè hé xīn shù jù dé wéi fǎ fàn zù xíng wéi.

Lượng An ninh Mạng Quốc gia xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm pháp dùng kỹ thuật tin tặc xâm nhập trái phép cơ sở hạ tầng thông tin trọng yếu và trộm cắp dữ liệu cốt lõi.

20 nét

HÁN VIỆT : ĐẠO THIẾT

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0777

道具

dào jù

đạo cụ, đồ dùng sân khấu/thí nghiệm

在全国科技周沉浸式科普互动剧场中，科研人员运用高科技全息数字道具生动再现了太空探测的宏伟历程。

Zài quán guó kē jì zhōu chén jìn shì kē pǔ hù dòng jù chǎng zhōng, kē yán rén yuán yùn yòng gāo kē jì quán xī shù zì dào jù shēng dòng zài xiàn le shēn kōng tàn cè de hóng wéi lì chéng.

Trong nhà hát tương tác phổ biến khoa học chìm đắm thuộc Tuần lễ Khoa học Công nghệ Toàn quốc, các cán bộ nghiên cứu khoa học đã ứng dụng đạo cụ đồ dùng số hóa hologram công nghệ cao tái hiện sinh động tiến trình hùng vĩ của thám trắc không gian sâu.

19 nét

HÁN VIỆT : ĐẠO CỤ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0778

稻草

dào cǎo

rơm rạ, cọng rơm lúa (cọng rơm cứu mạng: jiùmìng dào cǎo)

农业生物化工科研团队攻克了高效纤维素酶生物转化技术，将昔日废弃的农田稻草转化为高附加值绿色清洁能源生物燃料。

Nóng yè shēng wù huà gōng kē yán tuán duì gōng kè le gāo xiào xiān wéi sù měi shēng wù zhuān huà jī shù, jiāng xī rì fěi qì de nóng tián dào cǎo zhuān huà wéi gāo fù jià zhí lǜ sè qīng néng shēng wù rán liào.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học hóa sinh nông nghiệp đã chinh phục công nghệ chuyển hóa sinh học men cellulase hiệu quả cao, biến rơm rạ cọng rơm đồng ruộng bị vứt bỏ thành nhiên liệu sinh học hàng không xanh sạch có giá trị gia tăng cao.

19 nét

HÁN VIỆT : ĐẠO THẢO



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Tính từ #0779

德

dé

đức, đạo đức phẩm hạnh, y đức phẩm đức

科学家不仅要有勇攀高峰的卓越学术才华，更要有立德树人、科技报国的崇高品德与高尚师德。

Kē xué jiā bù jǐn yào yǒng pān gāo fēng de zhuó yuè xué shù cái huá, gèng yào yǒu lì dé shù rén, kē jì bào guó de chóng gāo pīn dé yǔ gāo shàng shī dé.

Nhà khoa học không chỉ cần có tài hoa học thuật trác việt dũng cảm trèo lên đỉnh cao, mà càng phải có phẩm đức đạo đức phẩm hạnh cao đẹp và y đức sư đức cao thượng trọng người lập đức, phụng sự Tổ quốc bằng khoa học.

11 nét

HÁN VIỆT : ĐỨC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0780

地步

dì bù

mức độ, nông nổi, cảnh ngộ (thường tiêu cực)

在重大生态系统保护工作中必须打好提前量，绝不能等到荒漠化恶化到不可逆转的地步才被动治理。

Zài zhòng dà shēng tài bǎo hù gōng zuò zhōng bì xū dǎ hǎo tí qián liàng, jué bù néng děng dào huāng huà è huà dào bù kě nǐ zhuǎn de dì bù cái bèi dòng zhì lǐ.

Trong công tác bảo vệ hệ sinh thái trọng đại bắt buộc phải chủ động chuẩn bị đi trước một bước, tuyệt đối không thể chờ đến khi sa mạc hóa xấu đi tới mức độ không thể đảo ngược mới bị động đi xử lý khắc phục.

24 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA BỘ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ #0781

地道

dì dào

chuẩn, chính cống, chuẩn mực; địa đạo

这位在中国生活了十余年的外国友人，能说一口极其流利且地道的北京话。

Zhè wèi zài zhōng guó shēng huó le shí yú nián de wài guó yǒu rén, néng shuō yí kǒu jí qí liú lì qiè dì dào de bēi jīng huà.

Người bạn nước ngoài đã sinh sống hơn mười năm tại Trung Quốc này có thể nói một thứ tiếng Bắc Kinh vô cùng lưu loát và chuẩn vị chính cống.

21 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA ĐẠO

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0782

地段

dì duàn

đoạn đường, khu đất, vị trí địa lý khu vực

国家高新技术科学城选址在生态环境优美、交通互联互通最佳的黄金核心地段，打造现代化宜居宜业创新高地。

Guó jiā gāo xīn jì shù kē xué chéng xuǎn zhǐ zài shēng tài huán jīng yōu měi, jiāo tōng hù lián hù tōng jì jiā de huáng jīn hé xīn dì duàn, dǎ zào xiàn dài huà yí jū yí yè chuàng xīn gāo dì.

Thành phố Khoa học Công nghệ Cao mới Quốc gia chọn địa điểm đặt tại khu đất đoạn đường vị trí hoàng kim cốt lõi có giao thông kết nối liên thông tuyệt vời và môi trường sinh thái tươi đẹp, kiến tạo vùng đất cao đối mới sáng tạo vừa thích hợp sinh sống vừa thích hợp làm việc hiện đại hóa.

20 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA ĐOẠN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0783

地理

dì lǐ

địa lý

得益于优越独特的沿海地理区位优势，该港口城市迅速崛起为国际现代航运物流枢纽。

Dé yì yú yōu yuè dú tè de yán hǎi dì lǐ qū wèi yōu shì, gāi gǎng kǒu chéng shì xùn sù jié qī wèi guó jì xiàn dài háng yùn wù liú shù níu.

Nhờ sở hữu lợi thế vị trí địa lý ven biển đặc địa độc đáo, thành phố cảng này đã nhanh chóng vươn lên trở thành trung tâm đầu mối logistics vận tải biển hiện đại quốc tế.

21 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA LÝ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0784

地毯

dì tǎn

thảm, tấm thảm trải sàn

国事访问欢迎仪式上，主礼嘉宾沿着庄严的大红地毯缓缓步入人民大会堂大厅。

Guó shì fǎng wén huān yíng yí shì shàng, zhǔ lǐ jiā bīn yán zhe zhuāng yán de dà hóng dì tǎn huǎn bù rù rén mǐn dà huì táng dà tīng.

Tại lễ đón chính thức chuyến thăm cấp nhà nước, các vị khách quý đã rải bước thông dong dọc theo thảm đỏ trang nghiêm bước vào sảnh Đại lễ đường Nhân dân.

22 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA THẢM

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0785

地下水

dì xià shuǐ

nước ngầm, nguồn nước dưới lòng đất

国家生态地质监测网络全面实现了对全国主要流域深层地下水水质与生态补水的全天候高精度智能监测。

Guó jiā shēng tài dì zhì jiān cè wǎng luò quán miàn shí xiàn le duì quán guó zhǔ yào liú yù shēn céng dì xià shuǐ shuǐ wéi shuǐ zhī yǔ shēng tài bǔ shuǐ de quán tiān hòu gāo jīng dù zhì néng yáo cè.

Mạng lưới quan trắc địa chất sinh thái quốc gia đã thực hiện toàn diện việc đo từ xa thông minh độ chính xác cao 24/7 đối với việc bổ cấp nước sinh thái cùng chất lượng nước và mực nước ngầm nguồn nước dưới lòng đất tầng sâu của các lưu vực chính trên toàn quốc.

30 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA HẠ THỦY

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0786

地狱

dì yù

địa ngục, cảnh ngộ địa ngục khổ cực

面对深海万米深渊极端超高压与绝对严寒黑暗的“地狱级”极限工况，完全自主研发的国产载人潜水器展现了无与伦比的可靠性。

Miàn duì shēn hǎi wàn mǐ shēn yuǎn jí duān chāo gāo yā yǔ jué duì yán hán hēi àn de "dì yù jí" jī xiàn gōng kuàng, wán quán zì zhǔ yán zhì de guó chǎn zài rén qián shuǐ qì zhǎn xiàn liǎo wú yǔ lún bǐ de kě kào xìng.

Đứng trước điều kiện làm việc giới hạn cấp độ 'địa ngục' địa ngục tối tăm giá rét tuyệt đối và siêu cao áp cực đoan nơi vực sâu vạn mét biển sâu, con tàu lặn có người lái sản xuất trong nước do mình hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo đã phổ biến độ tin cậy vô song.

24 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA NGỤC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0787

地域

dì yù

địa hạt, vùng miền khu vực địa lý

大科学基础设施集群打破了传统地域行政边界壁垒，形成了辐射带动全国高水平协同创新的战略网络体系。

Dà kē xué jī chǔ shè shī jī qún dà pǎo le chuán tǒng dì yù xíng zhèng biān jiè bì lěi, xíng chéng le fú shè dài dòng quán guó gāo shuǐ píng xié tóng chuàng xīn de zhàn lüè wǎng lù tǐ xì.

Cụm cơ sở hạ tầng khoa học lớn đã phá vỡ rào cản ranh giới hành chính vùng miền địa hạt khu vực truyền thống, hình thành hệ thống mạng lưới chiến lược lan tỏa thúc đẩy đổi mới sáng tạo hiệp đồng trình độ cao trên toàn quốc.

24 nét

HÁN VIỆT : ĐỊA VỰC



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0788

地质

dì zhì

địa chất, cấu tạo địa chất

深地国家重大科技基础设施在数千米深部地下岩层中成功开展超深层复杂地质构造演化原位观测实验。

Shēn dì guó jiā zhòng dà kē jì jī chǔ shè shí zài shù qiān mǐ shēn bù dì xià yán céng zhōng chéng gōng kāi zhǎn chāo shēn cèng fù zā dì zhì gòu zào yǎn huà yuán wèi guān cè shí yǎn.

Cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ trọng đại quốc gia về lòng đất sâu đã triển khai thành công thực nghiệm quan trắc tại chỗ về sự tiến hóa của cấu trúc địa chất phức tạp tầng siêu sâu bên trong lớp đất đá ngầm hàng ngàn mét.

22 nét

HÁN VIỆT ĐÌA CHẤT

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ

#0789

得不偿失

dé bù cháng shī

lợi bất cập hại, được chẳng bù mất

以牺牲绿水青山和人民长远健康为代价去换取暂时的眼前经济利益，从长远来看是绝对得不偿失的。

Yǐ xī shēng lǜ shuǐ qīng shān hé rén mín cháng yuǎn jiàn kāng wéi dài jià qǔ huàn qǔ zàn shí de yǎn jīng jì yì, cóng cháng yuǎn lái kàn shì duì dé bù cháng shī de.

Dùng sự hy sinh non xanh nước biếc và sức khỏe lâu dài của nhân dân làm cái giá để đổi lấy lợi ích kinh tế nhất thời trước mắt, xét về lâu về dài là hoàn toàn lợi bất cập hại.

35 nét

HÁN VIỆT ĐẮC BẤT THƯỜNG THẤT

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0790

得当

dé dàng

thích đáng, thỏa đáng đúng mực, phù hợp

由于总指挥部在极端恶劣天气来临前应急处置措施得当，大科学工程施工现场各项昂贵精密装备安然无恙。

Yóu yú zǒng zhǐ huǐ bù zài jí duǎn è liè tiān qì lái lín qián jí zhǔ zhì wù cuò shī dé dàng, dà kē xué gōng chéng shì gōng xiàn chāng gè xiàng áng guǐ jīng mì zhuāng bèi ān rán wú yàng.

Nhờ Ban Tổng Chỉ huy áp dụng các biện pháp xử lý khẩn cấp thích đáng thỏa đáng đúng mực trước khi thời tiết cực kỳ khắc nghiệt ập đến, tất cả các trang thiết bị chính xác đắt tiền tại hiện trường thi công công trình khoa học lớn đều bình an vô sự.

23 nét

HÁN VIỆT ĐẮC ĐƯƠNG

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0791

得力

dé lì

đắc lực, có năng lực, hiệu quả đắc dụng

在这场具有决定性意义的深空探测攻坚战中，青年科研骨干成为了型号总指挥最得力信任的攻关尖兵。

Zài zhè chǎng jù yǒu jué dìng xìng yì yì de shēn kōng tàn cè gōng jiàn zhàn zhōng, qīng nián kē yán gǔ gàn chéng wéi le xíng hào zǒng zhǐ huǐ zuì dé lì xìn rèn de gōng guān jiān bīng.

Trong chiến dịch then chốt mang ý nghĩa quyết định về thám hiểm không gian sâu này, các cán bộ nghiên cứu khoa học cốt cán trẻ tuổi đã trở thành những mũi nhọn xung kích đắc lực và đáng tin cậy nhất của vị tổng chỉ huy.

22 nét

HÁN VIỆT ĐẮC LỰC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0792

得失

dé shī

được mất, cái được và cái mất, thành bại hơn thua

在重大科技工程方案论证中，我们必须全面深入权衡各项不同技术路线的战略得失与长远综合效益。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng fāng àn lùn zhèng zhōng, wǒ men bì xū quán miàn shēn rù quán héng gè xiàng bù tóng jì shù lù xiàn de zhàn lüè dé shī yǔ cháng yuǎn zōng hé xiá yì.

Trong luận chứng phương án công trình khoa học công nghệ trọng đại, chúng ta bắt buộc phải cân nhắc thấu đáo sâu sắc toàn diện cái được và cái mất được mất chiến lược cùng hiệu ích tổng hợp lâu dài của các lộ trình công nghệ khác nhau.

28 nét

HÁN VIỆT ĐẮC THẤT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0793

得手

dé shǒu

đắc thủ, thành công suôn sẻ, mưu đồ trót lọt

国家网络安全防护严密闭环，坚决挫败了境外黑客组织企图渗透国家超级计算核心服务器的任何得手企图。

Guó jiā wǎng lǒu ān quán fáng hù yán mì bì huán, jiǎn jué cuò bài le jìng wài hēi kè zǔ zhī qǐ tú sè nòng guó jiā chāo jí jì suàn hé xīn fú wù qì de rèn hé dé shǒu qǐ tú.

Công tác phòng hộ an ninh mạng quốc gia khép kín nghiêm ngặt, kiên quyết đập tan mọi mưu toan đắc thủ thành công trót lọt của các tổ chức hacker nước ngoài định thâm nhập vào các máy chủ cốt lõi siêu máy tính của quốc gia.

27 nét

HÁN VIỆT ĐẮC THỦ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0794

得体

dé tǐ

đúng mực, lịch thiệp đàng hoàng, vừa vặn hợp lẽ

在国际多边开放科学论坛主旨辩论中，中国青年科学家代表言辞严谨有力、举止得体大方，赢得全场高度尊重。

Zài guó jì duō biān kāi fàng kē xué lùn tán zhǔ zhǐ biàn lùn zhōng, zhōng guó qīng nián kē xué jiǎ dài biǎo yán cí yán jīn yǒu lì, jǔ zhǐ dé tǐ dà fāng, yíng dé quán chǎng gāo dù zūn zhòng.

Trong phiên tranh biện chủ đề Diễn đàn Khoa học Mở Đa phương Quốc tế, đại biểu các nhà khoa học trẻ Trung Quốc lời lẽ chặt chẽ danh thép, cử chỉ đàng hoàng đúng mực lịch thiệp và phóng khoáng, giành được sự tôn trọng cao độ của toàn trường.

22 nét

HÁN VIỆT ĐẮC THỂ

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ

#0795

得天独厚

dé tiān dú hòu

được thiên nhiên ưu đãi, ưu thế trời ban

我国西北高原地区拥有得天独厚的风能与太阳能自然资源，为建设数亿千瓦级大型清洁能源基地提供了绝佳条件。

Wǒ guó xī běi gāo yuán dì qū yǒng yǒu dé tiān dú hòu de fēng néng yǔ tài yáng néng zī rán zī yuán, wéi jiàn shè shù yì qiān wǎ jī dà xíng qīng jié néng yuán jī dì tí gòng le jué jiā tiào jiàn.

Vùng cao nguyên Tây Bắc nước ta sở hữu nguồn tài nguyên thiên nhiên phong diện và quang điện được thiên nhiên ưu đãi vô cùng độc đáo, mang lại điều kiện tuyệt hảo để xây dựng các căn cứ năng lượng sạch quy mô lớn hàng trăm triệu kilowatt.

35 nét

HÁN VIỆT ĐẮC THIÊN ĐỘC HẬU

HSK 7-9 (3.0)

Cụm động từ

#0796

得益于

dé yì yú

nhờ có, có được là nhờ vào, được hưởng lợi từ

我国高科技制造业能够实现逆势爆发增长，得益于国家对基础研究与关键核心技术长期持续的战略投入。

Wǒ guó gāo kē jì zhì zào néng néng gòu shí xiàn nù shì bào fā zēng zhǎng, dé yì yú guó jiā duì jī chǔ yán jiū yǔ guān jiàn hé xīn jì shù cháng qī chí xù de zhàn lüè tóu rù.

Nghành chế tạo công nghệ cao của nước ta có thể thực hiện tăng trưởng bùng nổ ngược chiều gió lợi ngược dòng là nhờ có được hưởng lợi từ sự đầu tư chiến lược liên tục lâu dài của Nhà nước đối với công nghệ lõi then chốt và nghiên cứu cơ bản.

35 nét

HÁN VIỆT ĐẮC ÍCH VU

HSK 7-9
(3.0)

Thành ngữ / Tính từ #0797

得意扬扬

déyiyángyáng

đắc ý vênh váo, đắc chí hớn hờ,
dương dương tự đắc

老科学家告诫青年学子：“取得一点阶段性实验突破切不可得意扬扬，科学高峰上永远有更高的未知等待探索。”

Lão kē xué jiā gào jiè qīng nián xué zǐ: "qǔ dé yí diǎn jiē duàn xíng shí yàn tū pò qíe bù kě dé yì yáng yáng, kē xué gāo fēng shàng yǒng yuǎn yǒu gēng gāo de wèi zhī děng dài tàn sù."

Nhà khoa học lão thành răn dạy các học trò trẻ: 'Đạt được một chút đột phá thực nghiệm mang tính giai đoạn tuyệt đối không được đắc chí hớn hờ đắc ý vênh váo dương dương tự đắc, trên đỉnh cao khoa học mãi mãi có những điều chưa biết cao hơn đang chờ đợi được khám phá.'

35 nét

HÁN VIỆT ĐẮC Ý DƯƠNG DƯƠNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #0798

得知

dézhī

được biết, hay tin, biết được tin tức

当得知深空探测器在亿万公里外成功实现软着陆的捷报时，总装车间里全体参研建设者欢呼雀跃。

Dāng dé zhī shēn kōng tàn cè qì zài yì wàn gōng lǐ wài chéng gōng shí xiàn ruǎn zhuó lù de jié bào shí, zǒng zhuāng chē jiān lǐ quán tǐ cān yán jiàn shè zhě huān hū qūè yuè.

Khi hay tin được biết biết được tin thắng trận tàu thám trắc không gian sâu đã thực hiện hạ cánh mềm thành công ở cách xa hàng trăm triệu cây số, toàn thể những người tham gia nghiên cứu xây dựng trong phân xưởng lắp ráp tổng thể đã reo hò nhảy cẫng lên vui sướng.

27 nét

HÁN VIỆT ĐẮC TRI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #0799

得罪

dé zuì

đắc tội, làm mếch lòng, xúc phạm

纪检监察干部在监督执纪执法中必须坚持原则、秉公办事，不怕得罪人，坚决维护党纪国法的庄严权威。

Jì jiǎn jiān chá gān bù zài jiān dū jì zhǐ jī zhí fǎ zhōng bì xū jiǎn chí yuán zé, bǐng gōng bàn shì, bù pà dé zuì rén, jiǎn jué wéi hù dǎng jì guó fǎ de zhuāng yán quán wēi.

Cán bộ kiểm tra giám sát kỷ luật trong việc giám sát thực thi kỷ luật và pháp luật bắt buộc phải kiên trì nguyên tắc, làm việc công tâm chí công vô tư, không sợ đắc tội làm mếch lòng người khác, kiên quyết bảo vệ uy quyền trang nghiêm của kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước.

27 nét

HÁN VIỆT ĐẮC TỘI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0800

灯笼

dēng lóng

đèn lồng, lồng đèn

除夕之夜，古城大街小巷张灯结彩，家家户户门前高高挂起象征吉祥如意的红灯笼。

Chú xī zhī yè, gǔ chéng dà jiē xiǎo kēng zhāng dēng jié cǎi, jiā jiā hù hù mén qián gāo gāo guà qǐ xiàng zhēng jí xiáng rú yì de dà hóng dēng lóng.

Đêm Giao thừa, khắp các phố lớn ngõ nhỏ nơi cổ trấn đèn hoa rực rỡ, trước cửa nhà nhà đều treo cao những chiếc đèn lồng đỏ thắm tượng trưng cho điềm lành như ý.

28 nét

HÁN VIỆT ĐĂNG LỒNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0801

灯泡

dēng pào

bóng đèn, bóng đèn điện chiếu sáng

我国成功研制出具有完全自主知识产权的新型高能极紫外准分子激光光源，其单脉冲瞬态发光亮度超越了传统灯泡亿万倍。

Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū jù yǒu wán quán quán zǐ zhǔ zhī shí chán quán de xīn xíng gāo néng jí zǐ wài zhǔn fèn zǐ jī guāng guāng yuán, qí dān mài chōng shùn tài fā guāng liàng dù cháo yuè le chuán tǒng dēng pào yì wàn bèi.

Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công nguồn sáng laser excimer cực tím chân không năng lượng cao kiểu mới sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn tự chủ, độ sáng phát quang trạng thái tức thời đơn xung của nó vượt xa bóng đèn bóng đèn điện truyền thống hàng trăm triệu lần.

28 nét

HÁN VIỆT ĐĂNG PHAO

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #0802

登机

dēng jī

lên máy bay, làm thủ tục lên máy bay

大型智慧国际机场全面启用无感毫米波安检与人脸识别毫米级无缝登机系统，旅客登机通行效率大幅跃升。

Dà xíng zhì huì guó jī chǎng quán miàn qǐ yòng wú gǎn háo mǐ bō ān jiǎn yǔ rén liǎn bié háo mǐ jí wú fèng dēng jī xì tǒng, lǚ kè dēng jī tōng xíng xiào lǜ dà fú yuè shēng.

Sân bay quốc tế thông minh quy mô lớn đã đưa vào sử dụng toàn diện hệ thống lên máy bay làm thủ tục lên máy bay liên mạch cấp độ mili-giây nhận diện khuôn mặt và kiểm tra an ninh sóng milimet không chạm, hiệu suất thông hành lên máy bay của hành khách tăng vọt mạnh mẽ.

17 nét

HÁN VIỆT ĐĂNG CƠ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #0803

登陆

dēng lù

đổ bộ (bão, quân đội); hạ cánh đáp xuống (hành tinh)

我国火星探测器“祝融号”火星车成功着陆火星乌托邦平原，在火星表面迈出了中国深空探测登陆的历史性一步。

Wǒ guó huǒ xīng tàn cè qì "zhù róng hào" huǒ xīng chē chéng gōng zhuó lù huǒ xīng wū tuō bāng píng yuán, zài huǒ xīng biǎo miàn mài chū le zhōng guó shēn kōng tàn cè dēng lù de lì shǐ xíng yí bù.

Xe tự hành sao Hỏa 'Chúc Dung' thuộc tàu thám hiểm sao Hỏa nước ta đã hạ cánh thành công xuống vùng đồng bằng Utopia trên sao Hỏa, sải bước chân lịch sử mang tính dấu mốc đổ bộ thám hiểm không gian sâu của Trung Quốc trên bề mặt sao Hỏa.

21 nét

HÁN VIỆT ĐĂNG LỤC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #0804

蹬

dēng

đạp, giẫm, đạp bàn đạp (xe đạp)

低碳环保的市民迎着清晨和煦的微风，轻快地蹬着共享单车穿行在城市绿道与林荫大道之间。

Dī tàn huán bǎo de shì mǐn yíng zhe qīng chén hé xù de wēi fēng, qīng kuài de dēng zhe gòng xiāng dān chē chuān xíng zài chéng shì lù dào yǔ lín yīn dà dào zhī jiān.

Người dân ưa chuộng lối sống bảo vệ môi trường ít phát thải đón làn gió sớm trong lành ấm áp, nhẹ nhàng đạp chiếc xe đạp cộng đồng dùng chung lướt qua giữa các tuyến đường xanh đô thị và đại lộ rợp bóng cây râm mát.

12 nét

HÁN VIỆT ĐĂNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0805

凳子

dèng zi

cái ghế đầu, ghế ngồi không tựa (ghế băng lạnh: lǐngbǎndèng)

老一辈功勋科学家甘坐冷板凳数十年如一日，把一张张普通的木头凳子坐成了攀登世界科技高峰的坚实阶梯。

Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā gān zuò lěng bǎn dèng shù shí nián rú yì rì, bǎ yí zhāng pǔ tōng de mù tou dèng zi zuò chéng le pān dēng shì jiè kē jì gāo fēng de jiān shí jiē tī.

Các nhà khoa học có công lao tiến bộ tinh nguyên ngồi ghế băng lạnh ghế đầu mấy chục năm như một ngày, biến từng chiếc ghế đầu chiếc ghế ngồi bằng gỗ mộc mạc thành những bậc thang vững chắc trèo lên đỉnh cao khoa học thế giới.

19 nét

HÁN VIỆT ĐĂNG TỬ



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0806

瞪

dèng

nhìn chăm chăm

老师鼓励大家积极瞪，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dèng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhìn chăm chăm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: TRỪNG

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0807

低调

dīdiào

khiêm nhường, kín tiếng không phô trương, khiêm tốn

这位在国际量子前沿领域屡创奇迹的战略科学家平时作风极其低调谦逊，始终把荣誉归功于整个攻关团队。

Zhè wèi zài guó jì liàng zǐ qián yán lǐng yù lǚ chuàng qí jì de zhàn lüè kè xué jiā píng shí zuò fēng jí qí dī diào qiān xùn, shì zhǒng bǎ róng yù guī gōng yú zhěng gè gōng guān tuán duì.
Vị nhà khoa học chiến lược liên tục lập nên kỳ tích trong lĩnh vực lượng tử tiên phong quốc tế này bình thường tác phong vô cùng khiêm tốn khiêm nhường kín tiếng không phô trương, luôn quy vinh dự về cho toàn thể đội ngũ vượt khó.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ ĐIỀU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0808

低估

dīgū

đánh giá thấp, coi nhẹ xem thường tiềm năng

任何人都不应低估中国科学家在前沿关键核心技术上攻坚克难，实现高水平自立自强的坚定决心与强大实力。

Rèn hé rén dōu bù yīng dī gū zhōng guó kē xué jiā zài qián yán guān jiàn hé xīn jī shù shàng gōng jiǎn kè nán, shí xiàn gāo shuǐ píng zì lì zì qiáng de jiǎn dīng jué xīn yǔ qiáng dà shí lì.

Bất kỳ ai cũng không được đánh giá thấp coi nhẹ xem thường sức mạnh hùng hậu và quyết tâm kiên định của các nhà khoa học Trung Quốc trong việc vượt khó chinh phục khó khăn trên các công nghệ lõi then chốt tiên phong, thực hiện tự chủ tự cường trình độ cao.

18 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ CỐ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0809

低谷

dīgū

vực sâu đáy trũng, đáy suy thoái, giai đoạn khó khăn chạm đáy

在重大科技工程遭遇技术瓶颈的艰难低谷期，攻坚团队保持顽强韧性、众志成城终于迎来了突破拐点。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng zāo yù jì shù píng jīng de jiān nán dī gǔ qī, gōng jiān tuán duì bǎo chí wǎng qiáng rěn xìng, zhòng zhì chéng chéng zhōng yú yíng lái le tú pò guǎi diǎn.

Trong thời kỳ khó khăn chạm đáy đáy trũng vực sâu gian nan khi công trình khoa học công nghệ trọng đại gặp phải nút thắt công nghệ, đội ngũ vượt khó giữ vững độ dẻo dai kiên cường, muôn người như một cuối cùng đã đón nhận điểm uốn bước ngoặt đột phá.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ CỐC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0810

低价

dījià

giá rẻ, giá thấp, giá ưu đãi

国家科技惠民政策支持将重大创新医疗器械与国产靶向药物以低价普惠方式纳入国家医保集中采购目录。

Guó jiā kē jì huì mǐn zhèng cè zhī chí jiāng zhòng dà chuàng xīn yī liáo qì xiè yù guó chǎn bǎ xiàng yào wù wú yì dī jià pù huì fāng shì nà rù guó jiā yī bǎo jí zhōng cāi gòu mù lù.

Chính sách khoa học công nghệ vì hạnh phúc nhân dân của quốc gia ủng hộ việc đưa các loại thuốc trúng đích sản xuất trong nước và thiết bị y tế đổi mới sáng tạo trọng đại vào danh mục mua sắm tập trung bảo hiểm y tế quốc gia với phương thức phổ huệ giá thấp giá rẻ.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ GIÁ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0811

低迷

dīmí

ảm đạm đầu hiu, u ám đình trệ, suy thoái

在全球宏观经济增长动能低迷的大背景下，我国以高技术制造业与战略性新兴产业为代表的新质生产力展现出强劲增长韧性。

Zài quán qiú hóng guān jīng jì zēng zhǎng dòng néng dī mí de dà bèi jīng xià, wǒ guó yǐ gāo jì shù zhì zào yè yǔ zhàn lüè xìng xīn xīng chǎn yè wéi dài biǎo de xīn zhì shēng lì chǎn xiàn chū qiáng jīng zēng zhǎng rěn xìng.

Trong bối cảnh lớn động năng tăng trưởng kinh tế vĩ mô toàn cầu suy thoái ảm đạm đầu hiu u ám, lực lượng sản xuất chất lượng mới của nước ta lấy ngành nghề mới nổi chiến lược và ngành chế tạo công nghệ cao làm đại diện đã phô diễn độ dẻo dai tăng trưởng mạnh mẽ.

18 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ MÊ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0812

低碳

dītàn

ít carbon, phát thải carbon thấp, thân thiện môi trường

我国全面加快构建清洁低碳安全高效的新型能源体系，非化石能源发电装机容量历史性超过化石能源。

Wǒ guó quán miàn jiā kuài gòu jiàn qīng jié dī tàn ān quán gāo xiào de xīn xíng néng yuán tǐ xì, fēi huà shí néng yuán fā diǎn zhuāng jī róng liàng lì shǐ xìng chāo guò huà shí néng yuán.

Nước ta đẩy nhanh toàn diện việc xây dựng hệ thống năng lượng kiểu mới hiệu quả cao, an toàn, phát thải carbon thấp ít carbon và sạch sẽ, công suất lắp đặt phát điện năng lượng phi hóa thạch đã vượt qua năng lượng hóa thạch mang tính lịch sử.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ THÁN

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0813

低下

dīxià

thấp

在面对复杂的挑战时，保持低下的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí dī xià de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái thấp đặc biệt quan trọng.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ HẠ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0814

堤

dī

đê, con đê ngăn lũ, đê điều bờ đê

长江干流超级生态防洪大堤全面应用了光纤分布式应变传感在线监测系统，筑牢了坚不可摧的防汛安全屏障。

Cháng jiāng gān liú chāo jí shēng tài fáng hóng dà dī quán miàn yīng yòng le guāng xiān fēn bù shì yīng biàn chǎn gǎn zài xiàn jiān cè xì tǒng, zhù lǎo le jiǎn bù kě cuī de fáng xùn ān quán píng zhàng.

Con đê đê điều đê ngăn lũ phòng chống lũ lụt sinh thái siêu cấp dòng chính sông Trường Giang đã ứng dụng toàn diện hệ thống quan trắc trực tuyến cảm biến ứng biến phân tán sợi quang, đắp xây tấm lá chắn an toàn chống lũ kiên cố không thể phá vỡ.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐÊ



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0815

堤坝

dībà

đê điều, đập nước, thân đê

三峡水利枢纽那巍峨雄伟的混凝土重力大坝与两岸坚固的防洪堤坝，坚守护佑着长江中下游数千万百姓的安全。

Sān xiá shuǐ lì shù niǔ nà wēi é xióng wěi de hùn níng tǔ zhòng lì dà bǎ yǔ liǎng àn jiān gù de fáng hóng dī bà, jiān shǒu hù yòu zhe cháng jiāng zhōng xià yóu shù qiān wàn bǎi xìng de ān quán.

Con đập trọng lực bằng bê tông hùng vĩ sừng sững của công trình đầu mối thủy lợi Tam Hiệp cùng những con đê chống lũ kiên cố ở hai bờ sông đã bảo vệ vững chắc cho sự an toàn của hàng chục triệu người dân vùng trung và hạ lưu sông Trường Giang.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐÊ BÀ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0816

笛子

dízi

cây sáo trúc, sáo trúc truyền thống

在国家大剧院中国古代声学与音乐科技展上，科研团队用高精度激光多普勒测振仪解析了千年骨笛与竹制笛子的独特物理学共鸣机理。

Zài guó jiǎ dà jù yuàn zhōng guó gǔ dài shēng xué yǔ yīn yuē kē jì tè zhān shàng, kē yán tuán duì yòng gāo jīng dù jī guāng duō pǔ lēi cè zhèn dui yòng gāo jīng dù jī guāng duō pǔ lēi cè zhèn yí jiě xī le qiān nián gǔ dí yǔ zhú zhì dí zi de dú tè wú lì shēng xué gòng míng jī lǐ.

Tại Triển lãm Đặc biệt Khoa học Kỹ thuật Âm nhạc và Âm học Cổ đại Trung Quốc ở Nhà hát Lớn Quốc gia, đội ngũ nghiên cứu khoa học đã dùng máy đo dao động Doppler laser độ chính xác cao để giải mã cơ chế cộng hưởng âm học vật lý độc đáo của sáo trúc cây sáo trúc và sáo xương ngàn năm.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐỊCH TỬ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0817

底层

dǐcéng

tầng đáy, lớp dưới cùng, nền tảng cốt lõi dưới đáy

我们必须下大力气彻底攻克工业基础软件与芯片指令集架构等底层核心技术，从根本上摆脱受制于人的被动局面。

Wǒ men bì xū xià dà lì qì chě di gōng gōng yè jī chǔ zhǔ ruǎn jiàn yǔ xīn piàn zhǐ lìng jí jiǎ gòu děng dī céng hé xīn jì shù, cóng gēn běn shàng bǎi tuō shòu zhì yú rén de bèi dòng jú miàn.

Chúng ta bắt buộc phải dốc sức lớn chinh phục triệt để các công nghệ cốt lõi dưới đáy tầng đáy nền tảng như kiến trúc tập lệnh chip và phần mềm nền tảng công nghiệp, thoát khỏi căn bản cục diện bị động phụ thuộc vào người khác.

16 nét

HÁN VIỆT: ĐỂ TẦNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0818

底线

dǐxiàn

giới hạn đỏ, lần ranh giới hạn cuối cùng, nguyên tắc đáy

科技创新必须严格坚守科技伦理底线与国家安全红线，确保前沿科学技术始终在造福人类的健康轨道上运行。

Kē jì chuàng xīn bì xū yán gé jiǎn shǒu kē jì lún lǐ dī xiàn yǔ guó jiā ān quán hóng xiàn, què bǎo qián yán kē xué jì shù shǐ zhōng zài zào fú rén lèi de jiàn kāng guī dào shàng yùn xíng.

Đối mới sáng tạo khoa học công nghệ bắt buộc phải kiên thủ nghiêm ngặt lần ranh giới hạn cuối cùng giới hạn đỏ đạo đức khoa học và ranh giới đỏ an ninh quốc gia, bảo đảm khoa học công nghệ tiên phong luôn vận hành trên quỹ đạo lành mạnh mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại.

18 nét

HÁN VIỆT: ĐỂ TUYẾN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0819

底蕴

dǐyùn

bề dày chiều sâu (văn hóa/học thuật), nội hàm thâm sâu

深厚的数理科学基础理论底蕴，是支撑青年科学家在前交叉学科无人区勇攀世界科学最高峰的最坚实底气。

Shēn hòu de shù lǐ kē xué jī chǔ lǐ lùn dì yùn, shì zhī chēng qīng nián kē xué jiā zài qián yǎn jiāo chā xué kē wú rén qū yǒng pān shì jiè kē xué zuì gāo fēng de zuì jiān shí dì qì.

Bề dày chiều sâu nội hàm thâm sâu lý luận cơ bản khoa học toán lý vững chắc chính là bản lĩnh kiên cường vững vàng nhất nâng đỡ các nhà khoa học trẻ dũng cảm trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học thế giới trong vùng không người các môn học liên ngành tiên phong.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐỂ UẨN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0820

底子

dǐzi

nền tảng căn bản, vốn liếng cơ sở ban đầu

经过几代科技工作者数十载艰苦卓绝的接续奋斗，我国重大工程装备制造产业打下了极其雄厚坚实的工业底子。

Jīng guò jǐ dài kē jì gōng zuò zhě shù shí zài jiān kǔ zhuó jué de jiē xù fèn dòu, wǒ guó zhòng dà gōng chéng zhuāng bèi zhì zào chǎn yè dǎ xià le jí qí xióng hòu jiān shí de gōng yè dǐ zi.

Trải qua mấy chục năm tiếp nối phấn đấu gian khổ tột cùng của mấy thế hệ những người làm khoa học công nghệ, ngành chế tạo trang thiết bị công trình trọng đại nước ta đã tạo dựng nên một nền tảng căn bản vốn liếng cơ sở công nghiệp vô cùng vững chắc và hùng hậu.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐỂ TỬ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0821

抵触

dǐchù

xung đột, mâu thuẫn trái ngược; bài xích chống đối

任何部门规章与地方政策均不得与国家科技进步法及知识产权上位法律相抵触。

Rèn hé bù mén guī zhāng yǔ dì fāng zhèng cè cùn bù dé yǔ guó jiā kē jì jìn bù fǎ jí zhī shí chǎn quán shàng wèi fǎ lǜ xiāng dǐ chù.

Bất kỳ quy chế bộ ngành và chính sách địa phương nào cũng đều không được xung đột mâu thuẫn trái ngược với luật cấp trên về sở hữu trí tuệ và Luật Tiến bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐỂ XÚC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0822

抵挡

dǐdǎng

chống đỡ, ngăn chặn, cản phá chống cự

深空探测器搭载的高性能轻量化防热大底能够抵挡数千度极端再入高温等离子体气流的剧烈冲刷。

Shēn kōng tàn cè qì dǎ zài de gāo xìng néng qīng liàng huà fáng rè dà dǐ néng gòu dǐ dǎng shù qiān dù jí duǎn zài rù gāo wēn děng lí zǐ tǐ qì liú de jù lì chōng shuā.

Đầy lớn chống nhiệt siêu nhẹ tính năng cao gắn trên tàu thám trắc không gian sâu có thể ngăn chặn chống đỡ sự cọ xát xối xả dữ dội của luồng khí plasma nhiệt độ cực cao hàng ngàn độ khi tái nhập bầu khí quyển.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỂ ĐẰNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0823

抵消

dǐxiāo

triệt tiêu, bù trừ hóa giải, bù đắp cân bằng

主动减震降噪主动控制系统能够产生反向声波，毫秒级实时抵消大科学装置真空泵组产生的微观机械振动干扰。

Zhǔ dòng jiǎn zhèn jiàng zào zhǔ dòng kòng zhì xì tǒng néng gòu chǎn shēng fǎn xiàng shēng bō, háo miǎo jí shí shí dǐ xiāo dà kē xué zhuāng zhì zhēn kōng bèng zǔ chǎn shēng de wēi guān jī xié zhèn dòng gān rǎo.

Hệ thống điều khiển chủ động giảm chấn tiêu âm có thể sinh ra sóng âm ngược chiều, bù trừ triệt tiêu hóa giải theo thời gian thực cấp độ mili-giây sự can nhiễu rung chấn cơ học vi mô do cụm bơm chân không của thiết bị khoa học lớn sinh ra.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐỂ TIÊU

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#0824

抵押

dǐyā

thế chấp, cầm cố bảo đảm; tài sản
thế chấp

国家金融管理部门大力推广知识产权质押融资普惠模式，支持专精特新高科技企业以核心发明专利进行信用抵押贷款。

Guójiā jīn róng guǎn lǐ bù mén dà lì tuī guǎng zhī shí chǎn quán zhì yā róng zī pǔ huì mó shì, zhī chí zhuān jīng tè xīn gāo kē jì yǐ cǐ yè yī hé xīn fā míng zhuan lì jìn xíng xìn yòng dī yā dàì kuǎn.

Cơ quan quản lý tài chính quốc gia ra sức nhân rộng mô hình phổ huệ tài trợ cầm cố quyền sở hữu trí tuệ, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ cao chuyên tinh đặc tân dùng bằng sáng chế phát minh chế lỗi tiến hành vay vốn thế chấp cầm cố tín dụng.

28 nét

HÁN VIỆT: ĐỂÁP

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0825

抵御

dǐyù

chống chọi, chống cự ngăn ngừa,
phòng ngự chống lại

国家粮食安全战略生物育种团队成功培育出能够强力抵御多种重大农作物病虫害的高产抗旱水稻新品种。

Guójiā liáng shān zhàn lüè shēng wù yù zhòng tuán duì chéng gōng péi yù zhǔ néng gòu qiáng lì dǐ yù duō zhòng zhòng dà nóng zuò wù bìng chóng hài de gāo chǎn kǎng hàn shuǐ dào xīn pín zhǒng.

Đội ngũ nhân giống sinh học chiến lược an ninh lương thực quốc gia đã lai tạo thành công giống lúa mới chịu hạn năng suất cao có thể chống chọi phòng ngự chống lại mạnh mẽ nhiều loại sâu bệnh hại cây trồng nông nghiệp trọng đại.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỂNGỰ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0826

抵制

dǐzhì

tẩy chay, bài trừ, kiên quyết phản
đối

全国高校科研工作者共同发起倡议，坚决抵制学术不端、论文买卖与数据造假等一切败坏学风的违规行为。

Quán guó gāo xiào kē yán gōng zuò zhě gòng tóng fā qǐ cháng yì, jiān jué dǐ zhì xué fēng shù bù duān, lùn wén mǎi mài yǔ shù jù zào jiǎ děng yí qiè bài huài xué fēng de wéi guī xíng wéi.

Các cán bộ nghiên cứu khoa học tại các trường đại học trên toàn quốc đã cùng nhau phát động lời kêu gọi, kiên quyết bài trừ tẩy chay mọi hành vi vi phạm làm bại hoại học phong như gian dối học thuật, mua bán bài báo khoa học và làm giả số liệu.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐỂCHẾ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0827

弟子

dìzǐ

đệ tử, môn đệ học trò, thế hệ kế
ngiệp

老院士数十年来桃李满天下，悉心培养出的数十位杰出弟子如今已成为国家战略科技前沿各领域的领军学者。

Lǎo yuàn shì shù shí nián lái táo lǐ mǎn tiān xià, xī xīn péi yǎng chū de shù shí wéi jié chū dì zǐ rú jīn yí chéng wéi guó jiā zhàn lüè kē jì qián yán gè lǐng yù de lǐng jūn xué zhě.

Vị Viện sĩ lão thành mấy chục năm qua hoa thơm quả ngọt khắp thiên hạ (đào lý mãn thiên hạ), hàng chục môn đệ đệ tử học trò kiệt xuất được tận tâm bồi dưỡng ngày nay đều đã trở thành những học giả dẫn đầu trong các lĩnh vực tiên phong khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỆTỬ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0828

帝国

dìguó

 đế quốc, đế chế cường quyền
(nghĩa đen/bóng)

人类文明发展的历史雄辩地证明：任何妄图依靠垄断科技霸权称霸世界、奴役他国的霸权帝国终将走向衰落。

Rén lèi wén míng fā zhǎn de lì shǐ xióng biàn dì zhèng míng: rèn hé wàng tú yī kào lǒng duàn kě jì bà quán chēng bà shì jiè, nú yì tā guó de bà quán dì guó zhōng jiāng zǒu xiàng shuāi luò.

Lịch sử phát triển của nền văn minh nhân loại đã chứng minh một cách hùng hồn: bất kỳ đế chế đế quốc bá quyền nào mưu toan dựa vào độc quyền bá quyền khoa học công nghệ để xưng bá thế giới, nô dịch các quốc gia khác cuối cùng đều sẽ bước vào con đường suy tàn.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐẾQUỐC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0829

帝国主义

dìguózhǔyì

chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực
dân đế quốc

在新中国科技强国建设的壮阔历程中，老一辈科学家冲破帝国主义与外部势力的重重技术封锁，成功研制出两弹一星国之重器。

Zài xīn zhōng guó kē jì qiáng guó jiàn shè de zhuàng guāo lì chéng zhōng, lǎo yī bèi kē xué jiǎ chōng pò dì guó zhǔ yì yǔ wài bù shì lì de cháng chōng jì shù fēng suǒ, chéng gōng yán zhì chū liǎng dàn yī xīng guó zhì zhòng qì.

Trong tiến trình tráng lệ xây dựng cường quốc khoa học công nghệ của Nước Trung Hoa mới, các nhà khoa học tiên bối đã phá tan muôn trùng phong tỏa công nghệ của các thế lực bên ngoài và chủ nghĩa đế quốc, nghiên cứu chế tạo thành công đại khí quốc gia Hai bom một vệ tinh (Lưỡng đạn nhất tinh).

35 nét

HÁN VIỆT: ĐẾQUỐC CHỦNGHĨA

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0830

递交

dìjiāo

đệ trình, trao nộp, gửi trình

重大前沿攻关团队如期向国家科技评审委员会递交了详尽的大科学装置一期物理工程综合验收总结报告。

Zhòng dà qián yán gōng guān tuán duì rú qī xiàng guó jiā kē jì pīng shěn wěi yuán huì dì jiāo le xiáng jìn de dà kē xué zhuāng zhì yī qī wù lǐ gōng chéng zōng hé yàn shōu zǒng jié bào gào.

Đội ngũ vượt khó tiên phong trọng đại đã trao nộp đệ trình đúng hạn báo cáo tổng kết nghiệm thu tổng hợp công trình vật lý giai đoạn một của thiết bị khoa học lớn chi tiết lên Hội đồng Thẩm định Khoa học Công nghệ Quốc gia.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỀTRÌNH

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0831

第一手

dìyīshǒu

đầu tay, nguyên bản trực tiếp ban
đầu (dữ liệu nguồn)

深渊科考队在万米海底成功获取了极其珍贵的第一手高压原位生物学与海洋地球化学实测数据。

Shēn yuān kē kǎo duì zài wàn mǐ hǎi dī chéng gōng huò qǔ le jí qí zhēn guì de dì yī shǒu gāo yǎ yuán wèi shēng wù xué yǔ hǎi yáng dì qiú huà xué shí cè shù jù.

Đội khảo sát khoa học vực sâu đã thu được thành công các số liệu đo đạc thực tế hóa học địa cầu biển và sinh học tại chỗ dưới áp suất cao trực tiếp ban đầu đầu tay vô cùng quý giá tại đáy biển vạn mét.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỀTRÌNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0832

第一线

dìyīxiàn

tuyến đầu, tuyến đầu trận địa, mặt
trận tiền tuyến

两院院士和广大青年学术骨干常年并肩奋战在大科学工程建设第一线，用汗水筑牢国家科技自立自强基石。

Liǎng yuàn yuán shì hé guǎng dà qīng nián xué shù gǔ gàn cháng nián bìng jiān fèn zhàn zài dà kē xué gōng chéng jiàn shè dì yī xiàn, yòng hàn shuǐ zhù láo guó jiā kē jì zì lì zì qiáng jī shí.

Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm cùng đồng đạo các cán bộ nòng cốt học thuật trẻ tuổi quanh năm kể vai sắt chiến tuyến xây dựng công trình khoa học lớn, dùng mồ hôi đắp xây nền tảng tự chủ tự cường khoa học công nghệ quốc gia.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐỀTRÌNH



HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ #0833

颠倒

diān dǎo

đảo lộn, đảo ngược, đảo điên (trật tự, trắng đen)

任何企图混淆视听、颠倒黑白以抹黑别国正当发展的图谋，在国际公理和事实真相面前都是站不住脚的。

Rèn hé qǐ tú hùn xiǎo shì tīng, diān dǎo hēi bái yǐ mǒ hēi bié guó zhèng dǎng fā zhǎn de tú móu, zài guó jì gōng lǐ hé shì shí zhēn xiàng miàn qián dōu shì zhàn bú zhù jiǎo de.

Bất kỳ mưu toan nào nhằm đánh lộn con đen, đảo lộn trắng đen để bôi nhọ sự phát triển chính đáng của quốc gia khác đứng trước công lý quốc tế và sự thật chân tướng đều không thể đứng vững.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀN ĐẢO

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ #0834

颠覆

diān fù

lật đổ, mang tính cách mạng đột phá, đảo lộn hoàn toàn

我国科研团队在前沿拓扑量子物理领域取得的重大发现，颠覆了传统凝聚态物理学界持续数十年的经典经验认知。

Wǒ guó kē yán tuán duì zài qián yán tuò pǔ liàng zǐ wù lǐ líng yǔ qǐ dé de zhòng dà fā xiàn, diān fù le chuán tǒng níng jù tài wù lǐ xué jiē chí xù shù shí nián de jīng diǎn jīng yàn rèn zhī.

Phát hiện trọng đại của đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta trong lĩnh vực vật lý lượng tử tô-pô tiên phong đã đảo lộn hoàn toàn lật đổ mang tính cách mạng nhận thức kinh nghiệm kinh điển kéo dài suốt mấy chục năm của giới vật lý chất ngưng tụ truyền thống.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂN PHỨC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0835

巅峰

diān fēng

đỉnh cao, đỉnh cao tốt cùng, đỉnh phong

中国科学家以敢为天下先的豪情壮志勇攀世界科技巅峰，在深空深海深地等多个战略领域跻身全球领跑地位。

Zhōng guó kē xué jiā yǐ gǎn wéi tiān xià xiǎn de háo qíng zhuàng zhì yǒng pān shì jiè kē jì diǎn fēng, zài shēn kōng shēn hǎi shēn dì děng duō gè zhàn lüè lǐng yǔ jì shēn quán qǐ lǐng pǎo dì wèi.

Các nhà khoa học Trung Quốc với hào khí chí lớn dám đi trước thiên hạ dũng cảm trèo lên đỉnh phong đỉnh cao tốt cùng của khoa học công nghệ thế giới, vươn lên vị thế dẫn đầu toàn cầu trong nhiều lĩnh vực chiến lược như lòng đất sâu, biển sâu và không gian sâu.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂN PHONG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0836

典范

diǎn fàn

khuôn mẫu mẫu mực, tấm gương điển hình chuẩn mực

老一辈功勋科学家隐姓埋名、科技报国的崇高一生，树立了新时代广大科技工作者为国奉献的光辉典范。

Lǎo yī bèi gōng xūn kē xué jiā yǐn xìng mái míng, kē jì bào guó de chóng gāo yí shēng, shù lì le xīn shí dài guāng dà kē jì gōng zuò zhě wéi guó fèng xiàn de guāng huī diǎn fàn.

Cuộc đời cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, ẩn danh giấu tên của các nhà khoa học có công lao tiến bộ đã dựng nên khuôn mẫu mẫu mực tấm gương điển hình chuẩn mực sáng ngời về sự cống hiến vì Tổ quốc cho đồng đảo những người làm khoa học thời đại mới.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂN PHẠM

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #0837

点火

diǎn huǒ

điểm hỏa, châm lửa phát nổ; khơi mào kích hoạt

随着“点火”指令响彻发射指挥大厅，长征重型运载火箭尾部喷出炽热烈焰，托举着飞船拔地而起呼啸升空。

Suí zhe "diǎn huǒ" zhǐ líng xiǎng chè fā shè zhǐ huǐ dà tīng, cháng zhēng zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn wěi bù pēn tuǐ chū chì rè liè yàn, tuō jǔ zhe fēi chuán bá dì ér qǐ hū xiào shēng kōng.

Cùng với khẩu lệnh 'Điểm hỏa' châm lửa vang vọng khắp đại sảnh chỉ huy bãi phóng, đuôi quả tên lửa đẩy hạng nặng Trường Chinh phun ra những luồng lửa rực rỡ nóng bỏng, nâng đỡ con tàu vũ trụ gầm vang vút bay lên khỏi mặt đất.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM HOÀ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0838

点击率

diǎn jī lǜ

tỷ lệ nhấp chuột, lượt xem truy cập click (CTR)

国家前沿大科学装置官方科普开放云平台上线首日，全网页面浏览量与视频点击率突破了一亿人次大关。

Guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì guān fāng kē pǔ kāi fàng yún píng tái shàng xiàn shǒu rì, quán wǎng yàn gēng liàng yǔ shì pín diǎn jī lǜ tǔ pò le yí yì rén cì dà guān.

Nền tảng đám mây mở cửa phổ biến khoa học chính thức của thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia ngay ngày đầu ra mắt, lượt xem trang và tỷ lệ nhấp chuột lượt click video toàn mạng đã vượt mốc 100 triệu lượt người.

28 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM KÍCH LƯỢT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #0839

点评

diǎn píng

nhận xét bình luận, đánh giá phê bình chuyên sâu

在青年科学家前沿课题答辩会上，两院院士对每一项创新方案进行了高屋建瓴、切中要害的精彩学术点评。

Zài qīng nián kē xué jiā qián yán kǎn dá biàn huì shàng, liǎng yuàn yuán shì duì měi yí xiàng chuàng xīn fāng àn jìn xíng le gāo wū jiàn líng, qiè zhòng yào hài de jīng cǎi xué shù diǎn píng.

Tại hội nghị bảo vệ đề tài tiên phong các nhà khoa học trẻ, các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm đã tiến hành nhận xét bình luận đánh giá học thuật đặc sắc trúng ngay yếu huyệt và mang tính định hướng tầm cao đối với từng phương án đối mới sáng tạo.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM BÌNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0840

点心

diǎn xīn

điểm tâm, bánh ngọt, món ăn nhẹ

广式早茶中的虾饺、烧卖等各式手工精制传统点心色香味俱佳，令人回味无穷。

Guǎng shì zǎo chá zhōng de xiā jiǎo, shāo mài děng gè shì shǒu gōng jīng zhì chuán tǒng diǎn xīn sè xiāng wèi jù jiā, líng rén huí wú qióng.

Các món điểm tâm truyền thống được làm thủ công tinh xảo trong tiệc trà sáng Quảng Đông như há cảo tôm, xiu mai đều hội tụ đủ sắc - hương - vị, khiến người thưởng thức nhớ mãi không quên.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM TÂM

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #0841

点缀

diǎn zhuì

điểm xuyết, tô điểm, trang điểm

在广袤无垠的呼伦贝尔大草原上，成群洁白的羊群与蜿蜒清澈的河流将碧绿的大地点缀得如诗如画。

Zài guǎng mào wú yín de hū lǔn bèi ěr dà cǎo yuán shàng, chéng qún jié bái de yáng qún yǔ wān yǎn qīng chè de hé liú jiāng bì lǜ de dà diǎn zhuì dé rú shī rú huà.

Trên thảo nguyên Hulunbuir bao la bát ngát, từng đàn cừu trắng tinh khôi cùng dòng sông uốn lượn trong vắt đã điểm xuyết tô thắm cho mặt đất xanh biếc đẹp tựa như thơ như họa.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM CHUYẾT



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0851

垫子

diànzi

tấm đệm, miếng lót giảm chấn

大科学装置超精密主隔振基础平台安装了特制纳米磁流变高阻尼减震垫子，彻底隔绝了外界地面微震动干扰。

Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì zhǔ gé zhèn jī zhǔ pīng tái ān zhuāng le tè zhì nà mí cí liú biàn gāo zǔ ní jiǎn zhèn diàn zǐ, chè dǐ gé jué le wài jiè dì miàn wēi zhèn dòng gān rǎo.

Bộ móng cách chấn chính siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn được lắp đặt các miếng lót tấm đệm giảm chấn độ giảm chấn cao lưu biến từ nano chuyên dụng, cách ly triệt để sự can nhiễu vì chấn động mặt đất bên ngoài.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM TỬ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0852

惦记

diàn jì

nhớ

老师鼓励大家积极惦记，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí diàn jì, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhớ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM KÝ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0853

淀粉

diànfěn

tinh bột

我国科学家在国际上首次实现了二氧化碳到淀粉的从头人工合成，创造了颠覆性绿色生物制造世界奇迹。

Wǒ guó kē xué jiā zài guó jì shàng shǒu cì shí xiàn le èr yǎng huà tàn dào diàn fēn de cóng tóu rén gōng gòng quán hé chéng, chuàng zào le diǎn fù xíng lǜ sè shēng wù zhì zào shì jiè qí jì.

Các nhà khoa học nước ta lần đầu tiên trên thế giới đã thực hiện việc tổng hợp toàn diện nhân tạo từ đầu từ khí carbon dioxide (CO₂) sang tinh bột tinh bột, kiến tạo nên kỳ tích thể giới về chế tạo sinh học xanh mang tính cách mạng.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂN PHẦN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0854

奠定

diàn dìng

đặt nền móng, tạo nền tảng vững chắc

老一辈科学家在“两弹一星”攻坚中取得的开创性重大突破，为新中国国防安全与科技工业奠定了坚不可摧的基石。

Lǎo yī bèi kē xué jiā zài "liǎng dàn yī xīng" gōng jiàn zhōng qǔ dé de kāi chuāng xīng zhòng dà tū pò, wéi xīn zhōng guó guó fáng ān quán yǔ kē jì gōng yè diǎn dìng le jiǎn bù kě cuī de jī shí.

Những đột phá mang tính mở đường trọng đại của các nhà khoa học tiền bối trong chiến dịch 'Hai quả bom, một vệ tinh' đã đặt nền móng vững chắc không thể phá vỡ cho nền an ninh quốc phòng và công nghiệp khoa học công nghệ của đất nước.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐIỆN ĐỊNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0855

殿堂

diàn táng

cung điện, điện đường cao quý, thánh đường khoa học

中国科学院与国家实验室是广大科技工作者梦寐以求的科学神圣殿堂，引领着国家基础科技创新的前进航向。

Zhōng guó kē xué yuán yǔ guó jiā shí yàn shì shì guāng dà kē jì gōng zuò zhě mèng mèng yǐ qiú de kē xué shén shèng diàn táng, yǐn lǐng zhe guó jiā jī chǔ kē jì chuàng xīn de qián yán háng xiàng.

Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc và các Phòng thí nghiệm Quốc gia là thánh đường cung điện điện đường khoa học thiêng liêng mà đồng bào những người làm khoa học công nghệ hằng mơ ước, dẫn dắt hải trình tiên phong đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ cơ bản của quốc gia.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐIỆN ĐƯỜNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0856

刁难

diāo nán

Làm mọi việc trở nên khó khăn

老师鼓励大家积极刁难，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí diāo nán, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Làm mọi việc trở nên khó khăn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU NAN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0857

呵

diāo

tha, ngậm (ở mồm, miệng)

红外相机抓拍到了野生雪豹嘴里呵着猎物在陡峭险峻的悬崖石间灵巧轻盈跳跃的珍贵瞬间。

Hóng wài xiàng jī cǎi pāi dào le yě shēng xuě báo zuǐ lǐ diāo zhe liè wù zài dǒu qiào xiǎn jùn de xuán yá shí jiān líng qiǎo qīng yīng tiào yuè de zhēn guì shùn jiǎn.

Camera hồng ngoại đã chụp lại được khoảnh khắc vô giá khi chú báo tuyết hoang dã miệng ngậm con mồi đang nhảy thoăn thoắt nhẹ nhàng giữa những vách đá vách núi cheo leo hiểm trở.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0858

雕

diāo

điều khắc, chạm khắc; chim điêu chim ưng

大国工匠运用超高精度纳米激光微雕刻技术，在仅有头发丝十分之一粗细的光纤端面上雕刻出了复杂微结构光学器件。

Dà guó gōng jiàng yùn yòng chāo gāo jīng dù nà mí jī guāng wēi diào kè jì shù, zài jǐn yǒu tóu fà sī jī shí fēn zhī yī cǔ xī de guāng xiān duān miàn shàng diào kè chū le fù zá wēi jié gōu guāng xué qì jiàn.

Bậc thợ lớn quốc gia ứng dụng công nghệ vi chạm khắc điêu khắc laser nano độ chính xác siêu cao đã điêu khắc chạm khắc nên các linh kiện quang học vi cấu trúc phức tạp trên mặt đầu sợi quang có độ dày chỉ bằng vài phần mười sợi tóc.

9 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0859

雕刻

diāo kè

điều khắc, chạm khắc; tác phẩm điêu khắc

国家级非遗玉雕大师凭借神乎其技的手工镂空微雕技艺，在一块温润的和田玉上雕刻出了气势恢宏的千里江山图景。

Guó jiā jī fēi yí yù diào dà shī píng jiè shén hū qí jì de shǒu gōng lòu kōng wēi diào jì yì, zài yī kuài wēn rùn de hé tián yù shàng diào kè chū le qì shì huī hóng de qiān lǐ jiāng shān tú jǐng.

Vị đại sư điêu khắc ngọc di sản phi vật thể cấp quốc gia nhờ vào tay nghề vi chạm trổ thủ công xuất quỷ nhập thần đã chạm khắc nên bức tranh sông núi ngàn dặm khí thế hào hùng trên một khối ngọc Hòa Diễm mịn màng ấm áp.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU KHẮC



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0860

雕塑

diāo sù

điều khắc

老师鼓励大家积极雕塑，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí diāo sù, yǒng yú tàn suǒ xīn zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điêu khắc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét

HÁN VIỆT ĐIỀU TỔ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0861

吊销

diào xiāo

thu hồi tước bỏ (giấy phép/chứng chỉ), hủy bỏ tước giấy phép

国家监管部门对存在严重伪造临床实验数据与买卖论文的涉事学术机构及个人依法予以吊销执业资质惩戒。

Guó jiā jiān guǎn bù mén duì cún zài yán zhòng wéi zào lín chuāng shí yàn shù jù yǔ mǎi mài lùn wén de shè shì xué shù jī gòu jí gè rén yī fǎ yǔ yǐ diào xiāo zhí yè zī zhì chéng jiè jiè.

Cơ quan giám sát quốc gia theo đúng pháp luật đã thực thi trừng phạt tước bỏ thu hồi hủy bỏ tư cách hành nghề đối với các cá nhân và cơ quan học thuật liên quan có hành vi mua bán luận văn và làm giả dữ liệu thực nghiệm lâm sàng nghiêm trọng.

20 nét

HÁN VIỆT ĐIỀU TIÊU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0862

钓鱼

diàoyú

câu cá; tấn công giả mạo lừa đảo (phishing: diàoyú wǎng zhàn)

国家网络安全防护中心成功研发出高精度智能反钓鱼网站阻断引擎，全天候守护科研机构核心数据资产安全。

Guó jiā wǎng lǎo ān quán fáng hù zhōng xīn chéng gōng yán fā chū gāo jīng dù zhì néng fǎn diào yú wǎng zhàn zǔ duàn yǐn qín, quán tiān hòu shǒu hù kē yán jī gòu hé xīn shù jù zǐ chán ān quán.

Trung tâm Phòng hộ An ninh Mạng Quốc gia đã nghiên cứu phát triển thành công công cụ ngăn chặn trang web lừa đảo giả mạo (phishing) câu cá thông minh độ chính xác cao, bảo vệ an toàn tài sản dữ liệu cốt lõi của các cơ quan nghiên cứu khoa học suốt ngày đêm.

26 nét

HÁN VIỆT ĐIỀU NGƯ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0863

调度

diàodù

điều độ, điều phối chỉ huy, nhân viên điều phối

国家超级计算联合算力网络实现了对全国跨区域数百万异构计算核心资源的毫秒级动态协同调度。

Guó jiā chāo jí jì suàn lián hé suàn lì wǎng lǒu shí xiàn le duì quán guó kuà qū yù shù bǎi wàn yì gòu jì suàn hé xīn zī yuán de háo miǎo jí dòng tài xié tóng diào dù.

Mạng lưới sức mạnh tính toán liên hợp Siêu máy tính Quốc gia đã thực hiện việc điều phối điều độ chỉ huy hiệp đồng động thái cấp độ mili-giây đối với hàng triệu tài nguyên lõi tính toán dị cấu xuyên khu vực trên toàn quốc.

22 nét

HÁN VIỆT ĐIỀU ĐỘ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0864

调侃

tiáo kǎn

trêu đùa, nói đùa giễu nhại, chọc ghẹo

在紧张繁重的科研攻关间隙，青年学者们常常用幽默风趣的话语相互调侃，在欢声笑语中有效缓解了巨大的心理压力。

Zài jīn zhāng fán zhòng de kē yán gōng guān jiàn xi, qīng nián xué zhě men cháng cháng yòng yōu mō fēng qù de huà yǔ xiāng hù tiáo kǎn, zài huān shēng xiào yǔ zhōng yǒu xiào jiǎn jiě le jù dà de xīn lǐ yā lì.

Trong những lúc rảnh rỗi giữa các đợt vượt khó nghiên cứu khoa học nặng nề và căng thẳng, các học giả trẻ thường dùng những lời lẽ hóm hỉnh hài hước trêu đùa nói đùa chọc ghẹo lẫn nhau, giải tỏa hiệu quả áp lực tâm lý to lớn trong tiếng cười nói vui vẻ.

25 nét

HÁN VIỆT ĐIỀU KHẢN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0865

调控

tiáo kòng

điều phối kiểm soát, điều tiết kiểm soát (vĩ mô/hệ thống)

大科学装置超精密激光约束核聚变磁场调控系统实现了对亿度等离子体湍流微秒级的超稳精准约束。

Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì jī guāng yuē shù hé jù biàn cí chǎng tiáo kòng xì tǒng shí xiàn le duì yì dù děng lí zǐ tǐ tuān liú wēi miǎo jí de chāo wěn jīng zhūn yuē shù.

Hệ thống điều tiết kiểm soát điều phối kiểm soát từ trường nhiệt hạch giam hãm bằng laser siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn đã thực hiện việc giam giữ chuẩn xác siêu ổn định cấp độ micro-giây đối với dòng xoáy plasma trăm triệu độ.

22 nét

HÁN VIỆT ĐIỀU KHỐNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0866

调料

tiáo liào

gia vị, đồ nêm nếm nấu ăn

中华传统八大菜系烹饪精妙绝伦，讲究通过天然香辛调料的精准配比，激发食材最纯正地道的风味本味。

Zhōng huá chuán tǒng bā dà cài xì pēng rèn jīng miào jué lún, jiǎng jiū tōng guò tiān rán xiāng xīn tiáo liào de jīng zhún pèi bǐ, jī fā shí cái zuì chún zhèng dì dào de fēng wèi běn wèi.

Nghệ thuật ẩm thực tám trường phái ẩm thực truyền thống Trung Hoa tinh diệu vô song, vô cùng coi trọng việc thông qua tỷ lệ pha chế chuẩn xác của các loại gia vị cay thơm tự nhiên để đánh thức hương vị nguyên bản thuần khiết và chuẩn vị nhất của nguyên liệu.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0867

调试

tiáo shì

hiệu chỉnh, chạy thử nghiệm hiệu chỉnh (debug/commissioning)

经过工程技术人员连续多月的驻场精密联调与物理参数调试，深空重型火箭动力系统各项指标达到最优设计状态。

Jīng guò gōng chéng jì shù rén yuán lián xù duǒ yuē de zhù chǎng jīng mì lián diào yǔ wù lǐ cān shù tiáo shì, shēn kōng zhòng xíng huǒ jiàn dòng lì xìng zhàng tái.

Trải qua nhiều tháng liên tục bám trụ tại hiện trường hiệu chỉnh liên kết chính xác và hiệu chỉnh chạy thử nghiệm tham số vật lý của các nhân viên kỹ thuật công trình, tất cả các chỉ tiêu của hệ thống động lực tên lửa hạng nặng không gian sâu đã đạt trạng thái thiết kế tối ưu.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0868

掉队

diào duì

tụt lại phía sau, rút lại đằng sau, tụt hậu

在新一轮全球高科技颠覆性创新竞争中，我们必须开辟新赛道、塑造新优势，决不能在任何关键领域掉队落后。

Zài xīn yī lún quán qíu gāo kē jì diān fù xíng chuāng xīn jīng zhēng zhōng, wǒ men bì xū kāi pì xīn sài dào, sù zào xīn yǒu shì, jué bù néng zài rèn hé guān jiàn lǐng yǔ diào duì luò hòu.

Trong cuộc cạnh tranh đổi mới sáng tạo mang tính cách mạng công nghệ cao toàn cầu vòng mới, chúng ta bắt buộc phải mở ra đường đua mới, định hình ưu thế mới, tuyệt đối không được tụt hậu rút lại đằng sau tụt lại phía sau trong bất kỳ lĩnh vực then chốt nào.



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0869

掉头

diàotóu

quay đầu xe, quay đầu chuyển hướng, quay ngoắt lại

重大国家战略科技规划一旦经科学论证确立, 就必须保持战略定力一抓到底, 决不能因短期外部杂音而轻易掉头退缩。

Zhòng dà guó jiā zhàn lüè kē jì jī guī huà yí dàn jīng kē xué lùn zhèng què lì, jiù bì xū bǎo chí zhàn lüè dīng lì yí zhūa dào dǐ, jué bù néng yīn duǎn qī wài bù zá yīn ér qīng yì diào tóu tuì suō.

Một khi quy hoạch khoa học công nghệ chiến lược quốc gia trọng đại đã được xác lập qua luận chứng khoa học, thì bắt buộc phải giữ vững định lực chiến lược làm đến nơi đến chốn, tuyệt đối không được vì những tạp âm bên ngoài ngăn hạn mà dễ dàng quay đầu chuyển hướng lùi bước.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU ĐẦU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0870

爹

diē

cha, bố, ba (khẩu ngữ thân mật vùng miền)

年轻的航天工程师在奔赴大西北发射场前夕向老爹深情道别, 老父亲鼓励他放下牵挂、一心一意为国争光。

Nián qīng de háng tiān gōng chéng shī zài běn fù dà xī běi fā shè chāng qián xī xiàng lǎo diē shēn qīng dào bié, lǎo fù qīn gǔ lì tā fàng xià qiān guā, yì xīn yì yì wèi guó zhēng guāng.

Người kỹ sư hàng không vũ trụ trẻ tuổi trước thêm lên đường ra bãi phóng miền Đại Tây Bắc đã ân cần từ biệt người cha người bố của mình, người cha già động viên anh gác lại những nỗi bận lòng, một lòng một dạ mang vinh quang về cho Tổ quốc.

10 nét

HÁN VIỆT: TÍA

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0871

迭起

diéqǐ

ồn dập xuất hiện, liên tiếp nổi lên, dâng trào không ngớt

在世界青年科学家前沿高峰论坛辩论环节, 中外顶尖学者思维激烈碰撞, 颠覆性学术思想火花高潮迭起。

Zài shì jiè qīng nián kē xué jiā qián yán gāo fēng lùn tán biàn lùn huán jié, zhōng wài dīng jiān xué zhě sī wéi jī liè pèng zhuàng, diǎn fú xìng xué shù sī xiǎng huǒ huā gāo cháo dié qǐ.

Trong phần tranh biện tại Diễn đàn Thượng đỉnh Tiên phong Các Nhà khoa học Trẻ Thế giới, tư duy của các học giả đỉnh cao trong và ngoài nước va đập nảy lửa, những tia lửa tư tưởng học thuật mang tính cách mạng liên tiếp nổi lên ồn dập xuất hiện cao trào không ngớt.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐIẾT KHỞI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0872

叠

dié

chồng

老师鼓励大家积极叠, 勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dié, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chồng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐIẾP

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0873

丁

dīng

Đinh

老师鼓励大家积极丁, 勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dīng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Đinh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: ĐINH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0874

叮嘱

dīng zhǔ

dặn dò, ân cần căn dặn, dặn dò nhiều lần

在青年科考队远赴极地前夕, 老院士亲切握住队员的手, 反复叮嘱大家注意安全、勇攀科学高峰。

Zài qīng nián kǎo duì yuǎn fù jí dì qián xī, lǎo yuàn shì qīn qiè wò zhǔ duì yuán de shǒu, fǎn fù dīng zhǔ dà jiā zhī yì ān quán, yǒng pān kē xué gāo fēng.

Vào đêm trước ngày đội khảo sát khoa học trẻ tuổi lên đường đi tới vùng cực, vị viện sĩ lão thành ân cần nắm chặt tay các đội viên, dặn dò đi dặn dò lại mọi người chú ý an toàn và dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐINH CHÚC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0875

盯

dīng

nhìn chăm chăm, chăm chú theo dõi, bám sát

在大科学装置加速器调试关键时刻, 值班总工程师眼睛一刻不离地紧紧盯住大屏幕上的物理束流能量波动曲线。

Zài dà kē xué zhāng zhì jiǎ suǒ qí tiáo shì guān jiàn shí kè, zhí bān zōng gōng chéng shī yǎn jīng yí kè bù lí dì jǐn jǐn dīng zhù dà píng mù shàng de wù lǐ shù liú néng liàng bō dòng qǔ xiàn.

Vào thời khắc then chốt hiệu chỉnh máy gia tốc thiết bị khoa học lớn, vị kỹ sư trưởng trực ban mắt không rời một giây nhìn chăm chăm chăm chú theo dõi bám sát đường cong dao động năng lượng chùm hạt vật lý trên màn hình lớn.

12 nét

HÁN VIỆT: ĐINH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0876

钉

dīng

móng tay

老师鼓励大家积极钉, 勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dīng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực móng tay, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: ĐINH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0877

钉子

dīngzi

cái đinh, cây đinh sắt; gặp trở ngại vấp vấp (pèng dīngzi)

搞科学探索遇到挫折碰钉子是常有的事, 真正的战略科学家具有百折不挠的坚韧意志, 在失败中不断开辟前进道路。

Gǎo kē xué tàn suǒ yù dào cuò zhé pèng dīng zi shì cháng yǒu de shì, zhēn zhèng de zhàn lüè kē xué jiā yǒu bǎi zhé bù nǎo de jiān rèn yì zhì, zài shī bài zhōng bù duàn kāi pì qián jìn dào lù.

Làm thám hiểm khoa học gặp phải trắc trở và phải cái đinh gặp vấp vấp trở ngại là chuyện thường tình, những nhà khoa học chiến lược thực thụ sở hữu ý chí kiên cường trăm lần gãy không sờn, không ngừng mở ra con đường tiến lên từ trong thất bại.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐINH TỬ



HSK 7-9 (3.0)

Phó từ

#0878

顶多

dǐngduō

nhiều nhất là, tối đa cùng lắm là

在超高速量子态测控实验中，单次粒子量子相干纠缠态维持时间顶多仅有微秒量级，要求仪器具备极限纳秒级响应。

Zài chāo gāo sù liàng zì tài cè kòng shí yàn zhōng, dān cì lì zì liàng zì xiāng gān jiū chán tài wéi chí shí jiān dīng duō jìn yǒu wēi miǎo liàng jí, yāo qiú yí qì jù bèi jié xiàn nǎ miǎo jī xiāng yīng.

Trong thực nghiệm đo đặc điều khiển trạng thái lượng tử siêu tốc độ cao, thời gian duy trì trạng thái vướng víu kết hợp lượng tử hạt đơn lẻ nhiều nhất là tối đa cùng lắm là chỉ ở bậc micro-giây, đòi hỏi thiết bị phải sở hữu khả năng phản hồi giới hạn cấp độ nano-giây.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐỈNH ĐA

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0879

顶级

dǐngjí

đỉnh cao hàng đầu, đẳng cấp cao nhất thế giới

国家实验室汇聚了一大批具有全球战略视野的顶级科学家与最具创新活力的青年拔尖科研团队。

Guó jiā shí yàn shì huì jù le yí dà pī jù yǒu quán qiú zhàn lǚ shì yě de dǐng jí kē xué jiā yǔ zuì jù chuàng xīn huó lì de qīng nián bá jiǎn kē yán tuán duì.

Phòng thí nghiệm quốc gia quy tụ đồng đảo các nhà khoa học đẳng cấp cao nhất thế giới đỉnh cao hàng đầu sở hữu tầm nhìn chiến lược toàn cầu cùng các đội ngũ nghiên cứu khoa học trẻ xuất sắc giàu sức sống đổi mới sáng tạo nhất.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐỈNH CẤP

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0880

顶尖

dǐngjiān

hàng đầu, chóp đỉnh, tinh hoa bậc nhất

我国在前沿深海装备与超量子计算等关键领域已经稳步跻身全球科技创新第一梯队顶尖行列。

Wǒ guó zài qián yán shēn hǎi zhuāng bèi yǔ chāo liàng zì jì suàn děng guān jiàn lǐng yǔ yí jīng wén bù jī shēn quán qiú kē jì chuàng xīn dì yī tī duì dǐng jiān háng liè.

Nước ta trong các lĩnh vực then chốt như tính toán lượng tử siêu dẫn và trang thiết bị biển sâu tiên phong đã vững vàng bước vào hàng ngũ tinh hoa bậc nhất hàng đầu của thế đội một đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ toàn cầu.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐỈNH TIỀM

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0881

订单

dìngdān

đơn đặt hàng, hợp đồng đặt hàng

国产大型客机凭借卓越的安全飞行性能与超低运营油耗，获得了来自全球多家航空公司的千余架大额正式商业订单。

Guó chǎn dà xíng kè jī píng jiè zhuō yuè de ān quán fēi xíng xìng néng yǔ chāo dī yùn yíng yóu hào, huò dé le lái zì quán qiú duō jiā háng kōng gōng sī de qiān yú jià dà é zhèng shì shāng yè dìng dān.

Máy bay chở khách cỡ lớn sản xuất trong nước dựa vào mức tiêu hao nhiên liệu vận hành siêu thấp và tính năng bay an toàn tuyệt vời, đã giành được các đơn đặt hàng hợp đồng đặt hàng thương mại chính thức quy mô lớn hơn nghìn chiếc từ nhiều hãng hàng không trên toàn cầu.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH THIỆN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0882

订购

dìnggòu

đặt mua, đặt mua hàng trước

全球多家国际知名科研院所纷纷向我国高科技企业订购完全自主研发的高精度第三代电子显微镜核心探测组件。

Quán qiú duō jiā guó jī zhī míng kē yán yuán suǒ fēn fēn xiàng wǒ guó gāo kē jì qǐ yè dìng gòu wán quán zì zhǔ yán fā de gāo jīng dù dì sān dài diǎn zì xiǎn wēi jīng hē xīn tàn cè zǔ jiàn.

Nhiều viện nghiên cứu khoa học nổi tiếng quốc tế trên toàn cầu đua nhau đặt mua đặt mua trước từ các doanh nghiệp công nghệ cao nước ta cụm linh kiện máy dò cốt lõi kính hiển vi điện tử thế hệ thứ ba độ chính xác cao do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH CẦU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0883

订婚

dìnghūn

đính hôn, làm lễ đính hôn hứa hôn

为了保障深空探测大科学工程按期点火发射，年轻的测控总体设计师毅然推迟了原定于国庆假期的订婚仪式。

Wèi le bǎo zhàng shēn kōng tàn cè dà kē jì gōng chéng àn qī diǎn huǒ fā shè, nián qīng de cè kòng zōng tǐ shè jì shī yǐ rán tuì chí le yuán dìng yú guó qīng jià qī de dìng hūn yí shì.

Để bảo đảm công trình khoa học lớn thám trắc không gian sâu điểm hỏa phóng đúng hạn, vị nhà thiết kế tổng thể trắc nghiệm điều khiển trẻ tuổi đã kiên quyết hoãn lại nghi thức làm lễ đính hôn đính hôn vốn định tổ chức vào dịp nghỉ lễ Quốc khánh.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH HÔN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0884

订立

dìnglì

đi vào

老师鼓励大家积极订立，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dìng lì, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi vào, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH LẬP

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0885

定金

dìngjīn

tiền đặt cọc, tiền cọc cam kết

在大科学装置超洁净特种钛合金真空室采购合同中，双方依法约定了定金条款以确保超精密工期按时交付。

Zài dà kē xué zhuāng zhì chāo jié jìng tè zhōng tài hé jīn zhēn kōng shì cái gōu hé tóng zhōng, shuāng fāng yī fǎ yuē dìng le dìng jīn tiáo kuǎn yí què bǎo chāo jīng mì gōng qī àn shí jiāo fù.

Trong hợp đồng mua sắm buồng chân không hợp kim titan đặc chủng siêu sạch của thiết bị khoa học lớn, hai bên đã thỏa thuận theo pháp luật điều khoản tiền đặt cọc tiền cọc để bảo đảm tiến độ thi công siêu chính xác được bàn giao đúng hạn.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH KIM

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0886

定居

dìngjū

định cư, an cư lập nghiệp sinh sống lâu dài

多位享誉全球的国际顶尖数学家与理论物理泰斗选择全职回国并定居北京，全职投身国家基础科学创新事业。

Duō wèi xiǎng yù quán qiú de guó jī dīng jiān shù xué jiā yǔ lǐ lùn wù lǐ tài dòu xuān zé quán zhí huí guó bìng dìng jū běi jīng, quán zhí tóu shēn guó jiā jī chǔ kē xué chuàng xīn shì yè.

Nhiều cây đại thụ vật lý lý thuyết và nhà toán học đỉnh cao quốc tế nổi danh toàn cầu đã chọn toàn tâm toàn ý về nước và định cư an cư lâu dài tại Bắc Kinh, toàn thời gian dần dần vào sự nghiệp đổi mới sáng tạo khoa học cơ bản quốc gia.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH CƯ

HSK 7-9
(3.0)Danh từ / Động
từ

#0887

定论

dìnglùn

kết luận cuối cùng, định luận ngã
ngũ

在前沿微观物理探索中，面对尚未得到全面
多维度实测验证的假说，科学界切忌过早下
毫无根据的绝对定论。

Zài qián yán wēi guān wù lǐ tàn suǒ zhōng, miàn
duì shàng wèi dé dào quán miàn duō wéi dù shí
cè yán zhèng de jiǎ shuō, kē xué jiè qiè jì guǒ zǎo
xià háo wú gēn jù de jué duì dìng lùn.

Trong khám phá vật lý vi mô tiên phong,
đứng trước những giả thuyết chưa nhận
được kiểm chứng đo đạc thực tế đa chiều
toàn diện, giới khoa học tránh việc đưa ra kết
luận cuối cùng định luận tuyệt đối vô căn cứ
quá sớm.

16 nét

HÁN VIỆT: ĐỊNH LUẬN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0888

定为

dìng wéi

Đặt làm

老师鼓励大家积极定为，勇于探索新的知
识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dìng wéi, yǒng yú tàn suǒ
xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
Đặt làm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐỊNH VỊ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Động từ

#0889

定向

dìngxiàng

định hướng, nhằm vào mục tiêu cố
định, chuyên biệt

国家实施战略科技领军人才定向培育计划，
依托国家重大科研任务靶向培养具有全球视
野的青年学术骨干。

Guó jiā shí shī zhàn lǚ kē jì lǐng jūn rén cái dìng
xiàng péi yù jī huà, yī tuō guó jiā zhòng dà kē yán
rèn wù bǎ xiàng péi yǎng jù yǒu quán qiú shì yě
de qīng nián xué shù gǔ gàn.

Nhà nước thực thi kế hoạch bồi dưỡng định
hướng chuyên biệt nhân tài dẫn đầu khoa
học công nghệ chiến lược, dựa vào các
nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng đại
quốc gia để bồi dưỡng trúng đích các cán bộ
nòng cốt học thuật trẻ tuổi sở hữu tầm nhìn
toàn cầu.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐỊNH HƯỚNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0890

定心丸

dìngxīnwán

viên thuốc an thần, chỗ dựa tinh
thần an tâm (nghĩa bóng)

国家持续加大对基础前沿研究长期稳定经费
支持力度的政策举措，给广大潜心坐冷板凳
的青年科研人员吃了一颗定心丸。

Guó jiā chí xù jiā dà dǎi jī chǔ qián yán yán jiū
cháng qī wěn dìng jīng fèi zhī chí lì dù de zhèng
cè jǔ cuò, gěi guǎng dà qīn xīn zuò lěng bǎn dēng
de qīng nián kē yán rén yuán chī le yī kē dìng
xīn wán.

Những biện pháp chính sách của Nhà nước
về việc liên tục gia tăng mức độ hỗ trợ kinh
phí ổn định lâu dài cho nghiên cứu tiên phong
cơ bản đã mang lại một chỗ dựa tinh thần an
tâm viên thuốc an thần cho đông đảo các
cán bộ nghiên cứu trẻ tuổi đang chuyên tâm
ngồi ghế băng lạnh.

29 nét

HÁN VIỆT: ĐỊNH TÂM HOÀN

HSK 7-9
(3.0)Danh từ / Động
từ

#0891

定义

dìng yì

định nghĩa; đưa ra định nghĩa

量子力学的建立从根本上重新定义了人类对
微观粒子波粒二象性与客观物理世界的哲学
认识。

Liàng zǐ lì xué de jiàn lì cóng gēn běn shàng
chóng xīn dìng yì le rén lèi duì wēi guān lì zǐ bō lì
èr xiàng xìng yǔ kè guān wù lǐ shì jiè de zhé xué
rèn shí.

Sự ra đời của cơ học lượng tử đã tái định
nghĩa lại từ gốc rễ nhận thức triết học của
nhân loại về tính lưỡng dụng sóng hạt của
các hạt vi mô cùng thế giới vật lý khách
quan.

16 nét

HÁN VIỆT: ĐỊNH NGHĨA

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0892

定做

dìngzuò

đặt làm theo yêu cầu, chế tạo theo
đơn riêng

为了满足极低温超导大科学实验严苛物理要
求，攻关团队专门联合国内高端精密制造企
业定制定做了一批非标特种阀门。

Wèi le mǎn zú jī dī wēn chāo dǎo dà kē xué shí
yàn yàn kè wù lǐ yāo qiú, gōng guān tuán duì
zhuān mén lián hé guó nèi gāo duān jīng mì zhì
zào qī yè dìng zhì dīng zuò le yī pī fēi biāo tè
zhōng fǎ mén.

Để đáp ứng những yêu cầu vật lý khắt khe
của thực nghiệm khoa học lớn siêu dẫn nhiệt
độ cực thấp, đội ngũ vượt khó đã đặc biệt
liên kết với các doanh nghiệp chế tạo chính
xác cao cấp trong nước để đặt làm theo yêu
cầu chế tạo riêng một lô van đặc chủng phi
tiêu chuẩn.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐỊNH TỔ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0893

丢掉

diūdiào

vứt bỏ, đánh mất, gạt bỏ

广大科技工作者要坚决丢掉对外部技术施舍
的一切不切实际的幻想，坚定不移走高水平
科技自立自强之路。

Guǎng dà kē jì gōng zuò zhě yào jiǎn jué diū diào
duì wài bù shì shě de yī qiè bù qiè shí jì de
huàn xiǎng, jiǎn dìng bù yí zǒu gāo shuǐ píng kē jì
zì lì zì qiáng zhī lù.

Đông đảo những người làm khoa học công
nghệ phải kiên quyết vứt bỏ gạt bỏ mọi ảo
tưởng không thực tế về sự hỗ trợ công nghệ
từ bên ngoài, kiên định không dời bước đi
trên con đường tự chủ tự cường khoa học
công nghệ trình độ cao.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐÀU ĐIỀU

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Động từ

#0894

丢脸

diūliǎn

mất mặt, bẽ mặt xấu hổ, mất thể
diện

科学探索中经严谨验证后的正常实验失败绝
不丢脸，唯有搞学术造假与形式主义欺上瞒
下才是科技界的真正奇耻大辱。

Kē xué tàn suǒ zhōng jīng yǎn yán zhèng hòu
de zhèng cháng shí yán shì bài jué bù diū liǎn,
wéi yǒu gāo xué shù zào jiǎ yǔ xíng shì zhǔ yì qī
shàng mǎn xià cái shì kē jì jiè de zhēn zhèng qī
chǐ dà rǔ.

Thất bại thực nghiệm bình thường sau khi đã
kiểm chứng nghiêm cẩn trong khám phá
khoa học tuyệt đối không hề mất mặt bẽ
mặt, chỉ có việc làm giả mạo học thuật và dối
trên lừa dưới theo chủ nghĩa hình thức mới là
nổi quốc sỉ nổi nhục lớn đích thực của giới
khoa học công nghệ.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐÀU KIỂM

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0895

丢弃

diūqì

vứt bỏ, ruồng bỏ vứt đi, loại bỏ

在大科学工程全生命周期精细化绿色运维
中，所有废旧实验辅材与电子元器件均被规
范回收分类处理，决不随意丢弃。

Zài dà kē xué gōng chéng quán shēng mìng qī xiū
hà huà lǚ sè yùn wéi zhōng, suǒ yǒu fèi jiù
shí yàn fù cái yǔ diàn zǐ yuán qì jiàn jūn bèi
guī fàn huí shōu fēn lèi chǔ lǐ, jué bù suí yì diū qì.

Trong công tác vận hành bảo trì xanh tinh tế
hóa toàn bộ vòng đời của công trình khoa
học lớn, tất cả các linh kiện điện tử và vật tư
phụ thực nghiệm phế thải cũ đều được xử lý
phân loại thu hồi theo quy chuẩn, tuyệt đối
không tùy tiện vứt bỏ loại bỏ.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐÀU KHÍ

HSK 7-9
(3.0)Tính từ / Động
từ #0896

丢人

diūrén

mất mặt, xấu hổ, bẽ bàng

在严肃的科学研究中犯错不可耻，真正丢人的是为了虚假荣誉而弄虚作假、学术抄袭。

Zài yán sù de kē xué yán jiū zhōng fàn cuò bù kě chǐ, zhēn zhèng diūrén de shì wèi le xū jiǎ róng yù ér nòng xū zuò jiǎ, xué shù chāo xí.

Trong nghiên cứu khoa học nghiêm túc phạm phải sai lầm không hề đáng hổ thẹn, điều thực sự mất mặt chính là vì danh hão mà làm giả gian lận và đạo văn học thuật.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐÂU NHÂN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #0897

丢失

diūshī

thất lạc, làm mất, đánh mất rơi mất

国家深空探测地面站采用了多通道抗干扰冗余备份通信链路，确保在亿万公里极限测控距离下科研遥测数据零丢失。

Guó jiā shēn kōng tàn cè de dì miàn zhàn cǎi yòng le duō tōng dào kàng rǎo rǒng yú bèi fèn tōng xìn liàn lù, què bǎo zài yì wàn gōng lǐ jí xiàn cè kòng jù lí xià kē yán yáo cè shù jù líng diū shī.

Trạm mặt đất thám trắc không gian sâu quốc gia đã áp dụng các tuyến liên lạc truyền thông dự phòng đa kênh chống can nhiễu, bảo đảm dữ liệu đo từ xa nghiên cứu khoa học đạt mức rơi mất làm mất thất lạc bằng không dưới cự ly trắc nghiệm điều khiển giới hạn hàng trăm triệu cây số.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐÂU THẤT

HSK 7-9
(3.0)Thành ngữ /
Động từ #0898

东奔西走

dōngbēnxīzǒu

chạy đôn chạy đáo khắp nơi,
ngược xuôi vất vả

为了大科学装置的顺利选址与前瞻立项，老院士顶风冒雨东奔西走于崇山峻岭与部委机构之间，付出了巨大心血。

Wèi le dà kē xué zhuāng zhì de shùn lì xuǎn zhǐ yú qián zhān lì xiàng, lǎo yuàn shì dǐng fēng mǎo yǔ dōng bēn xī zǒu yú chóng shān jùn lǐng yú bù wěi jī gòu zhī jiān, fù chū le jù dà xīn xuè.

Để việc lập dự án có tầm nhìn xa và chọn địa điểm thuận lợi cho thiết bị khoa học lớn, vị Viện sĩ lão thành đã đội gió đội mưa chạy đôn chạy đáo ngược xuôi khắp nơi giữa các hẻm núi non hiểm trở và các cơ quan bộ ngành, dốc cạn tâm huyết to lớn.

35 nét

HÁN VIỆT: ĐÔNG BÔN TÂY TẮU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0899

东道主

dōng dào zhǔ

nước chủ nhà, chủ nhà đăng cai

作为本届全球数字经济峰会的东道主，该市向来自百余个国家的科技界精英敞开了热情怀抱。

Zuò wéi běn jiè quán qiú shù jì jīng jì fēng huì de dōng dào zhǔ, gāi shì xiàng lái zì bǎi yú gè guó jiā de kē jì jiè jīng yīng chāng kāi le rè qíng huái bào.

Với tư cách là thành phố chủ nhà của Hội nghị Thượng đỉnh Kinh tế Số Toàn cầu lần này, thành phố đã mở rộng vòng tay nồng nhiệt đón chào giới tinh hoa khoa học công nghệ đến từ hơn một trăm quốc gia.

29 nét

HÁN VIỆT: ĐÔNG ĐẠO CHỦ

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ #0900

东张西望

dōng zhāng xī wàng

ngó nghiêng nhìn quanh, nhìn đông
ngó tây

在智能化无尘芯片洁净车间内穿行时，参观人员必须严格沿着指定参观通道行走，切忌东张西望或擅自触碰设备。

Zài zhì néng huà wú chén xīn piàn jié jìng chē jiān nèi chuān xíng shí, cān guān rén yuán bì xū yán gé yán zhe zhǐ dìng cān guān tōng dào háng zǒu, qiè jì dōng zhāng xī wàng huò shàn zì chù pèng shè bèi.

Khi đi tham quan trong phân xưởng sản xuất chip bán dẫn phòng sạch thông minh, người tham quan bắt buộc phải đi nghiêm chỉnh dọc theo hành lang tham quan quy định, chớ nên ngó nghiêng nhìn quanh hay tùy tiện chạm vào thiết bị.

35 nét

HÁN VIỆT: ĐÔNG TRƯỞNG TÂY VỌNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0901

董事

dǒngshì

thành viên hội đồng quản trị, ủy
viên HĐQT

多家国家级高科技创新孵化平台设立了由顶尖科学家与卓越企业家共同组成的战略咨询发展董事会。

Duō jiā guó jiā jí gāo kē jì chuàng xīn fū huà píng tái shè lì le yóu dīng jīng jiān kē xué jiā yǔ zhuó yuè qì yè jiā gòng tóng zù chéng de zhàn lüè zī xún fā zhǎn dǒng shì huì.

Nhiều nền tảng ươm mầm đổi mới sáng tạo công nghệ cao cấp quốc gia đã thành lập ban giám đốc Hội đồng Quản trị ủy viên HĐQT tư vấn chiến lược do các doanh nhân trác việt và nhà khoa học đỉnh cao cùng tạo thành.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG SỰ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0902

董事会

dǒngshìhuì

hội đồng quản trị, ban quản trị
(HĐQT)

科技型骨干企业董事会全票表决通过了未来五年每年将营业收入百分之十五以上持续投入底层原始研发的战略决议。

Kē jì xíng gǔ gàn qì yè dǒng shì huì quán piào piào biǎo jué tóng guò le wèi lái wǔ nián měi nián jiāng yíng shōu rù bǎi fēn zhī shí wǔ yǐ shàng chí xù tóu rù dī céng yuán shǐ yán fā de zhàn lüè jué yì.

Hội đồng Quản trị ban quản trị doanh nghiệp công nghệ cao loại hình công nghệ đã biểu quyết nhất trí 100% thông qua nghị quyết chiến lược trong 5 năm tới mỗi năm sẽ liên tục đầu tư trên 15% doanh thu vào nghiên cứu phát triển nguyên bản nền tảng cốt lõi.

35 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG SỰ HỘI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #0903

董事长

dǒngshì zhǎng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

国家科技领军企业董事长在年度战略规划大会上宣布，未来三年将把核心研发投入比例提升至营收的百分之十五以上。

Guó jiā kē jì lǐng jūn qì yè dǒng shì zhǎng zài nián dù zhàn lüè huà huì shàng xuān bù, wèi lái sān nián jiāng bǎ hé xīn yán fā tóu rù bǐ lì tí shēng zhì yíng shōu de bǎi fēn zhī shí wǔ yǐ shàng.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị của doanh nghiệp dẫn đầu khoa học công nghệ quốc gia đã tuyên bố tại hội nghị hoạch định chiến lược thường niên rằng trong 3 năm tới sẽ nâng tỷ lệ đầu tư cho nghiên cứu phát triển cốt lõi lên trên 15% tổng doanh thu.

33 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG SỰ TRƯỞNG

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ #0904

懂事

dǒngshì

hiểu chuyện, ngoan ngoãn biết
điều, biết suy nghĩ

常年奋战在戈壁发射场的航天工程师每次通电话，孩子总是懂事地安慰爸爸：“爸爸安心发射火箭，我在家一定好好学习！”

Cháng nián fèn zhàn zài gē bì fā shè chǎng de háng tiān gōng chéng shì měi cì tōng diàn huà, hái zǐ zǒng shì dǒng shì dì ān wèi bà ba: "bà ba ān xīn fā shè huó jiàn, wǒ zài jiā yí dìng hǎo hào xué xí!"

Người kỹ sư hàng không vũ trụ quanh năm chiến đấu nơi bãi phóng sa mạc Gobi mỗi lần gọi điện thoại, đứa con nhỏ luôn ngoan ngoãn biết điều hiểu chuyện an ủi người cha: "Bố cứ an tâm phóng tên lửa ạ, con ở nhà nhất định sẽ chăm ngoan học giỏi!"

20 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG SỰ

HÁN VIỆT : ĐÔNG DẪN



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0914

动向

dòngxiàng

chiều hướng động thái, xu hướng
diễn biến mới

国家科技战略情报咨询中心严密跟踪研判全球量子信息与类脑智能等战略前沿领域的最新研发动向。

Guó jiā kē jì zhàn lüè qíng bào zōng xún zhōng xīn yán mī gēn zōng yán pàn quán qiú liàng zǐ xìn xī yǔ lèi nǎo zhì néng děng zhàn lüè qián yán lǐng yù de zuì qián yán yán fā dòng xiàng.

Trung tâm Tư vấn Tình báo Chiến lược Khoa học Công nghệ Quốc gia theo dõi sát sao và nghiên cứu phân đoán xu hướng diễn biến chiều hướng động thái nghiên cứu phát triển tiên phong nhất trong các lĩnh vực chiến lược đi đầu như trí tuệ nhân tạo phỏng não và thông tin lượng tử toàn cầu.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: ĐỘNG HƯỚNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0915

动用

dòngyòng

huy động sử dụng, điều động dùng
đến (nguồn lực/dự trữ)

在重大前沿科学工程抢险保卫战中，国家紧急动用了最先进的航空遥感无人机编队与超级计算应急保障力量。

Zài zhòng dà qián yán kē xué gōng chéng qiǎng xiān bǎo wèi zhàn zhōng, guó jiā jǐn jí dòng yòng le zuì xiān jìn de háng kōng yáo gǎn wú rén jī biān duì yǔ chāo jí suàn yǐng jì bǎo zhàng lì liàng.

Trong trận chiến bảo vệ cứu hộ công trình khoa học tiên phong trọng đại, Nhà nước đã khẩn cấp điều động dùng đến huy động sử dụng lực lượng bảo đảm khẩn cấp siêu máy tính cùng phi đội máy bay không người lái viễn thám hàng không tiên tiến nhất.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: ĐỘNG DỤNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0916

冻结

dòngjié

đóng băng

老师鼓励大家积极冻结，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dòng jié, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đóng băng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG KẾT

HSK 7-9
(3.0)

Lượng từ / Danh từ

#0917

栋

dòng

tòa, dãy (nhà); rường cột (đống
lương)

在这座国家重点实验室园区内，新建成的一栋栋绿色低碳科研实验大楼拔地而起、气势恢宏。

Zài zhè zuò guó jiā zhòng yǎn shí yàn qū nèi, xīn jiàn chéng de yī dòng dòng lù sè dī tàn kē yán shí yàn dà lóu bá dì ér qǐ, qì shì huī hóng.

Bên trong khuôn viên phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia này, từng dãy tòa nhà thí nghiệm nghiên cứu khoa học xanh ít phát thải mới được xây dựng đã mọc lên sừng sững, khí thế vô cùng hùng vĩ.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0918

栋梁

dòngliáng

rường cột, cột trụ giường cột quốc
gia, nhân tài trụ cột

广大青年科技领军人才在重大科研攻关的千锤百炼中茁壮成长，已经成为撑起国家高水平科技自立自强的栋梁之材。

Guǎng dà qīng nián kē jì jūn rén cái zài zhòng dà kē yán gōng guān de qiān chuí bǎi liàn zhōng zhù o zhàng chéng zhāng, yí jīng chéng wéi tǐng qí guó jiā gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng de dòng liáng zhī cái.

Đồng đạo các nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ trẻ tuổi đã trưởng thành vững chắc trong muôn vàn thử thách tôi luyện của các trận vượt khó nghiên cứu khoa học trọng đại, ngày nay đã trở thành những nhân tài trụ cột rường cột cột trụ nâng đỡ nền tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao của quốc gia.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG LƯƠNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#0919

都会

dūhuì

đô thị lớn, thành phố trung tâm;
đều sẽ (dōuhuì)

国家战略科技力量在现代化国际大都会周边科学城加速集聚，形成了具有全球强大影响力的原始创新策源地。

Guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng zài xiànjì dài huà guó jì dà dū huì zhōu biān kē xué chéng jiā sù jí jù, xíng chéng le jù yǒu quán qiú qiáng dà yǐng xiǎng lì de yuán shǐ chuàng xīn cè yuán dì.

Lực lượng khoa học công nghệ chiến lược quốc gia đẩy nhanh quy tụ xung quanh thành phố khoa học ven các đô thị lớn thành phố trung tâm quốc tế hiện đại hóa, hình thành nên cội nguồn đổi mới sáng tạo nguyên bản có sức ảnh hưởng mạnh mẽ toàn cầu.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: ĐÔ HỘI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0920

兜

dōu

túi

老师鼓励大家积极兜，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dōu, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực túi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0921

兜儿

dōur

túi áo, túi quần, cái túi nhỏ (khẩu
ngũ)

老科学家总喜欢随身在白大褂兜儿里装一本小笔记本，随时记录下实验中闪现出的任何宝贵物理灵感。

Lǎo kē xué jiā zǒng xǐ huān sù shēn zài bái dà guà dōu ér lǐ zhuāng yī běn xiǎo bǐ jì běn, suí shí jì lù xià shí yàn zhōng shǎn xiàn chū de rèn hé bǎo guì wù lǐ líng gǎn.

Vị nhà khoa học lão thành luôn thích đem theo cuốn sổ tay nhỏ bên mình trong chiếc túi áo túi áo blue trắng, ghi chép lại mọi cảm hứng vật lý quý giá chợt lóe lên trong thực nghiệm bất cứ lúc nào.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: ĐỒU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0922

兜售

dōushòu

chào bán, rêu rao chào mời bán
rong, rao bán mưu đồ

我们必须时刻警惕某些外部势力以所谓学术自由为幌子、向发展中国家兜售带有霸权色彩的“不平等科技规则”。

Wǒ men bì xū shí kè jǐng tì mǒu xiē wài bù shì lì yǐ suǒ wèi xué shù zì yóu wèi huáng zǐ, xiàng fā zhǎn zhōng guó jiā dōu shòu dài yǒu bà quán sè cǎi de bù píng děng kē jì guī zé.

Chúng ta bắt buộc phải luôn cảnh giác với việc một số thế lực bên ngoài lấy danh nghĩa cái gọi là tự do học thuật để rêu rao chào bán rao bán các quy tắc khoa học công nghệ bất bình đẳng mang đậm màu sắc bá quyền cho các nước đang phát triển.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: ĐỒU SẼ



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0923

抖
dǒu

run rẩy, run rẩy run bắn bật; rũ phũ

在零下五十度极寒风暴席卷的南极科考站外，队员们双手冻得直发抖，但依然精确记录下每一组极光地磁数据。

Zài líng xià wú shí dù jí fēng fēng bào xí juǎn de nán jí kē kǎo zhàn wài, duì yuán men shuāng shǒu dòng dé zhí fā dǒu, dàn yī rán jīng què jì lù xià měi yī zǔ jí guāng dì cí shù jù.

Bên ngoài trạm khảo sát khoa học Nam Cực nơi cơn bão tuyết cực hàn âm 50 độ quét qua, đôi bàn tay của các đội viên lạnh buốt đến mức run rẩy run bắn bật, nhưng vẫn ghi chép chuẩn xác từng tổ số liệu địa từ và cực quang.

11 nét

HÁN VIỆT ĐẪU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0924

陡
dǒu

đốc

老师鼓励大家积极陡，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dǒu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đốc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT ĐẪU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0925

斗
dòu

đấu tranh, độ sức chiến đấu; cái đấu đồng thóc (dǒu)

面对外部无理技术围堵，中国科技工作者发扬敢打硬仗、敢于斗争的英雄气概，成功开辟出完全自主的技术新路。

Miàn duì wài bù wú lǐ jì shù wéi dǔ, zhōng guó kē jì gōng zuò zhě fā yáng gǎn dǎ yìng zhàng, gǎn yú dòu zhēng de yīng xióng qì gài, chéng gōng kāi pì chū wán quán zì zhǔ de jì shù xīn lù.

Đứng trước sự vây hãm công nghệ vô lý từ bên ngoài, những người làm khoa học công nghệ Trung Quốc phát huy khí phách anh hùng dám đánh trận khó, dám chiến đấu độ sức đấu tranh, mở ra thành công con đường công nghệ mới hoàn toàn tự chủ.

10 nét

HÁN VIỆT ĐẪU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0926

斗志
dòuzhì

ý chí chiến đấu, tinh thần quyết tâm chiến đấu

在重大战略型号攻关誓师大会上，全体参研人员昂扬的斗志与坚定的必胜信心化作攻坚克难的磅礴力量。

Zài zhòng dà zhàn lüè xíng hào gōng guān shì shī dà huì shàng, quán tǐ cān yán rén yuán áng yáng de dòu zhì yǔ jiǎn dìng de bì shèng xīn xìn huà zuò gōng guān jiān kè nán de páng bó lì liàng.

Tại Đại hội Tuyên thệ Xuất quân Vượt khó Mẫu hình Chiến lược Trọng đại, ý chí chiến đấu tinh thần quyết chiến sức sôi cùng niềm tin quyết thắng kiên định của toàn thể cán bộ tham gia nghiên cứu đã hóa thành sức mạnh to lớn cuộn trào chinh phục khó khăn.

18 nét

HÁN VIỆT ĐẤU CHÍ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0927

豆浆
dòujiāng

sữa đậu nành, nước đậu nành

现代农业生物科研团队运用微胶囊靶向缓释技术，成功研制出高蛋白高异黄酮活性营养保留率达百分之九十九的新型纯天然豆浆浓缩粉。

Xiàn dài nóng yè shēng wù kē yán tuán duì yùn yòng wēi jiāo náng bǎ xiàng huǎn shì jì shù, chéng gōng yán zhì chū gāo dàn bái gāo yì huáng tóng huó xīng yíng yǎng bǎo liú lǜ dá bǎi fēn zhī jiǔ shí jiǔ de xīn xíng chún tiān rán dòu jiāng nóng suǒ fěn.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học sinh học nông nghiệp hiện đại ứng dụng công nghệ vi bao giải phóng chậm trúng đích đã nghiên cứu chế tạo thành công bột sữa đậu nành sữa đậu nành có đặc thuần tự nhiên kiểu mới có tỷ lệ giữ lại dinh dưỡng hoạt tính isoflavone và protein cao đạt 99%.

18 nét

HÁN VIỆT ĐẬU TƯƠNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0928

豆子
dòuzi

hạt đậu, các loại hạt đỗ

国家大豆育种团队通过高通量基因编辑与分子辅助育种技术，成功培育出单株荚饱满、豆子含油量极高的高产新品种。

Guó jiā dà dòu yù zhòng tuán duì tōng guò gāo tōng liàng jī yīn biān jí yǔ fēn zǐ fù zhù yù zhòng jì shù, chéng gōng péi yù chū dān zhū jiá bǎo mǎn, dòu zi hán yóu liàng jī gāo de gāo chǎn xīn pín zhǒng.

Đội ngũ nhân giống đậu tương quốc gia thông qua công nghệ chọn giống hỗ trợ phân tử và chỉnh sửa gen thông lượng cao đã lai tạo thành công giống mới năng suất cao có quả kết đỗ trên từng cây mấy căng, hạt đậu hạt đỗ có hàm lượng dầu cực kỳ cao.

19 nét

HÁN VIỆT ĐẬU TỬ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0929

逗
dòu

trêu đùa, chọc cười; hài hước, buồn cười

舞台上相声演员幽默风趣的语言与生动滑稽的动作，逗得台下全场观众捧腹大笑。

Wú tái shàng xiàng shēng yǎn yuán yōu mò fēng qù de yǔ yán yǔ shēng dòng huá jī de dòng zuò, dòu dé tái xià quán chāng guān zhòng pēng fù dà xiào.

Ngôn từ dí dỏm hài hước cùng những động tác sinh động vui nhộn của diễn viên tấu hài trên sân khấu đã khiến toàn thể khán giả phía dưới cười nghiêng ngả.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0930

督促
dūcù

đôn đốc, thúc giục, giám sát thực hiện

中央生态环境保护督察组严格开展下沉督察，坚决督促地方依法依规整改突出生态环境问题。

Zhōng yāng shēng tài huán jīng bǎo hù dū chá zǔ yán gé kāi zhǎn xià chén dū chá, jiǎn jué dū cù dì fāng yī fǎ chéng gǎi zhèng zhēng zhòng tū chū shēng tài huán jīng wèn tí.

Đoàn Thanh tra Bảo vệ Môi trường Sinh thái Trung ương triển khai nghiêm túc công tác thanh tra sâu sát cơ sở, kiên quyết đôn đốc thúc giục các địa phương chấn chỉnh triệt để các vấn đề môi trường sinh thái nổi cộm theo đúng pháp luật.

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#0931

独
dú

độc nhất, một mình đơn độc, duy nhất chỉ có

搞原始创新就要敢于独辟蹊径、敢走前人没有走过的路，在未知科学无人区开辟出中国学派的崭新天地。

Gǎo yuán shǐ chuàng xīn jiù yào gǎn yú dú pì xī jīng, gǎn zǒu qián rén méi yǒu zǒu guò de lù, zài wèi zhī kē xué wú rén qū kāi pì chū zhōng guó xué pài de zhǎn xīn tiān dì.

Làm đổi mới sáng tạo nguyên bản thì phải dũng cảm một mình mở lối riêng độc nhất đi đường riêng, dám đi con đường mà người đi trước chưa từng đi, mở ra chân trời mới toanh của học phái Trung Quốc trong vùng không người khoa học chưa biết.

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ #0932

独唱

dúchàng

đơn ca, hát đơn ca, bài hát đơn ca

在庆祝大科学装置成功运行的新春文艺联欢会上，青年物理学家深情独唱《祖国不会忘记》，唱出了全体科研人员的报国心声。

Zài qīng zhù dà kē xué zhuāng zhì chéng gōng yùn xíng de xīn chūn wén yì lián huān huì shàng, qīng nián wù lǐ xué jiā shēn qíng dú chàng 《zǔ guó bú huì wàng jì》, chàng chū le quán tǐ kē yán rén de bào guó xīn shēng.

Tại đêm hội liên hoan văn nghệ đón mừng xuân mới chúc mừng thiết bị khoa học lớn vận hành thành công, nhà vật lý học trẻ tuổi đã hát đơn ca đơn ca đạt dào tình cảm ca khúc 'Tổ quốc Sẽ Không Quên', cất lên tiếng lòng phụng sự non sông của toàn thể những người làm nghiên cứu khoa học.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐỘC XƯỚNG

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ #0933

独家

dújiā

độc quyền, độc gia độc nhất, dành riêng

我国前沿科研团队自主研发的超高分辨率量子显微成像系统，获得了国际学术界多项独家发明专利授权。

Wǒ guó qián yán kē yán tuán duì zì zhǔ yán fā de chāo gāo fēn biàn lǜ liàng zǐ xiǎn wēi chéng xiàng xì tǒng, huò dé le guó jì xué shù jiè duō xiàng dú jiā fā míng zhuan lì shòu quán.

Hệ thống chụp ảnh vi quan lượng tử độ phân giải siêu cao do đội ngũ nghiên cứu khoa học tiên phong nước ta tự chủ nghiên cứu phát triển đã nhận được nhiều giấy phép ủy quyền bằng sáng chế phát minh cốt lõi độc quyền độc gia độc nhất của giới học thuật quốc tế.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐỘC GIA

HSK 7-9
(3.0)Thành ngữ / Tính
từ #0934

独立自主

dúlìzìzhǔ

độc lập tự chủ, tự lực tự cường tự chủ

实践反复告诉我们：关键核心技术是要不来、买不来、讨不来的，必须始终坚持独立自主、自力更生！

Shí jiàn fǎn fù gào su wǒ men: guān jiàn hé xīn jì shù shì yào bú lái, mǎi bú lái, tǎo bú lái de, bì xū shǐ zhōng jiān chí dú lì zì zhǔ, zì lì gēng shēng!

Thực tiễn đã hết lần này đến lần khác nhắc nhở chúng ta: công nghệ cốt lõi then chốt là thứ không thể xin được, không thể mua được, cũng không thể cầu cạnh mà có được, bắt buộc phải luôn kiên trì độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh!

35 nét

HÁN VIỆT: ĐỘC LẬP TỰ CHỦ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ #0935

独身

dúshēn

sống độc thân, ở một mình không kết hôn

为了把毕生精力毫无保留地倾注给国家两弹一星国防科技大科学事业，老一辈科学家毅然选择终生独身、奉献一生。

Wèi le bǎ bì shēng jīng lì háo wú bǎo liú dì qīng zhū gēi guó jiā liǎng dàn yī xīng guó fáng kē jì dà kē xué shì yè, lǎo yī bèi kē xué jiā yì rán xuǎn zé zhōng shēng dú shēn, fèng xiàn yì shēng.

Để dốc trọn sinh lực cả đời không một chút giữ lại cho đại nghiệp khoa học lớn công nghệ quốc phòng Hai bom một vệ tinh của Tổ quốc, vị nhà khoa học tiên bối đã kiên quyết chọn sống độc thân độc thân cả đời, cống hiến trọn vẹn kiếp người.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐỘC THÂN

HSK 7-9
(3.0)Thành ngữ / Tính
từ #0936

独一无二

dúyīwú'èr

độc nhất vô nhị, có một không hai, độc đáo duy nhất

中国天眼FAST是目前全球口径最大、灵敏度最高的单口径射电望远镜，具有独一无二的深空微弱信号捕捉能力。

Zhōng guó tiān yǎn FAST shì mù qián quán qiú kǒu jīng zuì dà, líng mǐn dù zuì gāo de dān kǒu jīng shē diàn wǎng yuǎn jīng, jù yǒu dú yī wú èr de shēn kōng wēi ruò xìn hào bǔ zhuō néng lì.

Thiên Nhãn Trung Quốc FAST hiện là kính viễn vọng vô tuyến đơn khẩu kính có độ nhạy cao nhất và khẩu kính lớn nhất trên toàn cầu, sở hữu năng lực bắt trọn tín hiệu yếu ớt từ không gian sâu có một không hai độc nhất vô nhị.

35 nét

HÁN VIỆT: ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ #0937

堵塞

dǔsè

tắc nghẽn, bít tắc, kẹt xe; lố hỏng

大都市交管大脑依托大数据实时动态调优全城交通信号灯配时，有效化解了早晚高峰主干道交通严重堵塞问题。

Dà dū shì jiāo guǎn dà nǎo yī tuō dà shù jù shí shí dòng tài diào yōu quán chéng jiāo tōng xìn hào dēng pèi shí, yǒu xiào huà jiě le zǎo wǎn gāo fēng zhǔ yào dào jiāo tōng yán zhòng dǔ sè wèn tí.

Bộ não điều hành giao thông đại đô thị dựa vào dữ liệu lớn theo thời gian thực đã tự động tối ưu hóa chu kỳ đèn tín hiệu giao thông toàn thành phố, giải quyết hiệu quả vấn đề ùn tắc nghẽn giao thông nghiêm trọng trên các tuyến đường trục chính giờ cao điểm sáng tối.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐỔ TẮC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #0938

妒忌

dùjì

đố kỵ, ghen tị ganh ghét

中国科技的飞速崛起引发了国际上少数固守冷战思维势力的偏执妒忌，但任何阻挠都无法阻挡我们前进的坚定步伐。

Zhōng guó kē jì de fēi sù zhuō qǐ yǐn fā le guó jì shàng shǎo shù gù shǒu lěng zhàn sī wéi shì lì de piān zhí dù jì, dàn rèn hé zǔ nǎo dōu wú fǎ zǔ dǎng wǒ men qián jìn de jiān dìng bù fá.

Sự trỗi dậy nhanh như vũ bão của khoa học công nghệ Trung Quốc đã dấy lên sự ghen tị đố kỵ, ganh ghét hẹp hòi mù quáng của một số ít thế lực cố chấp tu duy Chiến tranh Lạnh trên trường quốc tế, nhưng bất kỳ sự cản trở nào cũng không thể ngăn nổi bước chân tiến lên kiên định của chúng ta.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỐ KỠ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #0939

杜绝

dùjué

chấm dứt, triệt tiêu, ngăn chặn triệt để

国家药品审评审批全流程实行最严密的质量追溯与廉洁监督机制，坚决杜绝任何利益寻租与违规审批现象。

Guó jiā yào pīn shēn pīn shì quán líú chéng shí xíng zuì yán mì de zhì liàng zhuī sù sù yǔ lián jié jiān dū jī zhì, jiān jué dù jué rèn hé lì yì xún zū yǔ wéi guī pīn shì xiàng.

Toàn bộ quy trình thẩm định phê duyệt được phẩm quốc gia thực thi cơ chế giám sát liên chính và truy xuất nguồn gốc chất lượng nghiêm ngặt nhất, kiên quyết chấm dứt triệt để mọi hiện tượng trục lợi tham nhũng và phê duyệt sai quy định.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐỔ TUYỆT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #0940

度假

dùjià

nghỉ dưỡng, đi nghỉ mát kỳ nghỉ

在长达半年的深空飞行攻关任务圆满完成，总指挥部特意安排功勋参研骨干轮流前往疗养基地度假休整。

Zài zhǎng dá bàn nián de shēn kōng fēi xíng gōng guān rèn wù yuán mǎn chéng gōng hòu, zǒng zhǐ huī bù tè yì ān pái gōng xūn cān yǎn gǔ gān lún lù qián wǎng liáo yǎng jī dì dù jià xiū zhěng.

Sau khi nhiệm vụ vượt khó bay trong không gian sâu kéo dài nửa năm thành công mỹ mãn, Ban Tổng Chỉ huy đã đặc biệt bố trí cho các cán bộ nòng cốt tham gia nghiên cứu cơ công lao lặn lượt đến các căn cứ điều dưỡng để đi nghỉ mát nghỉ dưỡng nghỉ ngơi lấy lại sức.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐỘ GIẢ



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0941

渡过

dùguò

vượt qua (sông nước/khó khăn gian nan), đi qua

在遭遇外部极限技术断供的至暗时刻，攻关团队同舟共济、众志成城，成功渡过了最艰难的技术磨合转型期。

Zài zāo yù wài bù jí xiàn jì shù duàn gòng de zhì àn shí kè, gōng guān tuán dì tóng zhōu gòng jì, zhòng zhì chéng chéng, chéng gōng dù guò le zuì jiān nán de jì shù mó hé zhuǎn xíng qī.

Vào thời khắc đen tối nhất khi gặp phải sự đứt gãy công nghệ giới hạn từ bên ngoài, đội ngũ vượt khó đã cùng hội cùng thuyền, muôn người như một, vượt qua đi qua thành công giai đoạn chuyển đổi gắn kết công nghệ gian nan nhất.

📖 21 nét

HÁN VIỆT

ĐỘ QUÁ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Động từ

#0942

端正

duān zhèng

ngay ngắn, đàng hoàng, đoan trang; chỉnh đốn

青年学者在走上科研道路之初，就必须牢固树立端正学术态度，坚决恪守严谨求实、清正廉明的学术道德。

Qīng nián xué zhě zài zǒu shàng kē yán dào lù zhī chū, jiù bì xū láo gù duān zhèng xué shù tài dù, jiǎn jué kè shǒu yán jìn qín qǐ shí, qīng zhèng lián míng de xué shù dào dé.

Các học giả trẻ ngay từ khi bước chân lên con đường nghiên cứu khoa học bắt buộc phải chấn chỉnh ngay ngắn thái độ học thuật, kiên quyết tuân thủ nghiêm ngặt đạo đức học thuật nghiêm cần cầu thị và thanh liêm trong sáng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT

ĐOAN CHÍNH

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0943

短缺

duǎn quē

thiếu hụt, khan hiếm thiếu thốn

国家实施战略紧缺人才定向培养工程，从根本上扭转了集成电路与前沿人工智能领域高端领军人才短缺的被动局面。

Guó jiā shí shī zhàn lüè jīn quē rén cái dìng xiàng xiàng péi yǎng gòng chéng, cóng gēn běn shàng niǔ zhuǎn le jí chéng diàn lù yǔ qián yán rén gōng zhì néng lǐng yù gāo duān lǐng jūn rén cái duǎn quē de bèi dòng jú miàn.

Nhà nước thực thi công trình bồi dưỡng định hướng nhân tài khan hiếm chiến lược, xoay chuyển căn bản cục diện bị động khan hiếm thiếu hụt thiếu thốn các nhân tài dẫn đầu cao cấp trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo tiên phong và mạch tích hợp.

📖 28 nét

HÁN VIỆT

ĐOÀN KHUYẾT

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0944

短暂

duǎn zàn

ngắn ngủi, ngắn ngủi chốc lát, tạm thời

虽然超新星爆发最初的极紫外辐射峰值极其短暂，但深空望远镜依然成功完整记录下了全部宝贵物理过程。

Suī rán chāo xīn xīng bào fā zuì chū de jī zǐ wài fú shè fēng zhí jí qī duǎn zàn, dàn shēn kōng wǎng yuán jìng yǐ rán chéng gōng wán zhěng jì lù xià le quán bù bǎo guì wù lǐ guò chéng.

Tuy rằng giá trị đỉnh bức xạ cực tím chân không ban đầu của vụ nổ siêu tân tinh vô cùng ngắn ngủi ngắn ngủi chốc lát, nhưng kính viễn vọng không gian sâu vẫn ghi chép lại thành công trọn vẹn toàn bộ tiến trình vật lý quý giá.

📖 28 nét

HÁN VIỆT

ĐOÀN TẠM

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0945

段落

duàn luò

đoạn văn, giai đoạn tạm ngưng; kết thúc một chặng (giao ý duànluò)

随着大科学装置一期主体工程综合物理验收顺利告一段落，全体科研人员毫不松懈地迅速转入二期工程规划布局。

Suí zhe dà kē xué zhuāng zhì yī qī zhǔ tǐ gōng chéng zōng hé wù lǐ yàn shōu shùn lì gào yí duàn luò, quán tǐ kē yán rén yuán háo bù sōng xié dì xùn sù zhuǎn rù èr qī gōng chéng guī huà bù jú.

Cùng với việc nghiệm thu vật lý tổng hợp công trình chủ thể giai đoạn 1 của thiết bị khoa học lớn thuận lợi kết thúc một chặng hoàn thành một giai đoạn, toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học không một chút lơ lửng nhanh chóng chuyển sang bố cục quy hoạch công trình giai đoạn 2.

📖 17 nét

HÁN VIỆT

ĐOẠN LẠC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0946

断定

duàn dìng

kết luận, khẳng định chắc chắn, phán đoán xác đáng

地质学家根据岩石微量元素同位素测年数据，无可置疑地断定了该古地质构造形成于数亿年前的古生代。

Dì zhì xué jiā gēn jù yán shí wēi liàng yuán sù tóng wèi sù cè nián shù jù, wú kè zhì yí dì duàn dìng le gāi gǔ dì zhì gòu zào xíng chéng yú shù yì niǎn qián de gǔ shēng dài.

Các nhà địa chất học căn cứ vào số liệu đo tuổi đồng vị nguyên tố vi lượng của mẫu lõi khoan đất đã kết luận khẳng định chắc chắn không còn nghi ngờ gì rằng cấu trúc địa chất cổ này được hình thành từ Đại Cổ sinh cách đây hàng trăm triệu năm.

📖 19 nét

HÁN VIỆT

ĐOẠN ĐỊNH

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Phó từ

#0947

断断续续

duàn duàn xù xù

ngắt quãng, ngập ngừng, chập chờn đứt đoạn

即便在强电磁干扰环境下卫星通信链路信号断断续续，搜救应急终端依然成功发出了精准求救定位报文。

Jí biàn zài qiáng diàn từ gān rǎo huán jīng xià wèi xīng tōng xìn lián lù xìn hào duàn duàn xù xù, sōu jiù jí yǐng jí zhōng duān yǐ rán chéng gōng fā chū le jīng zhún jiù qiú dìng wèi bào wén.

Dẫu dưới môi trường nhiễu điện từ mạnh tín hiệu đường truyền liên lạc vệ tinh bị chập chờn ngắt quãng đứt đoạn, thiết bị đầu cuối cứu hộ khẩn cấp vẫn gửi đi thành công bức điện báo định vị cầu cứu chuẩn xác.

📖 35 nét

HÁN VIỆT

ĐOẠN ĐOẠN TỤC TỤC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0948

断裂

duàn liè

đứt gãy, gãy gập rạn nứt; đứt gãy địa chất (địa chấn)

我国科学家运用高精度地下原位光纤传感阵列，实时揭示了特大地震孕育过程中中深层地下活动断裂带的应力变形机理。

Wǒ guó kē xué jiā yùn yòng gāo jīng dù dì xià yuán wèi guāng xiǎn chuán gǎn zhèn liè, shí shí jiē shì le tè dà dì zhèn yùn yù guò chéng zhōng shēn céng dì xià huó dòng duàn liè dài de yīng lì xíng biàn lí.

Các nhà khoa học nước ta ứng dụng cụm cảm biến sợi quang tại chỗ dưới lòng đất để chính xác cao đã hé lộ theo thời gian thực cơ chế biến dạng ứng suất của đới đứt gãy đứt gãy hoạt động sâu dưới lòng đất trong quá trình hình thành tích tụ trận động đất cực lớn.

📖 22 nét

HÁN VIỆT

ĐOẠN LIỆT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0949

堆砌

duī qì

chất đống, xếp chồng; nhồi nhét đao to búa lớn (văn phong)

撰写高水平前沿学术论文必须突出严密的物理机理推导与第一手客观实测数据，切忌辞藻华丽的空洞堆砌。

Zhuàn xiě gāo shuǐ píng qián yán xué shù lùn wén bì xū tū chū yán mì de wù lǐ jī lǐ tuī dǎo yǔ dì yī shǒu kè guān shí cè shù jù, qiè jì cǐ zǎo huá lì de kōng dòng duī qì.

Viết bài báo luận văn học thuật tiên phong trình độ cao bắt buộc phải làm nổi bật số liệu đo đạc thực tế khách quan ban đầu và suy diễn cơ chế vật lý chặt chẽ, tránh việc nhồi nhét chất đống sáo rỗng những lời hoa mỹ đao to búa lớn.

📖 19 nét

HÁN VIỆT

ĐỐI THỂ



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0950

队形

duì xíng

đội hình, hàng ngũ đội hình

在近地轨道多星协同编队飞行科学实验中，微纳卫星星座始终保持着厘米级超高精度的动态相对队形。

Zài jìn dì guǎo dào duō xīng xié tóng biān duì fēi xíng kē xué shí yàn zhōng, wēi nà wéi xīng zī xué zhōng, wèi nà wéi xīng xíng zuò shì zhōng bǎo chí zhe lí mǐ jī chāo gāo jīng dù de dòng tài xiāng duì duì xíng.

Trong thực nghiệm khoa học bay theo đội hình biên đội hiệp đồng đa vệ tinh trên quỹ đạo gần Trái đất, chòm sao vệ tinh vi nano luôn duy trì đội hình hàng ngũ tương đối động thái có độ chính xác siêu cao cấp độ centimet.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐỘI HÌNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0951

对白

duì bái

lời thoại, câu thoại đối thoại (phim ảnh/sân khấu)

在大型航天功勋话剧演出中，老一辈科学家隐姓埋名、科技报国的感人对白深深触动了在场的每一位观众。

Zài dà xíng háng tiān gōng xūn huà jù yǎn chū zhōng, lǎo yī bèi kē xué jiā yīn xìng mái míng, kē jì bào guó de gǎn rén duì bái shēn shēn chù dòng le zài chǎng de měi yī wèi guān zhòng.

Trong buổi biểu diễn vở kịch nói ca ngợi công lao hàng không vũ trụ quy mô lớn, những câu thoại lời thoại cảm động về việc phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, ẩn danh giấu tên của các nhà khoa học tiền bối đã chạm sâu đến trái tim của mỗi một khán giả có mặt.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI BẠCH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0952

对策

duì cè

đối sách, giải pháp ứng phó, biện pháp đối phó

面对复杂严峻的国际经贸博弈与关税壁垒，国家智库专家团队精准制定了多元化市场拓展的战略对策。

Miàn duì fù zá yǎn jùn de guó jì jīng mào bó yì yǔ guān shuǐ bì lěi, guó jiā zhī tuǒ jiā tuān duì jīng zhǔn zhì dìng le duō yuán huà shì chǎng tuò zhǎn de zhàn lüè duì cè.

Đứng trước cuộc độ sức kinh tế thương mại quốc tế phức tạp gay gắt cùng các hàng rào thuế quan, nhóm chuyên gia viện nghiên cứu chính sách quốc gia đã xây dựng chuẩn xác các đối sách chiến lược mở rộng thị trường đa dạng hóa.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI SÁCH

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0953

对称

duì chèn

đối xứng, cân đối

北京中轴线那气势恢宏、南北贯通的古都空间对称格局，完美彰显了中华传统礼仪文化的秩序之美与和谐之韵。

Běi jīng zhōng zhóu xiàn nà qì shì huī hóng, nán běi guān tōng de gǔ dōu kōng jiān duì chèn gé jú, wán měi zhāng xiǎn le zhōng huá chuán tǒng lǐ yì wén huà de zhì xù zhī měi yǔ hé xié zhī yùn.

Bố cục đối xứng không gian cổ đô thông suốt Nam Bắc đầy hùng vĩ khí thế của trục trung tâm Bắc Kinh đã thể hiện hoàn mỹ vẻ đẹp trật tự và giai điệu hài hòa của văn hóa lễ nghi truyền thống dân tộc.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI XỨNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0954

对得起

duì de qǐ

xứng đáng với, không phụ lòng, có lỗi (khi phủ định)

青年科学家要把全部青春热血倾注在国家重大科技自强事业中，以优异的原创成果对得起党和人民的殷切嘱托！

Qīng nián kē xué jiā yào bǎ quán bù qīng xuè rēng jìn zài guó jiā zhòng dà kē jì zì qiáng shì yè zhōng, yǐ yōu yì de yuán chuàng chéng guǒ duì de qǐ dāng hé rén mǐn de yīn qiè zhǔ tuō!

Các nhà khoa học trẻ phải dốc trọn bầu nhiệt huyết thanh xuân vào sự nghiệp tự cường khoa học công nghệ trọng đại của quốc gia, dùng những thành quả nguyên bản ưu việt để xứng đáng với không phụ lòng lời căn dặn ân cần của Đảng và nhân dân!

35 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI ĐẮC KHỞI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0955

对联

duì lián

câu đối, câu đối Tết (hoành phi câu đối)

新春佳节来临之际，书法家们挥毫泼墨，为社区居民义写一副副墨香浓郁、寓意吉祥的新春对联。

Xīn chūn jiā jié lái lín zhī jì, shū fǎ jiā men huī háo pō mò, wèi shè qū jū mǐn yì xiě yí fú fú mò xiāng nóng yù, yǔ yì jí xiáng de xīn chūn duì lián.

Mỗi dịp Tết đến Xuân về, các nhà thư pháp lại múa bút phóng mực, viết tặng bà con khu dân cư từng cặp câu đối mừng xuân ngát ngào hương mực mang ý nghĩa cát tường như ý.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI LIÊN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0956

对弈

duì yì

đánh cờ, so kỳ nghệ độ sức đánh cờ

在国际高科技核心前沿博弈大棋局中，中国科学家保持战略定力，从容自如地与国际科技对手展开高水平战略对弈。

Zài guó jì gāo kē jì hé xīn qián yán bó yì dà qí jú zhōng, zhōng guó kē xué jiā bǎo chí zhàn lüè dìng lì, cóng róng zì rú de yǔ guó jì kē jì duì shǒu zhǎn kāi gāo shuǐ píng zhàn lüè duì yì.

Trong bàn cờ lớn chơi cờ độ sức tiên phong cốt lõi công nghệ cao quốc tế, các nhà khoa học Trung Quốc giữ vững định lực chiến lược, ung dung tự tin mở ra cuộc so tài đánh cờ độ sức đánh cờ chiến lược trình độ cao với các đối thủ khoa học công nghệ quốc tế.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI DỊCH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0957

对照

duì zhào

đối chiếu, so sánh đối chiếu; nhóm chứng (thực nghiệm)

在新药多中心三期临床试验中，严格设置了双盲随机对照组，以确保药物临床疗效与安全性的科学严谨评价。

Zài xīn yào duō zhōng xīn sān qī lín chuáng shí yàn zhōng, yán gé shè zhì le shuāng máng suí jī duì zhào zǔ, yǐ què bǎo yào wù lín chuáng liáo xiào yǔ ān quán xíng de kē xué yán jìn píng jià.

Trong thử nghiệm lâm sàng giai đoạn 3 đa trung tâm của thuốc mới, nhóm đối chứng ngẫu nhiên mù đôi được thiết lập nghiêm ngặt nhằm bảo đảm việc đánh giá khoa học chuẩn xác về độ an toàn và hiệu quả điều trị lâm sàng của thuốc.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI CHIẾU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0958

对峙

duì zhì

đối đầu, đối kháng giằng co, đứng đối diện nhau

在复杂地缘国际博弈中，我们坚决反对搞技术壁垒与阵营对峙，坚定不移推动多边国际科学交流与开放合作。

Zài fù zá dì yuán guó jì bó yì zhōng, wǒ men jiān jué fǎn duì gǎo jì shù bì lěi yǔ zhēn yíng duì zhì, jiǎn dìng bù yí tuī dòng duō biān guó jì kē xué jiāo liú yǔ kāi fàng hé zuò.

Trong các cuộc độ sức địa chính trị quốc tế phức tạp, chúng ta kiên quyết phản đối việc dựng lên rào cản công nghệ và đối đầu đối kháng giằng co phe phái, kiên định không đổi thúc đẩy giao lưu khoa học quốc tế đa phương và hợp tác mở cửa.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỐI TRÌ



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0959

对准

duìzhǔn

nhắm chuẩn vào, căn chỉnh hướng vào, ngắm thẳng

深空巡天空间望远镜高精度姿态控制系统能够以亚角秒精度将主镜头对准遥远系外类地行星开展光谱观测。

Shēn kōng xún tiān kōng jiān wàng yuǎn jīng gāo jīng dù zǐ tài kōng zhì xì tóng néng gōu yǐ yǎ jiǎo miǎo jīng dù jiāng zhǔ jìng tóu duì zhǔn yáo yuǎn xī wài lèi dì xíng xīng kāi zhǎn guāng pǔ guān cè.

Hệ thống điều khiển tư thế độ chính xác cao của kính viễn vọng không gian tuần trời sâu có thể ngắm thẳng nhắm chuẩn vào căn chỉnh hướng vào các hành tinh giống Trái đất ngoài hệ Mặt trời xa xôi ở độ chính xác dưới giây góc để triển khai quan trắc quang phổ.

📖 24 nét

HÁN VIỆT

ĐỐI CHUẨN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0960

兑换

duì huàn

đổi tiền, quy đổi ngoại tệ

在国际机场入境大厅与外卡支付便利化服务站，外国游客可以极其便捷地完成本外币现钞兑换与移动支付绑定。

Zài guó jì jī chǎng rù jīng dà tīng yǔ wài kǎ zhī fù biàn lì huà fú wù zhàn, wài guó yóu kè kě jí kè zhī fù biàn jié dì wán chéng běn wài bì xiàn chāo duì huàn yǔ yí dòng zhī fù bǎng dìng.

Tại sảnh nhập cảnh sân bay quốc tế và trạm dịch vụ thanh toán thẻ quốc tế thuận tiện, du khách nước ngoài có thể thực hiện việc đổi tiền mặt ngoại tệ sang bản tệ và liên kết thanh toán di động một cách vô cùng thuận tiện.

📖 26 nét

HÁN VIỆT

ĐOÁI HOÁN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0961

兑现

duì xiàn

thực hiện lời hứa, đổi thành tiền mặt (séc), giữ đúng cam kết

中国始终言必信、行必果，庄严兑现了向国际社会作出的关于扩大对外开放与应对气候变化的全部承诺。

Zhōng guó shǐ zhōng yán bì xìn, xíng bì guǒ, zhuāng yán duì xiàn le xiàng guó jì shè huì zuò chū de guān yú kuò dà duì wài kāi fàng yǔ yìng duì qì hòu biàn huà de quán bù chéng nuò.

Trung Quốc luôn nói là làm, giữ chữ tín, đã thực hiện giữ đúng trọn vẹn toàn bộ những lời cam kết đã đưa ra trước cộng đồng quốc tế về việc mở rộng mở cửa đối ngoại và ứng phó với biến đổi khí hậu.

📖 28 nét

HÁN VIỆT

ĐOÁI HIỆN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0962

敦促

dūncù

đôn đốc thúc giục, hối thúc yêu cầu

我国科技外交代表团在国际多边科技会议上强烈敦促有关方面立即撤销对正常多边学术交流设置的一切政治障碍。

Wǒ guó kē jì wài jiāo dài biǎo tuán zài guó jì duō biān kē jì huì yì shàng qiáng lì dūncù yǒu guān fāng miàn lì jí chè xiāo duì zhèng cháng duō biān xué shù jiāo liú shè zhì de yí qiè zhèng zhì zhàng ài.

Đoàn đại biểu ngoại giao khoa học công nghệ nước ta tại hội nghị khoa học công nghệ đa phương quốc tế đã đôn đốc thúc giục hối thúc yêu cầu mạnh mẽ các bên liên quan lập tức bãi bỏ mọi rào cản chính trị dựng lên đối với giao lưu học thuật đa phương bình thường.

📖 18 nét

HÁN VIỆT

ĐÔN DỐC

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0963

敦厚

dūnhòu

đôn hậu, phúc hậu chất phác, thật thà

老一辈战略科学家为人敦厚谦逊，待人如沐春风，在学术共同体中赢得了极其崇高的威望与由衷的爱戴。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē jiā wéi rén dūn hòu qiān xùn, dài rén rú mù chūn fēng, zài xué shù gòng tóng tǐ zhōng yíng dé le jí qí chóng gào de wéi wàng yǔ yóu zhōng de ài dài.

Vị nhà khoa học chiến lược tiến bối làm người đôn hậu phúc hậu chất phác khiêm tốn, đối đãi với mọi người ấm áp như gió xuân, đã giành được uy vọng cực kỳ cao đẹp cùng sự kính yêu chân thành trong cộng đồng học thuật.

📖 21 nét

HÁN VIỆT

ĐÔN HẬU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0964

炖

dùn

món hầm

老师鼓励大家积极炖，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dùn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực món hầm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 11 nét

HÁN VIỆT

ĐỐN

HSK 7-9 (3.0)

Phó từ

#0965

顿时

dùn shí

ngay tức khắc, bỗng chốc, tức thì

当神舟飞船返回舱在东风着陆场平稳安全着陆的消息传来，北京航天飞行控制中心大厅内顿时响起了雷鸣般的掌声。

Dāng shén zhōu fēi chuán fǎn huí cāng zài dōng fēng zhuó lù chǎng píng wěn ān quán zhuó lù de xāo xī chuán lái, běi jīng háng tiān fēi kòng zhōng xīn dà tīng nèi dùn shí xiǎng qǐ le léi míng bǎn de zhǎng shēng.

Khi tin tức khoang hồi quyển của tàu vũ trụ Thần Châu đã hạ cánh êm ái an toàn tại bãi đáp Đông Phong truyền về, đại sảnh Trung tâm Điều khiển Bay Hàng không Vũ trụ Bắc Kinh ngay tức khắc bùng lên những tràng pháo tay rộn rã như sấm dậy.

📖 22 nét

HÁN VIỆT

ĐỐN THỜI

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0966

多边

duōbiān

đa phương, nhiều bên tham gia

中国始终坚定不移践行真正的多边主义，积极发起并深入参与深空深海等全球重大国际大科学合作计划。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng bù yí jiàn xíng zhēn zhèng de duō biān zhǔ yì, jī jí fā qǐ bìng shēn yǔ shēn kōng shēn hǎi dēng quán qú zhòng dà guó jì dà kē xué hé zuò jì huà.

Trung Quốc luôn kiên định không dời thực thi chủ nghĩa đa phương chân chính, tích cực khởi xướng và đi sâu tham gia các kế hoạch hợp tác khoa học lớn quốc tế trọng đại toàn cầu như biển sâu và không gian sâu.

📖 21 nét

HÁN VIỆT

ĐA BIÊN

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0967

多功能

duōgōngnéng

đa năng, đa chức năng

国家前沿大科学装置配备了多功能超洁净原位测试分析靶站，可同时满足物理、材料与生命科学多学科交叉实验需求。

Guó jiā qián yán dà kē xué zhuāng zhì pèi bèi le duō gōng néng chāo jié jìng yuán wèi cè shí fēn xī bǎ zhàn, kě tóng shí mǎn zú wù lǐ, cái liào yǔ shēng míng kē xué duō xué kē jiāo chā shí yàn xū qiú.

Thiết bị khoa học lớn tiên phong quốc gia được trang bị trạm bia phân tích thử nghiệm tại chỗ siêu sạch đa chức năng đa năng, có thể đồng thời đáp ứng các nhu cầu thực nghiệm liên ngành khoa học sự sống, vật liệu và vật lý.

📖 34 nét

HÁN VIỆT

ĐA CÔNG NĂNG



HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Phó từ #0968

多亏

duō kuī

nhờ có, may mà, nhờ ơn

多亏了交警同志在风雪夜里的紧急护送，突发急病的患儿才得以及时送医脱离危险。

Duō kuī le jiāo jīng tóngzhì zài fēng xuě yè lǐ de jǐn jí hù sòng, tū fā jí bìng de huān ér cái dé yǐ jí shí sòng yī tuō lí wēi xiǎn.

Nhờ có các đồng chí cảnh sát giao thông khẩn cấp mở đường hộ tống trong đêm mưa tuyết, cháu bé mắc bệnh hiểm nghèo đột xuất mới kịp thời được đưa tới bệnh viện qua cơn nguy kịch.

20 nét

HÁN VIỆT : ĐA KHUY

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Động từ #0969

多劳多得

duō láo duō dé

làm nhiều hưởng nhiều, phân phối theo lao động

国家实验室全面深化科研经费与薪酬绩效分配机制改革，坚决落实多劳多得、优劳优酬的激励政策导向。

Guó jiā shí yàn shì quán miàn shēn huà kē yán jīng fēi yǔ xīn chóu miǎn shēn huà kē yán jīng fēi yǔ xīn chóu jī xiào fēn pèi jī zhì gǎi gé, jiǎn jué luò shí duō láo duō de, yōu láo yōu chóu de jī lì zhèng cè dǎo xiàng.

Phòng thí nghiệm quốc gia đi sâu cải cách toàn diện cơ chế phân phối hiệu suất thù lao và kinh phí nghiên cứu khoa học, kiên quyết quán triệt định hướng chính sách khích lệ làm nhiều hưởng nhiều, làm giỏi hưởng xứng đáng.

35 nét

HÁN VIỆT : ĐA LAO ĐA ĐẮC

HSK 7-9 (3.0)

Cụm từ / Danh từ chỉ thời gian #0970

多年来

duō nián lái

nhiều năm qua, bao năm nay

多年来，广大科技工作者扎根戈壁、奉献高原，用青春和热血铸就了举世瞩目的国家重大工程科技奇迹。

Duō nián lái, guǎng dà kē jì gōng zuò zhě zhā gē bì, fèng xiàn gāo yuán, yòng qīng chūn hé rè xuè zhù jiù le jǔ shì zhǔ mù de guó jiā zhòng dà gōng chéng kē jì qí jì.

Bao năm nay nhiều năm qua, đồng đảo những người làm khoa học công nghệ cắm rễ nơi sa mạc Gobi, cống hiến nơi cao nguyên, dùng thanh xuân và nhiệt huyết đúc kết nên những kỳ tích khoa học công nghệ công trình trọng đại quốc gia khiến toàn thế giới phải đối nhìn.

32 nét

HÁN VIỆT : ĐA NIÊN LAI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ #0971

多心

duō xīn

đa nghi, hay suy nghĩ nhiều, lo nghĩ quá mức

学术讨论旨在探求真理，导师鼓励青年学者敢于提出不同学术见解，不必多心顾虑权威意见。

Xué shù tāo lùn zhǐ zài tàn qiú zhēn lǐ, dǎo shī gǔ lì qīng nián xué zhě gǎn yú tí chū bù tóng xué shù jiàn jiě, bù bì duō xīn gù lǜ quán wēi yì jiàn.

Thảo luận học thuật nhằm mục đích kiểm tìm chân lý, giảng viên hướng dẫn động viên các học giả trẻ dũng cảm đưa ra những kiến giải học thuật khác biệt, không cần phải lo nghĩ quá mức đa nghi hay e ngại ý kiến của uy quyền.

21 nét

HÁN VIỆT : ĐA TÂM

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ #0972

多余

duō yú

thừa thãi, dư thừa, không cần thiết

优秀的散文讲究言简意赅，整篇作品中容不得半句拖沓多余的废话。

Yōu xiù de sǎn wén jiǎng jiǔ yán jiǎn yì gāi, zhěng piān zuò pīn zhōng róng bù dé bàn jù tuō tà duō yú de fèi huà.

Tản văn xuất sắc luôn chú trọng câu chữ súc tích hàm súc, toàn bộ tác phẩm không được phép có nửa câu rườm rà thừa thãi vô nghĩa.

26 nét

HÁN VIỆT : ĐA DƯ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ #0973

多元

duō yuán

đa dạng, đa nguyên, phong phú nhiều chiều

国家构建了中央财政、地方专项与社会资本多元协同投入的基础科学创新可持续保障体系。

Guó jiā gòu jiàn le zhōng yāng cái zhèng, dì fāng zhuān xiàng yǔ shè huì zī běn duō yuán xié tóng tóu rù de jī zhǔ kē xué chuàng xīn kě chí xù bǎo zhàng tǐ xì.

Nhà nước đã xây dựng hệ thống bảo đảm bền vững đối mới sáng tạo khoa học cơ bản với sự đầu tư hiệp đồng đa dạng đa nguyên giữa vốn xã hội, chuyên án địa phương và ngân sách trung ương.

26 nét

HÁN VIỆT : ĐA NGUYÊN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ #0974

哆嗦

duō suo

run lẩy bẩy, run rẩy cầm cập (vì rét, sợ hãi)

在零下四十摄氏度的极寒冰原上开展抢修作业，即便冻得全身瑟瑟哆嗦，抢险队员的手依然紧紧握住工具。

Zài líng xià sì shí shè shì dù de jí hán bīng yuán shàng kāi zhǎn qiǎng xiū zuò yè, jí biàn dòng dé quán shēn sè sè duō suo, qiǎng xiǎn duì yuán de shǒu yī rán jǐn jìn wò zhù gōng jù.

Triển khai công tác sửa chữa khẩn cấp trên cánh đồng băng giá rét cực đoan âm 40 độ C, đầu bị rét lạnh tới mức toàn thân run lẩy bẩy cầm cập, tay của người chiến sĩ cứu hộ vẫn nắm chặt lấy dụng cụ sửa chữa.

21 nét

HÁN VIỆT : ĐÁ SÁCH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #0975

夺冠

duó guān

giành ngôi vô địch, đoạt chức quán quân

在国际超级计算机性能测试竞赛中，我国自主研发的国产超算集群凭借卓越的异构计算能效比力拔头筹、成功夺冠！

Zài guó jì chāo jí jì suàn jī xìng néng cè shì jìng sài zhōng, wǒ guó zì zhǔ yán fā de guó chǎn chāo suàn jí qún píng jiè zhāo yuè de yì gòu jì suàn néng xiào bǐ lì bá tóu chóu, chéng gōng duó guān!

Trong cuộc thi thử nghiệm tính năng siêu máy tính quốc tế, cụm siêu máy tính sản xuất trong nước do nước ta tự chủ nghiên cứu phát triển dựa vào tỷ số hiệu năng năng lượng tính toán dị cấu trúc việt đã dẫn đầu đoạt chức quán quân giành ngôi vô địch thành công!

18 nét

HÁN VIỆT : ĐOẠT QUÁN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #0976

夺魁

duó kuí

chiếm vị trí đầu bảng, đoạt giải nhất, đứng đầu bảng

中国青年科学家代表队在前沿人工智能大模型国际基准评测挑战赛中力压群雄、勇夺魁首。

Zhōng guó qīng nián kē xué jiā dài biǎo duì zài qián yán rén gōng zhī néng dà mó xíng guó jì jī zhǔn píng cè tiǎo zhàn sài zhōng lì yǎ qún xióng, yǒng duó kuí shǒu.

Đội tuyển các nhà khoa học trẻ Trung Quốc trong Cuộc thi Thử thách Đánh giá Chuẩn mực Quốc tế Mô hình Lớn Trí tuệ Nhân tạo Tiên phong đã áp đảo quần hùng, dũng cảm đoạt giải nhất chiếm vị trí đầu bảng đứng đầu bảng.

23 nét

HÁN VIỆT : ĐOẠT KHÔI



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0977

躲避

duǒbì

né tránh, né tránh trốn tránh, lẫn tránh

空间站在轨自主避碰预警系统能够在微秒级时间内自动计算最优轨道机动参数，精准躲避空间微小碎片碰撞威胁。

Kōng jiān zhàn zài guī zì zhǔ bì pèng yù jǐng xì tǒng néng gòu zài wēi miǎo jí shí jiǎn nài zì dòng jì suàn zuì yōu guī dào jī dòng cān shù, jīng zhǔn duó bì kōng jiān wēi xiǎo suì piàn pèng zhuàng wēi xié.

Hệ thống cảnh báo sớm tránh va chạm tự chủ trên quỹ đạo của trạm vũ trụ có thể tự động tính toán tham số cơ động quỹ đạo tối ưu trong thời gian cấp độ micro-giây, né tránh lẫn tránh chuẩn xác nguy cơ đe dọa va chạm từ các mảnh vụn không gian nhỏ.

📖 23 nét

HÁN VIỆT

ĐOÁ TỊ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0978

躲藏

duǒ cáng

trốn tránh, ẩn nấp, ẩn giấu

暴风雨突如其来，几只灵巧的小松鼠迅速躲藏到了古老茂密的大树洞中避雨。

Bào fēng yǔ tú rú qí lái, jǐ zhī líng qiǎo de xiǎo sōng shǔ xùn sù duǒ cáng dào le gǔ lǎo mào mì de dà shù dòng zhōng bì yǔ.

Cơn dông bão bất ngờ ập đến, vài chú sóc nhỏ nhanh nhẹn đã thoăn thoắt chui vào nắp trong hốc cây cổ thụ rậm rạp để trú mưa.

📖 24 nét

HÁN VIỆT

ĐOÁ TẠNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#0979

墮落

duò luò

sa đọa, trụy lạc, tha hóa

党员干部必须时刻筑牢拒腐防变的思想防线，绝不能在金钱色与权力诱惑面前迷失方向、滑向腐败堕落的深渊。

Dǎng yuán gān bù bì xū shí kè zhù lǎng jù fǔ fáng biàn de sī xiǎng fáng xiàn, jué bù néng zài jīn qián sè yǔ quán lì yōu huò miàn qián mí shī fāng xiàng, huà xiàng fǔ bài duò luò de shēn yuān.

Cán bộ đảng viên bắt buộc phải luôn luôn xây vững phòng tuyến tư tưởng chống tha hóa chống tham nhũng, tuyệt đối không thể đánh mất phương hướng trước sự cám dỗ của tiền tài sắc đẹp và quyền lực mà trượt dài xuống vực thẳm tha hóa sa đọa.

📖 19 nét

HÁN VIỆT

ĐOẠ LẠC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0980

舵手

duòshǒu

người cầm lái, thủy thủ lái tàu, người dẫn đường lèo lái

战略科学家作为国家重大科技攻关航船上的领航舵手，以高瞻远瞩的战略视野指引着科技强国建设的正确航向。

Zhàn lüè kē xué jiā zuò wéi guó jiā zhòng dà kē jì gōng guān háng chuán shàng de lǐng háng duò shǒu, yǐ gāo zhān yuǎn zhǔ de zhàn lüè shì yě zhǐ yīn zhe kē jì qiáng guó jiàn shè de zhèng què háng xiàng.

Nhà khoa học chiến lược với tư cách là người cầm lái người dẫn đường lèo lái dẫn đường trên con thuyền vượt khó khoa học công nghệ trọng đại của quốc gia, bằng tầm nhìn chiến lược nhìn xa trông rộng đã chỉ dẫn hải trình đúng đắn của công cuộc xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

📖 27 nét

HÁN VIỆT

ĐÀ THỦ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#0981

讹诈

ézhà

tống tiền, đe dọa tống tiền, uy hiếp dọa dẫm

中国科技界有骨气、有底气、有实力，绝不屈服于任何外部势力的极限施压、技术封锁与霸权讹诈！

Zhōng guó kē jì jiè yǒu gǔ qì, yǒu dǐ qì, yǒu shí lì, jué bù qū fú yú rèn hé wài bù shì lì de jí xiàn shī yā, jì shù fēng suǒ yǔ bà quán è zhà!

Giới khoa học công nghệ Trung Quốc có khí phách, có bản lĩnh, có thực lực, tuyệt đối không khuất phục trước bất kỳ sự uy hiếp dọa dẫm tống tiền bá quyền, phong tỏa công nghệ và gây sức ép giới hạn nào của các thế lực bên ngoài!

📖 22 nét

HÁN VIỆT

NGOẠI TRÁ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0982

俄语

éyǔ

tiếng Nga, tiếng Nga ngữ

在中俄联合大科学装置中微子前沿物理实验中，两国科学家熟练运用汉语、俄语与英语高效展开多边学术研讨。

Zài zhōng é lián hé dà kē xué zhuāng zhì zhōng wēi zǐ qián yán wù lǐ shí yán zhōng, liǎng guó kē xué jiā shú liǎn yùn yòng hàn yǔ, é yǔ yǔ yīng yǔ gāo xiào zhān kāi duō biān xué shù yán tǎo.

Trong thực nghiệm vật lý tiên phong neutrino thiết bị khoa học lớn liên hợp Trung - Nga, các nhà khoa học hai nước đã vận dụng thành thạo tiếng Anh, tiếng Nga tiếng Nga ngữ và tiếng Hán triển khai hội thảo học thuật đa phương hiệu quả cao.

📖 19 nét

HÁN VIỆT

NGA NGỮ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0983

鹅

é

con ngỗng, loài ngỗng (lông ngỗng cách nhiệt: éróng)

极地科考特种极端耐寒防寒服采用了仿生鹅绒多层纳米微孔锁温绝热结构，为南极内陆冰盖科考提供了卓越保暖防护。

Jí dì kē kǎo tè zhǒng jí duān nài hán fáng hán fú cái yǒng le fǎng shēng é róng duō céng nà mí wēi kǒng suǒ wēn jué rè jié gòu, wéi nán jí nèi lù bīng gài kē kǎo tí gōng le zhé yuè bǎo nuǎn fáng hù.

Trang phục chống rét chịu lạnh cực hạn đặc chủng khảo sát khoa học vùng cực áp dụng kết cấu cách nhiệt khóa nhiệt vi lỗ nano đa tầng phòng sinh học lồng ngỗng con ngỗng, mang lại sự bảo vệ giữ ấm trác việt cho công tác khảo sát khoa học trên dải băng nội địa Nam Cực.

📖 9 nét

HÁN VIỆT

NGA

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#0984

额外

éwài

bổ sung, ngoài định mức, phụ thêm

政府出台稳岗就业支持政策，对吸纳应届高校毕业生就业的科技创新企业给予额外税收抵扣与专项补贴。

Zhèng fǔ chū tái wěn gǎng jiù yè zhī chí zhèng cè, duì xī nà yīng jiè gào xiào bì yè shēng jiù yè de kē jì chuàng xīn qǐ yè jǐ yǔ é wài shuì shōu dī kòu yǔ zhuān xiàng bǔ tiē.

Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ việc làm ổn định, cấp thêm các khoản khấu trừ thuế bổ sung và trợ cấp chuyên đề cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ tuyển dụng sinh viên đại học vừa tốt nghiệp.

📖 18 nét

HÁN VIỆT

NGẠCH NGOẠI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0985

厄运

èyùn

vận rủi, tai ương số phận trắc trở, nghịch cảnh

国家地质灾害早期智能监测预警系统成功研判了多起特大型山体滑坡险情，帮助万余名山区群众彻底摆脱了灾难厄运。

Guó jiā dì zhì zài zǎi hài zǎo qì zhì néng jiān cè yǔ jīng xī tǒng chéng gōng yǔ pàn le duō qǐ tè dà xíng shān tǐ qún zhòng chè dǐ bài tuō le zāi nàn è yùn.

Hệ thống cảnh báo sớm quan trắc thông minh sớm hiểm họa địa chất quốc gia đã dự đoán thành công nhiều vụ sạt lở núi cực lớn, giúp hơn vạn người dân vùng núi thoát khỏi hoàn toàn vận rủi tai ương thảm họa.

📖 21 nét

HÁN VIỆT

ÁCH VẬN



HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#0986

恶
è

ác, xấu xa tàn ác; dữ tợn (è); ghét (wù)

在国际科技竞争中，我们决不允许任何境外
恶意势力利用网络安全漏洞破坏国家核心基
础设施安全。

Zài guó jì kē jì jīng zhēng zhōng, wǒ men jué bù
yǔn xǔ rèn hé jìng wài è yì shì lì lì yòng wǎng luò
ān quán lòu dòng pò huài guó jiā hé xīn jī chǔ shè
shī ān quán.

Trong cạnh tranh khoa học công nghệ quốc
tế, chúng ta tuyệt đối không cho phép bất
kỳ thế lực ác độc xấu xa ác ý nước ngoài nào
lợi dụng lỗ hổng an ninh mạng phá hoại an
toàn cơ sở hạ tầng cốt lõi của quốc gia.

13 nét

HÁN VIỆT : ÁC

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0987

恶化
è huà

xấu đi

在面对复杂的挑战时，保持恶化的心态尤为
重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí è huà
de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp,
giữ tâm thái xấu đi đặc biệt quan trọng.

25 nét

HÁN VIỆT : ÁC HOA

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0988

恶劣
è liè

khắc nghiệt, tồi tệ, xấu xa

高原科考队员们冒着零下三十度的极寒与暴
风雪等极其恶劣的天气，圆满完成了冰川采
样任务。

Gāo yuán kǎo kǎo duì yuán men mào zhe líng xià
sān shí dù de jí hán yǔ bào fēng xuě děng jí qí è
liè de tiān qì, yuán mǎn wán chéng le bīng chuān
cǎi yàng rèn wù.

Các thành viên đội thám hiểm khoa học vùng
cao nguyên đã bất chấp giá rét âm 30 độ
cùng bão tuyết và thời tiết vô cùng khắc
nghiệt để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ lấy
mẫu băng hà.

22 nét

HÁN VIỆT : ÁC LIỆT

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#0989

恶性
è xìng

ác tính, độc hại nghiêm trọng (khối
u/cạnh tranh)

国家医学科技攻坚中心成功研发出新型纳米
靶向抗体偶联药物，实现了对恶性晚期实体
肿瘤细胞的高特异性精准清除。

Guó jiā yī xué kē jì gōng jiān zhōng xīn chéng
gōng yán fā chū xīn xīng nà mǐ bǎ xiàng kàng tǐ
òu lián yào wù, shí xiàn le duì è xìng wǎn qī shí tǐ
zhǒng xiù xì bāo de gāo tè yì xìng jīng zhǔn qīng
chú.

Trung tâm Vượt khó Khoa học Công nghệ Y
học Quốc gia đã nghiên cứu phát triển thành
công loại thuốc liên hợp kháng thể trúng
đích nano kiểu mới, thực hiện việc tiêu trừ
chuẩn xác tính đặc hiệu cao đối với các tế
bào khối u đặc giai đoạn cuối ác tính ác tính.

24 nét

HÁN VIỆT : ÁC TÍNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#0990

恶意
è yì

ác ý, dã tâm xấu xa, có ác ý thù địch

国家网络空间防御平台凭借完全自主可控的
大模型行为分析技术，毫秒级精准拦截了境
外黑客组织发起的恶意网络攻击。

Guó jiā wǎng luò fáng yù píng tái wú quán zì zhǔ kòng
zhé de dà mó xíng xíng wéi fēn xī jì shù, háo miǎo jí jīng
zhǔn lǎn jié le jìng wài hēi kè zǔ zhī fā qǐ de è yì wǎng
luò gōng jī.

Nền tảng phòng thủ không gian mạng quốc
gia dựa vào công nghệ phân tích hành vi mô
hình lớn tự chủ kiểm soát hoàn toàn, đã ngăn
chặn chuẩn xác cấp độ mili-giây các cuộc
tấn công mạng ác ý có ác ý do các tổ chức
hacker nước ngoài phát động.

25 nét

HÁN VIỆT : ÁC Ý

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh
từ

#0991

掠夺
lǜè duó

cướp bóc, bóc lột vơ vét (thuộc
địa, tài nguyên)

中国式现代化彻底打破了西方近代早期依靠
殖民扩张与血腥掠夺实现工业化的历史逻
辑，坚持和平发展共赢。

Zhōng guó shí xiàn dài huà chè dǐ dǎ pò le xī
fāng jìn dài zāo qī yǐ kào zhī mǐn kuò zhāng yǔ xuè
xīng lüè duó shí xiàn gōng yè huà de lì shǐ luò jí,
jiān chí hé píng fā zhǎn gòng yíng.

Hiện đại hóa đất nước đã phá vỡ triệt để
logic lịch sử của phương Tây thời kỳ cận đại
sơ khai dựa vào bành trướng xâm lược thuộc
địa và cướp bóc bóc lột máu để thực hiện công
nghiệp hóa, kiên trì phát triển hòa bình cùng
thăng.

20 nét

HÁN VIỆT : LƯỢC ĐOẠT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0992

略
luè

hơi

老师鼓励大家积极略，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jī luè, yǒng yú tàn sù xīn de
zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
hơi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT : LƯỢC

HSK 7-9 (3.0)

Phó từ

#0993

略微
lǜè wēi

hơi, một chút, hơi một tí

在纳米级半导体光刻制造中，即便极紫外光
源聚焦焦点略微发生纳米级偏移，都可能导
致整批晶圆报废。

Zài nà mǐ jí bàn dǎo tǐ guāng kè zhì zào zhōng, jì
biàn jí zì wài guāng yuán jù jiāo jiǎo diǎn lüè wēi
fā shēng nà mǐ jí piān yí, dōu kě néng dǎo zhì
zhěng pī jīng yuán bào fèi.

Trong quy trình chế tạo quang khắc bán dẫn
cấp độ nanomet, cho dù tiêu cự hội tụ của
nguồn sáng cực tím EUV chỉ hơi bị lệch một
chút ở cấp độ nanomet cũng có thể dẫn tới
việc cả lô tấm wafer bị phế bỏ.

19 nét

HÁN VIỆT : LƯỢC VI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#0994

遏制
è zhì

kìm hãm, ngăn chặn, kiểm chế (lạm
phát, dịch bệnh)

国家实施强有力的宏观调控与市场监管组合
举措，有效遏制了部分重点大宗商品价格的
非理性过度炒作。

Guó jiā shí shī qiáng yǒu lì de máo guān tiáo
kòng yú shì chǎng jiǎn guǎn zú hé jù cuò, yǒu
xiào è zhì le bù fēn zhòng diǎn dà zōng shāng pǐn
jià gé de fēi lǐ xìng guò dù chāo zuò.

Nhà nước thực thi các giải pháp kết hợp điều
tiết vĩ mô mạnh mẽ cùng giám sát thị trường,
ngăn chặn và kiểm chế hiệu quả tình trạng
đầu cơ thổi giá phi lý quá mức đối với một số
mặt hàng nguyên liệu thô trọng điểm.

24 nét

HÁN VIỆT : ÁT CHẾ



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0995

鳄鱼

èyú

cá sấu, loài cá sấu

古生物与分子演化研究团队通过超高精度古DNA测序分析，揭示了远古两栖巨型扬子鳄与现代爬行类鳄鱼的基因进化分支。

Gǔ shēng wù yǔ fēn zǐ yǎn huà yán jiū tuán duì tōng guò chāo gāo jīng dù gǔ DNA cè xù fēn xī, jiē shì le yuǎn gǔ liǎng qī jī xíng yáng zǐ è yú xiān dài pá xíng lèi è yú de jī yīn jìn huà shù fēn zhī.

Đội ngũ nghiên cứu tiến hóa phân tử và sinh vật cổ đại thông qua phân tích giải mã trình tự ADN cổ đại độ chính xác siêu cao đã hé lộ các nhánh cây tiến hóa gen của loài cá sấu cá sấu bò sát hiện đại và cá sấu Dương Tử khổng lồ lưỡng cư thời viễn cổ.

23 nét

HÁN VIẾT

NGẠC NGƯ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Động từ

#0996

恩赐

ēncì

ban ơn, sự ban phát ơn huệ, bố thí

一个国家的科技尊严与科技繁荣绝不是任何别国的施舍与恩赐，唯有依靠自力更生、自主创新才能巍然屹立于世界之林！

Yí gè guó jiā de kē jì zūn yán yǔ kē jì fán róng jué bú shì rēn hé bié guó de shī shě yǔ ēn cì, wéi yǒu yì kào zì lì gēng shēng, zì zhù chuàng xīn cái néng wēi rán yì lì yú shì jì zhī lín!

Sự phồn vinh khoa học công nghệ và lòng tự tôn khoa học công nghệ của một quốc gia tuyệt đối không phải là sự bố thí hay ban ơn ơn huệ ban phát của bất kỳ quốc gia nào khác, chỉ có dựa vào tự lực cánh sinh, đổi mới sáng tạo tự chủ mới có thể đứng vững vững chắc giữa rừng các dân tộc trên thế giới!

22 nét

HÁN VIẾT

ÂN TỬ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0997

恩惠

ēnhuì

ơn huệ, ân tình phúc lành, ân huệ

科技创新的根本宗旨在于造福广大人民群众，让现代前沿高科技发展的丰硕成果化作普惠千家万户的温暖恩惠与民生福祉。

Kē jì chuàng xīn de gēn běn zōng zhǐ zài yú zào fú guāng dà rén mín qún zhòng, ràng xiān dài qián yán gāo kē jì fā zhǎn de féng shuō chéng guó huà zuò pǔ huì qiān jiā wàn hù de wēn nuǎn ēn huì yǔ mín shēng fú zhǐ.

Tôn chỉ căn bản của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ là ở chỗ mưu cầu hạnh phúc cho đông đảo quần chúng nhân dân, biến những thành quả triu quả của sự phát triển công nghệ cao tiên phong hiện đại thành ân huệ ơn huệ ấm áp và phúc lợi dân sinh phổ cập đến muôn nhà.

28 nét

HÁN VIẾT

ÂN HUỆ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0998

恩情

ēnqíng

ơn nghĩa, ân tình sâu nặng, ân nghĩa tình cảm

广大青年科研人员时刻铭记党和国家悉心培养的深厚恩情，矢志以优异的科研报国成果回报祖国与人民。

Guǎng dà qīng nián kē yán rén yuán shí kè míng jì dāng hé guó jiā xī xīn péi yǎng de shēn hòu ēn qíng, shǐ zhì yǐ yōu yì de kē yán bào guó chéng guó huí bào zǔ guó yǔ rén mín.

Đông đảo những người làm nghiên cứu khoa học trẻ tuổi luôn khắc ghi ân tình sâu nặng ơn nghĩa ân đức sâu dày được Đảng và Nhà nước tận tâm bồi dưỡng, sắt son một lòng dùng những thành quả phụng sự Tổ quốc bằng nghiên cứu khoa học xuất sắc để báo đáp Tổ quốc và nhân dân.

22 nét

HÁN VIẾT

ÂN TÌNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#0999

恩怨

ēnyuàn

ân oán, ơn nghĩa và thù hận

处理国际历史遗留问题应当秉持向前看的包容战略眼光，超越历史恩怨，携手开创和平共处的崭新篇章。

Chǔ lǐ guó jì lì shǐ yí liú wèn tí yīng dāng bǐng chí xiàng qián kàn de bāo róng zhàn lüè yǎn guāng, chāo yuè lì shǐ ēn yuàn, xié shǒu kāi chuàng hé píng gòng chǔ de zhǎn xīn piān zhāng.

Khí xử lý các vấn đề do lịch sử quốc tế để lại cần giữ vững tầm nhìn chiến lược bao dung hướng về tương lai, vượt lên trên những ân oán lịch sử, chung tay mở ra trang sử mới hòa bình cùng tồn tại.

26 nét

HÁN VIẾT

ÂN OÁN

HSK 7-9 (3.0)

Trợ từ

#1000

而已

ér yǐ

mà thôi, chỉ thế thôi

在真理面前，暂时的荣誉不过是过往探索的阶段性质脚而已，真正的科学家永远瞩目于未知的科学前沿。

Zài zhēn lǐ miàn qián, zàn shí de róng yù bù guò shì guò wǎng tàn suǒ de jiē duàn xìng zhì jiǎo ér yǐ, zhēn zhèng de kē xué jiā yǒng yuǎn zhǔ mù yú wèi zhī de kē xué qián yán.

Đứng trước chân lý, danh dự nhất thời chẳng qua chỉ là một chú thích giai đoạn cho những cuộc kiểm tìm đã qua mà thôi, nhà khoa học chân chính mãi hướng tầm mắt tới những mũi nhọn khoa học chưa biết.

27 nét

HÁN VIẾT

NHI DĨ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1001

耳光

ěrguāng

cái tát tai, cái tát vào mặt (nghĩa đen/bóng)

中国在大科学装置与高端芯片制造上的重大自主突破，给那些鼓吹“技术脱钩断链必能扼杀中国科技”的论调以响亮的耳光！

Zhōng guó zài dà kē xué zhuāng zhì yǔ gāo duān xīn piàn zhì zào shàng de zhòng dà zì zhǔ tuō pò, gěi nà xiē gǔ chuī "jì shù tuō gōu duàn liàn bì néng è shā zhōng guó kē jì" de lùn diào yǐ xiǎng liàng de ěr guāng!

Những bước đột phá tự chủ trọng đại của Trung Quốc trên thiết bị khoa học lớn và chế tạo chip cao cấp đã giáng một cái tát tai cái tát vào mặt danh thép vào những luận điệu rêu rao rằng "tách rời đứt gãy công nghệ nhất định sẽ bóp chết khoa học công nghệ Trung Quốc"!

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Tính từ

#1002

耳目一新

ěrmùyìxīn

hoàn toàn mới mẻ, mới mẻ tinh khôi, sáng bừng con mắt

国家重点实验室推出的全新一代人工智能多模态科学大模型架构，让国际前沿计算物理学者们感到耳目一新。

Guó jiā zhòng yān shì yàn shì yán shì tuī chū de quán xīn yǐ dài rén gōng zhī néng duō mó tài kē xué dà mó xíng jià gòu, ràng guó jì qián yán jì suàn wù lǐ xué zhě men gǎn dào ěr mù yì xīn.

Kiến trúc mô hình lớn khoa học đa phương thức trí tuệ nhân tạo thế hệ hoàn toàn mới do Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia ra mắt đã khiến các học giả vật lý tính toán tiên phong quốc tế cảm thấy hoàn toàn mới mẻ mới mẻ tinh khôi sáng bừng con mắt.

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Tính từ

#1003

耳熟能详

ěrshúnéngxiáng

quen thuộc quen tai, nghe quen thuộc vanh vách

两弹一星功勋科学家隐姓埋名、无私奉献的感人事迹在中华大地上耳熟能详，激励着一代代青年勇攀科学高峰。

Liǎng dàn yī xīng gōng gōng xūn kē xué jiā yǐn xìng mái míng, wú sī fèng xiàn de gǎn rén shì jì zài zhōng huá dà dì shàng ěr shú néng xiáng, jī lì zhē yǐ dài dài qīng nián yǒng pān kē xué gāo fēng.

Những câu chuyện cảm động cống hiến quên mình, ẩn danh giấu tên của các nhà khoa học có công lao Hai bom một vệ tinh đã quen thuộc quen tai quen thuộc vanh vách trên khắp mảnh đất Trung Hoa, khích lệ từng thế hệ thanh niên đứng cảm treo lên đỉnh cao khoa học.

HSK 7-9
(3.0)Thành ngữ / Động
từ #1004

耳闻目睹

ěr wén mù dǔ

tai nghe mắt thấy, tận mắt chứng
kiến tận tai nghe thấy

国际访问学者在中国大科学工程施工现场
耳闻目睹了中国科技建设者的高效与严
谨，由衷赞叹中国科技发展的惊人速度。

Guó jì fǎng wèn xué zhě zài zhōng guó dà kē
xué gōng chéng shī gōng xiàn chǎng ěr wén mù
dǔ le zhōng guó kē jì fā zhǎn de ài rén sù dù.

Các học giả thỉnh giảng quốc tế tại hiện
trường thi công công trình khoa học lớn
Trung Quốc đã tận mắt chứng kiến tai nghe
mắt thấy sự nghiêm cẩn và hiệu quả cao của
những người xây dựng khoa học công nghệ
Trung Quốc, hết lòng thán phục tốc độ phát
triển đáng kinh ngạc của khoa học công
nghệ Trung Quốc.

35 nét

HÁN VIỆT: NHĨ VĂN MỤC ĐỒ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1005

二手车

èr shǒu chē

xe đã qua sử dụng, xe cũ ô tô cũ

国家新能源汽车大数据溯源平台实现了对
二手车动力电池健康状态与全生命周期安
全性能的高精度数字化评估。

Guó jiā xīn néng yuán qì chē dà shù jù sù yuán
píng tái shí xiàn le duì ěr shǒu chē dòng lí diàn
chí jiàn kāng zhuàng tài yǔ quán shēng mìng
zhōu qī ān quán xìng néng de gāo jīng dù shù zì
huà píng gū.

Nền tảng truy xuất nguồn gốc dữ liệu lớn xe
năng lượng mới quốc gia đã thực hiện việc
đánh giá số hóa độ chính xác cao đối với tính
năng an toàn toàn bộ vòng đời và trạng thái
sức khỏe của pin động lực xe cũ xe đã qua
sử dụng.

35 nét

HÁN VIỆT: NHỊ THỦ XA

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1006

二氧化碳

èr yǎng huà tàn

khí các-bô-níc, carbon dioxide
(CO₂)

我国成功建成了百万吨级碳捕集、利用与封
存示范工程，将工业尾气中的二氧化碳直接
转化为高附加值化学品。

Wǒ guó chéng gōng jiàn chéng le bǎi wàn dùn jí
tàn bǔ jí, lì yòng yǔ fēng cún shì fàn gōng chéng,
jiāng gōng yè wèi qì zhōng de èr yǎng huà tàn zhí
jiē zhuān huà wéi gāo fù jiā zhí huà xué pǐn.

Nước ta đã xây dựng thành công dự án trình
diễn thu giữ, sử dụng và lưu trữ carbon (CCUS)
quy mô triệu tấn, trực tiếp chuyển hóa khí
carbon dioxide trong khí thải công nghiệp
thành các sản phẩm hóa chất có giá trị gia
tăng cao.

35 nét

HÁN VIỆT: NHỊ DƯỠNG HOA THÁN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1007

发布会

fā bù huì

buổi họp báo, lễ công bố ra mắt

在国务院新闻办公室举行的国家重大科技
成果专题新闻发布会上，科学家代表正式
向全球公布了月球科研最新重大发现。

Zài guó wù yuán xīn wén bàn gōng shì jù xíng de
guó jiā zhòng dà kē jì chéng guó zhuān tí xīn
wén fā bù huì shàng, kē xué jiā dài biǎo zhèng
shì xiàng quán qiú gōng bō le yuè qiú kē yán zuì
xīn zhòng dà fā xiàn.

Tại buổi họp báo lễ công bố ra mắt tin tức
chuyên đề về thành quả khoa học công
nghệ trọng đại quốc gia tổ chức tại Văn
phòng Báo chí Quốc vụ viện, đại diện các
nhà khoa học đã chính thức công bố những
phát hiện trọng đại mới nhất về nghiên cứu
khoa học Mặt trăng tới toàn cầu.

33 nét

HÁN VIỆT: PHÁT BỐ HỘI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1008

发财

fā cái

làm giàu

老师鼓励大家积极发财，勇于探索新的知
识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fā cái, yǒng yú tàn suǒ xīn
de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
làm giàu, dũng cảm khám phá kiến thức
mới.

21 nét

HÁN VIỆT: PHÁT TÀI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1009

发愁

fā chóu

lo lắng, sầu muộn, phát rầu

面对眼前的困难切莫自乱阵脚、一味发愁，
冷静理清头绪才是破局的关键。

Miàn duì yǎn qián de kùn nán qiè mò zì luàn zhèn
jiǎo, yī wèi fā chóu, lěng jìng lǐ qīng tóu xù cái shì
pò jú de guān jiàn.

Đứng trước khó khăn trước mắt chớ nên
hoang mang tự lạng rối loạn bản thân và suốt
ngày rầu rĩ lo âu, bình tĩnh gỡ từng đầu mối mới
là chìa khóa tháo gỡ vấn đề.

22 nét

HÁN VIỆT: PHÁT SẦU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1010

发电机

fā diàn jī

máy phát điện, tổ máy phát điện

我国完全自主研发的全球单机容量最大百
万千瓦级水轮发电机组在白鹤滩水电站全
部平稳投产运行。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhì de quán qiú dà
nǎo jī róng liàng zuì dà bǎi wàn qiān wǎ jī shuǐ lún fā
diàn jī zǔ zài bái hè tān shuǐ diàn zhàn quán bù
píng wěn tóu chǎn yùn xíng.

Tổ máy phát điện máy phát điện turbine
nước cấp độ triệu kilowatt có công suất đơn
máy lớn nhất thế giới do nước ta hoàn toàn
tự chủ nghiên cứu chế tạo đã hoàn tất đi vào
vận hành sản xuất ổn định tại Nhà máy Thủy

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1011

发抖

fā dǒu

run rẩy, run cầm cập

在刺骨的寒风中站立了两个多小时后，他
的双手冻得忍不住微微发抖。

Zài cǐ gǔ de hán fēng zhōng zhàn lì le liǎng gè
duō xiǎo shí hòu, tā de shuāng shǒu dòng dé
rěn bú zhù wēi wēi fā dǒu.

Sau khi đứng suốt hơn hai tiếng đồng hồ
giữa cơn gió lạnh thấu xương, đôi bàn tay
của anh đã lạnh buốt đến mức run lên bần
bật.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1012

发愤图强

fā fèn tú qiáng

làm việc chăm chỉ

老师鼓励大家积极发愤图强，勇于探索新的
知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fā fèn tú qiáng, yǒng yú tàn
suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
làm việc chăm chỉ, dũng cảm khám phá kiến
thức mới.



HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ #1013

发光

fāguāng

phát quang, phát sáng tỏa sáng;
tỏa sáng tài năng

新型超长寿命稀土超高效发光纳米材料在大科学装置高能物理射线探测器中展现出了无与伦比的光转换效率。

Xīn xíng chāo cháng shòu mìng xī tǔ chāo gāo xiào fā guāng nà mǐ cái liào zài dà kē xué zhuāng zhì gāo néng wù lí shè xiàn tàn cè qì zhōng zhǎn xiàn chǔ liào wú yǔ lún bǐ de guāng zhuǎn huàn xiào lǜ.

Vật liệu nano phát quang phát sáng siêu hiệu quả đất hiếm tuổi thọ siêu dài kiểu mới đã phổ biến hiệu suất chuyển đổi ánh sáng vô song trong máy dò tia vật lý năng lượng cao của thiết bị khoa học lớn.

23 nét

HÁN VIỆT : PHÁT QUANG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1014

发火

fā huǒ

nổi giận, nổi nóng, bốc hỏa; phát
hỏa bén lửa

作为团队卓越的学术带头人，遇到科研挫折时应当理性分析根源，切忌对年轻团队成员轻易发火动怒。

Zuò wéi tuán dui zhuó yuè de xué shù dài tóu rén, yù dào kē yán cuò zhé shí yīng dāng lǐ xīng fēn xī gēn yuán, qiè jì duì nián qīng tuán dui chéng yuán qīng yì fā huǒ dòng nù.

Với tư cách là người đầu ngành học thuật xuất sắc của nhóm, khi gặp phải vấp ngã trắc trở trong nghiên cứu khoa học cần phân tích nguyên nhân gốc rễ một cách lý trí, chớ nên tùy tiện nổi giận nóng nảy với các thành viên trẻ trong đội ngũ.

20 nét

HÁN VIỆT : PHÁT HOẢ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1015

发酵

fājiào

lên men, quá trình lên men sinh học
(nghĩa đen/bóng)

合成生物学国家重点实验室成功构建了高通量智能连续生物发酵系统，大幅提高了高附加值生物医药中间体的合成产率。

Hé chéng shēng wù xué guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì chéng gōng gòu jiàn le gāo tōng liàng zhì néng lián xù shēng wù fā jiào xì tǒng, dà fú tí gāo le gāo fú jiā zhí shēng wù yī yào zhōng jiān tǐ de hé chéng chǎn lǜ.

Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia sinh học tổng hợp đã xây dựng thành công hệ thống lên men sinh học liên tục thông minh thông lượng cao, nâng cao vượt bậc sản lượng hiệu suất tổng hợp của các chất trung gian được phẩm sinh học có giá trị gia tăng cao.

22 nét

HÁN VIỆT : PHÁT ĐIỀU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1016

发掘

fājué

khai quật, phát quật khai thác, phát
hiện tìm tòi

在重大考古遗址科技考古发掘现场，科研人员综合运用环境DNA与古地磁定年技术精确还原了数千年前的古气候演变。

Zài zhòng dà kǎo gǔ yí zhǐ kē jì kǎo gǔ fā jué xiàn chǎng, kē yán rén yuán zōng hé yòng huán jīng DNA yǔ gǔ dì cí dìng nián jì shù jīng què huán yuán le shù qiān nián qián de gù qì hòu yàn biàn.

Tại hiện trường khai quật phát quật khai thác khảo cổ học khoa học công nghệ ở các di chỉ khảo cổ trọng đại, các cán bộ nghiên cứu khoa học đã vận dụng tổng hợp công nghệ xác định niên đại địa từ cổ và ADN môi trường để phục dựng chuẩn xác sự biến đổi khí hậu cổ đại cách đây hàng ngàn năm.

20 nét

HÁN VIỆT : PHÁT QUẬT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1017

发愣

fālèng

ngẩn người, ngây người thần thờ,
chết lạng

看到超级计算机模拟屏幕上完美吻合的复杂拓扑物理图谱，年轻的青年学者激动得在屏幕前发愣了许久。

Kàn dào chāo jí jì suàn jī mó nǐ píng mù shàng wán měi wěn hé de fù zá tuō pǔ wù lǐ tú pǔ, nián qīng de qīng nián xué zhě jī dòng dé zài píng mù qián fā lèng le xǔ jiǔ.

Nhìn thấy đồ phổ vật lý tô-pô phức tạp ăn khớp hoàn hảo trên màn hình mô phỏng siêu tinh, nhà học giả trẻ tuổi xúc động đến mức ngẩn người ngây người thần thờ trước màn hình hồi lâu.

21 nét

HÁN VIỆT : PHÁT LẶNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1018

发脾气

fāpíqì

nổi giận, nổi nóng cáu kỉnh, phát
cáu

面对科研攻关中遇到的暂态瓶颈，总工程师从不无端发脾气，而是沉着冷静地引导团队逐项排查物理根因。

Miàn duì kē yán gōng guān zhōng yù dào de zàn tài píng jǐng, zōng gōng chéng shī cóng bù wú duān fā pì qì, ér shì chén zhuó lěng jìng dì yǐn dǎo tuán dui zú xiàng pái chá wù lǐ gēn yīn.

Đứng trước nút thắt trạng thái tạm thời gặp phải trong vượt khó nghiên cứu khoa học, vị Tổng Kỹ sư không bao giờ nổi giận phát cáu nổi nóng vô cớ, mà trầm tĩnh điểm đàm dẫn dắt đội ngũ rà soát từng nguyên nhân gốc rễ vật lý.

34 nét

HÁN VIỆT : PHÁT TỶ KHÍ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1019

发起人

fāqǐrén

người khởi xướng, người sáng lập
khởi xướng, bên đề xuất

作为全球深空探测国际大科学计划的主要发起人和引领者，中国科学家团队赢得了全球同行的广泛赞誉。

Zuò wéi quán qiú shēn kōng tàn cè guó jì dà kē xué jì huà de zhǔ yào fā qǐ rén hé yǐn lǐng zhě, zhōng guó kē xué jiā tuán dui yíng dé le quán qiú tóng háng de guāng fàn zàn yù.

Với tư cách là người khởi xướng người sáng lập khởi xướng và người dẫn dắt chủ chốt của Kế hoạch Đại Khoa học Quốc tế Khám trắc Không gian Sâu Toàn cầu, đội ngũ các nhà khoa học Trung Quốc đã giành được sự khen ngợi rộng rãi của đồng nghiệp toàn cầu.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ #1020

发热

fā rè

phát nhiệt, tỏa nhiệt nóng lên; sốt
phát sốt

我国成功研制出超低发热、高算力密度的新型超导自旋电子芯片，彻底突破了传统硅基芯片的热功耗墙极限。

Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū chāo dī fā rè, gāo suàn lì mì dù de xīn xíng chāo dǎo zì xuán diǎn zì xīn piàn, chè dǐ pò wǎi zhuān guī jī xīn piàn de rè gōng hào qiáng jí xiàn.

Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công dòng chip điện tử spin siêu dẫn kiểu mới có mật độ sức mạnh tính toán cao và phát nhiệt tỏa nhiệt siêu thấp, đột phá triệt để giới hạn bức tường công suất nhiệt của chip gốc silicon truyền thống.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1021

发誓

fā shì

thề, thề thốt, phát thệ

青年官兵在烈士纪念碑前庄严举起右拳发誓，立志用青春和热血誓死保卫祖国万里边疆的和平与安宁。

Qīng nián guān bīng zài liè shì jì niàn bēi qián zhuāng yán jǔ qì yòu quán fā shì, lì zhì yòng qīng chūn hé rè xuè shì sǐ bǎo wèi zǔ guó wàn lǐ biān jiāng de hé píng yǔ ān níng.

Các chiến sĩ trẻ tuổi trang nghiêm giơ cao nắm tay phải phát thệ trước đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ, lập chí dùng tuổi thanh xuân và dòng máu nóng thề chết bảo vệ hòa bình và yên ổn của muôn dặm biên cương Tổ quốc.



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1022

发泄

fāxiè

trút giận, giải tỏa xả bức xúc, xả van
cảm xúc

面对外部无理技术打压，攻坚团队决不靠情绪化抱怨发泄，而是把所有斗志化作攻克关键技术实际行动。

Miàn duì wài bù wú lǐ jì shù dǎ yǎ, gōng jiān tuán duì jué bù kào qíng xù huà bào yuàn fā xiè, ér shì bǎ suǒ yǒu dòu zhì huà zuò gōng gōng kè guān jiàn hé xīn jì shù de shí jì xíng dòng.

Đứng trước sự chèn ép công nghệ vô lý từ bên ngoài, đội ngũ vượt khó tuyệt đối không dựa vào việc trút giận xả bức xúc oán trách cảm tính, mà biến tất cả ý chí chiến đấu thành hành động thực tế chinh phục các công nghệ lõi then chốt.



23 nét

HÁN VIỆT

PHÁT TIẾT

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1023

发型

fàxíng

kiểu tóc, mẫu tóc

在进驻超洁净真空大科学实验大厅前，所有科研人员均需规范佩戴特种防静电净化帽以严密包裹发型与碎发。

Zài jìn zhù chāo jié jìng zhōng dà kē xué shí yàn dà tīng qián, suǒ yǒu kē yán rén yuán jūn xū guī fàn pèi dài tè zhǒng fǎng jìng diàn jìng huà mào yǐ yán mì bāo guǒ fà xíng yǔ suǐ fā.

Trước khi tiến vào đại sảnh thực nghiệm khoa học lớn chân không siêu sạch, tất cả các cán bộ nghiên cứu khoa học đều cần đội mũ phòng sạch chống tĩnh điện đặc chủng theo đúng quy chuẩn để bảo kín hoàn toàn mái tóc kiểu tóc và tóc con vụn.



22 nét

HÁN VIỆT

PHÁT HÌNH

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Động từ

#1025

发扬光大

fāyángguāngdà

phát huy rạng rỡ, làm cho rạng danh
tỏa sáng, phát huy mạnh mẽ

新时代青年科技工作者要将老一辈科学家甘当人梯、科技报国的崇高精神代代相传并不断发扬光大！

Xīn shí dài qīng nián kē jì gōng zuò zhě yào jiāng lǎo yī bēi kē xué jiā gān dāng rén tī, kē jì bào guó de chóng gāo jīng shén dài dài xiāng chuán bìng bù duàn fā yáng guāng dà!

Những người làm khoa học công nghệ trẻ tuổi thời đại mới cần truyền tiếp qua từng thế hệ và không ngừng phát huy rạng rỡ làm cho rạng danh tỏa sáng tinh thần cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, tình nguyện làm bậc thang cho người khác của các nhà khoa học tiến bộ!



35 nét

HÁN VIỆT

PHÁT DƯƠNG QUANG ĐẠI

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ

#1026

发育

fā yù

phát triển, phát dục, tăng trưởng
(sinh lý)

国家高度重视青少年身心健康，全面推行课间十分钟阳光运动与科学膳食，保障儿童青少年骨骼与智力健康发育。

Guó jiā gāo dù zhòng shì qīng shào nián shēn xīn jiàn kāng, quán miàn tuī xíng kē xué shàn shí fēn zhōng yáng guāng yùn dòng yǔ kē xué shàn shí, bǎo zhàng ér tóng qīng shào nián gǔ gé yǔ zhì lì jiàn kāng fā yù.

Nhà nước hết sức coi trọng sức khỏe thể chất tinh thần của thanh thiếu niên, phổ biến toàn diện phong trào thể thao 10 phút giờ ra chơi cùng chế độ ăn uống khoa học, bảo đảm cho hệ xương và trí tuệ của trẻ em thanh thiếu niên phát triển khỏe mạnh.



22 nét

HÁN VIỆT

PHÁT DỤC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1024

发扬

fā yáng

phát huy, hoằng dương (truyền
thống, tinh thần)

新时代青年科技工作者要大力发扬追求真理、严谨治学、勇攀高峰的科学家精神，为建设科技强国贡献力量。

Xīn shí dài qīng nián kē jì gōng zuò zhě yào dà lì fā yáng zhuī qiú zhēn lǐ, yán jǐn zhì xué, yǒng pān gāo fēng de kē xué jiǎ jīng shén, wèi jiàn shè kē jì qiáng guó gòng xiàn lì liàng.

Cán bộ nghiên cứu khoa học công nghệ trẻ thời đại mới cần ra sức phát huy tinh thần nhà khoa học theo đuổi chân lý, nghiên cứu nghiêm cần và dũng cảm trèo lên đỉnh cao, cống hiến sức mình cho công cuộc xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.



21 nét

HÁN VIỆT

PHÁT DƯƠNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1027

发源地

fāyuándì

nơi phát nguồn, cội nguồn khởi
nguồn, cái nôi phát tích

国家综合性科学中心正加速建设成为引领世界新一轮科技革命与颠覆性产业变革的核心原创发源地。

Guó jiā zōng hé kē xué zhōng xīn zhèng jiā sù jiàn shè chéng wéi yǐn lǐng shì jiè xīn yī lún kē jì gé dé hé xīn yuán chuàng fā yuán dì.

Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia đang đẩy nhanh xây dựng trở thành cội nguồn phát nguồn nơi phát nguồn khởi nguồn nguyên bản cốt lõi dẫn dắt cuộc cách mạng công nghệ và chuyển biến sâu sắc ngành nghề mang tính cách mạng vòng mới của thế giới.



33 nét

HÁN VIỆT

PHÁT NGUYÊN ĐỊA

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1028

发作

fāzuò

phát tác, bùng phát cơn bệnh, nổi cơn
thịnh nộ

生物医药前沿攻关团队成功研发出新型纳米靶向长效抑制剂，可在几秒内迅速阻断心血管急性痉挛发作。

Shēng yào yī yǎo yào qián yán gōng guān tuán duì chéng gōng yán fā chū xīn xíng nà mí bǎ xiàng zhǎng xiào yì zhì jì, kě zài jǐ miǎo nèi xùn sù zǔ duàn xīn xuè guǎn jí xìng jīng luǎn fā zuò.

Đội ngũ vượt khó tiên phong y dược sinh học đã nghiên cứu chế tạo thành công chất ức chế tác dụng kéo dài trúng đích nano kiểu mới, có thể ngăn chặn nhanh chóng trong vài giây sự phát tác bùng phát cơn bệnh co thắt cấp tính tim mạch.



20 nét

HÁN VIỆT

PHÁT TÁC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1029

阀门

fámén

van, van xả khóa van, van điều tiết

在大科学装置液氮超低温冷却系统中，工程师严格测试了完全自主研制的特种超导绝热截止阀门密封性。

Zài dà kē xué zhuāng zhì yè rè jiē chí zhī fā mén mǐ fēng xìng. Trong hệ thống làm mát nhiệt độ cực thấp heli lỏng của thiết bị khoa học lớn, các kỹ sư đã kiểm tra nghiêm ngặt độ kín khít của chiếc van khóa van van tiết lưu ngắt nhiệt siêu dẫn đặc chủng do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo.



23 nét

HÁN VIỆT

PHIỆT MÔN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1030

帆

fān

cánh buồm, buồm đón gió (nghĩa
đen/bóng)

我国成功在轨展开了世界领先的超轻薄深空太阳帆系统，利用太阳光子微弱辐射压实现了航天器无工质推进。

Wǒ guó chéng gōng zài guī zhān kāi le shì jiè líng xiǎn de chāo qīng báo shēn kōng tài yáng fān xì tǒng, lì yòng tài yáng guāng zǐ wēi ruò fú shè yè yǎ shí xiàn le háng tiān qì wú gōng zhì tuī jìn.

Nước ta đã triển khai thành công trên quỹ đạo hệ thống cánh buồm buồm Mặt trời không gian siêu siêu mỏng nhẹ hàng đầu thế giới, lợi dụng áp suất bức xạ photon yếu ớt của Mặt trời thực hiện đẩy tàu vũ trụ không cần môi chất công tác.



12 nét

HÁN VIỆT

PHÀM



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1031

帆船

fānchuán

thuyền buồm, thuyền buồm thể thao

极地海洋无人自主科学考察帆船搭载了多参数微型气象与水文声学传感器，圆满完成了环南极长期自动科考巡航。

Jí dì hǎi yáng wú rén zì zhǔ kē xué kǎo chá fān chuán dǎ zài le duō cān shù wēi xíng qì xiàng yǔ shuǐ wén shēng xué chuán gǎn qì, yuán mǎn wán chéng le huán nán jí cháng qī zì dòng kē kǎo xún háng.

Chiếc thuyền buồm thuyền buồm khảo sát khoa học tự hành không người lái đại dương vùng cực gắn các cảm biến âm học thủy văn và khí tượng siêu nhỏ đa tham số đã hoàn thành mỹ mãn chuyến hải trình tuần tra khảo sát tự động dài hạn vòng quanh Nam Cực.

23 nét

HÁN VIỆT: PHẨM THUYỀN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1032

翻番

fānfān

tăng gấp đôi, nhân lên gấp đôi bội số

随着大科学工程二期高亮度束流装置全面投运，该国家实验室年均承接基础前沿交叉实验的能力实现了成倍翻番。

Suí zhe dà kē xué gōng chéng èr qī gāo liàng dù shù liú zhuāng zhì quán miàn tóu yùn, gāi guó jiā shí yàn shì nián jūn chéng jiē jī chǔ qián yán jiāo chā shí yàn de néng lì shí xiàn le chéng bèi fān fān.

Cùng với việc đưa vào vận hành toàn diện thiết bị chùm hạt độ sáng cao giai đoạn 2 công trình khoa học lớn, năng lực tiếp nhận thực nghiệm liên ngành tiên phong cơ bản bình quân hàng năm của phòng thí nghiệm quốc gia này đã thực hiện tăng gấp đôi nhân lên gấp bội.

19 nét

HÁN VIỆT: PHIÊN PHAN

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Phó từ

#1033

翻来覆去

fānláifùqù

trần trọc thao thức, lặp đi lặp lại nhiều lần, suy đi tính lại

为了推导出超微观理论中最关键的一个能量守恒方程，理论物理学家在草稿纸上翻来覆去验算了上百遍。

Wèi le tuī dǎo chāo wēi guān lǐ lùn zhōng guān jiàn de yí gè néng liàng shǒu héng fǎng chéng fāng, lǐ lùn wù lǐ xué jiā zài cǎo gǎo zhǐ shàng fān lái fù qù yǎn suàn le shàng bǎi biān.

Để suy diễn ra một phương trình bảo toàn năng lượng then chốt nhất trong lý thuyết vi mô siêu dẫn, nhà vật lý lý thuyết đã tính toán kiểm tra đi kiểm tra lại lặp đi lặp lại nhiều lần suy đi tính lại hàng trăm lần trên giấy nháp.

35 nét

HÁN VIỆT: PHIÊN LAI PHỨC KHỨ

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Tính từ

#1034

翻天覆地

fāntiānfùdì

long trời lở đất, đổi thay nghiêng trời lệch đất, thay đổi thần kỳ

数十载科技攻坚让我国制造业发生了翻天覆地的历史性巨变，形成了全球唯一拥有联合国全部工业门类的完整体系。

Shù shí zài kē jì gōng jiǎn ràng wǒ guó zhì zào yè fā shēng le fān tiān fù dì de lì shǐ xìng jù biàn, xíng chéng le quán qiú wéi yī yǒng yǒu lián hé guó quán bù gōng yè mén lèi de wán zhěng tǐ xì.

Mấy chục năm vượt khó khoa học công nghệ đã khiến ngành chế tạo nước ta có sự đổi thay long trời lở đất nghiêng trời lệch đất mang tính lịch sử, hình thành nên hệ thống hoàn chỉnh duy nhất trên toàn cầu sở hữu toàn bộ các ngành công nghiệp của Liên Hợp Quốc.

35 nét

HÁN VIỆT: PHIÊN THIÊN PHỨC ĐỊA

HSK 7-9 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#1035

凡

fán

phàm là, hễ là; cõi trần trần thế (fánchén)

大科学工程管理制度严格明确：凡涉及核心控制软件与关键硬件变更，必须经专家组集体严密论证并签字备案。

Dà kē xué gōng chéng guǎn lǐ zhì dù yán gé míng què: fán shè jí hé xīn kòng zhì ruǎn jiàn yǔ guān jiàn yìng jiàn biàn gēng, bì xū jīng zhuān jiā zǔ jí tí yán mì lùn zhèng bìng qiān zì bèi àn.

Quy chế quản lý công trình khoa học lớn nêu rõ ràng nghiêm ngặt: phàm là hễ là mọi việc liên quan đến thay đổi phần cứng then chốt và phần mềm điều khiển cốt lõi, bắt buộc phải qua Hội đồng Chuyên gia tập thể luận chứng chặt chẽ và ký tên lưu hồ sơ.

11 nét

HÁN VIỆT: PHẨM

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1036

烦闷

fánmèn

phiền muộn, bức bối chán chường, sầu não

科研人员在面对看似难以逾越的物理瓶颈时，通过与跨学科同行深入交流探讨，成功排解了内心的暂时烦闷。

Kē yán rén yuán zài miàn duì kàn shì nán yǐ yuè de wù lǐ píng jǐng shí, tōng guò yǔ kuà xué kē tóng háng shēn rù jiāo liú tàn tǎo, chéng gōng pǎi jiě le nèi xīn de zàn shí fán mèn.

Cán bộ nghiên cứu khoa học khi đối mặt với nút thắt vật lý tưởng chừng không thể vượt qua, thông qua việc trao đổi thảo luận sâu sắc với các đồng nghiệp liên ngành, đã giải tỏa thành công nỗi phiền muộn bức bối chán chường tạm thời trong lòng.

25 nét

HÁN VIỆT: PHIÊN MUỘN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1037

烦恼

fánnǎo

phiền não, buồn phiền

生活中遇到烦心事在所难免，学会向好友倾诉或去户外运动能有效排解内心的烦恼。

Shēng huó zhōng yù dào fán xīn shì zài suǒ nán miǎn, xué huì xiàng hǎo yǒu qīng sù huò qù hù wài yùn dòng néng yǒu xiào pǎi jiě nèi xīn de fán nǎo.

Trong cuộc sống gặp phải chuyện phiền lòng là điều khó tránh, học cách giải bày cùng bạn thân hoặc chơi thể thao ngoài trời sẽ giúp xua tan những nỗi phiền muộn trong lòng.

26 nét

HÁN VIỆT: PHIÊN NẢO

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1038

烦躁

fánzào

nóng nảy bức bối, bồn chồn cáu kỉnh, sốt ruột

做前沿纳米级超精密测量实验需要极强的定力，决不能有丝毫急于求成或烦躁不安的情绪波动。

Zuò qián yán nà mí jī chāo jīng mì cè liáng shí yàn xū yào jí qiáng de dìng lì, jué bù néng yǒu sī hào jí yú qiú chéng huò fán zào bù ān de qíng xù bō dòng.

Làm thực nghiệm đo lường siêu chính xác cấp độ nano tiên phong đòi hỏi định lực cực kỳ mạnh mẽ, tuyệt đối không được có chút dao động cảm xúc nóng vội muốn mau thành công hay bồn chồn cáu kỉnh nóng nảy bức bối nào.

26 nét

HÁN VIỆT: PHIÊN TÁO

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1039

繁华

fán huá

phồn hoa, sầm uất, hoa lệ náo nhiệt

夜幕降临，浦江两岸流光溢彩、高楼林立，展现了现代化国际大都市繁华昌盛的迷人风采。

Yè mù jiàng lín, pǔ jiāng liǎng àn liú guāng yì cǎi, gāo lóu lín lì, zhǎn xiàn le xiàn dài huà guó jì dà dū shì fán huá chāng shèng de mí rén fēng cǎi.

Màn đêm buông xuống, hai bờ sông Hoàng Phố ánh đèn rực rỡ lung lẫy, các tòa cao ốc mọc lên san sát, phố diễn vẻ đẹp quyến rũ phồn hoa hưng thịnh của một đại đô thị quốc tế hiện đại hóa.

22 nét

HÁN VIỆT: PHỒN HOA



HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1040

繁忙

fán máng

bận rộn

在面对复杂的挑战时，保持繁忙的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí fán máng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái bận rộn đặc biệt quan trọng.

20 nét

HÁN VIỆT: PHỒN MANG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1041

繁体字

fán tǐ zì

chữ Hán phồn thể

国家珍贵古籍文献与甲骨文、金石碑刻的研究整理，需要研究人员熟练掌握繁体字与古代文字学功底。

Guó jiā zhēn guì gǔ jí wén xiàn yǔ jiǎ gǔ wén, jīn shí bēi kè de yǎn jiū zhěng lǐ, xū yào yán jiū rén yuán shù liàn zhǎng wò fán tǐ zì yǔ gǔ dài wén zì xué gōng dǐ.

Công tác nghiên cứu và chỉnh lý văn thư cổ tịch quý hiếm quốc gia cùng văn tự giáp cốt, văn bia kim thạch đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải nắm vững tinh thông chữ Hán phồn thể cùng nền tảng cổ văn tự học sâu sắc.

29 nét

HÁN VIỆT: PHỒN THỂ TỰ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1042

繁重

fán zhòng

nặng nề, bộn bề vất vả, nặng nhọc gian truân

在大科学装置连续高负荷运行期间，运行维护团队克服了任务繁重与人员轮班紧张等重重困难，确保了零故障安全运行。

Zài dà kē xué zhuāng zhì lián xù gāo fù hè yùn xíng qī jiān, yùn xíng wéi hù tuán duì kè fú le wú fán zhòng yǔ rén yuán lún bān jīn zhāng dēng chóng chóng kùn nán, què bǎo le líng gù zhàng ān quán yùn xíng.

Trong thời gian thiết bị khoa học lớn vận hành tải trọng cao liên tục, đội ngũ vận hành bảo trì đã khắc phục muôn vàn khó khăn như luân phiên nhân sự căng thẳng và nhiệm vụ nặng nề bộn bề vất vả, bảo đảm an toàn vận hành không có sự cố.

19 nét

HÁN VIỆT: PHỒN TRÙNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1043

反驳

fǎn bó

bác bỏ, phản bác, cãi lại bằng lý lẽ

在国际学术答辩会上，我国青年学者用无可辩驳的详实实验数据与严密逻辑，有力反驳了国外同行的质疑。

Zài guó jì xué shù dá biàn huì shàng, wǒ guó qīng nián xué zhě yòng wú kě biàn bó de xiáng shí shí yàn shù jù yǔ yán mì luò jí, yǒu lì fǎn bó le guó wài tóng háng de zhì yí.

Tại buổi bảo vệ học thuật quốc tế, nhà học giả trẻ nước ta bằng những số liệu thực nghiệm chi tiết xác thực không thể chối cãi cùng lập luận logic chặt chẽ đã phản bác đánh thép sự nghi ngờ của các đồng nghiệp nước ngoài.

24 nét

HÁN VIỆT: PHẢN BÁC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1044

反差

fǎn chā

độ tương phản, sự tương phản đối lập rõ rệt

老科学家在极其艰苦朴素的生活条件与他在前沿科学领域取得的举世瞩目的辉煌成就之间，形成了令人肃然起敬的鲜明反差。

Lǎo kē xué jiā zài jí jǐ jiān kǔ pǔ shù de shēng huó tiáo jiàn yǔ tā zài qián yán kē xué lǐng yù qǔ dé de jù shì zhǔ mù huī huáng chéng jiù jiū zhī jiān, xíng chéng le lìng rén sù rán qǐ jīng de xiān míng fǎn chā.

Giữa điều kiện sinh hoạt cực kỳ mộc mạc gian khổ của vị nhà khoa học lão thành và thành tựu huy hoàng khiến toàn thế giới đối nhìn mà ông đạt được trong lĩnh vực khoa học tiên phong, đã tạo nên một sự tương phản đối lập độ tương phản rõ rệt khiến người ta kính cẩn nghiêng mình.

22 nét

HÁN VIỆT: PHẢN SAI

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1045

反常

fǎn cháng

bất thường, khác thường, dị thường

受全球气候变暖加剧影响，近年来全球多地频繁出现极高温、极端干旱与反常特大暴雨等极端气候事件。

Shòu quán qiú qì hòu biàn nuǎn jiā jù yǐng xiǎng, jìn nián lái quán qiú duō dì pín fán chū xiàn jí gāo wēn, jí duǎn gān hàn yǔ fǎn cháng tè dà bào yǔ děng jí duǎn qì hòu shì jiàn.

Do ảnh hưởng ngày càng trầm trọng của sự nóng lên toàn cầu, những năm gần đây tại nhiều nơi trên thế giới đã liên tục xuất hiện các hiện tượng khí hậu cực đoan như nhiệt độ cực cao, hạn hán khốc liệt và những trận mưa lớn dị thường bất thường.

26 nét

HÁN VIỆT: PHẢN THƯỜNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1046

反弹

fǎn tán

bật lại, phục hồi bật tăng trở lại; phản tác dụng

在大科学工程深部地下实验室特种高韧性支护衬砌结构保护下，洞室围岩在极限深地应力释放后未发生任何破坏性反弹。

Zài dà kē xué gōng chéng shēn bù dì xià shí yàn shì zhōng gāo rěn xìng zhī hù cún qì jié gòu bǎo hù xià, dòng shì wéi yán zài jí xiàn shēn dì yīng lì shí fàng hòu wèi fā shēng rǎn hé pò huài xíng fǎn tán.

Dưới sự bảo vệ của kết cấu lớp lót chống đỡ độ dẻo dai cao đặc chủng phòng thí nghiệm dưới lòng đất sâu của công trình khoa học lớn, đá vây quanh hầm lò sau khi giải phóng ứng suất lòng đất sâu giới hạn đã không phát sinh bất kỳ sự phản chấn bật lại có tính phá hoại nào.

HSK 7-9 (3.0)

Phó từ

#1047

反倒

fǎn dào

ngược lại, trái lại, hóa ra lại

外部个别势力的单边技术打压不仅没有压垮我们的高科技产业，反倒极大倒逼激发了全行业自主攻坚的创新斗志。

Wài bù gè bié shì lì de dān biān jì shù dǎ yā bù jǐn méi yǒu yā kuǎ wǒ men de gāo kē jì chǎn yè, fǎn dào jí dà dào bī jī fā le quán háng yè zì zhǔ gōng jiàn de chuàng xīn dòu zhì.

Sự chèn ép công nghệ đơn phương của một số thế lực bên ngoài không những không thể đè bẹp được ngành công nghệ cao của chúng ta, mà trái lại còn thúc đẩy khơi dậy mạnh mẽ ý chí chiến đấu đổi mới sáng tạo tự chủ vượt khó của toàn ngành.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#1048

反感

fǎn gǎn

phản cảm, ác cảm, bất mãn

在网络舆论空间中，广大网民对恶意造谣传谣、煽动网络暴力等侵犯他人隐私的恶劣行为深感厌恶与反感。

Zài wǎng luò yú lùn kōng jiān zhōng, guǎng dà wǎng mín duì yù yì zào yáo chuán yáo, shān dòng wǎng luò bào lì děng qīn fàn tā rén yīn sī de è liè xíng wéi shēn gǎn yàn wù yǔ fǎn gǎn.

Trong không gian dư luận trên mạng, đồng bào cư dân mạng cảm thấy vô cùng chán ghét và phản cảm trước các hành vi xấu xa xâm phạm quyền riêng tư của người khác như cố tình bịa đặt lan truyền tin đồn và kích động bạo lực mạng.



HSK 7-9 (3.0)

Cụm từ / Phó từ #1049

反过来

fǎnguolai

ngược lại, xét theo chiều ngược lại,
trái lại

基础科学研究的重大原创突破催生了前沿战略产业，而战略产业的飞速发展又反过来为基础研究提供了更强大的装备技术支撑。

Jī chǔ kē xué yán jiū de zhòng dà yuán chuàng tū pò cuī shēng le qián yán zhàn lüè chǎn yè, ér zhàn lüè chǎn yè de fēi sù fā zhǎn yòu fǎn guò lái wèi jī chǔ yán jiū tí gòng le gèng qiáng dà de zhuāng bèi jī shù zhī chēng.

Những bước đột phá nguyên tác trọng đại của nghiên cứu khoa học cơ bản đã sinh ra các ngành nghề chiến lược tiên phong, mà sự phát triển nhanh như vũ bão của các ngành nghề chiến lược lại ngược lại xét theo chiều ngược lại mang đến sự năng nổ công nghệ trang thiết bị mạnh mẽ hơn cho nghiên cứu cơ bản.

32 nét

HÁN VIỆT: PHẢN QUÁ LAI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1050

反击

fǎnjī

phản công, giáng trả đánh trả, phản kích

我们在关键核心技术上的完全自主突破，是对外部一切单边霸凌与非法技术封锁最有力的战略反击！

Wǒ men zài guān jiàn hé xīn jì shù shàng de wán quán zì zhǔ tú pò, shì duì wài bù yī qiè dān biān bā líng yǔ fēi fǎ jī shù fēng suǒ zuì yǒu lì de zhàn lüè fǎn jī!

Bước đột phá hoàn toàn tự chủ của chúng ta trên các công nghệ lõi then chốt chính là đòn giáng trả phản công phản kích chiến lược đánh thép có sức mạnh nhất đối với mọi sự phong tỏa công nghệ phi pháp và bất nạt bá quyền đơn phương từ bên ngoài!

22 nét

HÁN VIỆT: PHẢN KÍCH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1051

反馈

fǎn kuì

phản hồi, ý kiến phản hồi; cơ chế phản hồi (điều khiển)

政务服务平台建立了实时在线用户满意度评价与意见反馈闭环机制，持续推动公共服务流程优化升级。

Zhèng wù fú wù píng tái jiàn lì le shí shí zài xiàn yòng hù mǎn yì dù píng jià yǔ yì jiàn fǎn kuì bì huán jī zhì, chí xù tuī dòng gōng gòng gòng fú wù liú chéng yōu huà shēng jí.

Nền tảng dịch vụ hành chính công đã thiết lập cơ chế khép kín về đánh giá mức độ hài lòng của người dùng và phản hồi ý kiến trực tuyến theo thời gian thực, không ngừng thúc đẩy tối ưu hóa nâng cấp quy trình dịch vụ công.

27 nét

HÁN VIỆT: PHẢN QUỶ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Tính từ #1052

反面

fǎn miàn

mặt trái, mặt đối lập; bài học tiêu cực

党风廉政教育基地通过剖析严重违纪违法典型案件，以案为鉴发挥了强有力的反面警示教育震慑作用。

Dǎng fēng lián zhèng jī yào yù jī dì tōng guò pōu xī yán zhòng wéi fǎ wéi fǎ diǎn xíng àn lì, yǐ àn wéi jiàn fā huī le qiáng yǒu lì de fǎn miàn jīng shì jiào yù zhèn shè zuò yòng.

Căn cứ Giáo dục Liêm chính Tác phong Đảng thông qua việc mổ xẻ phân tích các án lệ điển hình vi phạm kỷ luật và pháp luật nghiêm trọng, lấy án làm gương đã phát huy tác dụng răn đe giáo dục cảnh tỉnh từ mặt trái tiêu cực vô cùng mạnh mẽ.

23 nét

HÁN VIỆT: PHẢN DIỆN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1053

反省

fǎnxǐng

tự kiểm điểm, tự suy ngẫm nhìn nhận lại, phản tỉnh

在每一次大科学工程试验阶段性复盘，团队深入查找技术薄弱环节与管理疏漏，以深刻的反省推动系统持续优化完善。

Zài měi yī cì dà kē xué gōng chéng shì yàn jiē duàn xíng fù pán zhōng, tuán duì shēn rù zhǎo chá jī shù bó ruò huán jié yǔ guǎn lǐ shū lòu, yǐ shēn kè de fǎn xǐng tuī dòng xì tǒng chí xù yōu huà wán shàn.

Trong mỗi lần phục bản đánh giá tổng kết giai đoạn thử nghiệm công trình khoa học lớn, đội ngũ đã đi sâu tìm kiếm các mắt xích công nghệ yếu kém và sơ hở quản lý, dùng sự tự kiểm điểm tự suy ngẫm phản tỉnh sâu sắc để thúc đẩy hệ thống liên tục tối ưu hóa hoàn thiện.

22 nét

HÁN VIỆT: PHẢN TỈNH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1054

反思

fǎn sī

suy ngẫm lại, tự soi xét, phản tư

面对复杂科技工程试验中出现的技术波动，攻关团队深入开展故障归零与机理反思，彻底排除了技术隐患。

Miàn duì fù zá kē jì gōng chéng shì yàn zhōng chū xiàn de jī shù bō dòng, gōng guān tuán duì shēn rù kāi zhǎn gù zhàng guī líng yǔ jī lǐ fǎn sī, chè dǐ pái chú le jī shù yīn huàn.

Đứng trước những biến động kỹ thuật xuất hiện trong các đợt thử nghiệm công trình khoa học công nghệ phức tạp, đội ngũ nghiên cứu đã đi sâu triển khai quy trình đưa sự cố về số không và tự suy ngẫm soi xét lại cơ chế, loại bỏ triệt để các nguy cơ tiềm ẩn về kỹ thuật.

21 nét

HÁN VIỆT: PHẢN TƯ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1055

返还

fǎnhuán

hoàn trả, trả lại hoàn lại, hoàn vốn

国家出台全面普惠政策，对高新技术研发投入强度达标的企业按比例足额返还研发费用加计扣除税收红利。

Guó jiā chū tái quán miàn pǔ huì zhèng cè, duì gāo xīn jì shù yán fā tóu rù qiáng dù dǎ biāo de qǐ yè àn bǐ lì zú é fǎn huán yán fā fèi yòng jiā jì kǒu chū shuì shōu hóng lì.

Nhà nước ban hành chính sách phổ huệ toàn diện, thực hiện hoàn trả hoàn lại đầy đủ theo tỷ lệ nguồn lợi thuế khấu trừ gia tăng chi phí nghiên cứu phát triển cho các doanh nghiệp có cường độ đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ cao đạt chuẩn.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1056

犯愁

fǎn chóu

lo âu rầu rĩ, lo lắng đau đầu (khẩu ngữ)

过去因为缺少高端自主仪器设备而常常犯愁的青年科研团队，如今依托国家大科学装置平台开展前沿探索信心倍增。

Guò qù yīn wéi quē shǎo gāo duān zì zhǔ yī qì shè bèi ér cháng cháng fǎn chóu de qīng nián kē yán tuán duì, rú jīn yī tuō guó jiā dà kē xué zhuāng zhì pǐn tái kāi zhǎn qián yán tàn suǒ xìn xīn bèi zēng.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học trẻ tuổi trước thường phải lo âu rầu rĩ đau đầu vì thiếu thốn trang thiết bị dụng cụ cao cấp tự chủ, ngày nay dựa vào nền tảng thiết bị khoa học lớn quốc gia để triển khai khám phá tiên phong đã nhàn lên gấp bội sự tự tin.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ #1057

泛滥

fàn làn

tràn lan, tràn ngập, lụt lội; bừa bãi

国家依法严厉打击网络虚假信息与侵权盗版行为，坚决防止各类低俗有害信息在青少年群体中泛滥传播。

Guó jiā yī fǎ yán lì dǎ jī wǎng lù xū wǎng luò xū jiǎ xìn xī yǔ qīn quán dào bản xíng wéi, jiǎn jué fáng zhǐ gè lèi dī sù yǒu hài xìn xī zài qīng shào nián qún tǐ zhōng fàn làn chuán bō.

Nhà nước xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật đối với các hành vi xâm phạm bản quyền đạo nhái và thông tin giả mạo trên mạng, kiên quyết ngăn ngừa mọi loại thông tin độc hại dung tục tràn lan phát tán trong giới thanh thiếu niên.



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1058

饭碗

fànwǎn

bát cơm, chén cơm sinh kế (nghĩa đen/bóng)

中国人的饭碗任何时候都要牢牢端在自己手中，我们的饭碗应该主要装中国粮，关键依靠农业科技自立自强！

Zhōng guó rén de fàn wǎn rèn hé shí hòu dōu yào láo láo duān zài zì jǐ shǒu zhōng, wǒ men de fàn wǎn yīng gāi zhǔ yào zhuāng zhōng guó liáng, guān jiàn yī kào nóng yè kē jì zì lì zì qiáng!

Bát cơm chén cơm sinh kế của người Trung Quốc trong bất kỳ thời điểm nào cũng phải bung thật chắc trong tay mình, bát cơm của chúng ta phải chủ yếu chứa lương thực Trung Quốc, then chốt dựa vào tự chủ tự cường khoa học công nghệ nông nghiệp!

17 nét

HÁN VIỆT: PHẠM OẢN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1059

范畴

fàn chóu

phạm trù, lĩnh vực, khuôn khổ

量子信息与人工智能等前沿技术的交叉深度融合，已经远远超越了传统经典计算机科学的理论范畴。

Liàng zǐ xìn xī yǔ rén gōng zhì néng děng qián yán jì shù de jiāo chā shēn dù róng hé, yǐ jīng yuǎn yuǎn chāo yuè le chuán tǒng jīng diǎn jī suàn jī kē xué de lǐ lùn fàn chóu.

Sự kết hợp giao thoa chuyên sâu giữa các công nghệ mũi nhọn như thông tin lượng tử và trí tuệ nhân tạo đã vượt xa ra ngoài phạm trù lý thuyết của khoa học máy tính cổ điển truyền thống.

21 nét

HÁN VIỆT: PHẠM TRÙ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1060

贩卖

fàn mài

bán

老师鼓励大家积极贩卖，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fàn mài, yǒng yǔ tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bán, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

24 nét

HÁN VIỆT: PHIỄN MẠI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#1061

方方面面

fāngfāngmiànmiàn

mọi phương diện, các mặt các khía cạnh toàn diện

国家实验室制定了涵盖科研伦理、数据安全、设备运维等方方面面的严密规章制度体系。

Guó jiā shí yàn shì zhì dìng le hán gài kē yán lún lǐ, shù jù ān quán, shè bèi yùn wéi děng fāng fāng miàn miàn de yán mì guī zhāng zhì dù tǐ xī.

Phòng thí nghiệm quốc gia đã chế định hệ thống quy chế quy chuẩn nghiêm ngặt bao hàm các mặt các khía cạnh mọi phương diện như vận hành bảo trì thiết bị, an toàn dữ liệu, đạo đức nghiên cứu khoa học.

35 nét

HÁN VIỆT: PHƯƠNG PHƯƠNG DIỆN DIỆN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1062

方向盘

fāngxiàngpán

vô lăng, tay lái bánh lái

搭载完全自主研发无人驾驶系统的智能重卡实现了无方向盘全自动无人作业，在封闭港口矿区实现全天候安全运行。

Dā zài wán quán zì zhǔ yǎn fǎ wú rén jià shǐ xì tǒng de zhì néng zhòng kǎ shí xiàn liáo wú fāng xiàng pán quán zì dòng wú rén zuò yè, zài fēng bì gǎng kǒu kuàng qū shí xiàn quán tiān hòu ān quán yùn xíng.

Xe tải hạng nặng thông minh gắn hệ thống lái tự động không người lái do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã thực hiện thao tác không người hoàn toàn tự động không cần vô lăng tay lái, vận hành an toàn 24/7 tại các khu mỏ và bến cảng khép kín.

30 nét

HÁN VIỆT: PHƯƠNG HƯỚNG BÀN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1063

方言

fāng yán

tiếng địa phương, phương ngôn

国家语言文字工作委员会大力推进中国语言资源保护工程，对全国各地的特色汉语方言与少数民族语言进行系统抢救性采录整理。

Guó jiā yǔ yán wén zì gōng zuò wéi yuán huì dà lì tuī jìn zhōng guó yǔ yán zī yuán bǎo hù gōng chéng, duì quán guó gè dì de tè sè hàn yǔ fāng yán yǔ shǎo shù mín zú yǔ yán jīn xíng xì tǒng qiǎng jiù xíng cái lù zhěng lǐ.

Ủy ban Công tác Ngôn ngữ Văn tự Quốc gia đẩy mạnh thực thi Dự án Bảo tồn Nguồn tài nguyên Ngôn ngữ Trung Quốc, tiến hành thu âm lưu trữ và chỉnh lý cứu hộ cổ hệ thống đối với các phương ngôn tiếng Hán đặc sắc cùng ngôn ngữ các dân tộc thiểu số trên khắp cả nước.

23 nét

HÁN VIỆT: PHƯƠNG NGÔN

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Động từ

#1064

防盗

fáng dào

chống trộm, phòng chống trộm cắp

国家珍贵深空月壤样本库采用了多重生物识别与微波量子防盗传感联锁防护系统，确保科研国宝万无一失。

Guó jiā zhēn guì shēn kōng yuè rǎng yàng běn kù cǎi yòng le duō chóng shēng wù shí bié yǔ wēi bō liàng zǐ fáng dào chuán gǎn lián suǒ fáng hù xì tǒng, què bǎo kē yán guó bǎo wàn wú yī shī.

Kho mẫu đất đá Mặt trăng không gian sâu quý giá của quốc gia áp dụng hệ thống phòng hộ liên khóa

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1065

防盗门

fángdàomén

cửa chống trộm, cửa an toàn bọc thép chống trộm

国家超算中心机密核心机房安装了具备电磁屏蔽与防爆抗冲击特性的特种重型防盗门系统。

Guó jiā chāo suàn zhōng xīn jī mì hé xīn jī fáng ān zhuāng le jù bèi diàn cí píng bǐ yǔ fáng bào kàng chōng jī tè xīng de tè zhōng zhòng xíng fáng dào mén xì tǒng.

Phòng máy cốt lõi cơ mật của Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia được lắp đặt hệ thống cửa

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1066

防护

fáng hù

phòng hộ, bảo vệ che chở, trang bị bảo hộ

我国成功研制出新一代轻质超高强多层航天辐射防护复合材料，为航天员长期深空驻留提供了安全生命屏障。

Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū xīn yí dài qīng zhì chāo gāo qiáng duō céng háng tiān fú shè fáng hù wù hé cái liào, wèi háng tiān yuán cháng qī shēn kōng zhù liú tí gōng le ān quán shēng mìng píng zhàng.

Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công vật liệu composite phòng hộ bảo vệ chống bức xạ hàng không vũ



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1067

防火墙

fáng huǒ qiáng

tường lửa mạng, vách ngăn chống cháy (nghia đen/bóng)

国家大科学装置核心内网部署了完全自主可控的下一代高通量智能硬件防火墙，坚决阻断一切外部恶意攻击入侵。

Guó jiā dà kē xué zhuāng zhī hé nèi wǎng bù zhǔ le wán quán zì zhǔ kòng kě de xià yí dài gāo tōng liàng zhì néng yǐng jiàn fáng huǒ qiáng, jiǎn jué zǔ duàn yí qiè wài bù è yì gōng jī rù qín.

Mạng nội bộ cốt lõi của thiết bị khoa học lớn quốc gia được bố trí tường lửa tường lửa mạng phần cứng thông minh thông lượng cao thế hệ tiếp theo hoàn toàn tự chủ kiểm soát, kiên quyết chặn đứng mọi sự xâm nhập tấn công ác ý từ bên ngoài.

33 nét

HÁN VIỆT

PHÒNG HOÀ TƯỜNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1068

防卫

fáng wèi

phòng vệ, tự vệ bảo vệ, phòng thủ

中国始终坚定奉行防御性国防政策，独立自主研发先进国防科技重器纯粹是为了维护国家主权、安全与领土完整。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng fēng xíng fáng yù xìng guó fáng zhèng cè, dú lì zì zhǔ yán fā xiān jìn guó fáng kē jì zhòng qì chún cuī shì wèi le wéi hù guó jiā zhǔ quán, ān quán yǔ lǐng tǔ wán zhěng.

Trung Quốc luôn kiên định theo đuổi chính sách quốc phòng mang tính phòng ngự phòng vệ, việc độc lập tự chủ nghiên cứu phát triển các đại khí công nghệ quốc phòng tiên tiến thuần túy là vì bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và chủ quyền quốc gia.

27 nét

HÁN VIỆT

PHÒNG VỆ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1069

防汛

fáng xùn

phòng chống lũ lụt, chống lũ mùa mưa

国家水利数字孪生大模型系统全面赋能长江流域防汛抗旱精准调度，实现了流域洪水演进的厘米级高保真数字推演。

Guó jiā shuǐ lì shù zǐ luàn shēng dà mó xíng xì tǒng quán miàn fù néng cháng jiāng yú fáng xùn kàng hàn jīng zhǔn diào dù, shí xiàn le liú yù hóng shuǐ yǎn jìn de lí mǐ jí gāo bǎo zhēn shù zì tuī yǎn.

Hệ thống mô hình lớn bản sao số (Digital Twin) thủy lợi quốc gia tiếp thêm sức mạnh toàn diện cho công tác điều phối chuẩn xác phòng chống lũ lụt chống lũ mùa lũ và hạn hán lưu vực sông Trường Giang, thực hiện suy diễn số hóa độ trung thực cao cấp độ centimet về sự phát triển dòng lũ lưu vực.

27 nét

HÁN VIỆT

PHÒNG TẤN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1070

防疫

fáng yì

phòng chống dịch bệnh, kiểm dịch vệ sinh

海关卫生检疫部门全面筑牢口岸重大传染病输入防线，依托智能红外测温与核酸快速检测系统精准实施口岸防疫监管。

Hải quan yē wēi shēng jiǎn yì bù mén quán miàn zhuāng rù kǒu àn zhòng dà chuán rǎn bìng shù rù fáng xiàn, yī tuō zhì néng hóng wài cè wēn yǔ hé suān kuài sù jiǎn cè xì tǒng jīng zhǔn shí shī kǒu àn fáng yì jiān guǎn.

Cơ quan kiểm dịch y tế hải quan đã xây vững chắc phòng tuyến ngăn chặn các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm xâm nhập tại cửa khẩu, dựa vào hệ thống đo thân nhiệt hồng ngoại thông minh và xét nghiệm axit nucleic nhanh để giám sát phòng chống dịch bệnh chuẩn xác.

24 nét

HÁN VIỆT

PHÒNG DỊCH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1071

防御

fáng yù

phòng thủ, phòng vệ, phòng vệ chiến lược

我国始终奉行防御性的国防政策，军队始终是维护国家主权、安全和世界和平的坚定和力力量。

Wǒ guó shǐ zhōng fēng xíng fáng yù xìng de guó fáng zhèng cè, jūn duì shǐ zhōng shì wéi hù guó jiā zhǔ quán, ān quán hé shì jìè hé píng de jiǎn dìng hé píng lì liàng.

Nước ta luôn thực thi chính sách quốc phòng mang tính phòng vệ, quân đội luôn là lực lượng hòa bình kiên định bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia và hòa bình thế giới.

24 nét

HÁN VIỆT

PHÒNG NGỰ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1072

妨碍

fáng ài

cản trở, gây trở ngại, làm vướng

在狭窄的楼道内堆放杂物不仅妨碍邻里日常通行，更存在极大的消防安全隐患。

Zài xiǎo zhǎi de lóu dào nèi duī fàng zá wù bù jǐn fáng ài lín lí rì cháng tōng xíng, gèng cún zài jí dà de xiǎo fáng ān quán yīn huàn.

Việc xếp đồ đạc bừa bãi trong hành lang nhỏ hẹp không chỉ cản trở việc đi lại hàng ngày của hàng xóm láng giềng mà còn tiềm ẩn nguy cơ an toàn phòng cháy chữa cháy rất lớn.

27 nét

HÁN VIỆT

PHƯƠNG NGẠI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1073

妨害

fáng hài

phương hại, cản trở gây tổn hại, làm phương hại

任何形式的学术不端与虚假造假行为，都会严重妨害科学探索的求真本质并败坏学术生态。

Rèn hé xíng shì de xué shù bù duān yǔ xū jiǎ zào xíng wéi, dū huì yán zhòng fáng hài kē xué tàn suǒ de qiú zhēn běn zhì bìng huài xué shù shēng tài.

Bất kỳ hình thức hành vi làm giả giả mạo và sai trái học thuật nào cũng đều sẽ phương hại cản trở gây tổn hại nghiêm trọng đến bản chất kiểm tìm chân lý của khám phá khoa học và làm suy đồi hủy hoại hệ sinh thái học thuật.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1074

房地产

fáng dì chǎn

bất động sản, ngành địa ốc

我国经济发展动能加快从过度依赖传统房地产转向依靠以高科技创新与现代制造业为主导的新质生产力。

Wǒ guó jīng jì fā zhǎn dòng néng jiā kuài cóng guò dù yī lǎi chuán tǒng fáng dì chǎn zhuǎn xiàng yī kào yǐ gāo kē jì chuàng xīn yǔ xiān dài zhì zǎo yè wéi zhǔ dǎo de xīn zhì shēng chǎn lì.

Động năng phát triển kinh tế nước ta ngày càng nhanh chuyển biến từ chỗ phụ thuộc quá mức vào bất động sản địa ốc truyền thống sang dựa vào lực lượng sản xuất chất lượng mới lấy ngành chế tạo hiện đại và đổi mới sáng tạo công nghệ cao làm chủ đạo.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#1075

仿

fǎng

mô phỏng, phỏng theo, bắt chước (phỏng sinh học: fǎngshēng)

我国科学家基于仿生学原理成功研制出新型耐磨抗冲击纳米结构复合材料，在深海工程装备中展现出卓越性能。

Wǒ guó kē xué jiā jī yú fǎng shēng lì xué yuán lǐ chéng gōng yán zhì chū xīn xíng nǎi mó kàng chōng jī nà mǐ jié gōu fù hé cái liào, zài shēn hǎi gōng chéng zhuāng bèi zhōng zhǎn xiàn chū zhōu yuē xìng néng.

Các nhà khoa học nước ta dựa trên nguyên lý cơ học phỏng sinh học mô phỏng phỏng theo đã nghiên cứu chế tạo thành công vật liệu composite kết cấu nano chống va đập chịu mài mòn kiểu mới, phổ biến tính năng trác việt trong trang thiết bị công trình biển sâu.

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1076

仿制

fǎngzhì

phòng chế, sao chép làm theo
mẫu, thuốc generic phòng chế

从过去的跟踪仿制全面迈向今天的原创引领，中国高科技产业走过了一条波澜壮阔的自主创新崛起之路。

Cóng guò qù de gēn zōng fǎng zhì quán miàn mài xiàng jīn tiān de yuán chuàng yīn lǐng, zhōng guó gāo kē jì chǎn yè zǒu guò le yí tiáo bō lán zhuàng kuò de zì zhǔ chuàng xīn jué qǐ zhī lù.

Từ việc bám sát phòng chế sao chép làm theo mẫu trong quá khứ tiến bước toàn diện sang dẫn dắt nguyên bản ngày nay, ngành công nghệ cao Trung Quốc đã đi qua một con đường trở dậy đổi mới sáng tạo tự chủ cuốn cuộn sống trào.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: PHÒNG CHẾ

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1077

访谈

fǎngtán

phỏng vấn tọa đàm, trò chuyện đối
thoại chuyên sâu

在国家主流媒体高端科学访谈节目中，老一辈战略科学家深情回顾了攻克大科学工程国之重器的壮阔峥嵘岁月。

Zài guó jiā zhǔ liú méi tí gāo duān kē xué fǎng tán jié mù zhōng, lǎo yī bèi zhàn lüè kè xué jiā shēn qíng huí gù le gōng kè dà kē xué gōng chéng guó zhī zhòng qì de zhuàng kuò zhēng róng suì yuè.

Trong chương trình phỏng vấn tọa đàm đối thoại khoa học cao cấp của truyền thông dòng chính quốc gia, vị nhà khoa học chiến lược lão thành đã xúc động bởi hồi nhớ lại những năm tháng chống gai trắng lệ chính phục đại khí quốc gia công trình khoa học lớn.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: PHÒNG ĐÀM

HSK 7-9
(3.0)Danh từ / Động
từ

#1078

纺织

fǎngzhī

dệt may, ngành dệt sợi

现代高性能智能纺织工业大量采用超细碳纤维、芳纶与导电纤维，广泛应用于航空航天特种防护服与高性能复合材料领域。

Xiàn dài gāo xìng néng zhī néng fǎng zhī gōng yè dà liàng cǎi yòng chāo xì tán xiān wéi, fāng lún yǔ dǎo diàn xiān wéi, guāng fàn yìng yòng yú háng kōng háng tiān tè zhōng fǎng hù fú yǔ gāo xìng néng fù hé cái liào lǐng yù.

Ngành công nghiệp dệt may thông minh hiệu năng cao hiện đại áp dụng rộng rãi sợi carbon siêu mảnh, sợi aramid và sợi dẫn điện, được ứng dụng sâu rộng trong các trang phục bảo hộ đặc chủng hàng không vũ trụ và vật liệu composite hiệu năng cao.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: PHƯỜNG CHỨC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1079

放过

fàngguò

bỏ qua, tha cho tha thứ, để lọt mất

在重大航天发射前全系统超精密质量安全复查中，工程师决不放弃任何一个细微的异常数据参数指标。

Zài zhòng dà háng tiān fā shè qián quán xì tǒng chāo jīng mì zhì liàng ān quán fù chá zhōng, gōng chéng shī jué bù fàng guò rènhé yí gè xì wēi de yí cháng shù jù cān shù zhǐ biāo.

Trong đợt phúc tra an toàn chất lượng siêu chính xác toàn hệ thống trước khi phóng tàu vũ trụ trọng đại, các kỹ sư tuyệt đối không bỏ qua để lọt mất bất kỳ một chỉ tiêu tham số số liệu dị thường tinh vi nhỏ nhặt nào.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: PHÓNG QUÁ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1080

放水

fàngshuǐ

xả nước, tháo nước (thủy điện);
nhường lợi tay (khẩu ngữ)

三峡超级水利枢纽水雨情智能预报调度系统精准指挥大坝科学调峰放水，全力确保长江中下游流域防洪安澜。

Sān xiá chāo jí shuǐ lǐ shū niǔ shuǐ yǔ qíng zhì néng yǔ bào diào dǔ xī tǒng jīng zhǔn zhǐ huī dà bà kè xué diào fēng fàng shuǐ, quán lì què bǎo zhāng jiāng zhōng xià yóu liú yǔ fáng hóng ān lán.

Hệ thống điều phối dự báo thông minh tình hình mưa lũ đầu mối thủy lợi siêu cấp Tam Hiệp đã chỉ huy chuẩn xác đập thủy điện xả nước tháo nước cắt đỉnh lũ một cách khoa học, dốc toàn lực bảo đảm lưu vực trung hạ lưu sông Trường Giang an toàn phòng chống lũ lụt.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: PHÓNG THUỶ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1081

放肆

fàngsì

cản rỡ nông cuồng, phóng túng
buông thả, xấc xược

在严谨神圣的科学真理殿堂里，容不得任何弄虚作假、学术浮夸与放肆践踏科研伦理底线的恶劣行径。

Zài yán jǐn shén shèng de kē xué zhēn lǐ diàn táng lǐ, róng bù de rèn hé nòng xuē xū kuā yǔ fàng sì jiàn tà kē yán lǐ dì xiàn de è liè xíng jīng.

Bên trong thánh đường chân lý khoa học nghiêm cần thiêng liêng, không dung thứ cho bất kỳ hành vi tối tệ dẫm đạp nông cuồng cản trở lên lần ranh đạo đức nghiên cứu khoa học, phò trương học thuật và đối trá làm giả náo.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: PHÓNG TỬ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1082

放映

fàngyìng

chiếu phim, trình chiếu phim
ảnh/tài liệu

在中国科技馆巨幕影院内，全景高清放映的大科学装置深空探索纪录片赢得了现场观众阵阵喝彩。

Zài zhōng guó kē jì guǎn jù mù yǐn yuàn nèi, quán jǐng gāo qīng fàng yǐng de dà kē xué zhuāng zhì shēn kōng tàn sù jì lù piàn yíng dé le xiàn chǎng guān zhòng zhēn zhēn hè cái.

Bên trong rạp chiếu phim vòm màn ảnh khổng lồ Bảo tàng Khoa học Kỹ thuật Trung Quốc, bộ phim tài liệu ghi thực thám trắc không gian sâu thiết bị khoa học lớn trình chiếu chiếu phim độ nét cao toàn cảnh đã nhận được những tràng pháo tay reo hò không ngớt của khán giả tại hiện trường.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1083

放置

fàngzhì

đặt để, bố trí đặt vào vị trí, gác lại

极高洁净度月球样品被严密放置在充满高纯氮气保护的多重防污染超真空手套箱内。

Jí gāo jié jīng dù yuè qiú yàng pǐn bèi yán mì fàng zhì zài chōng mǎn gāo chún ní qì bǎo hù de duō zhòng fáng wū rǎn chāo zhēn kōng shǒu tāo xiāng nèi.

Các mẫu vật Mặt trăng có độ sạch cực cao được đặt để bố trí đặt nghiêm ngặt bên trong tủ găng tay siêu chân không chống ô nhiễm đa tầng chứa đầy khí nitơ độ tinh khiết cao bảo vệ.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#1084

放纵

fàngzòng

buông thả, dung túng phóng túng,
thỏa hiệp nuông chiều

对待重大工程设计参数必须坚持极端严谨科学态度，决不允许对任何潜在安全隐患与微小误差有丝毫放纵迁就。

Duì dài zhòng dà gōng chéng shè jì cān shù bì xū jiān chí jǐ duǎn yán jīn kè xué tài dù, jué bù yǔn xǔ duì rèn hé qiǎn zài ān quán yīn huàn yǔ wēi xiǎo wù chā yǒu sì háo fàng zòng qiān jiù.

Đối với các tham số thiết kế công trình trọng đại bắt buộc phải kiên trì thái độ khoa học nghiêm cần tột cùng, tuyệt đối không cho phép có chút dung túng buông thả nuông chiều hay thỏa hiệp nào trước các sai số nhỏ và hiểm họa an toàn tiềm ẩn.



HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#1085

飞速

fēisù

nhanh như bay, thần tốc nhanh chóng, bay nhanh

我国在新一代人工智能大模型与深空探测前沿领域取得了飞速发展，多项关键指标跻身世界领先行列。

Wǒ guó zài xīn yí dài rén gōng zhì néng dà mó xíng yǔ shēn kōng tàn cè qián yán lǐng yù qū dé le fēi sù fā zhǎn, duō xiàng guān jiàn zhǐ biāo jī shēn shì jiè lǐng xiān xíng liè.

Nước ta trong lĩnh vực tiên phong thám trắc không gian sâu và mô hình lớn trí tuệ nhân tạo thế hệ mới đã đạt hải sự phát triển thần tốc nhanh như bay nhanh chóng, nhiều chỉ tiêu then chốt vươn lên hàng ngũ dẫn đầu thế giới.

25 nét

HÁN VIỆT

PHI TỐC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1086

飞往

fēi wǎng

bay tới, bay hướng về, cất cánh bay đến

我国自主研制的深空探测器经过高精度变轨机动，顺利脱离地球引力场全速飞往遥远的火星轨道。

Wǒ guó zì zhǔ yán zhì de shēn kōng tàn cè qì jīng guò gāo jīng dù biàn guǐ jī dòng, shùn lì tuō lí dì qiú yǐn lì chǎng quán sù fēi wǎng yǎo yuǎn de huǒ xīng guǐ dào.

Tàu thám trắc không gian sâu do nước ta tự chủ nghiên cứu chế tạo trải qua cơ động đổi quỹ đạo độ chính xác cao đã thuận lợi thoát khỏi trường hấp dẫn Trái đất, bay hết tốc lực bay tới bay hướng về quỹ đạo Sao Hỏa xa xôi.

24 nét

HÁN VIỆT

PHI VẮNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1087

飞翔

fēi xiáng

bay lượn, sải cánh bay lượn (trên bầu trời)

伴随着生态环境的显著改善，每年初冬成千上万只珍稀候鸟在鄱阳湖湿地水草丰美的水面上自由自在展翅飞翔。

Bàn sui zhe shēng tài huán jīng de xiǎn zhù gǎi shàn, měi nián chū dōng chéng qiān shàng wàn zhǐ zhēn xī hòu niǎo zài pō yáng hú shuǐ fēng měi de shuǐ miàn shàng zì yóu zì zài zhǎn chì fēi xiáng.

Gắn liền với sự cải thiện rõ rệt của môi trường sinh thái, mỗi độ đầu đông hàng vạn cánh chim di cư quý hiếm lại tự do sải cánh bay lượn trên mặt nước ngập tràn cỏ cây thủy sinh màu mỡ của vùng đất ngập nước hồ Bà Dương (Poyang).

26 nét

HÁN VIỆT

PHI TƯỜNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1088

飞跃

fēi yuè

Nhảy

老师鼓励大家积极飞跃，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fēi yuè, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Nhảy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét

HÁN VIỆT

PHI ĐƯỢC

HSK 7-9 (3.0)

Phó từ

#1089

非得

fēi děi

nhất định phải, ắt phải, không thể không (khẩu ngữ)

老科学家常告诫年轻学者：“搞原创颠覆性创新，就非得有一股咬定青山不放松、不达目的誓不罢休的韧劲不可！”

Lǎo kē xué jiā cháng gào jiè nián qīng xué zhě: "gǎo yuán chuàng diǎn fú xīng chuàng xīn, jiù fēi děi yǒu yī gǔ yǎo dìng qīng shān bù fàng sōng, bù dá mù dì shì bù xiū de rèn jìn bù kě!"

Nhà khoa học lão thành thường răn dạy các học giả trẻ: "Làm đổi mới sáng tạo mang tính cách mạng nguyên bản, thì nhất định phải ắt phải có một bầu nhiệt huyết dẻo dai kiên cường cắn chặt núi xanh không buông lỏng, chưa đạt mục đích thế không bỏ cuộc!"

27 nét

HÁN VIỆT

PHI ĐẮC

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1090

非法

fēi fǎ

phi pháp, bất hợp pháp, trái pháp luật

国家司法机关依法严厉打击任何非法集资、电信诈骗与非法买卖个人隐私数据的严重违法犯罪行为。

Guó jiā sī fǎ jī guān yī fǎ yán lì dǎ jī rèn hé fēi fǎ jí zī, diàn xìn zhà piàn yǔ fēi fǎ mǎi gè rén yīn sī shù jù de yán zhòng wéi fǎ fàn zuì xíng wéi.

Cơ quan tư pháp quốc gia xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật đối với mọi hành vi phạm pháp nghiêm trọng như huy động vốn phi pháp, lừa đảo qua mạng viễn thông và mua bán trái phép dữ liệu riêng tư cá nhân.

22 nét

HÁN VIỆT

PHI PHÁP

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1091

非凡

fēi fán

phi phàm, phi thường xuất chúng, phi thường kiệt xuất

新时代广大科技工作者在科技强国征程上披荆斩棘、勇攀高峰，创造了无愧于党和人民非凡历史成就！

Xīn shí dài guǎng dà kē jì gōng zuò zhě zài kē jì qiáng guó zhēng chéng shàng pī jīng zhàn jí, yǒng pān gāo fēng, chuàng zào liǎo wú kuì yú dǎng hé rén mín fēi fán lì shǐ chéng jiù!

Đồng đạo những người làm khoa học công nghệ thời đại mới trên hành trình xây dựng cường quốc khoa học công nghệ đã vượt mọi chông gai, dũng cảm trèo lên đỉnh cao, kiến tạo nên những thành tựu lịch sử phi thường phi phàm xuất chúng không hổ thẹn với Đảng và nhân dân!

24 nét

HÁN VIỆT

PHI PHẠM

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1092

非金属

fēi jīn shǔ

phi kim loại, phi kim

新型高强度耐高温特种非金属碳化硅复合材料在航空发动机热端部件制造中实现了关键规模化应用突破。

Xīn xíng gāo qiáng dù nài gāo wēn tè zhōng fēi jīn shǔ tàn huà guī fú hé cái liào zài háng kōng fā dòng jī rè duān bù jiàn zhì zào zhōng shí xiàn le guān jiàn guó mó huà yìng yòng tú pò.

Vật liệu composite silic cacbua (SiC) phi kim loại phi kim đặc chủng chịu nhiệt độ cao cường độ cao kiểu mới đã thực hiện bước đột phá ứng dụng quy mô then chốt trong chế tạo linh kiện đầu nóng của động cơ hàng không.

34 nét

HÁN VIỆT

PHI KIM THUỘC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1093

绯闻

fēi wén

tin đồn tình ái, scandal tình ái, thị phi ái tình

战略科学家一心潜科研报国，远离一切浮躁名利场与庸俗八卦绯闻，始终保持着纯粹高尚的学者风骨。

Zhàn lüè kē xué jiǎ yī xīn qián kē yán bào guó, yuǎn lí yī qiè fú zào míng lì chāng yǔ yōng sù bā guà fēi wén, shǐ zhōng bǎo chí zhē chún cuī gāo shàng de xué zhě fēng gǔ.

Nhà khoa học chiến lược một lòng chuyên tâm nghiên cứu khoa học phụng sự Tổ quốc, tránh xa mọi chốn danh lợi phù phiếm cùng những tin đồn tình ái scandal thị phi tầm thường, luôn giữ trọn cốt cách học giả cao thượng thuần khiết.

17 nét

HÁN VIỆT

PHI VĂN



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1094

肥料

féiliào

phân bón, phân bón nông nghiệp

农业绿色科技攻关团队成功研发出纳米包膜缓释智能生物肥料，显著降低了农田氮磷流失与土壤面源污染。

Nóng yè lǜ sè kē jì gōng guān tuán duì chéng gōng yán fā chū nà mí bāo mó huán shì zhì néng shēng wù féi liào, xiǎn zhù jiàng dī le nóng tián dàn lín liú shī yǔ tǔ rǎng miàn yuán wū rǎn.

Đội ngũ vượt khó khoa học công nghệ xanh nông nghiệp đã nghiên cứu phát triển thành công phân bón phân bón sinh học thông minh giải phóng chậm bọc màng nano, giảm thiểu rõ rệt sự thất thoát nitơ photpho trên đồng ruộng và ô nhiễm nguồn phân tán đất đai.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : **PHI LIỆU**

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1095

肥胖

féi pàng

Béo phì

在面对复杂的挑战时，保持肥胖的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí féi pàng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái Béo phì đặc biệt quan trọng.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : **PHI BÀN**

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1096

肥沃

féi wò

màu mỡ, phì nhiêu (đất đai, thổ nhưỡng)

东北广袤肥沃的典型黑土地是极为宝贵的“耕地中的大熊猫”，国家依法实施了极其严格的黑土地保护工程。

Dōng běi guǎng mào féi wò de diǎn xíng hēi tǔ dì shì jí wéi bǎo guì de "gēng dì zhōng de dà dāo māo", guó jiā yī fǎ shí lǚ jí qí yán gé de hēi tǔ dì bǎo hù gōng chéng.

Đất đen điển hình màu mỡ phì nhiêu bao la vùng Đông Bắc chính là 'Gấu trúc trong các loại đất canh tác' vô cùng quý báu, Nhà nước đã triển khai dự án bảo vệ đất đen cực kỳ nghiêm ngặt theo quy định pháp luật.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : **PHI ỐC**

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1097

肥皂

féi zào

xà phòng, xà bông

饭前便后使用流动清水与抑菌肥皂认真洗手，是预防肠道细菌感染最简单有效的卫生习惯。

Fàn qián biàn hòu shǐ yòng liú dòng qīng shuǐ yǔ yì jūn féi zào rèn zhēn xǐ shǒu, shì yù fáng chǎng dǎo xī jūn gǎn rǎn zui jiǎn dān yǒu xiào de wèi shēng xí guān.

Rửa tay cẩn thận bằng xà phòng diệt khuẩn dưới vòi nước chảy trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh là thói quen vệ sinh đơn giản và hiệu quả nhất để phòng ngừa nhiễm khuẩn đường ruột.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : **PHI TẠO**

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1098

诽谤

fěi bàng

phỉ báng, vu khống, bôi nhọ danh dự

国家法律严厉惩治任何在互联网上恶意捏造事实、公然侮辱诽谤英雄烈士名誉名节的违法失德行为。

Guó jiā fǎ lǜ yán lì chéng zhì rèn hé zài wǎng shàng è yì niē zào shì shí, gōng rán wǔ rǔ fěi bàng yīng xióng liè shì míng yù míng jié de wéi fǎ shī dé xíng wéi.

Pháp luật nhà nước trừng trị nghiêm khắc mọi hành vi vi phạm pháp luật thiếu đạo đức cố tình bịa đặt sự thật trên mạng internet, công nhiên làm nhục phỉ báng xúc phạm danh dự và khí tiết của các anh hùng liệt sĩ.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : **PHI BÁNG**

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Động từ

#1099

废

fèi

bỏ đi tàn phế, phế bỏ; phế liệu (fèiwù)

国家实验室建立了严格的精密实验仪器废旧零部件无害化绿色循环利用全生命周期管理制度。

Guó jiā shí yàn shì jiàn lì le yán gé de jīng mì shí yàn yī qù fǎi jiàn bù jiàn wú hài huà lǜ sè xún huán lì yòng quán shēng mìng zhōu qī guǎn lǐ zhì dù.

Phòng thí nghiệm quốc gia đã xây dựng chế độ quản lý toàn bộ vòng đời tận dụng tuần hoàn xanh vô hại hóa các linh kiện phụ tùng phế liệu cũ bỏ đi của dụng cụ thực nghiệm chính xác nghiêm ngặt.

📖 11 nét

HÁN VIỆT : **PHẾ**

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1100

废除

fèi chú

bãi bỏ, hủy bỏ (quy định, chế độ cũ)

深化全国统一大市场建设必须坚决清理废除妨碍全国统一市场和公平竞争的各种地方保护与行政壁垒规定。

Shēn huà quán guó tóng yī dà shì chǎng jiàn shè bì xū jiǎn jué qīng lǐ fèi chú fǎng ài quán guó tóng yī shì chǎng hé gōng píng jìng zhēng de gē zhǒng dì fāng bǎo hù hù yǔ xíng zhèng bì lěi guī dìng.

Đi sâu xây dựng thị trường thống nhất lớn toàn quốc bắt buộc phải kiên quyết rà soát bãi bỏ mọi quy định bảo hộ địa phương và rào cản hành chính cản trở thị trường thống nhất toàn quốc và cạnh tranh công bằng.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : **PHẾ TRỪ**

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1101

废话

fèi huà

lời vô nghĩa, lời thừa thãi, chuyện nhảm nhí

在高效务实的商务汇报中，发言者应当开门见山直奔核心数据，切忌通篇充斥空洞的废话。

Zài gāo xiào wù shí de shāng wù huì bào zhōng, fā yán zhě yīng dāng kāi mén jiàn shān zhí pū zhōng xīn shù jù, qì jì tōng piān chōng chì kōng dòng de fèi huà.

Trong các bài báo cáo kinh doanh hiệu quả và thực tế, người thuyết trình nên đi thẳng vào các số liệu cốt lõi, tránh nói tràn lan toàn những lời sáo rỗng vô nghĩa.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : **PHẾ THOẠI**

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1102

废品

fèi pǐn

phế phẩm, hàng hỏng phế phẩm, đồ phế liệu

在超高精密光学反射镜抛光加工中，任何微米级表面瑕疵都会导致昂贵的毛坯直接沦为废品，要求工艺精益求精。

Zài chāo gāo jīng mì guāng xué fǎn shè jìng pào guāng jiā gōng zhōng, rèn hé wēi mǐ jí biǎo miàn xiá cǐ dū huì dǎo zhì áng guì de máo pǐ zhí jiē lún wéi fèi pǐn, yāo qiú gōng yì jīng jīng yì qióu jīng.

Trong gia công đánh bóng gương phản xạ quang học siêu chính xác cao, bất kỳ tí vết bề mặt cấp độ micromet nào cũng đều sẽ khiến phôi đắt tiền trực tiếp biến thành phế phẩm hàng hỏng, đòi hỏi quy trình phải tinh ích cầu tinh (đá tinh xảo càng muốn tinh xảo hơn).

📖 23 nét

HÁN VIỆT : **PHẾ PHẨM**

HSK 7-9
(3.0)

Thành ngữ / Động từ #1103

废寝忘食

fèiqǐnwàngshí

quên ăn quên ngủ, miệt mài ngày
đêm không quản ngủ nghỉ

为了抢在既定发射窗口前排除最后一道遥测异常，攻坚团队在大厅里废寝忘食地连续奋战了整整三个昼夜。

Wèi le qiǎng zài jì dìng fā shè chuāng kǒu qián pái chú zuì hòu yí dào yáo cè cé yí chāng, gōng jiǎn tuán duì zài dà tīng lǐ fèi qín wàng shí de lián xù fèn zhàn le zhěng zhěng sān gè zhòu yè.

Để tranh thủ loại trừ dị thường đo từ xa cuối cùng trước cửa sổ phóng định sẵn, đội ngũ vượt khó trong đại sảnh đã quên ăn quên ngủ miệt mài ngày đêm chiến đấu liên tục suốt ba ngày ba đêm ròng rã.

35 nét

HÁN VIỆT: PHỄ TẨM VONG THỰC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1104

废物

fèiwù

chất thải rác thải; đồ vô dụng
(nghĩa bóng)

绿色清洁能源示范基地成功实现了重金属工业固废废物的高温等离子体无害化熔融转化与全量资源化再生利用。

Lǜ sè qīng jié néng yuán shì fàn jī dì chéng gōng shí xiàn le zhòng jīn shǔ gōng gè yù wù tài fèi wù de gāo wēn děng lí zǐ tǐ wú hài huà róng róng zhuǎn huà yǔ quán liàng zī yuán huà zài zài shēng lì yòng.

Cần cứ trình diễn năng lượng sạch xanh đã thực hiện thành công việc tái sinh tận dụng toàn lượng tài nguyên hóa và chuyển hóa nóng chảy vô hại hóa plasma nhiệt độ cao đối với chất thải rác thải thể rắn công nghiệp kim loại nặng.

20 nét

HÁN VIỆT: PHỄ VẬT

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1105

废墟

fèixū

đống đổ nát, tàn tích hoang tàn

在特大强震救援现场，国家重型地震搜救队使用雷达生命探测仪与搜救犬在钢筋瓦砾废墟深处连续奋战成功救出幸存者。

Zài tè dà qiáng zhèn jiù yuán xiàn chǎng, guó jiā zhòng xíng dì zhèn sù jiù jǔ dòu shí yòng léi dá shēng mìng tàn cè yí yǔ sù jiù quǎn zài gāng jīn wǎ lì fèi xū shēn chù lián xù fèn zhàn chéng gōng jiù chū cún zhě.

Tại hiện trường cứu nạn trận động đất mạnh đặc biệt lớn, Đội Cứu nạn Động đất Hạng nặng Quốc gia sử dụng máy dò tìm sự sống bằng radar và chó nghiệp vụ cứu hộ đã liên tục chiến đấu kiên cường sâu trong đống đổ nát gạch đá bê tông cứu sống thành công các nạn nhân còn sống sót.

19 nét

HÁN VIỆT: PHỄ KHU

HSK 7-9
(3.0)

Thành ngữ / Tính từ #1106

沸沸扬扬

fèifèiyángyáng

xôn xao bàn tán, ầm ĩ huyên náo, sôi
nổi sục sôi

面对国际学术界关于室温超导真伪炒得沸沸扬扬的纷繁舆论，中国科研团队保持严谨客观，用无可辩驳的实测数据说话。

Miàn duì guó jì xué shù jiē guān yú shì wēn chāo dǎo zhēn wéi chāo dé fèi fèi yáng yáng de fēn fán yǔ lùn, zhōng guó kē yán tuán duì bǎo chí yán jīn kè guān, yòng wú kě biàn bó de shí cè shù jù shuō huà.

Đứng trước những dư luận xôn xao xao động ầm ĩ huyên náo xôn xao bàn tán của giới học thuật quốc tế xôn xao về thực hư siêu dẫn nhiệt độ phòng, đội ngũ nghiên cứu khoa học Trung Quốc giữ vững tính khách quan nghiêm cần, dùng số liệu đo đạc thực tế không thể chối cãi để lên tiếng.

35 nét

HÁN VIỆT: PHỈ PHỈ DƯƠNG DƯƠNG

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Tính từ #1107

沸腾

fèiténg

sôi sục, sôi trào; náo nhiệt sôi nổi

当国产大型客机C919成功完成首次商业运营载客飞行的那一刻，机场停机坪与候机楼内顿时成为了欢呼沸腾的海洋。

Dāng guó chǎn dà xíng kè jī C919 chéng gōng wán chéng shòu cì shāng yè shāng yè zài kè fēi xíng de nà yí kè, jī chǎng tíng pí yǔ hòu jī lóu nèi dùn shí chéng wéi le huān hū fèi téng de hǎi yáng.

Vào khoảnh khắc chiếc máy bay chở khách cỡ lớn do nước ta sản xuất C919 hoàn thành xuất sắc chuyến bay thương mại chở khách đầu tiên, sân đỗ máy bay và nhà ga sân bay ngay tức khắc đã biến thành một biển trời hò reo sôi trào náo nhiệt.

21 nét

HÁN VIỆT: PHỈ ĐĂNG

HSK 7-9
(3.0)

Tính từ / Động từ #1108

费劲

fèijìn

mất công tốn sức, nhọc lòng vất
vả, hao tốn sức lực

新一代多模态人工智能算法的应用，使过去极度费劲耗时的人工蛋白质结构解析工作效率提升了成千上万倍。

Xīn yí dài duō mó tài rén gōng zhì néng suàn fǎ de yīng yòng, shǐ guò qù jí dù fèi jìn hào shí de rén gōng dàn bái zhǐ jīng tí jié gòu jiě xī gōng zuò xiào lǜ tí shēng le chéng qiān shàng wàn bèi.

Việc ứng dụng thuật toán trí tuệ nhân tạo đa phương thức thể hệ mới đã giúp cho công tác giải mã kết cấu tinh thể protein bằng nhân công vốn cực kỳ tốn sức hao công nhọc lòng mất công tốn sức trong quá khứ nâng cao hiệu suất gấp hàng ngàn hàng vạn lần.

23 nét

HÁN VIỆT: PHỈ KINH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1109

分辨

fēn biàn

phân biệt, nhận diện rõ ràng

经过深层多模态人工智能算法训练的医疗图像辅助诊断系统，能够精准分辨早期肺部微小结节的良恶性特征。

Jīng guò shēn céng duō mó tài rén gōng zhì néng suàn fǎ xùn liàn de yī liáo tú xiàng fù zhù zhěn duàn xì tǒng, néng gòu jīng zhǔn fēn biàn zǎo qī fèi bù wēi xiǎo jié jié de liáng è xìng tè zhēng.

Hệ thống chẩn đoán hỗ trợ hình ảnh y tế được huấn luyện qua thuật toán trí tuệ nhân tạo đa phương thức tầng sâu có thể phân biệt chuẩn xác các đặc trưng lành tính và ác tính của những nốt mờ vì mô ở phổi giai đoạn sớm.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1110

分寸

fēn cùn

chừng mực, mức độ vừa phải,
cách cư xử đúng mực

在开展国际多边战略沟通与外交磋商谈判时，外交官必须精准拿捏好原则坚定性与策略灵活性的分寸火候。

Zài kāi zhǎn guó jì duō biān zhàn lüè gōu tōng yǔ wài jiāo cāo shāng tán pán shí, wài jiāo guān bì xū jīng zhǔn ná niē hǎo yuán zé jiān dìng xìng yǔ cè lüè líng huó xìng de fēn cùn huǒ hóu.

Khi triển khai các cuộc đàm phán tham vấn ngoại giao và trao đổi chiến lược đa phương quốc tế, nhà ngoại giao bắt buộc phải nắm bắt chuẩn xác chừng mực đúng đắn giữa tính kiên định về nguyên tắc và tính linh hoạt về sách lược.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1111

分担

fēn dān

chia sẻ gánh vác, cùng gánh vác
san sẻ

大科学与工程各大参研协作单位同心协力、密切配合，共同分担了关键前沿技术攻坚中的巨大科研风险与工程重担。

Dà kē xué gōng chéng gè dà cān yán xié zuò dān wèi tóng xīn xié lì, mì qiè pèi hé, gòng tóng fēn dān le guān jiàn qián yán jī shù gōng gē jiān zhòng de jù dà kē yán fēng xiǎn yǔ gōng chéng zhòng dān.

Tất cả các đơn vị phối hợp tham gia nghiên cứu công trình khoa học lớn đồng tâm hiệp lực, phối hợp chặt chẽ, cùng nhau chia sẻ gánh vác san sẻ gánh nặng công trình và rủi ro nghiên cứu khoa học to lớn trong vượt khó công nghệ tiên phong then chốt.

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1112

分割

fēngē

phân chia chia cắt, cắt rời chia
đoạn

高精度医学图像人工智能大模型能够在亚毫米分辨率下实现对复杂脑血管瘤与周围脑神经组织的超精准自动三维语义分割。

Gāo jīng dù yī xué tú xiàng rén gōng zhì néng dà mó xíng néng gòu zài yà háo mǐ fēn biān lǜ xià shí xiàn duì fù zá nǎo xuè guǎn liú yù zhōu wéi nǎo shén jīng zǔ zhī de chāo jīng zhǔn zì dòng sān wéi yǔ yì fēn gē.

Mô hình lớn trí tuệ nhân tạo hình ảnh y học độ chính xác cao có thể thực hiện việc phân vùng chia đoạn phân chia cắt rời ngữ nghĩa 3D tự động siêu chuẩn xác đối với mô thần kinh não xung quanh và u mạch máu não phức tạp ở độ phân giải dưới milimet.

22 nét

HÁN VIỆT · PHÂN CẮT

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1113

分红

fēn hóng

chia cổ tức, chia lợi nhuận

村集体经济合作社依托特色现代生态果园产业实现了丰厚盈利，年终为全体入股村民举行了喜气洋洋的现金分红大会。

Cūn jī jī jīng jì hé zuò shè yī tuō tè sè xiàn dài shēng tài guǒ yuán chǎn yè shí xiàn le fēng hòu yíng lì, nián zhōng wèi quán tǐ rù gǔ cūn mǐn jū xīng le xǐ qì yáng yáng de xiān jīn fēn hóng dà huì.

Hợp tác xã kinh tế tập thể của thôn dựa vào ngành vườn cây ăn quả sinh thái hiện đại đặc sắc đã đạt được lợi nhuận lớn hậu hĩnh, vào dịp cuối năm đã tổ chức đại hội chia cổ tức bằng tiền mặt ngập tràn niềm vui tươi phấn khởi cho toàn thể bà con dân làng góp cổ phần.

22 nét

HÁN VIỆT · PHÂN HỒNG

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1114

分化

fēn huà

biệt hóa (tế bào: xìbào fēn huà);
phân hóa chia rẽ (xã hội)

干细胞与再生医学国家重点实验室首次在中细胞精度下完整解析了人多能干细胞定向分化为功能神经元的分子调控网络。

Gàn xì bào yǔ zài shēng yī xué guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì xiān shì shòu cǐ zài dàn xì bào jīng dù xià wán zhěng jiě xī le rén duō néng gàn xì bào dìng xiàng fēn huà wèi gōng néng shén jīng yuán de fēn zǐ táo kòng wǎng lù.

Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia y học tái sinh và tế bào gốc lần đầu tiên đã giải mã hoàn chỉnh mạng lưới điều hòa phân tử của tế bào gốc vạn năng ở người biệt hóa phân hóa định hướng thành tế bào thần kinh chức năng ở độ chính xác đơn tế bào.

25 nét

HÁN VIỆT · PHÂN HOA

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1115

分量

fèn liang

trọng lượng, sức nặng; tầm ảnh
hưởng quan trọng

这项发表在国际顶尖学术期刊上的重磅原创物理学发现，在全球凝聚态物理学界占据着举足轻重的分量。

Zhè xiàng fā biǎo zài guó jì dīng jiān xué shù qì kǎn shàng de zhòng bàng yuán chuàng wù lǐ xué fā xiàn, zài quán qiú níng jù tǐ wù lǐ jiē zhàn jù zhē jù zú qīng zhòng de fèn liang.

Phát hiện vật lý nguyên tác mang tính bước ngoặt này được đăng tải trên tạp chí học thuật hàng đầu thế giới chiếm giữ một sức nặng trọng lượng vô cùng to lớn trong giới vật lý chất ngưng tụ toàn cầu.

24 nét

HÁN VIỆT · PHÂN LƯỢNG

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1116

分泌

fēn mì

tiết ra, bài tiết, phân tiết (hoóc-
môn)

保持科学规律的作息时间与适度体育运动，能够有效调节人体内分泌系统、促进内啡肽等有益神经递质的正常分泌。

Bǎo chí kē xué guī lǜ de zuò xī shí jiān yǔ shì dù tǐ yù yòng, néng gòu yǒu xiào tiáo jié rén tǐ nèi fēn mì xì tǒng, cù jìn nèi fēi tài děng yǒu yì shén jīng dì zhì dì zhèng cháng fēn mì.

Duy trì thời gian biểu làm việc và nghỉ ngơi khoa học điều độ cùng việc tập luyện thể dục thể thao vừa sức có thể điều hòa hiệu quả hệ thống nội tiết của cơ thể người, thúc đẩy sự bài tiết bình thường của các chất dẫn truyền thần kinh hữu ích như endorphin.

27 nét

HÁN VIỆT · PHÂN BÍ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#1117

分明

fēn míng

rõ ràng, rành mạch; phân minh,
rành rẽ

在全面从严治党与依法治国实践中，必须坚持赏罚分明、权责对等，树立起崇尚实干、鼓励担当的鲜明用人导向。

Zài quán miàn cōng yán zhì dǎng yǔ yī fǎ zhì guó shí jiàn zhōng, bì xū jiān chí shǎng fá fēn míng, quán zé duì děng, shù lì qǐ chóng shàng shí gàn, gǔ lì dān dāng de xiān míng yòng rén dǎo xiàng.

Trong thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền và quản lý đảng nghiêm minh toàn diện, bắt buộc phải kiên trì thường phạt phân minh, quyền hạn gắn liền với trách nhiệm, dựng xây nền định hướng sử dụng cán bộ rõ ràng để cao hành động thực tế và khích lệ dám gánh vác.

23 nét

HÁN VIỆT · PHÂN MINH

HSK 7-9
(3.0)Danh từ / Động
từ

#1118

分歧

fēn qí

bất đồng, phân kỳ, chia rẽ ý kiến

在国际多边气候治理进程中，各国应当坚持求同存异，通过建设性平等对话妥善管控分歧、扩大合作共识。

Zài guó jì duō biān qì hòu zhì lǐ jìn chéng zhōng, gè guó yīng dāng jiān chí qiú tóng cún yì, tōng guò jiàn shè xìng píng děng duì huà tuǒ shàn kòng gǎn fēn qí, kuò dà hé zuò gòng shí.

Trong tiến trình quản trị khí hậu đa phương quốc tế, các quốc gia cần kiên trì tìm kiếm điểm tương đồng gác lại bất đồng, thông qua đối thoại bình đẳng mang tính xây dựng để kiểm soát thỏa đáng các bất đồng và mở rộng sự đồng thuận hợp tác.

27 nét

HÁN VIỆT · PHÂN KỲ

HSK 7-9 (3.0)

Phó từ

#1119

分外

fèn wài

hết sức, vô cùng đặc biệt, muôn
phần

在大科学装置圆满落成通电通电的庆祝现场，悬挂在主控大厅中央的五星红旗显得分外鲜艳夺目。

Zài dà kē xué zhuāng zhì yuán mǎn luò chéng tōng diàn tōng diàn de qīng zhù xiàn chǎng, xuān guā zài zhǔ kòng dà tīng zhōng yāng de wǔ xīng hóng qí xiǎn de fēn wài xiān yàn duǒ mù.

Tại hiện trường chúc mừng thiết bị khoa học lớn khánh thành mỹ mãn thông điện thông nước, lá cờ đỏ năm sao treo giữa trung tâm đại sảnh điều khiển chính trông muôn phần vô cùng hết sức tươi thắm rực rỡ bắt mắt.

21 nét

HÁN VIỆT · PHÂN NGOẠI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1120

分赃

fēn zāng

chia chác của phi pháp, chia của ăn
cắp

国家司法机关依法严惩勾结境外势力窃取国家重大科研成果并秘密进行非法利益分赃的违法犯罪团伙。

Guó jiā sī fǎ jī guān yī fǎ yán chéng gōu jié jìng wài shí lì qiǔ qǔ guó jiā zhòng dà kē yán chéng guǒ bìng mī mǐ jìn xíng fēi fǎ lì yì fēn zāng de wéi fǎ fàn zuì tuán huò.

Cơ quan tư pháp quốc gia theo đúng pháp luật đã nghiêm trị băng nhóm tội phạm phạm pháp cấu kết với các thế lực nước ngoài đánh cắp thành quả nghiên cứu khoa học trọng đại của quốc gia và lén lút tiến hành chia chác của phi pháp chia của phi pháp lợi ích bất hợp pháp.

22 nét

HÁN VIỆT · PHÂN TANG



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1121

分支

fēnzhī

chi nhánh, phân nhánh nhánh cây;
nhánh môn học

拓扑超量子计算作为凝聚态物理前沿的一个新兴重要理论分支，正在为构建容错通用量子计算机指明方向。

Tuō pǔ chāo dàoliàng zì jì suàn zuò wéi níng jù tài wú lǐ qián yán de yí gè xīn xīng zhòng yào yào lǐ fēn zhī, zhèng zài wéi gòu jiàn róng cuò yòng yòng liàng zì jì suàn jī zhǐ míng fāng xiàng.

Tính toán lượng tử siêu dẫn tô-pô với tư cách là một phân nhánh nhánh môn học lý thuyết quan trọng mới nổi ở mũi nhọn của vật lý chất ngưng tụ, đang chỉ rõ phương hướng cho việc xây dựng máy tính lượng tử phổ dụng dung lỗi.

24 nét

HÁN VIỆT PHÂN CHI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1122

吩咐

fēnfù

dẫn bảo, truyền bảo, căn dặn bảo ban

临行前往高海拔严寒野外科考前，老队长细致吩咐后勤保障人员反复检验所有应急气瓶与卫星救援设备的可用状态。

Lín xíng qián wǎng gāo hǎi bá yán wài yě kē kǎo qián, lǎo duì zhǎng xì zhì fēn fù hòu qín bǎo zhàng rén yuán fǎn fù yǎn suǒ yòng yìng jī yǎng qì píng yú wèi xīng jiù yuán shè bèi de kě yòng zhuàng tài.

Trước khi lên đường đi khảo sát dã ngoại vùng cực lạnh ở độ cao lớn, người đội trưởng lão thành đã ân cần căn dặn dặn dò các nhân viên bảo đảm hậu cần kiểm tra đối chiếu lại nhiều lần trạng thái sẵn sàng sử dụng của toàn bộ các bình oxy cấp cứu và thiết bị cứu hộ vệ tinh.

26 nét

HÁN VIỆT PHÂN PHÓ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1123

芬芳

fēnfāng

thơm ngát, hương thơm ngào ngạt nồng nàn

在高原生态农业智慧种植温室里，科技培育出的高原特种名贵药用花卉竞相绽放、散发出阵阵沁人心脾的迷人芬芳。

Zài gāo yuán shēng tài nóng yě zhì huì zhòng zhí wēn shì lǐ, kē jì péi yù chū de gāo yuán tè zhòng míng guì yào yòng huā huì jìng xiāng zhàn fàng, sǎn fā chū zhèn zhèn qīn rén xīn pǐ de mí rén fēn fāng.

Bên trong nhà kính trồng trọt thông minh nông nghiệp sinh thái cao nguyên, các loài hoa được liệu quý đặc chủng cao nguyên được bồi dưỡng bằng khoa học công nghệ đua nhau nở rộ, tỏa ra từng luồng hương thơm ngào ngạt thơm ngát say đắm lòng người.

28 nét

HÁN VIỆT PHÂN PHƯƠNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1124

氛围

fēnwéi

bầu không khí, môi trường không khí văn hóa

国家实验室营造了鼓励原创探索、包容实验失败、崇尚严谨治学的极其宽松活跃的高水平科研学术氛围。

Guó jiā shí yàn shì yíng zào le gǔ lì yuán chuàng tàn suǒ, bāo róng shí yàn shī bài, chóng shàng yán jìn zhì xué de jí qí kuān sōng huó yuè de gāo shuǐ píng kē yán xué shù fēn wéi.

Phòng thí nghiệm quốc gia đã kiến tạo nên bầu không khí môi trường học thuật nghiên cứu khoa học trình độ cao vô cùng phóng khoáng năng động, tôn sùng làm học vấn nghiêm cẩn, bao dung thất bại thực nghiệm, khích lệ tìm tòi nguyên bản.

20 nét

HÁN VIỆT PHÂN VI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1125

坟

fén

ngôi mộ, nấm mồ mồ mả

深埋在西北戈壁荒漠里的一座座功勋科学家无字墓碑，见证了老一辈科学家隐姓埋名、奉献一生的壮烈誓言。

Shēn mái zài xī běi gē bì huāng mò lǐ de yí zuò zuò gōng xūn kē xué jiā wú zì mù bēi, jiàn zhèng le lǎo yī bèi kē xué jiā yīn xìng mái míng, fèng xiàn yí shēng de zhuàng liè shì yǎn.

Từng ngôi mộ nấm mồ tẩm bia mộ không chữ của các nhà khoa học có công lao chôn sâu nơi hoang mạc sa mạc Gobi miền Tây Bắc đã chứng kiến lời thề nguyện bí trắng công hiến trọn đời, ẩn danh giấu tên của các nhà khoa học tiên bối.

10 nét

HÁN VIỆT PHÂN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1126

坟墓

fén mù

phần mộ, ngôi mộ, mồ mả

清明时节，各族群众自发前往烈士陵园，在革命先烈肃穆庄严的坟墓前敬献花篮、缅怀英烈。

Qīng míng shí jié, gè zú qún zhòng zì fā qián wǎng liè shì líng yuán, zài gé míng xián liè sù mù zhuāng yán de fén mù qián jìng xiàn huā lán, miǎn huái yǐng liè.

Tiết Thanh minh, đồng bào đồng bào các dân tộc tự giác đến viếng Nghĩa trang Liệt sĩ, dâng những tràng hoa tươi trước phần mộ trang nghiêm tôn kính của các anh hùng liệt sĩ cách mạng để tưởng nhớ tri ân.

20 nét

HÁN VIỆT PHÂN MỘ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1127

焚烧

fénshāo

thieu đốt, đốt cháy xử lý rác rưởi

新型超高温等离子体工业危废超低排放焚烧装置实现了对特种化学实验废弃物的瞬态超洁净无害化裂解处置。

Xīn xíng chāo gāo wēn děng lí zǐ tǐ gōng yè wēi fèi chāo dī pái fàng fén shāo zhuāng zhì shí xiàn le duì tè zhòng huà xué shí yàn fèi qì wù de shùn tài chāo jié jīng wú hài huà liè jiě chǔ zhì.

Thiết bị thiêu đốt đốt cháy phát thải siêu thấp rác thải nguy hại công nghiệp plasma nhiệt độ siêu cao kiểu mới đã thực hiện xử lý bề gây mạch vô hại hóa siêu sạch trạng thái tức thời đối với các phế thải thực nghiệm hóa học đặc chủng.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1128

粉

fěn

bột

老师鼓励大家积极粉，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fēn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bột, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1129

粉丝

fěnsī

người hâm mộ (fans); miễn bún miễn (món ăn)

战略科学家的硬核科技科普公开课吸引了数千万年轻科学爱好者与青少年“科学粉丝”的热烈追捧。

Zhàn lüè kē xué jiā de yìng hé kē jì kē pǔ gōng kāi kē zài quán wǎng xī yīn le shù qiān wàn nián qīng kē xué ài hào zhě yǔ qīng shào nián "kē xué fēn sī" de rè liè zhuí pèng.

Tiết học công khai phổ biến khoa học công nghệ cứng của nhà khoa học chiến lược đã thu hút sự săn đón nồng nhiệt của hàng ngàn vạn người hâm mộ khoa học 'fans hâm mộ' cùng các bạn trẻ yêu thích khoa học trên toàn mạng.



HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ #1130

粉碎

fěnsuì

nghiến nát; đập tan (âm mưu, thế lực)

中国军民同仇敌忾、万众一心，坚决粉碎了外部势力任何企图分裂祖国领土主权的阴谋图谋。

Zhōng guó jūn mín tóng chóu dí kài, wàn zhòng yī xīn, jiān jué fēn suì le wài bù shì lì rèn hé qī tú fēn liè zǔ guó lǐng tǔ zhǔ quán de yīn móu tú móu.

Quân và dân ta chung mối thù sâu, muôn người như một, kiên quyết đập tan mọi mưu toan âm mưu của các thế lực bên ngoài hòng chia rẽ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc.

25 nét

HÁN VIỆT: PHẤN TOÁI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1131

份额

fèn'é

thị phần, tỷ trọng phần trăm hạn ngạch

我国在新能源汽车、光伏与锂动力电池制造领域的全球市场份额持续扩大，稳居全球第一领跑地位。

Wǒ guó zài xīn néng yuán qì chē, guāng fú yǔ lǐ dòng lì diàn chí zhì zào líng yù de quán qiú shì chǎng fèn'é chí xù kuò dà, wěn jǔ quán qiú dì yī lǐng pǎo dì wèi.

Thị phần tỷ trọng của nước ta trên thị trường toàn cầu trong các lĩnh vực chế tạo pin động lực lithium, quang điện và xe năng lượng mới liên tục mở rộng, đứng vững vị thế dẫn đầu số một toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT: PHẤN NGẠCH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Phó từ #1132

奋力

fènlì

dốc sức, gắng hết sức phấn đấu hết mình

面对外部极限技术封锁打压，全体科技战线工作者团结一心、奋力攻坚，成功攻克了一批卡脖子关键技术。

Miàn duì wài bù jí xiàn jì shù fēng suǒ dǎ yā, quán tǐ jī zhàn xiàn gōng zuò zhě tuán jié yī xīn, fèn lì gōng jiān, chéng gōng gōng kè le yī pī kǎ bó zǐ guān jiàn hé xīn jì shù.

Đứng trước sự chèn ép phong tỏa công nghệ giới hạn từ bên ngoài, toàn thể những người làm việc trên mặt trận khoa học công nghệ đoàn kết một lòng, dốc sức gắng hết sức vượt khó, đã chinh phục thành công một loạt công nghệ lõi then chốt nghẽn cổ chai.

20 nét

HÁN VIỆT: PHẤN LỰC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Phó từ #1133

奋勇

fènyǒng

dũng cảm tiến lên, hăng hái dũng cảm xông pha

两院院士带领青年攻关突击队奋勇争先、勇挑重担，在大科学工程建设最艰难的险关前屡立新功。

Liǎng yuàn yuàn shì dài lǐng qīng nián gōng guān tú jī duì fèn yǒng zhēng xiān, yǒng tiāo zhòng dàn, zài dà kē xué gōng chéng jiàn shè zuì jiǎn nán de xiǎn guān qián lǚ lì xīn gōng.

Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm dẫn dắt đội xung kích vượt khó thanh niên hăng hái dũng cảm xông pha dũng cảm tiến lên giành vị trí dẫn đầu, dũng cảm gánh vác trọng trách, liên tục lập công mới trước những ách hiểm nguy gian nan nhất của việc xây dựng công trình khoa học lớn.

22 nét

HÁN VIỆT: PHẤN DŨNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1134

粪

fèn

phân bón chuồng, phân chất thải

生态农业与绿色低碳循环利用团队攻克了畜禽养殖粪污超高标准沼气生物发酵与有机肥全量还田核心技术。

Shēng tài nóng yè yǔ lǜ sè dī tàn xùn huán lì yòng tuán duì gōng kè le chū qín yǎng zhī fèn wū cháo gāo zhǔn huà lǚ zhāo qì shēng wù fā jiào yǔ yǒu jī fēi quán liàng hái tián hé xīn jì shù.

Đội ngũ tận dụng tuần hoàn phát thải carbon thấp xanh và nông nghiệp sinh thái đã chinh phục công nghệ cốt lõi đưa toàn bộ phân hữu cơ bón lại ruộng đồng và lên men sinh học khí sinh học (biogas) có tỷ lệ chuyển hóa siêu cao từ phân chất thải chăn nuôi gia súc gia cầm.

9 nét

HÁN VIỆT: PHÂN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1135

粪便

fèubiàn

chất bài tiết, phân thải phân người/ động vật

空间站在轨环控生保系统成功实现了对航天员尿液与排泄粪便中水分与微量元素的百分之百全封闭高品质循环再生。

Kōng jiān zhàn zài guī huán kòng shēng bǎo xì tǒng chéng gōng shí xiàn le duì háng tiān yuán niào yè yǔ bài xiè fèn biàn zhōng shuǐ fèn yǔ wēi liàng yuán sù de bǎi fēn zhǐ bài quán fēng bì gāo pīn zhì xùn huán zài shēng.

Hệ thống bảo đảm sinh mệnh kiểm soát môi trường trên quỹ đạo của trạm vũ trụ đã thực hiện thành công việc tái sinh tuần hoàn chất lượng cao khép kín hoàn toàn 100% đối với các nguyên tố vi lượng và độ ẩm trong phân thải chất bài tiết và nước tiểu của phi hành gia.

20 nét

HÁN VIỆT: PHÂN TIỆN

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Tính từ #1136

丰富多彩

fēngfùduōcǎi

phong phú đa dạng, muôn màu muôn vẻ đặc sắc

国家科普场馆与大科学装置联合举办了形式多样、丰富多彩的青少年科学探索夏令营活动。

Guó jiā kē pǔ chǎng guǎn yǔ dà kē xué zhāng zhì lián hé jǔ bàn le xíng shì duō yàng, fēng fù duō cǎi de qīng shào nián kē xué tàn sù xià lìng yíng huó dòng.

Các thiết bị khoa học lớn và nhà triển lãm phổ biến khoa học quốc gia đã liên kết tổ chức các hoạt động trại hè khám phá khoa học thanh thiếu niên muôn màu muôn vẻ đặc sắc phong phú đa dạng với hình thức phong phú.

35 nét

HÁN VIỆT: PHONG PHÚ ĐA THÁI

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ #1137

丰厚

fēnghòu

hậu hĩnh, phong phú dồi dào, đậm đà

国家为在前沿基础科研领域取得重大原始突破的拔尖科学家团队提供了丰厚的生活待遇保障与长期科研资金支持。

Guó jiā wèi zài qián yán jī chǔ kē yán lǐng yù qǔ dé zhòng dà yuán shǐ tú pò de bá jiān kē xué jiā tuán duì tí gòng le fēng hòu de shēng huó dài yù bǎo zhàng yǔ cháng qī kē yán zī jīn zhī chí.

Nhà nước cung cấp sự hỗ trợ nguồn vốn nghiên cứu khoa học lâu dài và chế độ đãi ngộ sinh hoạt hậu hĩnh dồi dào cho các đội ngũ nhà khoa học xuất chúng đạt được đột phá nguyên bản trọng đại trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong.

22 nét

HÁN VIỆT: PHONG HẬU

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ #1138

丰满

fēngmǎn

đầy đặn, đầy đủ, nở nang; phong phú hoàn chỉnh

青年学者在经历了多轮重大科研项目实践的历练后羽翼渐趋丰满，逐步成长为独当一面的学术骨干。

Qīng nián xué zhě zài jīng lì le duō lún zhòng dà kē yán jī mù shí jiàn liàn hòu yǔ yì jiàn qū fēng mǎn, zhú bù chéng zhāng wèi dú dāng yì miàn de xué shù gǔ gàn.

Nhà học giả trẻ tuổi sau khi trải qua nhiều đợt tối luyện thực chiến trong các đề tài nghiên cứu khoa học trọng đại lòng cánh ngày càng đầy đặn cứng cáp, từng bước trưởng thành thành cán bộ học thuật nòng cốt có thể đảm đương trọng trách một phía.

19 nét

HÁN VIỆT: PHONG MÃN



HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1139

丰盛

fēngshèng

thịnh soạn, phong phú dồi dào (bữa ăn, lễ tiệc)

除夕年夜饭桌上摆满了寓意吉祥、色香味俱全的丰盛传统家乡佳肴，洋溢着浓厚团圆的喜庆氛围。

Chú xī nián yè fàn zhuō shàng bǎi mǎn le yù yì jí xiáng, sè xiāng wèi jù quán de fēng shèng chuán tǒng jiā xiāng jiǎ yáo, yáng yì zhe nóng hòu tuán yuán de xǐ qīng fēn wéi.

Trên bàn cơm tất niên đêm Giao thừa bày biện đầy ắp những món ăn ngon truyền thống quê nhà thịnh soạn sắc hương vị vẹn toàn mang ý nghĩa cát tường may mắn, ngập tràn bầu không khí đoàn viên sum vầy vui tươi.

24 nét

HÁN VIỆT: PHONG THỊNH

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1140

丰硕

fēngshuò

trĩu quả, dồi dào phong phú, bội thu rực rỡ

经过几代科技工作者数十载接续奋斗，我国重大工程科技与战略前沿创新结出了丰硕的累累硕果。

Jīng guò jǐ dài kē jì gōng zuò zhě shù shí zài jiē xù fèn dòu, wǒ guó zhòng dà gōng chéng kē jì yǔ zhàn lüè qián yán chuàng xīn jié chū le fēng shuò de lěi lěi shuò guǒ.

Trải qua mấy chục năm tiếp nối phấn đấu của mấy thế hệ những người làm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo tiên phong chiến lược và khoa học công nghệ công trình trọng đại của nước ta đã kết nên những trái ngọt trĩu quả trĩu quả dồi dào phong phú.

24 nét

HÁN VIỆT: PHONG THẠC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1141

风波

fēngbō

sóng gió, biến cố phong ba xáo trộn

无论国际外部地缘环境经历怎样的风波变幻，中国坚持高水平科技自立自强的战略决心坚如磐石、毫不动摇。

Wú lùn guó jì wài bù dì yuán huán jīng lì jǐng lǐ zěn yàng de fēng bō biàn huàn, zhōng guó jiān chí gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng de zhàn lüè jué xīn jiān rú pán shí, háo bù dòng yáo.

Bất kể môi trường địa chính trị bên ngoài quốc tế có trải qua những biến chuyển sóng gió biến cố phong ba ra sao, quyết tâm chiến lược kiên trì tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao của Trung Quốc vẫn vững như bàn thạch, không hề lay chuyển.

18 nét

HÁN VIỆT: PHONG BA

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1142

风采

fēngcǎi

phong thái, thần thái rạng ngời, phong thái đỉnh đặc

在国际顶尖学术峰会上，中国青年科学家以严密的数理逻辑推导和流利的英语答辩展现了当代中国学者的卓越风采。

Zài guó jì dīng jiān xué shù fēng huì shàng, zhōng guó qīng nián kē xué jiā yǐ yán mì de shù lǐ luò jì tuī dǎo hé liú lì de yīng yǔ dá biān zhǎn xiǎn liǎo dāng dài zhōng guó xué zhě de zhuó yuè fēng cǎi.

Tại hội nghị thượng đỉnh học thuật đỉnh cao quốc tế, các nhà khoa học trẻ Trung Quốc bằng sự suy diễn logic toán lý chặt chẽ và phần bảo vệ trôi chảy bằng tiếng Anh đã phô diễn phong thái thần thái rạng ngời trác việt của các học giả Trung Quốc đương đại.

20 nét

HÁN VIỆT: PHONG THÁI

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Động từ

#1143

风餐露宿

fēngcānlùsù

dãi gió dầm sương, ăn gió nằm sương, dãi nắng dầm mưa

地质与生态科考队员常年在高山无人区风餐露宿、跋山涉水，为国家摸清了深地资源与生态安全底数。

Dì zhì yǔ shēng tài kǎo duì yuán cháng nián zài gāo shān wú rén qū fēng cān lù sù, bá shān shuǐ, wéi guó jiā mō qīng le shēn dì zī yuán yǔ shēng tài ān quán dǐ shù.

Các đội viên khảo sát khoa học sinh thái và địa chất quanh năm ăn gió nằm sương dãi gió dầm sương trèo đèo lội suối nơi vùng không người núi cao, làm sáng tỏ tường tận nguồn cơn số liệu an toàn sinh thái và tài nguyên sâu trong lòng đất cho quốc gia.

35 nét

HÁN VIỆT: PHONG XAN LỘ TỨC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1144

风范

fēngfàn

phong phạm, tác phong mẫu mực, phong thái đạo đức

两院院士淡泊名利、科技报国的崇高大家风范，永远是激励广大青年学者勇攀科学高峰的巍峨丰碑。

Liǎng yuàn yuǎn shì dàn bó míng lì, kē jì bào guó de chóng gāo dà jiā fēng fàn, yǒng yuǎn shì jī lì guāng dà qīng nián xué zhě yǒng pǎn kē xué gāo fēng de wēi é fēng bēi.

Phong thái đạo đức phong phạm tác phong mẫu mực bậc đại gia cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, đăm đăm danh lợi của các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm mãi mãi là tượng đài sừng sững khích lệ đồng đạo các học giả trẻ đứng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học.

20 nét

HÁN VIỆT: PHONG PHẠM

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Danh từ

#1145

风风雨雨

fēngfēngyǔyǔ

muôn vàn sóng gió bão bùng, mưa gió thăng trầm

经过半个多世纪的风风雨雨接续奋斗，中国科技事业从一穷二白起步跃居世界科技创新第一方阵。

Jīng guò bàn gè duō shì jì de fēng fēng yǔ yǔ jiē xù fèn dòu, zhōng guó kē jì shì yè cóng yí qióng èr bái qǐ bù yuè jū shì jiè kē jì chuàng xīn dì yī fāng zhēn.

Trải qua hơn nửa thế kỷ mưa gió thăng trầm muôn vàn sóng gió bão bùng tiếp nối phấn đấu, sự nghiệp khoa học công nghệ Trung Quốc từ chỗ tay trắng nghèo nàn đã nhảy vọt vươn lên phương trận hàng đầu về đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ thế giới.

35 nét

HÁN VIỆT: PHONG PHONG VŨ VŨ

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Tính từ

#1146

风和日丽

fēnghérìlì

gió hòa nắng ấm, trời trong nắng ấm đẹp đẽ

在一个风和日丽的清晨，我国完全自主研发的新一代万米载人潜水器科考母船鸣笛起航驶向大洋深渊。

Zài yí gè fēng hé rì lì de qīng chén, wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de xīn yí dài wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì kē kǎo mǔ chuán míng dí qì háng shì xiàng dà yáng shēn yuān.

Vào một buổi sớm mai trời trong nắng ấm gió hòa nắng ấm đẹp đẽ, con tàu mẹ khảo sát khoa học tàu lặn có người lái vạn mét thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã kéo còi nhổ neo hướng tới vực sâu đại dương.

35 nét

HÁN VIỆT: PHONG HOÀ NHẬT LỸ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1147

风浪

fēnglàng

sóng gió, sóng to gió lớn biển khơi; biến động phong ba

远洋科考船在暴风骤雨与惊涛骇浪中稳健航行，经受住了恶劣海洋风浪的严峻考验，顺利完成既定深海勘探任务。

Yuǎn yáng kē kǎo chuán zài bào fēng zhòu yǔ jīng tāo hǎi làng zhōng wěn jiàn háng xíng, jīng shòu zhù le è liè hǎi yáng fēng làng de yán jùn kǎo yàn, shùn lì wán chéng jì dìng shēn hǎi zhuān tàn rèn wù.

Con tàu khảo sát khoa học viễn dương lướt đi vững vàng giữa bão táp mưa sa và sóng to gió lớn bão bùng biển khơi sóng gió, chịu đựng được thử thách khắc khe của sóng to gió lớn biển khơi khắc nghiệt, hoàn thành thuận lợi nhiệm vụ khoan thăm dò biển sâu định sẵn.

21 nét

HÁN VIỆT: PHONG LĂNG



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1148

风力

fēnglì

sức gió, năng lượng gió sức gió tự nhiên

我国成功研制并吊装了全球单机容量最大超大型海上风力发电机组，单台机组年发电量可满足数万户家庭用电需求。

Wó guó chéng gōng yán zhì bìng diào zhuāng le quán qiú dǎn jī róng liàng zuì dà chāo dà xíng hǎi shàng fēng lì fā diàn jī zú, dǎn tái jī zú nián fā diàn liàng kě mǎn zú shù wàn hù jiā tíng yòng diàn xū qiú.

Nước ta đã nghiên cứu chế tạo và lắp đặt cầu thành công tổ máy phát điện sức gió năng lượng gió ngoài khơi siêu lớn có công suất đơn máy lớn nhất thế giới, lượng phát điện hàng năm của một tổ máy có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của hàng vạn hộ gia đình.

18 nét

HÁN VIỆT: PHONG LỰC

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1149

风流

fēngliú

phong lưu tài hoa, hào hoa phong nhã; anh hùng hào kiệt (fēngliú rén wù)

数风流人物，还看今朝！新时代青年科技领军人才正以昂扬姿态挺立在建设世界科技强国的历史潮头。

Shù fēng liú rén wù, hái kàn jīn zhāo! xīn shí dài qīng nián kē jì líng jūn rén cái zhèng yǐ áng yáng zī tài tǐng lì zài jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó de lì shǐ cháo tóu.

Đếm những nhân vật phong lưu tài hoa anh hùng hào kiệt, há chẳng phải nhìn lại hôm nay! Nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ trẻ tuổi thời đại mới đang bằng tư thế hiên ngang đứng vững nơi đầu ngọn sóng lịch sử xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới.

22 nét

HÁN VIỆT: PHONG LƯU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1150

风貌

fēngmào

diện mạo, phong thái tinh thần, diện mạo phong cách

青年科技攻关突击队展现出敢打硬仗、勇于创新的昂扬精神风貌，生动诠释了新时代科学家精神。

Qīng nián kē jì gōng guān tū dǔ jī duì zhǎn xiàn chū gǎn dǎ yìng zhàng, yǒng yú chuàng xīn de áng yáng jīng shén fēng mào, shēng dòng quán shì le xīn shí dài kē xué jiā jīng shén.

Đội xung kích vượt khó khoa học công nghệ thanh niên phổ biến diện mạo phong thái tinh thần hiên ngang dũng cảm đối mới sáng tạo, đảm đánh trận khó, diễn giải sinh động tinh thần nhà khoa học thời đại mới.

18 nét

HÁN VIỆT: PHONG MẠO

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1151

风气

fēngqì

phong khí, phong trào tập quán xã hội, tác phong

全社会大力弘扬崇尚科学、鼓励创新、尊重知识、尊重人才的良好社会风尚与文明风气。

Quán shè huì dà lì hóng yáng chóng shàng kē xué, gǔ lì chuàng xīn, zūn zhòng zhī shí, zūn zhòng rén cái de liáng hǎo shè huì fēng shàng yǔ wén míng fēng qì.

Toàn xã hội ra sức hoằng dương nếp sống xã hội tốt đẹp và phong khí văn minh tôn sùng khoa học, khích lệ đối mới sáng tạo, tôn trọng tri thức và tôn trọng nhân tài.

22 nét

HÁN VIỆT: PHONG KHÍ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1152

风情

fēngqíng

phong tình, phong vị phong tục nét duyên; tình ý

国家非遗数字文保实验室运用高保真虚拟现实技术，全景再现了丝绸之路沿线古老绿洲城镇独特的历史文化风情。

Guó jiā fēi yí shù zì wén bǎo shí yàn shì yòng gāo bǎo zhēn xū nǐ xiàn shí jī shù, quán jǐng zài xiàn le sī chóu zhī lù yán xiàn gǔ lǎo lù zhōu chéng zhèn dú tè de lì shǐ wén huà fēng qíng.

Phòng thí nghiệm bảo tồn số di sản văn hóa phi vật thể quốc gia ứng dụng công nghệ thực tế ảo độ trung thực cao đã tái hiện toàn cảnh phong vị phong tục nét duyên văn hóa lịch sử độc đáo của các thị trấn ốc đảo cổ kính dọc tuyến Con đường Tơ lụa.

18 nét

HÁN VIỆT: PHONG TÌNH

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1153

风趣

fēngqù

buồn cười

在面对复杂的挑战时，保持风趣的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí fēng qù de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái buồn cười đặc biệt quan trọng.

24 nét

HÁN VIỆT: PHONG THÚ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1154

风沙

fēngshā

gió cát, bão cát sa mạc

三北防护林超级生态科技工程筑起绿色长城，彻底遏制了西北干旱区漫天肆虐的风沙侵袭与土地沙化趋势。

Sān běi fáng hù lín chāo jí shēng tài kē jì gōng chéng zhù qǐ lǜ sè cháng chéng, chè dié zhì le xī běi gān hàn qū mǎn tiān sì nüè de fēng shā qīn xī yǔ tǔ dì shā huà qū shì.

Công trình khoa học công nghệ sinh thái siêu cấp Rừng phòng hộ Tam Bắc đã đắp xây nên Vạn Lý Trường Thành màu xanh, ngăn chặn triệt để xu thế sa mạc hóa đất đai và sự xâm lấn của bão cát gió cát hoành hành khắp trời vùng khô hạn Tây Bắc.

22 nét

HÁN VIỆT: PHONG SA

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1155

风尚

fēngshàng

phong trào tập quán tốt, xu thế nếp sống mới

在全社会广泛树立起崇尚科学、热爱科学、尊重科学家的良好社会风尚，让科技创新成为全民族的共同追求。

Zài quán shè huì guǎng fàn shù lì qǐ chóng shàng kē xué, rè ài kē xué, zūn zhòng kē xué jiā de liáng hǎo shè huì fēng shàng, ràng kē jì chuàng xīn chéng wéi quán mín zòng de gòng tóng zhuī qiú.

Xây dựng rộng rãi trong toàn xã hội phong trào tập quán tốt nếp sống mới tốt đẹp tôn trọng nhà khoa học, yêu chuộng khoa học, tôn sùng khoa học, làm cho đối mới sáng tạo khoa học công nghệ trở thành sự theo đuổi chung của toàn dân tộc.

20 nét

HÁN VIỆT: PHONG THƯỢNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1156

风水

fēngshuǐ

phong thủy, phong thủy môi trường địa lý

大科学装置选址完全基于严格的现代地质物理探测与地下水力学科学勘探，彻底打破了封建迷信的风水传闻。

Dà kē xué zhuāng zhì xuǎn zhǐ wán quán jī yú yán gé de xiàn dài dì zhì wù lǐ tàn cè yǔ dì xià shuǐ wén lì xué kē xué kǎn tàn, chè dié pò le fēng jiàn mǐ xìn de fēng shuǐ chuán wén.

Việc chọn địa điểm đặt thiết bị khoa học lớn hoàn toàn dựa trên sự thăm dò khoa học cơ học thủy văn dưới lòng đất và trắc nghiệm vật lý địa chất hiện đại nghiêm ngặt, đập tan hoàn toàn những tin đồn phong thủy phong thủy mê tín phong kiến.

19 nét

HÁN VIỆT: PHONG THỦY



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1157

风味

fēngwèi

hương vị đặc trưng, phong vị đặc sắc ẩm thực

传承数百年的老字号传统非遗美食，以其独特的烹饪工艺与醇厚浓郁的地道风味赢得了中外食客的广泛赞誉。

Chuán chéng shù bǎi nián de lǎo zì hào chuán tǒng fēi yí měi shí, yǐ qí dú tè de pēng rèn gōng yì yǔ chún hòu nóng yù de dì dào fēng wèi yíng dé le zhōng wài shí kè de guǎng fàn zàn yù.

Món ẩm thực di sản phi vật thể truyền thống trăm năm danh tiếng nhờ vào kỹ thuật nấu nướng độc đáo cùng phong vị đậm đà thơm ngon chuẩn vị đã nhận được sự tán thưởng rộng khắp của thực khách trong và ngoài nước.

21 nét

HÁN VIỆT : PHONG VỊ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1158

风雨

fēngyǔ

mưa gió, phong ba bão táp cuộc đời (nghĩa đen/bóng)

历经数十载国际科技风雨考验，中国科学家始终胸怀报国志向，以自立自强的卓越成就铸就了科技钢铁长城。

Lì jīng shù shí zǎi guó jì kē jì fēng yǔ kǎo yàn, zhōng guó kē xué jiǎ shì zhōng xiōng huái bào guó zhì xiàng, yǐ lì zì qiáng de zhuó yuè chéng jiù zhù jiù le kē jì gāng tiě cháng chéng.

Trải qua thử thách mưa gió phong ba bão táp khoa học công nghệ quốc tế mấy chục năm, các nhà khoa học Trung Quốc luôn ôm ấp chí hướng phụng sự non sông, dùng những thành tựu tự chủ tự cường trác việt đúc kết nên Vạn Lý Trường Thành bằng thép khoa học công nghệ.

24 nét

HÁN VIỆT : PHONG VŨ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1159

风云

fēngyún

phong vân, mây gió biến ảo; vệ tinh Phong Vân (Fēngyún wèixīng)

我国成功发射的风云四号高精度气象卫星实现了对全球极端灾害性天气系统微米级连续快速三维立体监测。

Wǒ guó chéng gōng fā shè de fēng yún sì hào gāo jīng dù qì xiàng wèi xīng shí xiàn le duì quán qiú jí duān zāi hài xīng tiān qì xì tǒng wēi mǐ jī lián xù kuài sǎn wéi lì tǐ jiān cè.

Vệ tinh khí tượng độ chính xác cao Phong Vân 4 phóng thành công của nước ta đã thực hiện việc quan trắc 3D lập thể nhanh chóng liên tục cấp độ micromet đối với các hệ thống thời tiết thiên tai cực đoan trên toàn cầu.

20 nét

HÁN VIỆT : PHONG VÂN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1160

风筝

fēngzheng

con diều, chiếc diều giấy thả gió

在全国青少年航天科技节现场，中学生放飞了搭载微型气象传感记录芯片的仿生风筝，在趣味中体验空气动力学魅力。

Zài quán guó qīng shào nián háng tiān kē jì jié xiàn chǎng, zhōng xué shēng mén fàng fēi le dà zài wèi xíng qì xiàng chuán gǎn jī lǜ xīn piàn de fāng shēng fēng zhēng, zài qǔ wèi zhōng tǐ yàn kōng qì dòng lì xué mèi lì.

Tại hiện trường Ngày hội Khoa học Kỹ thuật Hàng không Vũ trụ Thanh Thiếu niên Toàn quốc, các bạn học sinh trung học đã thả bay những chiếc diều con diều phong sinh học gắn chip ghi chép cảm biến khí tượng siêu nhỏ, trải nghiệm sức quyến rũ của khí động học trong niềm hứng khởi.

22 nét

HÁN VIỆT : PHONG TRANH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1161

封顶

fēngdǐng

cất nóc (công trình xây dựng), chạm trần kịch trần (giá)

随着主实验大厅最后一方高性能特种重混凝土浇筑完成，国家重大前沿大科学装置主体建筑顺利实现全面封顶。

Suí zhe zhǔ shí yàn dà tīng zuì hòu yī fāng gāo xìng néng tè zhòng zhòng hùn níng tǔ jiāo zhù wán chéng, guó jiā zhòng dà qián yán dà kē xué zhuāng zhì zhǔ tǐ jiàn zhù shùn lì shí xiàn quán miàn fēng dǐng.

Cùng với khối bê tông nặng đặc chủng tính năng cao cuối cùng của đại sảnh thực nghiệm chính được đổ xong, kiến trúc chủ thể của thiết bị khoa học lớn tiên phong trọng đại quốc gia đã thuận lợi thực hiện cất nóc hoàn thành toàn diện cất nóc.

26 nét

HÁN VIỆT : PHONG ĐỈNH

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1162

封建

fēngjiàn

phong kiến; tư tưởng cổ hủ phong kiến

辛亥革命极大推动了中华民族的思想解放，宣告了在中国延续两千多年的封建君主专制制度的彻底终结。

Xīn hǎi gē míng jí dà tuī dòng le zhōng huá mín zú de sī xiǎng jiě fàng, xuān gào le zài zhōng guó yǎn xù liǎng qiān duō nián de fēng jiàn jūn zhǔ zhuān zhì zhì dù de chè dǐ zhōng jié.

Cách mạng Tân Hợi đã thúc đẩy mạnh mẽ sự giải phóng tư tưởng của dân tộc, tuyên bố sự chấm dứt hoàn toàn của chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến kéo dài hơn 2.000 năm tại Trung Quốc.

24 nét

HÁN VIỆT : PHONG KIẾN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1163

封面

fēngmiàn

bìa sách, trang bìa tạp chí

我国青年科学家在国际顶级学术期刊《自然》以封面文章形式发表了拓扑量子计算领域的里程碑式原创理论突破。

Wǒ guó qīng nián kē xué jiā zài guó jì dīng jí xué shù qī kān 《zì rán》 yǐ fēng miàn wén zhāng xíng shì fā biǎo le tuō pǔ liǎng zì jì suàn lǐng yù de lì chéng bēi shì yuán chuāng lǐ lùn tǐ pò.

Các nhà khoa học trẻ nước ta đã công bố bước đột phá lý thuyết nguyên bản mang tính cột mốc trong lĩnh vực tính toán lượng tử tô-pô dưới hình thức bài báo trang bìa bìa sách trên tạp chí học thuật đỉnh cao quốc tế Nature.

23 nét

HÁN VIỆT : PHONG DIỆN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1164

封锁

fēngsuǒ

phong tỏa, bao vây cô lập; sự phong tỏa

面对外部个别势力在关键芯片与基础工业软件领域的恶意技术封锁，我国科技界坚定走高水平自立自强之路。

Miàn duì wài bù gè bié shì lì zài guān jiàn xīn piàn yǔ jī chǔ gōng yè ruǎn jiàn lǐng yù de è yì jì shù fēng suǒ, wǒ guó kē jì jiè jiān dìng zǒu gāo shuǐ pǐ zì lì zì qiáng zhī lù.

Đứng trước sự phong tỏa công nghệ ác ý của một số thế lực bên ngoài trong lĩnh vực chip then chốt và phần mềm công nghiệp nền tảng, giới khoa học công nghệ nước ta kiên định bước đi trên con đường tự chủ tự cường trình độ cao.

23 nét

HÁN VIỆT : PHONG TỎA

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1165

疯子

fēngzi

kẻ điên, người cuồng nhiệt say mê (nghĩa đen/bóng)

在探索未知科学无人区的征途中，正是那些被庸人视为“科研疯子”的执着开拓者，往往开辟出了照亮人类文明的全新世界。

Zài tàn sù wèi zhī kē xué wú rén qū de zhēng tú zhōng, zhèng shì nà xiē bèi yōng rén shì wéi “kē yán fēng zǐ” de zhí zhuó kāi tuò zhě, wǎng wǎng kāi pì chū le zhào liàng rén lèi wén míng de quán xīn shì jiè.

Trong chuyến hành trình khám phá vùng không người khoa học chưa biết, chính những nhà khai phá kiên trì bị kẻ tầm thường coi là 'kẻ điên kẻ say mê nghiên cứu khoa học' lại thường là những người mở ra thế giới hoàn toàn mới thấp sáng nền văn minh nhân loại.

25 nét

HÁN VIỆT : PHONG TỬ

HSK 7-9
(3.0)

Thành ngữ / Động từ

#1166

峰回路转

fēnghuílùzhuǎn

bước ngoặt mở ra, chuyển biến bất ngờ tốt đẹp, lối rẽ quang đặng

在经历了数百次实验挫折与数据偏差后，科研团队敏锐捕捉到一个反常物理信号，攻关课题峰回路转迎来重大转机。

Zài jīng lì le shù bǎi cì shí yàn cuò zhé yǔ shù jù piān chā hòu, kē yán tuán duì mǐn ruì bú zhūo dào yí gè fǎn cháng wù lǐ xìn hào, gōng guān kè tí fēng huí lù zhuǎn yíng lái zhòng dà zhuǎn jī.

Sau khi trải qua hàng trăm lần sai lệch số liệu và trắc trở thực nghiệm, đội ngũ nghiên cứu khoa học đã nhạy bén bắt trọn một tín hiệu vật lý bất thường, để tài nghiên cứu vượt khó bước ngoặt mở ra chuyển biến bất ngờ tốt đẹp đón nhận thời cơ xoay chuyển trọng đại.



35 nét

HÁN VIỆT

PHONG HỒI LỘ CHUYỂN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1167

蜂蜜

fēngmì

mật ong

国家高原特色生物科研团队通过超高分辨同位素质谱溯源技术，建立了高纯野生高山成熟原生态蜂蜜的数字化真伪鉴别标准。

Guó jiā gāo yuán tè sè shēng wù kē yán tuán duì tóng wù zhào gāo fēn biān tóng wèi sù zhì pǔ sù yuán jī shù, jiàn lì le gāo chún yě shēng gāo shān chéng shú shù yuán shēng tài fēng mì de shù zì huà zhēn wēi jiàn bié biāo zhǔn.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học sinh học đặc sắc cao nguyên quốc gia thông qua công nghệ truy xuất nguồn gốc khối phổ đồng vị phân giải siêu cao độ xây dựng nên tiêu chuẩn giám định phân biệt thật giả số hóa của mật ong mật ong nguyên sinh thái chín nơi núi cao hoang dã độ tinh khiết cao.



20 nét

HÁN VIỆT

PHONG MẬT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1168

逢

féng

gặp gỡ

老师鼓励大家积极逢，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí féng, yǒng yǔ tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực gặp gỡ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.



9 nét

HÁN VIỆT

PHÙNG

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#1169

讽刺

fěng cì

châm biếm, mỉa mai, trào phúng

鲁迅先生以犀利深刻的如椽巨笔，在小说中对旧社会的腐朽陋习进行了入木三分的讽刺与批判。

Lǔ xùn xiān shēng yǐ xī lì shēn kè de rú chuān jù bǐ, zài xiǎo shuō zhōng duì jiù shè huì de fǔ xiū lòu xí jīn xíng le rù mù sǎn fēn de fěng cì yǔ pī pàn.

Đại văn hào Lỗ Tấn bằng ngòi bút sắc bén như lưỡi gươm trong các tác phẩm tiểu thuyết của mình đã châm biếm và phê phán sâu cay đến tận xương tủy những hủ tục mục nát của xã hội cũ.



20 nét

HÁN VIỆT

PHÙNG THÍCH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1170

凤凰

fēnghuáng

chim phượng hoàng, phượng hoàng lửa (nghĩa đen/bóng)

在大科学工程深空探测器外观图腾设计中，融入了象征涅槃重生与探索宇宙壮志的中国传统神鸟凤凰图样。

Zài dà kē xué gōng chéng shēn kōng tàn cè qì wài guān tú téng shè jì zhōng, róng rù le xiàng zhēng niè pán chóng shēng yǔ tàn suǒ yǔ zhòu zhuàng zhì de zhōng guó shén niǎo fēng huáng tú yàng.

Trong thiết kế đồ án biểu tượng bên ngoài tàu thám trắc không gian sâu công trình khoa học lớn, đã hòa quyện hoa văn chim phượng hoàng phượng hoàng thần diệu truyền thống Trung Quốc tượng trưng cho chí lớn khám phá vũ trụ và niết bàn tái sinh.



26 nét

HÁN VIỆT

PHƯỢNG HOÀNG

HSK 7-9
(3.0)

Danh từ / Động từ

#1171

缝

féng

khe hở, khe rãnh kẽ hở (fèng); khâu vá may (féng)

大科学装置超精密真空管道法兰连接密封面的微观间隙被精准控制在零点几微米以内，做到了严丝合缝。

Dà kē xué zhāng zhì chāo jīng mì zhēn kōng guǎn dào fǎ lán lián jiē mǐ fēng miàn de wēi guān jiàn xì bèi jīng zhǔn kòng zhì zài líng diǎn jǐ wēi mǐ yǐ nèi, zuò dào le yán sī hé féng.

Khe hở khe hở vi mô của mặt bịt kín mỗi nối mặt bích đường ống chân không siêu chính xác thiết bị khoa học lớn được kiểm soát chuẩn xác trong vòng vài phần mười micromet, đạt đến độ khít khao kín mít không một kẽ hở.



13 nét

HÁN VIỆT

PHÙNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1172

缝合

féng hé

khâu lại, khâu vết mổ vết thương

我国完全自主研发的新型智能微创手术机器人成功完成了超微血管亚毫米级全自动高精度缝合。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de xīn xíng zhì néng wēi chuàng shǒu shù jī rén chéng gōng wán chéng le chāo wēi xuē guǎn yǎ háo mǐ jí quán zì dòng gāo jīng dù féng hé.

Robot phẫu thuật xâm lấn tối thiểu thông minh kiểu mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã hoàn thành thành công việc khâu lại khâu vết thương tự động hoàn toàn độ chính xác cao cấp độ dưới milimet đối với các vi mạch máu siêu nhỏ.



22 nét

HÁN VIỆT

PHÙNG CÁP

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ

#1173

否决

fǒu jué

phủ quyết, bác bỏ (nghị quyết, đề án)

在联合国安理会表决中，我国代表坚决否决了某项无视当事国合理关切、企图强加外部干涉的片面决议草案。

Zài lián hé guó ān lǐ huì biǎo jué zhōng, wǒ guó dài biǎo jiǎn jué le mǒu xiàng wú shì dāng shì guó hé lǐ guān qiè, qǐ tú qiǎng jiā wài bù gān shè de piàn miàn jué yì cǎo àn.

Trong cuộc biểu quyết tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, đại diện nước ta đã kiên quyết phủ quyết một dự thảo nghị quyết phiến diện phớt lờ những quan ngại hợp lý của các quốc gia liên quan và mưu toan áp đặt can thiệp từ bên ngoài.



25 nét

HÁN VIỆT

PHỦ QUYẾT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1174

孵化

fū huà

ấp nở (trứng); ươm mầm ươm tạo doanh nghiệp (nghĩa bóng)

国家高新技术开发区前沿科技产业孵化器成功培育出数十家拥有核心自主知识产权的专精特新“小巨人”企业。

Guó jiā gāo xīn jī shù kāi fā qian yán jī chǎn yè fū huà qì chéng gōng péi yù chū shù shí jiā yǒng yǒu hé xīn zì zhǔ zhī shǐ chǎn quán de zhuān jīng jīng tè xīn "xiǎo jù rén" qì yè.

Vườn ươm ấp nở ươm tạo ngành nghề khoa học công nghệ tiên phong Khu Phát triển Công nghệ Cao mới Quốc gia đã bồi dưỡng thành công hàng chục doanh nghiệp "Tiểu Khổng Lồ" chuyên tinh đặc sản số hữu quyền sở hữu trí tuệ tự chủ cốt lõi.



25 nét

HÁN VIỆT

PHU HOA



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1175

敷

fū

đắp lên, bôi xoa lên; phủ trải rộng
(nghĩa đen/bóng)

我国科研团队成功研制出可直接喷涂外敷的高性能纳米水凝胶生物敷料，实现了严重大面积创伤的超快速止血与组织再生。

Wǒ guó kē yán tuán duì chéng gōng yán zhì chū kě zhǐ jiē pēn tú wài fū de gāo xìng néng nà mí shuǐ níng jiāo shēng wù fū liào, shí xiàn le yán zhòng dà miàn jī chuāng shāng de chāo kuài zǔ xī zhǐ zài shēng.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công băng gạc sinh học hydrogel nano tính năng cao có thể trực tiếp phun xịt đắp lên bôi xoa lên ngoài vết thương, thực hiện việc cầm máu siêu nhanh và tái sinh mô tổn thương diện tích lớn nghiêm trọng.

13 nét

HÁN VIỆT: PHU

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ

#1176

扶持

fúchí

hỗ trợ nâng đỡ, trợ cấp bồi dưỡng,
nâng đỡ phát triển

国家设立战略科技前沿重大专项基金，持续全方位倾斜扶持广大青年拔尖科研团队开展原创探索。

Guó jiā shè lì zhàn lüè kē jì qián yán zhòng dà zhuān xiàng jī jīn, chí xù quán fāng wéi qīng xié fú chí guāng dà qīng nián bá jiān kē yán tuán duì kǎi zhàn yuán chuāng tàn sù.

Nhà nước thành lập Quỹ Chuyên án Trọng đại Tiên phong Khoa học Công nghệ Chiến lược, liên tục ưu tiên hỗ trợ nâng đỡ bồi dưỡng toàn diện cho đồng đạo các đội ngũ nghiên cứu khoa học trẻ xuất sắc triển khai tìm tòi nguyên bản.

27 nét

HÁN VIỆT: PHÒ TRÌ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1177

服饰

fúshì

trang phục quần áo, trang phục sức

国家非物质文化遗产数字保护团队运用超高精度多光谱三维扫描，完整重构了古代传世丝绸服饰的微观纤维经纬织造纹理。

Guó jiā fēi wù zhī wén huà yí chǎn shù zì bǎo hù tuán duì yùn yòng chāo gāo jīng dù duō guāng pǔ sān wéi sǎo miáo, wán zhěng zhòng gòu le gǔ dài chuán shì sī chóu fú shì de wēi guān xiān wéi jīng wéi zhī zào wén lǐ.

Đội ngũ bảo tồn số di sản văn hóa phi vật thể quốc gia ứng dụng quét 3D đa quang phổ độ chính xác siêu cao đã tái cấu trúc hoàn chỉnh vân thớ dệt may sợi tơ kinh vĩ vi mô của trang phục quần áo trang phục tơ lụa cổ truyền đời.

24 nét

HÁN VIỆT: PHỤC SỨC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1178

服务器

fúwùqì

máy chủ, máy chủ máy tính server

国家超级计算中心全面部署了搭载完全自主研发人工智能算力芯片的高通量密集型集群服务器。

Guó jiā chāo jí suàn zhōng xīn quán miàn bù shǔ le dā zài wán quán zì zhǔ yán fā rén gōng zhì néng suàn lì xīn piàn de gāo tōng liàng mì xíng qún fú wù qì.

Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia đã bố trí triển khai toàn diện các máy chủ server cụm mật độ cao thông lượng cao gắn chip sức mạnh tính toán trí tuệ nhân tạo do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển.

35 nét

HÁN VIỆT: PHỤC VỤ KHÍ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1179

服用

fúyòng

uống thuốc, dùng thuốc theo toa

临床试验严密数据证实，患者按疗程规范服用我国自主研发的靶向抗癌新药后，肿瘤微观标志物显著下降。

Lín chuāng shì yán yán mǐ shù jù zhèng shí, huàn zhě àn liáo chéng guī fàn fú yòng wǒ guó zì zhǔ yán fā de bǎ xiàng kàng āi xīn yào hòu, zhǒng liú wēi guān biāo zhì wù xiǎn zhù xià jiàng.

Số liệu chặt chẽ từ thử nghiệm lâm sàng đã chứng thực rằng sau khi bệnh nhân dùng thuốc uống thuốc thuốc mới chống ung thư trúng đích do nước ta tự chủ nghiên cứu phát triển theo đúng phác đồ điều trị, các dấu ấn sinh học vi mô của khối u đã sụt giảm rõ rệt.

25 nét

HÁN VIỆT: PHỤC DỤNG

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ

#1180

俘获

fúhuò

bắt giữ tóm gọn (quân sự); bắt giữ
hạt, thu giữ (vật lý: fúhuò)

深空探测器在到达预定变轨点后精准启动反推发动机成功实施近火制动，被火星引力场平稳完美俘获。

Shēn kōng tàn cè qì zài dào dá yù dìng biàn guǐ hòu jīng zhǔn shǐ dòng fǎn tuī dòng cơ chéng gōng shí shī jìn huǒ zhì dòng, bèi huǒ xīng yǐn lì chǎng píng wěn wán měi fú huò.

Tàu thám trắc không gian sâu sau khi đến điểm đổi quỹ đạo định sẵn đã khởi động chuẩn xác động cơ đẩy ngược thực hiện thành công phanh hãm tiếp cận Sao Hỏa, được trường hấp dẫn của Sao Hỏa bắt giữ thu giữ thu phục một cách hoàn hảo và êm thuận.

16 nét

HÁN VIỆT: PHU HOẠCH

HSK 7-9
(3.0)

Danh từ / Động từ

#1181

俘虏

fúlǚ

tù binh; bắt làm tù binh; chinh phục
(trái tim)

舞台上传统京剧与现代交响乐跨界融合的精彩绝伦演出，彻底俘虏了在场数千名中外年轻观众的心。

Wǔ tái shàng chuán tǒng jīng jù yǔ xiàn dài jiāo xiāng yuè kuài jiē róng hé de jīng cǎi jué lún yǎn chū, chè dǐ fú lǚ le zài chǎng shù qiān míng zhōng wài nián qīng guān zhòng de xīn.

Màn trình diễn tuyệt mỹ đỉnh cao kết hợp giao thoa giữa kinh kịch truyền thống và dàn nhạc giao hưởng hiện đại trên sân khấu đã chinh phục hoàn toàn trái tim của hàng ngàn khán giả trẻ trong và ngoài nước có mặt tại khán phòng.

22 nét

HÁN VIỆT: PHỤ LỮ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1182

浮力

fúlì

lực đẩy Ác-si-mét, sức nổi thủy
tĩnh

万米载人深潜器采用了具有完全自主知识产权的新型固态高强微珠浮力材料，保障潜水器在深渊深海自如悬停起浮。

Wàn mǐ zài rén shēn qián qì cǎi yòng le jù yǒu wán quán zì zhǔ quán quán zì zhǔ zhǐ shí chǎn quán de xīn xíng gù tài gāo qiáng wēi zhū fú lì cái liào, bǎo zhàng qián shuǐ qì zài shēn yuǎn shēn hǎi zì rú xuán tíng qǐ fú.

Tàu lặn sâu có người lái vạn mét áp dụng vật liệu sức nổi lực đẩy Ác-si-mét hạt vi cấu cường độ cao thể rắn kiểu mới sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn tự chủ, bảo đảm tàu lặn có thể tự do lơ lửng nổi lặn nơi biển sâu vực thẳm.

16 nét

HÁN VIỆT: PHỤ LỰC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1183

浮现

fúxiàn

hiện lên, nổi lên trước mắt, dâng
trào trong tâm trí

当深空探测器传回第一张火星全最高清彩照时，控制大厅里老中青三代航天人脸上都浮现出了欣慰激动的笑容。

Dāng shēn kōng tàn cè qì chuán huí dì yī zhāng huǒ xīng quán jīng cǎi zhào shí, kòng zhì dà tīng lǐ lǎo zhōng qīng sān dài háng tiān rén liǎn shàng dōu fú xiàn chū le xīn wéi jī dòng de xiào róng.

Khi tàu thám trắc không gian sâu gửi về bức ảnh màu độ nét cao toàn cảnh đầu tiên của Sao Hỏa, trên gương mặt của ba thế hệ những người làm hàng không vũ trụ già - trung - trẻ trong đại sảnh điều khiển đều hiện lên nổi lên nụ cười xúc động và ấm lòng.

22 nét

HÁN VIỆT: PHỤ HIỆN



HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1184

浮躁

fúzào

phù phiếm nông nổi, nôn nóng bốc
đồng xúc nổi

搞基础科学攻关必须坚决摒弃急功近利与心浮气躁，甘坐冷板凳、勇攀世界科技最高峰。

Gǎo jī chǔ kē xué gōng guān bì xū jiǎn jué bìng qì jī gōng jìn lì yǔ xīn fú qì zào, gān zuò lěng bǎn dèng, yǒng pān shì jiè kè jì zuì gāo fēng.

Làm vượt khó khoa học cơ bản bắt buộc phải kiên quyết từ bỏ tâm lý ham lợi trước mắt cùng sự phù phiếm nông nổi nôn nóng xúc nổi, tình nguyện ngồi ghế băng lạnh, dũng cảm trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học công nghệ thế giới.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: PHÙ TÁO

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1185

福气

fú qì

phúc khí, may mắn tốt phúc, phước
lành

看着四世同堂、儿孙满堂承欢膝下，百岁寿星脸上洋溢着幸福自豪的笑容，连连感慨生活在新时代的巨大福气。

Kàn zhe sì shì tóng táng, ér sūn mǎn táng chéng huān xī xià, bǎi suì shòu xīng lián shàng yáng yì zhe xìng fú zì háo de xiào róng, lián lián gǎn kǎi shēng huó zài xīn shí dài de jù dà fú qì.

Nhìn cảnh tượng tử đại đồng đường, con cháu đầy đàn quây quần sum vầy bên gối, cụ già trăm tuổi trên gương mặt rạng rỡ nụ cười hạnh phúc tự hào, luôn miệng cảm khái về phúc khí to lớn khi được sống trong kỷ nguyên mới.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: PHÚC KHÍ

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1186

辐射

fú shè

bức xạ; lan tỏa ảnh hưởng, hiệu ứng
lan tỏa

国家级自主创新示范区充分发挥科技引擎作用，有力辐射带动了周边区域现代产业集群的协同升级发展。

Guó jiā jì zì zhī chuàng xīn shì fàn qū chōng fèn fā huī kē jì yǐn qíng zuó yòng, yǒu lì fú shè dài dòng le zhōu biān qū yù xiān dài chān yè jī qún de xié tóng shēng jí fā zhǎn.

Khu Trình diễn Đổi mới Sáng tạo Tự chủ Cấp Quốc gia phát huy đầy đủ vai trò đầu tàu công nghệ, lan tỏa mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển nâng cấp hiệp đồng của các cụm ngành công nghiệp hiện đại ở khu vực lân cận.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: PHÚC XẠ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1187

抚摸

fǔ mō

vuốt ve, xoa nhẹ âu yếm, mơn man

在重大航天试验圆满成功，总设计师深情抚摸着刚刚凯旋着陆的返回舱外壳，眼中闪烁着激动的泪花。

Zài zhòng dà háng tiān shì yàn shì yàn yuán mǎn chéng gōng hòu, zǒng shè jì shī shēn qīng fú mō zhe gāng gāng kǎi xuán zhù lù de fǎn huí cāng wài ké, yǎn zhōng shǎn shuò zhe jī dòng de lèi huā.

Sau khi cuộc thử nghiệm hàng không vũ trụ trọng đại thành công mỹ mãn, vị Tổng Thiết kế đã âu yếm vuốt ve xoa nhẹ lớp vỏ khoang hồi quyển vừa khai hoàn hạ cánh, trong ánh mắt long lanh những giọt lệ xúc động.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: PHỦ MÒ

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1188

抚恤

fǔ xù

phụ cấp tuất, cứu trợ an ủi, trợ cấp
thân nhân

国家出台健全重大科研国防牺牲奉献人员特别优待保障制度，按最高标准落实烈士家属抚恤与子女教育保障。

Guó jiā chū tái jiàn quán zhòng dà kē yán guó fáng xī shēng fèng xiàn rén yuán tè bié yōu dài bǎo zhàng zhì dù, àn zuì gāo biāo zhǔn luò shí liè shì jiā shǔ fú xù yǔ zǐ nǚ jiàoyù bǎo zhàng.

Nhà nước ban hành chế độ bảo đảm ưu đãi đặc biệt hoàn thiện cho những người cống hiến hy sinh vì quốc phòng và nghiên cứu khoa học trọng đại, thực hiện chế độ trợ cấp thân nhân phụ cấp tuất và bảo đảm giáo dục con em gia đình liệt sĩ theo tiêu chuẩn cao nhất.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: PHỦ TUẤT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1189

抚养

fǔ yǎng

nuôi dưỡng, nuôi nấng (con cái, trẻ
nhỏ)

国家民法典明确规定了父母对未成年子女负有法定的抚养、教育和保护义务，切实保障儿童合法权益。

Guó jiā mǐn fǎ diǎn míng què guī dīng le fù mǔ duì wèi chéng nián zǐ nǚ fù yǒu fǎ dīng de fù yǎng, jiào yù hé bǎo hù yì wù, qiè shí bǎo zhàng ér tóng hé fǎ quán yì.

Bộ luật Dân sự Quốc gia quy định rõ ràng cha mẹ có nghĩa vụ nuôi dưỡng, giáo dục và bảo vệ theo luật định đối với con cái chưa thành niên, bảo đảm thiết thực các quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: PHỦ DƯỠNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1190

抚养费

fǔ yǎng fèi

tiền cấp dưỡng, chi phí nuôi con

国家青年科技人才保障计划全面健全子女抚养与普惠托育配套政策，切实减轻青年科研骨干家庭后顾之忧。

Guó jiā qīng nián kē jì bǎo zhàng jì huà quán miàn jiàn quán zǐ nǚ yǎng yù pǔ huì tuō yù pèi tào zhèng cè, qiè shí jiǎn qīng qīng nián kē gàn jiā tíng hòu wù zhī yōu.

Kế hoạch bảo đảm nhân tài khoa học công nghệ thanh niên quốc gia đã hoàn thiện toàn diện chính sách đồng bộ nhà trẻ phổ huệ và tiền cấp dưỡng nuôi dưỡng con cái, giảm nhẹ thiết thực nỗi lo sau lưng cho gia đình các cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ tuổi.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: PHỦ DƯỠNG PHÍ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1191

斧子

fǔ zi

cái rìu, cây búa rìu

极地科考突击队员在南极冰盖极端严寒环境下利用特种破冰斧子与热融钻机精准获取了深层冰芯科学样本。

Jí dì kē kǎo tū jī duì yuán zài nán jí bīng gài jí duān yán hán huán jīng xià lì yòng tè zhōng pò bīng fú zǐ yǔ rè róng zuàn jī jīng zhǔn huò qǔ le shēn céng bīng xīn kē xué yàng běn.

Các đội viên xung kích khảo sát khoa học vùng cực dưới môi trường cực hàn trên dải băng Nam Cực đã sử dụng máy khoan nhiệt nóng chảy và cây búa rìu chiếc rìu phá băng đặc chủng để lấy chuẩn xác các mẫu vật khoa học lõi băng tầng sâu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: PHỦ TỬ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1192

俯首

fǔ shǒu

cúi đầu, cúi mình tận tụy (fǔshǒu
gānwéi rú zīniú)

功勋战略科学家俯首甘为孺子牛，数十年如一日默默奉献，为国家战略科技自立自强奠定了坚不可摧的基石。

Gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā fǔ shǒu gān wéi rú zǐ niú, shù shí nián rú yì rì mò mò fèng xiàn, wéi guó jiā zhàn lüè kē jì zì lì zì qiáng diǎn dīng le jiān bù kě cuī de jī shí.

Vị nhà khoa học chiến lược có công lao cúi mình tận tụy cúi đầu làm trâu cho con trẻ (phủ thủ cam vi nhũ tử ngư), mấy chục năm như một ngày thấm lặng cống hiến, đặt nền móng kiên cố không thể phá vỡ cho sự tự chủ tự cường khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: PHỦ THỦ

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1193

辅导

fǔ dǎo

phụ đạo, hướng dẫn, dạy kèm

高校优秀研究生党员志愿者定期前往乡村小学，为留守儿童提供课后课业辅导与心理疏导。

Gāo xiào yōu xiù yán yǎn zhì yuē shēng dāng yuán zhì yuē yuán zhè dīng qī qián wǎng xiāng cūn xiǎo xué, wèi liú shǒu ér tóng tí gòng kè hòu kè yè fǔ dǎo yǔ xīn lǐ shū dǎo.

Các tình nguyện viên là đảng viên cao học xuất sắc của trường đại học định kỳ về các trường tiểu học nông thôn để phụ đạo bài vở sau giờ học và tư vấn tâm lý cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

21 nét

HÁN VIỆT: PHỤ ĐẠO

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1194

腐败

fǔ bài

tham nhũng, hủ bại, thối nát

党和国家坚持以零容忍态度反腐惩恶，一体推进不敢腐、不能腐、不想腐，坚决打赢反腐败斗争攻坚战持久战。

Dǎng hé guó jiā jiān chí yǐ líng róng rěn tài dù fǎn fǔ chéng è, yī tǐ tuī jìn bù gǎn fǔ, bù néng fǔ, bù xiǎng fǔ, jiǎn jué dǎ yíng fǎn fǔ bài dòu zhēng gōng zhàn chǎn chí jiǔ zhàn.

Đảng và Nhà nước kiên trì thái độ không khoan nhượng bài trừ tham nhũng trừng phạt cái ác, đẩy mạnh đồng bộ không dám tham nhũng, không thể tham nhũng, không muốn tham nhũng, kiên quyết đánh thắng trận chiến công kiên trường kỳ chống tham nhũng.

23 nét

HÁN VIỆT: HỦ BẠI

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1195

腐化

fǔ huà

thối rữa phân hủy; tha hóa biến chất hủ hóa

国家实验室严格科研经费审计监督，坚决筑牢反腐倡廉思想防线，坚决防止任何科研腐败与作风腐化现象发生。

Guó jiā shí yàn shì yán gé kē yán jīng fèi shěn jī jiān dǔ, jiǎn jué zhù láo fǎn fǔ chǎng lián sī xiǎng fáng xiàn, jiǎn jué fǎng zhì rèn hé kē yán fǔ bài yǔ zuò fēng fǔ huà xiàn xiàng fā shēng.

Phòng thí nghiệm quốc gia kiểm toán giám sát nghiêm ngặt kinh phí nghiên cứu khoa học, xây chắc tuyến phòng thủ tư tưởng thanh liêm chống tham nhũng, kiên quyết phòng ngừa bất kỳ hiện tượng tha hóa biến chất hủ hóa tác phong và tham nhũng nghiên cứu khoa học nào phát sinh.

21 nét

HÁN VIỆT: HỦ HOA

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#1196

腐烂

fǔ làn

mục nát, thối rữa, phân hủy hoại mục

森林生态系统中倒伏的枯木在微生物与真菌作用下自然腐烂分解，源源不断地为土壤肥力补充有机养分。

Sēn lín shēng tài xì tǒng zhōng dǎo fú de kū mù zài wēi shēng wú yǔ zhēn jūn zuò yòng xià zì rán fǔ làn fēn jiě, yuán yuán bù duàn de wèi tǔ rǎng féi lì bǔ chōng yǒu jī yǎng fēn.

Những thân cây khô gãy đổ trong hệ sinh thái rừng dưới tác động của vi sinh vật và nấm mục nát phân hủy tự nhiên, không ngừng bổ sung nguồn dinh dưỡng hữu cơ dồi dào cho đất.

22 nét

HÁN VIỆT: HỦ LẠN

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1197

腐蚀

fǔ shí

ăn mòn, rỉ sét; làm tha hóa biến chất

深海耐高压潜水器外壳采用了新型耐极端盐雾腐蚀的特种钛合金材料，确保在恶劣海洋环境中长效安全服役。

Shēn hǎi nài gāo yā qiǎn shuǐ qì wài ké cǎi yòng le xīn xíng nài jí duǎn yán wù fǔ shí de tè zhōng tài hé jīn cái liào, què bǎo zài è liè hǎi yáng huán jīng zhōng cháng ān fú yì.

Vỏ ngoài của tàu lặn chịu áp lực cao biển sâu áp dụng vật liệu hợp kim titan đặc biệt kiểu mới chống ăn mòn sương muối cực đoan, bảo đảm phục vụ an toàn lâu dài trong môi trường đại dương khắc nghiệt.

23 nét

HÁN VIỆT: HỦ THỰC

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1198

腐朽

fǔ xiǔ

mục nát, thối rữa, suy đồi mục rỗng

青年人要树立崇高积极的人生理想，自觉抵制拜金主义、享乐主义等腐朽思想的侵蚀。

Qīng nián rén yào shù lì chóng gāo jī jí de rén shēng xī xiǎng, zì jué dǐ zhì bài jīn zhǔ yì, xiǎng lè zhǔ yì děng fǔ xiǔ sī xiǎng de qīn shí.

Thanh niên cần xây dựng lý tưởng sống cao đẹp tích cực, tự giác bài trừ sự xâm thực của các tư tưởng suy đồi mục rỗng như chủ nghĩa sùng bái tiền bạc và chủ nghĩa hưởng lạc.

21 nét

HÁN VIỆT: HỦ HỦ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#1199

付费

fù fèi

trả phí, thanh toán tiền trả tiền dịch vụ

国家重大前沿科研数据中心全面推行学术资源免费开放共享机制，坚决杜绝向基础科研人员设置不合理付费门槛。

Guó jiā zhòng dà qián yán kē yán shù jù zhōng xīn quán miǎn tuì xīng xué shù zī yuán miǎn fèi kāi fàng gòng xiǎng jī zhì, jiǎn jué xiàng jī chǔ kē yán rén yuán shè zhì bù hé lǐ fù fèi mén kǎn.

Trung tâm Dữ liệu Nghiên cứu Khoa học Tiên phong Trọng đại Quốc gia đẩy mạnh toàn diện cơ chế chia sẻ mở cửa miễn phí tài nguyên học thuật, kiên quyết chấm dứt việc dựng lên các ngưỡng cửa trả phí thanh toán phí phi lý đối với những người làm nghiên cứu khoa học cơ bản.

24 nét

HÁN VIỆT: PHÓ PHÍ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1200

付款

fù kuǎn

thanh toán, trả tiền

如今在各大城市的商场与超市购物，只需出示手机付款码即可实现秒级无感安全便捷付款。

Rú jīn zài gè dà chéng shì de shāng chǎng yǔ sùpǐ chāo shì gòu wù, zhǐ xū chū shì shǒu jī fù kuǎn mǎ jí kě shí xiàn miǎo jí wú gǎn ān quán biàn jié fù kuǎn.

Ngày nay khi đi mua sắm tại các trung tâm thương mại và siêu thị lớn, bạn chỉ cần đưa mã thanh toán trên điện thoại ra là có thể thanh toán an toàn, tiện lợi và nhanh chóng trong chớp mắt.

19 nét

HÁN VIỆT: PHÓ KHOẢN

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1201

负面

fù miàn

tiêu cực, mặt tiêu cực mặt trái

在大科学工程全生命周期环境评估中，科研团队综合施策，彻底消除了工程施工可能带来的任何负面生态影响。

Zài dà kē xué gōng chéng quán shēng mìng zhōu qī huán jīng píng gū zhōng, kē yán tuán duì zōng hé shī cè, chè dǐ xiāo chú le gōng sī cōng chéng shì gōng kē néng dài lái de rèn hé fù miàn shēng tài yǐng xiǎng.

Trong đánh giá môi trường toàn bộ vòng đời của công trình khoa học lớn, bạn chỉ cần đưa mã thanh toán trên điện thoại ra là có thể thanh toán an toàn, tiện lợi và nhanh chóng trong chớp mắt.

18 nét

HÁN VIỆT: PHỤ DIỆN



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1202

负有

fùyǒu

gánh vác, chịu trách nhiệm mang trên mình

国家实验室作为战略科技力量的核心载体, 负有突破世界前沿科学理论与实现高水平科技自强的崇高历史使命。

Guójiā shíyàn shì zuò wéi zhàn lüè kējì lì liàng de hé xīn zài tǐ, fù yǒu tǔ pò shì jiè qián yán kē xué lì lùn yǔ shí xiàn gāo shuǐ píng kējì zì qiáng de chóng gāo lì shǐ shǐ mìng.

Phòng thí nghiệm quốc gia với tư cách là vật mang cốt lõi của lực lượng khoa học công nghệ chiến lược, chịu trách nhiệm mang trên mình gánh vác sứ mệnh lịch sử cao đẹp về đột phá lý luận khoa học tiên phong thế giới và thực hiện tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

17 nét

HÁN VIỆT: PHỤ HỮU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#1203

附

fù

kèm theo đính kèm; phụ thuộc dựa vào (fùzhǔ)

国家重大科研立项申请书正文后需详实附具国内外查新检索报告与第一手严谨物理实验验证数据清单。

Guójiā zhòng dà kē yán lì xiàng shēn qǐng shū zhèng wén hòu xū xiáng shí fù jù guó nèi wài chá xīn jiǎn sù bào gào yǔ dì yī shǒu yǎn jìn wú lǐ shí yàn yán zhèng shù jù jù qīng dān.

Phía sau phần chính văn của đơn xin lập dự án nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia cần phải đính kèm kèm theo tường tận bản danh mục số liệu kiểm chứng thực nghiệm vật lý chặt chẽ ban đầu và báo cáo tra cứu thông tin mới trong và ngoài nước.

11 nét

HÁN VIỆT: PHỤ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1204

附带

fù dài

Đi kèm với

老师鼓励大家积极附带, 勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí fù dài, yǒng yǔ tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi kèm với, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

20 nét

HÁN VIỆT: PHỤ ĐỐI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1205

附和

fù hè

hùa theo, phụ họa, nói theo chiều gió

在严谨的学术论辩中必须坚持独立思考与求真务实, 绝不能人云亦云、盲目附和未经实证的错误观点。

Zài yán jǐn de xué shù lùn biàn zhōng bì xū jiān chí dú lì sī kǎo yǔ qiú zhēn qǐú shí, jué bù néng rén yún yì yún, máng mù fù hè wéi jīng shí zhèng de cuò wù guān diǎn.

Trong các cuộc tranh biện học thuật nghiêm cần bắt buộc phải kiên trì tư duy độc lập và cấu thị tìm kiếm chân lý, tuyệt đối không thể thấy người ta nói sao mình nói vậy hay mù quáng hùa theo phụ họa những quan điểm sai lầm chưa qua thực chứng.

19 nét

HÁN VIỆT: PHỤ HOÀ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Động từ

#1206

附加

fùjiā

gia tăng, bổ sung thêm, giá trị gia tăng (fùjiāzhí)

我国加快推动现代制造业向高技术含量、高附加值的全球产业链高端环节加速跃升。

Wǒ guó jiā kuài tuī dòng xiàn dài zhì zào yè xiàng gāo jiā zhí de quán qiú chǎn yè gāo duān huán jié jiā sù yuè shēng.

Nước ta đẩy nhanh thúc đẩy ngành chế tạo hiện đại nhảy vọt nhanh chóng hướng tới các mắt xích cao cấp trong chuỗi ngành nghề toàn cầu có giá trị gia tăng gia tăng cao và hàm lượng công nghệ cao.

24 nét

HÁN VIỆT: PHỤ GIA

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Động từ

#1207

附属

fù shǔ

trực thuộc, phụ thuộc, trực thuộc quản lý

这所知名大学医学院附属三甲医院引进了国际前沿的重离子质子治癌系统, 为疑难重症患者提供了世界一流的诊疗平台。

Zhè suǒ zhī míng dà xué yī xué yuàn fù shǔ sān jiǎ yī yuàn yǐn jìn le guó jì qián yán de zhòng lǐ zì zhì ài xī tǒng, wéi yǎn nán zhòng zhèng huàn zhě tí gòng le shì jiè yì liú de zhěn liáo píng tái.

Bệnh viện Đa khoa Hạng 3 trực thuộc Trường Y thuộc trường đại học danh tiếng này đã nhập khẩu hệ thống điều trị ung thư bằng proton ion nặng tiên phong quốc tế, mang lại nền tảng chẩn đoán điều trị đẳng cấp thế giới cho các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

19 nét

HÁN VIỆT: PHỤ THUỘC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1208

复查

fùchá

phục tra, kiểm tra lại rà soát lại

在重大工程关键结构件出厂前, 质量检验专家组严格进行了多轮无损超声探伤与几何尺寸全参数精密复查。

Zài zhòng dà gōng chéng guān jiàn jié gòu jiàn chú cháng qián, zhì liàng jiǎn yàn zhuān jiǎ zǔ yán gé jīn xíng le duō lún wú sǔn chāo shēng tàn shāng yǔ jī hé cùn quán cān shù jīng mì fù chá.

Trước khi các cấu kiện kết cấu then chốt của công trình trọng đại xuất xưởng, Tổ Chuyên gia Kiểm định Chất lượng đã tiến hành nhiều vòng phục tra kiểm tra lại rà soát lại chính xác toàn bộ tham số kích thước hình học và dò tìm khuyết tật siêu âm không phá hủy nghiêm ngặt.

25 nét

HÁN VIỆT: PHỤC TRA

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1209

复发

fùfā

tái phát, tái bùng phát (bệnh tật/nguy cơ)

国家医学攻关团队研制出的新型免疫靶向细胞治疗方案, 将恶性血液肿瘤患者的术后复发率降低了百分之八十以上。

Guójiā yī xué gōng guān tuán duì yán zhì chū de xīn xíng miǎn yì bā xiàng xi bào zhì liáo fāng àn, jiāng è xīng xuè yè zhǒng liú huàn zhě de shù hòu fù fā lǜ jiàng dī le bǎi fēn zhī bā shí yǐ shàng.

Phương án trị liệu tế bào trúng đích miễn dịch kiểu mới do đội ngũ vượt khó y học quốc gia nghiên cứu phát triển đã giảm thiểu tỷ lệ tái phát tái bùng phát hậu phẫu của bệnh nhân khối u huyết học ác tính xuống hơn 80%.

23 nét

HÁN VIỆT: PHỤC PHÁT

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Động từ

#1210

复合

fùhé

composite, phức hợp hỗn hợp, liên kết đa hệ

我国成功攻克了超高温航空航天特种陶瓷基复合材料整体构件低成本精密制造成套关键技术。

Wǒ guó chéng gōng gōng kè le chāo gāo wēn háng kōng háng tiān tè zhòng táo cí jī fù hé cái liào zhèng tí gòu jiàn dī chéng běn jīng mì zhì zào chéng tào guān jiàn jì shù.

Nước ta đã chinh phục thành công bộ công nghệ then chốt hoàn chỉnh chế tạo chính xác chi phí thấp cấu kiện nguyên khối vật liệu composite phức hợp gốc gốm sứ đặc chủng hàng không vũ trụ nhiệt độ siêu cao.

22 nét

HÁN VIỆT: PHỤC CÁP



HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ #1220

富裕

fù yù

giàu có, khá giả, sung túc

我们追求的发展是全体人民共同富裕的现代化，让改革发展成果更多更公平惠及全体人民。

Wǒ men zhī qiú de fā zhǎn shì quán tǐ rén mín gòng tóng fù yù de xiān dài huà, ràng gǎi gé fā zhǎn chéng guǒ gèng duō gèng gōng píng huì jí quán tǐ rén mín.

Sự phát triển mà chúng ta theo đuổi là hiện đại hóa toàn thể nhân dân cùng nhau giàu có sung túc, giúp cho các thành quả cải cách phát triển tạo phúc nhiều hơn và công bằng hơn tới toàn thể nhân dân.

18 nét

HÁN VIỆT: PHÚ DỤ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ #1221

富足

fù zú

sung túc, no đủ dồi dào, giàu có viên mãn

科技创新的蓬勃发展不仅创造了巨大的社会物质财富，更极大丰富了广大人民群众的精神富足与幸福生活。

Kē jì chuàng xīn de péng bó fā zhǎn bù jīn chuàng zào le jù dà de shè wù zī chǎn, gèng jí dà fù zhī le guǎng dà rén qún de jīng shén fù zú yǔ xìng fú shēng huó.

Sự phát triển bùng nổ của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ không chỉ kiến tạo của cải vật chất xã hội to lớn, mà càng làm phong phú sâu sắc đời sống hạnh phúc và sự no đủ sung túc tinh thần của đông đảo quần chúng nhân dân.

18 nét

HÁN VIỆT: PHÚ TÚ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1222

赋予

fù yǔ

trao cho, giao phó cho, ban cho (sứ mệnh, quyền lực)

新时代赋予了广大青年光荣而艰巨的崇高使命，青年一代当勇立时代潮头、勇担强国重任。

Xīn shí dài fù yǔ le guǎng dà qīng nián guāng róng ér jiǎn jù de chóng gāo shǐ mìng, qīng nián yí dài dāng yǒng lì shí dài cháo tóu, yǒng dān qiáng guó zhòng rèn.

Thời đại mới đã trao cho đông đảo thanh niên một sứ mệnh cao cả vô cùng vinh quang và nặng nề, thế hệ trẻ hãy dũng cảm đứng trên ngọn sóng thời đại, dũng cảm gánh vác trọng trách lớn lao xây dựng đất nước giàu mạnh.

18 nét

HÁN VIỆT: PHÚ DƯ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1223

腹部

fù bù

vùng bụng, phần bụng thân dưới (y học/cơ khí)

深海万米载人潜水器腹部搭载了高精度声学测深侧扫声呐系统，可对洋底微地形实现超高分辨率成像扫描。

Shēn hǎi wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì fù bù dā zài le gāo jīng dù shēng xué cè shēn cè sǎo shēng nà xì tǒng, kě duì yáng dǐ wēi dì xíng shí xiàn chāo gāo fēn biàn lǜ chéng xiàng sǎo miáo.

Phần bụng vùng bụng tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu được trang bị hệ thống sonar quét sườn đo sâu âm học độ chính xác cao, có thể thực hiện quét chụp ảnh độ phân giải siêu cao đối với ví dụ địa hình đáy đại dương.

19 nét

HÁN VIỆT: PHÚC BỘ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1224

腹泻

fù xiè

tiêu chảy, đau bụng đi ngoài

在夏秋季肠道传染病高发期，必须格外注意饮食饮水卫生，一旦出现急性腹泻与脱水症状应及时就医治疗。

Zài xià qiū jì dǎo cháng dào chuán rǎn bìng gāo fā qī, bì xū gé wài zhù yì yǐn shí yǐn shuǐ wèi shēng, yí dàn chū xiàn jí xìng fù xiè yǔ tuō shuǐ zhèng zhuàng yīng jí shí jù yī zhì liáo.

Trong giai đoạn cao điểm phát sinh bệnh truyền nhiễm đường ruột mùa hè thu, bắt buộc phải đặc biệt chú ý vệ sinh ăn uống và nguồn nước, một khi xuất hiện triệu chứng tiêu chảy cấp tính và mất nước cần kịp thời đến cơ sở y tế điều trị.

20 nét

HÁN VIỆT: PHÚC TẢ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1225

覆盖

fù gài

bao phủ, che phủ; độ che phủ

经过几代林业建设者的不懈奋斗，我国森林覆盖率实现了历史性持续跃升，筑牢了国家绿色生态屏障。

Jīng guò jǐ dài lín yè jiàn shè zhě de bù xiè fèn dòu, wǒ guó sēn lín fù gài lǜ shí xiàn le lì shǐ xìng chí xù yuè shēng, zhù láo le guó jiā lǜ sè shēng tài píng zhàng.

Trải qua sự nỗ lực không ngừng nghỉ của nhiều thế hệ người làm lâm nghiệp, độ che phủ rừng của nước ta đã đạt được bước nhảy vọt liên tục mang tính lịch sử, xây đắp vững chắc bức tường thành sinh thái xanh của quốc gia.

19 nét

HÁN VIỆT: PHÚC CÁI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1226

改版

gǎi bǎn

đổi mới giao diện, tái bản thay đổi phiên bản (báo chí/web)

国家大科学装置官方科学数据开放平台全新改版上线，为全球科学家提供了更加高效便捷的交互界面与数据下载通道。

Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì guān fāng kē xué shù jù kāi fàng píng tái quán xīn gǎi bǎn shàng xiàn, wèi quán qiú kē xué jiā tí gòng le gèng jiā gāo xiào biàn捷的 jiāo hù jiàn miàn yǔ shù jù xià zài tōng dào.

Nền tảng mở cửa dữ liệu khoa học chính thức của thiết bị khoa học lớn quốc gia đã hoàn tất đổi mới giao diện thay đổi phiên bản đưa vào sử dụng, mang lại kênh tải dữ liệu và giao diện tương tác thuận tiện hiệu quả cao hơn cho các nhà khoa học toàn cầu.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1227

改编

gǎi biān

cải biên, chuyển thể chuyển thể tác phẩm

根据战略科学家隐姓埋名科技报国感人事迹改编的硬核主旋律影视作品上映后，在全社会引起了极强烈的精神共鸣。

Gēn jù zhàn lüè kē xué jiā yǐn xìng mái míng kē jì bào guó gǎn rén shì jì gǎi biān de yīng hé zhǔ xuǎn lǜ yǐng shì zuò pīn shàng yǐng hòu, zài quán shè huì yǐn qǐ le jí qiáng liè de jīng shén gòng míng.

Tác phẩm điện ảnh truyền hình chủ đề tư tưởng lớn chính thống cải biên chuyển thể từ câu chuyện cảm động phụng sự Tổ Quốc bằng khoa học, ẩn danh giấu tên của nhà khoa học chiến lược sau khi công chiếu đã đẩy lên sự cộng hưởng tinh thần vô cùng mạnh mẽ trong toàn xã hội.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1228

改动

gǎi dòng

sửa đổi, điều chỉnh chỉnh sửa

在大科学工程超精密控制算法集成测试中，任何一处关键参数的微小改动都必须经过全系统闭环严格复核仿真。

Zài dà kē xué gōng chéng chéng gōng jiāng jù kòng zhì suàn fǎ jí chéng cè shì zhōng, rèn hé yí chù guān jiàn cān shù de wēi xiǎo gǎi dòng dōu bì xū jīng guò quán xì tǒng bì huán yán gé fù hé fǎ zhēn.

Trong kiểm tra tích hợp thuật toán điều khiển siêu chính xác công trình khoa học lớn, bất kỳ một sự chỉnh sửa điều chỉnh sửa đổi nhỏ nào của một tham số then chốt cũng đều bắt buộc phải trải qua mô phỏng kiểm tra lại nghiêm ngặt khép kín toàn hệ thống.



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Động từ #1229

改革开放

gǎi gé kāi fàng

Cải cách Mở cửa (chính sách lịch sử Trung Quốc)

改革开放四十多年来，中国科技事业实现了从跟跑为主向跟跑、并跑、领跑并存的历史性伟大跨越。

Gǎi gé kāi fàng sì shí duō nián lái, zhōng guó kē jì shì yè shí xiàn le cóng gēn pǎo wéi zhǔ xiàng gēn pǎo, bìng pǎo, lǐng pǎo bìng cún de lì shǐ xìng wéi dà kuà yuè.

Hơn 40 năm Cải cách Mở cửa lại đây, sự nghiệp khoa học công nghệ Trung Quốc đã thực hiện bước nhảy vọt vĩ đại mang tính lịch sử từ chỗ chủ yếu chạy theo sau sang cùng tồn tại chạy theo sau, chạy song hành và dẫn đầu.

35 nét

HÁN VIỆT

CẢI CÁCH KHAI PHÓNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1230

改良

gǎi liáng

cải tạo, cải lương, cải tạo cải tạo nâng cấp (đất đai, giống nòi)

农业科学家团队通过连续多年选育抗盐碱耐旱优良新品种，成功对数百万亩中低产盐碱土壤进行了高效生态改良。

Nóng yè kē xué jiā tuán duò lián xù duō nián xuān yù kàng yán jiǎn nài hàn yǒu liáng xīn pín zhǒng, chéng gōng duì shù bǎi wàn mù zhōng dī chǎn yán jiǎn tǔ rǎng jìn xíng le gāo xiào shēng tài gǎi liáng.

Nhóm các nhà khoa học nông nghiệp thông qua việc liên tục tuyển chọn các giống mới ưu việt chịu mặn kiềm và kháng hạn trong nhiều năm đã cải tạo sinh thái hiệu quả cao thành công cho hàng triệu mẫu đất phèn mặn năng suất thấp.

23 nét

HÁN VIỆT

CẢI LƯƠNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1231

改名

gǎi míng

đổi tên, thay đổi tên gọi

为了国家最高绝密大科学工程建设需要，许多功勋科学家当年毅然隐姓埋名、改名换姓，默默无闻奉献一生。

Wèi le guó jiā zuì gāo jué mì dà kē xué gōng chéng jiàn shè xū yào, xǔ duō gōng xūn kē xué jiā dāng nián yì rán yǐn xìng mái míng, gǎi míng huàn xìng, mò mò wú wén fèng xiàn yì shēng.

Vì nhu cầu xây dựng công trình khoa học lớn tuyệt mật tối cao của quốc gia, nhiều nhà khoa học có công lao năm xưa đã kiên quyết đổi tên ẩn danh đổi họ, trầm lặng không ai biết đến cống hiến trọn cuộc đời.

28 nét

HÁN VIỆT

CẢI DANH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ #1232

改日

gǎi rì

hôm khác, vào ngày khác, bữa khác

由于当前正处于大科学装置全系统精密调试关键窗口期，总工程师婉拒了多场非学术性外事接待并约定改日再会。

Yóu yú dāng qián zhèng chǔ dà kē xué zhuāng zhì quán xì tǒng jīng mì tiáo shì guān jiàn chuāng kǒu qī, zǒng gōng chéng shǐ wǎn jù le duō chǎng fēi xué shù wài shì jiē dài bìng yuē dìng gǎi rì zài huì.

Do hiện đang ở trong giai đoạn cửa sổ then chốt hiệu chỉnh chính xác toàn hệ thống của thiết bị khoa học lớn, Tổng Kỹ sư đã khéo léo từ chối nhiều buổi tiếp đón đối ngoại phi học thuật và hẹn gặp lại vào hôm khác ngày khác.

25 nét

HÁN VIỆT

CẢI NHẬT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1233

改为

gǎi wéi

đổi thành, chuyển thành đổi sang

经过专家组严密物理论证，大科学装置二期加速腔主体结构材料全面改为性能更加优异的特种超纯超导铌材。

Jīng guò zhuān jiǎ zǔ yán mì wù lǐ lùn zhèng, dà kē xué zhuāng zhì èr qī jiǎ sù qiǎng zhǔ tǐ jié gōu cái liào quán miàn gǎi wéi xìng néng gèng jiā yōu yì de tè zhǒng chāo chún chāo dǎo ní cái.

Trải qua luận chứng vật lý chặt chẽ của Hội đồng Chuyên gia, vật liệu kết cấu chủ thể buồng gia tốc giai đoạn 2 thiết bị khoa học lớn đã chuyển thành đổi thành vật liệu niobi siêu dẫn siêu tinh khiết đặc chủng có tính năng ưu việt hơn.

28 nét

HÁN VIỆT

CẢI VI

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Động từ #1234

改邪归正

gǎi xié guī zhèng

cải tà quy chính, quay đầu về nẻo thiện, hoàn lương

国家网络安全法治宣传教育引导曾迷途违法的年轻黑客技术人员改邪归正，将技术才华投身到国家网络安全建设正道中。

Guó jiā wǎng lóu ān quán fǎ zhì xuān chuán jiào yù yǐn dǎo céng mí tú wéi fǎ de nián qīng hēi kè jì shù rén yuán gǎi xié guī zhèng, jiāng jì shù cái huá tóu shēn dào guó jiā wǎng lóu ān quán jiàn shè zhèng dào zhōng.

Công tác tuyên truyền giáo dục pháp trị an ninh mạng quốc gia đã định hướng cho các nhân viên kỹ thuật hacker trẻ tuổi từng lầm đường lạc lối vì phạm pháp luật quay đầu về nẻo thiện cải tà quy chính, đem tài hoa công nghệ dẫn thân vào con đường chính đạo xây dựng an ninh mạng quốc gia.

35 nét

HÁN VIỆT

CẢI TÀ QUY CHÍNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1235

钙

gài

canxi (nguyên tố hóa học Ca)

新型钙钛矿太阳能电池在前沿光伏转换效率测试中接连刷新世界纪录，展现出极具潜力的产业应用前景。

Xīn xíng gài tài kuàng tài yáng néng diàn chí zài qián yán guāng fú zhuān huàn xiào lǜ cè shì zhōng jiē lián shuā xīn shì jiè jì lù, zhǎn xiàn chū jù jǐ qián lì de chǎn yè yìng yòng qián jǐng.

Pin Mặt trời perovskite canxi titan kiểu mới trong các thử nghiệm hiệu suất chuyển đổi quang điện tiên phong đã liên tiếp phá vỡ kỷ lục thế giới, phổ biến triển vọng ứng dụng công nghiệp vô cùng tiềm năng.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1236

盖子

gài zi

nắp đậy, cái vung cái nắp kín

大科学装置超高真空靶室特种重型密封端盖盖子采用了亚微米级双道金属密封圈结构，确保在极端负压下绝对不漏气。

Dà kē xué zhuāng zhì zhāo gāo zhēn kōng bǎ shì tè zhǒng zhòng xíng fēng mìng duān gài gài zi cǎi yòng le yǎ wēi mǐ jí shuāng dào jīn shǔ mì fēng quān jié gòu, què bǎo zài jī duǎn fū yǎ xià jué duì bù lòu qì.

Cái nắp nắp đậy đầu bịt kín hạng nặng đặc chủng của buồng bia siêu chân không thiết bị khoa học lớn áp dụng kết cấu vòng đệm kim loại đôi cấp độ dưới micromet, bảo đảm tuyệt đối không rò rỉ khí dưới áp suất âm cực hạn.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1237

概况

gài kuàng

tình hình khái quát, tổng quan bức tranh chung

在国际大科学工程年度工作报告中，总指挥全面翔实汇报了一期物理装置建设运行情况与重大原创科学成果。

Zài guó jì dà kē xué gōng chéng nián dù gòng zuò bào gào xuān huì bào le yí qī wù lǐ zhuāng zhì jiàn shè xíng qíng xiàng shí huì bào le yí qī wù lǐ zhuāng zhì jiàn shè yùn xíng qíng gài kuàng yǔ zhòng dà yuán chuàng kē xué chéng guó.

Trong Báo cáo Công tác Thường niên Công trình Khoa học Lớn Quốc tế, Tổng Chỉ huy đã báo cáo toàn diện tường tận tình hình khái quát tổng quan vận hành xây dựng thiết bị vật lý giai đoạn một cùng các thành quả khoa học nguyên bản trọng đại.



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1238

概率

gàilǜ

xác suất, tỷ lệ xác suất xảy ra

量子力学波函数坍缩与微观粒子空间分布测量在本质上体现为精确的统计概率规律，揭示了微观世界的内在本质。

Liàng zǐ lì xué bō hán shù tàn suō yǔ wēi guān lì zǐ kōng jiān fēn bù cè liáng zài běn zhì shàng tǐ xiàn wèi jīng què de tǒng jì gài lǜ guī lǜ, jiē shì le wēi guān shì jiè de nèi zài běn zhì.

Việc đo đặc phần bố không gian hạt vi mô và sụp đổ hàm sóng cơ học lượng tử về bản chất thể hiện thành quy luật xác suất thống kê chuẩn xác, hé lộ bản chất nội tại của thế giới vi mô.

20 nét

HÁN VIỆT: KHÁI LUẬT

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1239

概论

gàilùn

khái luận, giáo trình tổng quan nhập môn

两院院士亲自为拔尖创新青年学子讲授《量子计算与前沿信息科学概论》，引导青年学子树立科技报国远大志向。

Liǎng yuàn yuàn shì qīn zì wèi bá jiā chuàng xīn qīng nián xué zǐ jiǎng shòu 《liàng zǐ jì suàn yǔ qián yán xīn xī kē xué gài lùn》, yīn dǎo qīng nián xué zǐ shù lì kē jì bào guó yuǎn dà zhì xiàng.

Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm đã đích thân giảng dạy môn 'Khái luận Khái luận Thông tin Khoa học Tiên phong và Tính toán Lượng tử' cho các sinh viên trẻ xuất chúng đổi mới sáng tạo, dẫn dắt các học trò trẻ xác lập chí lớn phụng sự Tổ quốc bằng khoa học.

20 nét

HÁN VIỆT: KHÁI LUẬN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#1240

甘心

gān xīn

cam lòng, cam tâm chịu đựng

老一辈科学家在面对国外严密的技术封锁时从不甘心落后，凭借自力更生的顽强拼搏攻克了一个又一个大国重器难关。

Lǎo yī bèi kē xué jiā zài miàn duì guó wài yán mì de jì shù fēng suǒ shí cóng bù gān xīn luò hòu, píng jiè zì lì gēng shēng de wán qiáng pīn bó gōng kè le yí gè yí gè dà guó zhòng qì nán guān.

Các nhà khoa học tiên bối đứng trước sự phong tỏa công nghệ nghiêm ngặt của nước ngoài chưa bao giờ cam tâm chịu tụt hậu, dựa vào sự nỗ lực phấn đấu ngoan cường tự lực chinh sinh đã chinh phục hết ải khó này đến ải khó khác của các đại thiết bị quốc gia.

19 nét

HÁN VIỆT: CAM TÂM

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1241

肝脏

gānzàng

lá gan, cơ quan gan

国家再生医学重点实验室成功利用患者自体诱导多能干细胞在体外三维生物打印培育出具有全代谢活性的微型人工肝脏。

Guó jiā zài shēng yī xué zhòng diǎn shí yàn shì chéng gōng lì yòng huàn zhě zì tǐ yǒu dǎo duō néng gān xì bǎo zài tǐ wài sān wéi shēng wù dǎ yìn péi yù chū jù yǒu quán dài xiè huó xìng de wēi xíng rén gōng gān zàng.

Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia y học tái sinh đã thành công trong việc tận dụng tế bào gốc vạn năng cảm ứng tự thân của bệnh nhân để in sinh học 3D nuôi cấy lá gan cơ quan gan nhân tạo siêu nhỏ có hoạt tính trao đổi chất toàn diện ngoài cơ thể.

26 nét

HÁN VIỆT: CÁN TANG

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1242

尴尬

gān gā

Xấu hổ

在面对复杂的挑战时，保持尴尬的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí gān gā de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái Xấu hổ đặc biệt quan trọng.

22 nét

HÁN VIỆT: GIAM GIỚI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1243

赶赴

gǎnfù

nhanh chóng lên đường tới, vội vã tới hiện trường

在接到大科学装置现场突发技术告警后，专家应急抢险组连夜顶风冒雨赶赴戈壁实验现场排险攻关。

Zài jiē dào dà kē xué zhuāng zhì xiàn chǎng tū fā jì shù gào jǐng hòu, zhuān jiā yǐng jí xiǎn qǐ xiàng yàn xiàn chǎng pái xiǎn gōng guān.

Sau khi nhận được cảnh báo kỹ thuật đột xuất tại hiện trường thiết bị khoa học lớn, Tổ Cứu hộ Khẩn cấp Chuyên gia đã đội gió đội mưa thức thâu đêm nhanh chóng lên đường tới với và tới hiện trường thực nghiệm sa mạc Gobi để khắc phục sự cố vượt khó.

20 nét

HÁN VIỆT: CẢN PHÓ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1244

赶往

gǎnwǎng

vội vã đi tới, hối hả đến, nhanh chóng di chuyển đến

深空探测着陆回收搜救分队搭载多架全天候直升机第一时间全速赶往内蒙古四子王旗预定着陆落点区域。

Shēn kōng tàn cè zhuó lù huí sōu jiù hú fēn duì dā zài duō tiān hòu zhí shēng jī dì yí shí jiān quán sù gǎn wǎng nèi měng gǔ sì zǐ wáng qí yǔ dìng zhuó lù luò diǎn qū yù.

Phân đội tìm kiếm cứu hộ thu hồi tàu hạ cánh thám trắc không gian sâu gần trên nhiều máy bay trực thăng mọi thời tiết đã lập tức hết tốc lực vội vã đi tới hối hả đến khu vực điểm rơi hạ cánh định sẵn tại Tử Tử Vương Kỳ thuộc Nội Mông.

23 nét

HÁN VIỆT: CẢN VẮNG

HSK 7-9 (3.0)

Phó từ

#1245

敢情

gǎnqíng

hóa ra, thì ra là (khẩu ngữ phương ngôn biểu thị vỡ lẽ)

经过连夜多维度物理排查，工程师恍然大悟：“敢情这个偶发干扰信号不是外部噪声，而是粒子探测器的高阶共振响应！”

Jīng guò lián yè duō wéi dù wù lǐ pái chá, gōng chéng shī huǎng rán dà wù: "gǎn qíng zhè ge ǒu fā gǎn rǎo xìn hào bú shì wài bù zào shēng, ér shì lì zǐ tàn cè qì de gāo jiē gòng zhèn xiǎng yīng!"

Trải qua một đêm rà soát vật lý đa chiều, các kỹ sư vỡ lẽ bừng tỉnh: 'Hóa ra thì ra là tín hiệu can nhiễu ngẫu phát này không phải là tiếng ồn bên ngoài, mà là phản hồi cộng hưởng bậc cao của máy dò hạt!'

21 nét

HÁN VIỆT: CẢM TÌNH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1246

感

gǎn

cảm giác, cảm xúc cảm động; cảm nhận (gǎnjué)

广大青年科技工作者把强烈的历史使命感与责任感转化为攀登世界科技最高峰的无穷强大力量。

Guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě bǎ qiáng liè de lì shǐ shǐ mìng gǎn yǔ zé rèn gǎn zhuān huà wéi pán dēng shì jiè kē jì zuì gāo fēng de wú qióng qiáng dà lì liàng.

Đồng đảo những người làm khoa học công nghệ trẻ tuổi biến cảm giác sứ mệnh lịch sử và cảm xúc tinh thần trách nhiệm mạnh mẽ thành sức mạnh vô tận to lớn trèo lên đỉnh cao nhất của khoa học công nghệ thế giới.

14 nét

HÁN VIỆT: CẢM

HSK 7-9
(3.0)

Danh từ / Động từ #1247

感触

gǎnchù

cảm xúc, cảm nghĩ trải nghiệm sâu sắc, nỗi niềm cảm nhận

在回顾几十年前一穷二白起步研制国之重器的峥嵘岁月时，老院士深有感触地勉励年轻一代要自立自强。

Zài huí gù jǐ shí nián qín bái qǐ bái qǐ bù yán zhì guó zhī zhēng róng yuè shí, lǎo yuàn shì shēn yǒu gǎn chù dì miǎn lì nián qīng yí dài yào zì lì zì qiáng.

Khi hồi tưởng lại những năm tháng chông gai trắng lệ bắt đầu từ hai bàn tay trắng nghèo nàn nghiên cứu chế tạo đại khí quốc gia mấy chục năm trước, vị Viện sĩ lão thành dạt dào cảm xúc cảm nhận sâu sắc động viên thế hệ trẻ phải tự chủ tự cường.

23 nét

HÁN VIỆT: CẢM XÚC

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ #1248

感恩

gǎn'ēn

biết ơn, cảm ân tri ân tấm lòng

青年科学家时刻怀着一颗对党和国家悉心培养的感恩之心，用扎扎实实的重大原始创新成果回报人民。

Qīng nián kē xué jiā shí kè huái yī kē huái zhe yī kē duì dāng hé guó jiā xī xīn péi yǎng de gǎn ēn zhī xīn, yòng zhā zhā shí shí de zhòng dà yuán shǐ chuàng xīn chéng guǒ huí bào rén mín.

Các nhà khoa học trẻ luôn ôm ấp một tấm lòng biết ơn cảm ân tri ân đối với sự tận tâm bồi dưỡng của Đảng và Nhà nước, dùng những thành quả đổi mới sáng tạo nguyên bản trọng đại chắc chắn vững vàng để báo đáp nhân dân.

28 nét

HÁN VIỆT: CẢM ƠN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ #1249

感激

gǎnjī

cảm kích, biết ơn sâu sắc

每当回忆起导师当年在学术道路上对自己悉心指点与倾囊相授，他心中总是充满着由衷的感激。

Měi dāng huí yì qǐ dǎo shī dāng nián zài xué shù dào lù shàng duì zì jǐ xī xīn zhǐ diǎn yǔ qīng náng xiāng shòu, tā xīn zhōng zǒng shì chōng mǎn zhe yōu zhōng de gǎn jī.

Mỗi khi hồi tưởng lại sự tận tình chỉ bảo và truyền dạy hết mình của người thầy kính yêu trên con đường học thuật năm xưa, trong lòng anh luôn dâng đầy sự cảm kích sâu sắc tận đáy lòng.

28 nét

HÁN VIỆT: CẢM KÍCH

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ #1250

感慨

gǎnkǎi

cảm khái, bồi hồi xúc động, cảm thán

抚今追昔，回顾国家从一穷二白走向繁荣富强的壮阔历史巨变，老一代建设者们无不心潮澎湃、万千感慨。

Fǔ jīn zhuī xī, huí gù guó jiā cóng yī qióng èr bái zǒu xiàng fán róng fù qiáng de zhuàng kuò lì shǐ jù biàn, lǎo yí dài jiàn shè zhě wú bù xīn cháo péng pài, wàn qiān gǎn kǎi.

Nhìn lại quá khứ đối chiếu với hôm nay, nhìn lại sự chuyển biến lịch sử vĩ đại của đất nước từ thuở hai bàn tay trắng tiến tới phồn vinh giàu mạnh, những người xây dựng thế hệ đi trước ai nấy đều dạt dào cảm xúc bồi hồi, muôn vàn cảm khái.

24 nét

HÁN VIỆT: CẢM KHÁI

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ #1251

感染

gǎnrǎn

nhiễm khuẩn, lây nhiễm; truyền cảm hứng, truyền lửa

老一辈科学家胸怀祖国、淡泊名利的崇高情怀，深深感染并激励着一代又一代青年科技工作者奋发图强。

Lǎo yī bèi kē xué jiā xiōng huái zǔ guó, dàn bó míng lì de chōng gāo qīng huái, shēn shēn gǎn rǎn bìng jī lì zhe yī dài yòu yī dài qīng nián kē jì gōng zuò zhě fèn fā tú qiáng.

Tấm lòng cao đẹp luôn hướng về Tổ quốc, coi nhẹ danh lợi của các nhà khoa học tiền bối đã truyền cảm hứng sâu sắc và khích lệ biết bao thế hệ cán bộ khoa học công nghệ trẻ không ngừng phấn đấu vươn lên.

22 nét

HÁN VIỆT: CẢM NHIỄM

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1252

感染力

gǎnrǎn lì

sức truyền cảm, sức lôi cuốn lay động lòng người

老科学家生动深情讲述科技报国初心使命的科学家精神主题报告，具有极强的思想震撼力与艺术感染力。

Lǎo kē xué jiā shēng dòng shēn qíng jiǎng shù kē jì bào guó chū xīn shǐ mìng de kē xué jiā jīng shén zhǔ tí bào gào, jù yǒu jí qiáng de sī xiǎng zhèn hàn lì yǔ yì shù gǎn rǎn lì.

Báo cáo chuyên đề tinh thần nhà khoa học với lời kể truyền cảm sinh động dạt dào tình cảm về sự mệnh tâm nguyện ban đầu phụng sự Tổ quốc bằng khoa học của vị nhà khoa học lão thành sở hữu sức lôi cuốn sức truyền cảm nghệ thuật và sức chấn động tư tưởng cực kỳ mạnh mẽ.

30 nét

HÁN VIỆT: CẢM NHIỄM LỰC

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ #1253

感叹

gǎntàn

cảm thán, than thở trầm trồ thán phục, cảm khái

目睹中国大科学装置集群拔地而起并产出世界级前沿成果，多位国际顶尖学者由衷感叹中国科技发展的惊人奇迹。

Mù dǔ zhōng guó dà kē xué zhuāng qún bá dì ér qǐ bìng chǎn chū shì jiè jí qián yán chéng guǒ, duō wèi guó jì dīng jiān xué zhě yóu zhōng gǎn tàn zhōng guó kē jì fā zhǎn de jīng rén qí jì.

Tận mắt chứng kiến cụm thiết bị khoa học lớn Trung Quốc mọc lên sừng sững và sản sinh ra những thành quả tiên phong tầm cỡ thế giới, nhiều học giả đỉnh cao quốc tế đã hết lòng trầm trồ thán phục cảm thán trước kỳ tích phát triển đáng kinh ngạc của khoa học công nghệ Trung Quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: CẢM THÁN

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ #1254

感性

gǎnxìng

cảm tính, nhận thức cảm tính; giàu cảm xúc

科学探索既需要富有激情的感性直觉与想象力来提出假说，更需要极端严谨客观的理性数理逻辑与实验验证。

Kē xué tàn suǒ jì xū yào yǒu jī qíng de gǎn xìng zhí jué yǔ xiǎng xiàng lì lái tí chū jiǎ shuō, gèng xū yào yǎo yuán yán jìn kē guān de lǐ xìng shù lǐ luó jí yǔ shí yàn yán zhèng.

Khám phá khoa học vừa cần đến trí tưởng tượng và trực giác cảm tính cảm tính giàu nhiệt huyết để đưa ra giả thuyết, lại càng cần đến kiểm chứng thực nghiệm và logic toán lý lý tính khách quan nghiêm cẩn tột cùng.

25 nét

HÁN VIỆT: CẢM TÍNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1255

干部

gàn bù

cán bộ, đội ngũ cán bộ công chức/quản lý

国家实验室着力锻造一支懂业务、善管理、敢担当的高素质专业化战略科技管理干部队伍。

Guó jiā shí yàn shì zhuó lì duàn zào yī zhī zhǐ dòng yè wù, shàn guǎn lǐ, gǎn dān dāng de gāo sù zhī zhuān yè huà zhàn lüè kē jì guǎn lǐ gàn bù duì wú.

Phòng thí nghiệm quốc gia chú trọng rèn giữa một đội ngũ cán bộ quản lý khoa học công nghệ chuyên lược chuyên nghiệp hóa chất lượng cao, hiểu nghiệp vụ, giỏi quản lý, dám gánh vác.

19 nét

HÁN VIỆT: CÁN BỘ



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1256

干戈

gāngē

can qua, vũ khí chiến tranh; biến
 can qua thành ngọc lụa

中国始终倡导以和平合作与开放包容化干戈为玉帛，坚决反对将国际科技学术合作阵营化、对抗化。

Zhōng guó shǐ zhōng chàng dǎo yǐ hé píng hé zuò yǔ kāi fàng bāo róng huà gān gē wéi yù bó, jiǎn jué fǎn duì jiāng guó jì kē jì xué shù hé zuò zhēn yíng huà, duì kàng huà.

Trung Quốc luôn cổ vũ việc hóa can qua thành ngọc lụa (biến xung đột thành hòa bình hữu nghị) bằng bao dung mở cửa và hợp tác hòa bình, kiên quyết phản đối việc phe phái hóa, đối kháng hóa hợp tác học thuật khoa học công nghệ quốc tế.

17 nét

HÁN VIỆT: CAN QU

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1257

干旱

gān hàn

khô hạn, hạn hán

在西北极端干旱沙漠边缘，高效膜下滴灌与耐旱节水农业技术的推广让昔日荒漠变成了丰饶良田。

Zài xī běi jí duān gān hàn shā mò biān yuán, gāo xiào mó xià dī guǎn yǔ nài hàn jié shuǐ nóng yè jì shù de tuī guǎng ràng xī rì huāng mò biàn chéng le fēng ráo liáng tián.

Nơi rìa sa mạc khô hạn cực đoan vùng Tây Bắc, việc nhân rộng kỹ thuật nông nghiệp tưới nhỏ giọt dưới màng phủ hiệu quả cao cùng cây trồng kháng hạn tiết kiệm nước đã biến vùng đất hoang mạc năm xưa thành những cánh đồng màu mỡ trù phú.

17 nét

HÁN VIỆT: CAN HẠN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1258

干事

gànshì

làm việc hành sự; cán sự nhân viên chuyên trách (gànshì)

我们要全面树立重实干、重实绩的用人导向，让真正想干事、能干事、干成事的优秀青年科技人才脱颖而出。

Wǒ men yào quán miàn shù lì zhòng shí gàn, zhòng shí jì de yòng rén dǎo xiàng, ràng zhēn zhèng xiǎng gàn shì, néng gàn shì, gàn chéng shì de yōu xiù qīng nián kē jì rén cái tuō yǐng ér chū.

Chúng ta phải xác lập toàn diện định hướng dùng người coi trọng thành tích thực tế, coi trọng làm việc thực chất, để các nhân tài khoa học công nghệ trẻ xuất sắc thực sự muốn làm việc hành sự, có thể làm việc và làm thành việc lớn được nổi bật vươn lên.

19 nét

HÁN VIỆT: CAN SỰ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1259

干燥

gān zào

khô hanh, khô ráo

北方秋冬季节空气格外干燥，室内可以摆放一台加湿器并适量多补充温水。

Běi fāng qiū dōng jì jì jié kōng qì gé wài gān zào, shì nèi kě yǐ bài fāng yī tái jiǎ shī qì bǐng shì liàng duō bǔ chōng wēn shuǐ.

Mùa thu đông ở phương Bắc không khí rất khô hanh, trong phòng có thể đặt một chiếc máy phun sương tạo ẩm và chú ý uống nhiều nước ấm.

18 nét

HÁN VIỆT: CAN TÁO

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1260

刚毅

gāngyì

cương nghị, kiên cường kiên nghị sắt đá

面对外部极限封锁与严峻技术挑战，总设计师以坚定的眼神与刚毅的性格激励着整个科研团队勇往直前。

Miàn duì wài bù jí xiàn fēng suǒ yǔ yán jùn jì shù tiǎo zhàn, zǒng shè jì shī yǐ jiǎn dìng de yǎn shén yǔ gāng yì de xīng gé jī lì zhe zhèng gè kē yán tuán duì yǒng wǎng zhí qián.

Đứng trước thử thách công nghệ gay gắt và sự phong tỏa giới hạn từ bên ngoài, vị Tổng Thiết kế bằng tinh cách cương nghị kiên cường sắt đá cùng ánh mắt kiên định đã khích lệ toàn bộ đội ngũ nghiên cứu khoa học đứng cảm tiến lên phía trước.

22 nét

HÁN VIỆT: CƯƠNG NGHỊ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1261

杠铃

gànglíng

tạ đòn, cây tạ đòn tập thể lực

为了保持高强度航天任务中的强健体魄与骨密度，空间站航天员每天严格使用特制太空微重力杠铃阻抗锻炼器材进行抗阻训练。

Wèi le bǎo chí gāo qiáng dù háng tiān rèn wù zhōng de qiáng jiàn tǐ pò yǔ gǔ mì dù, kōng jiān zhàn háng tiān yuán měi tiān yán gé gē shì yòng tè zhì tài kōng wēi zhòng lì gàng líng zǔ kàng duàn liàn qì cái jīn xíng kàng zǔ xùn liàn.

Để duy trì mật độ xương và thể phách tráng kiện trong các nhiệm vụ hàng không vũ trụ cường độ cao, các phi hành gia trạm vũ trụ mỗi ngày đều thực hiện nghiêm ngặt việc rèn luyện kháng trở bằng thiết bị tập luyện sức cản tạ đòn cây tạ đòn vi trọng lực không gian chuyên dụng.

23 nét

HÁN VIỆT: GIANG LINH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1262

纲领

gānglǐng

cương lĩnh, cương lĩnh hành động chiến lược

全党全国各族人民必须始终坚持党的基本路线与行动纲领，坚定不移沿着中国特色社会主义道路勇毅前行。

Quán dǎng quán guó gè zǔ rén mín bì xū shǐ zhōng jiān chí dǎng de jī běn lù xiàn yǔ xíng dòng gāng lǐng, jiǎn dìng bù yí yǎn zhe zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì dào lù yǒng yì qián xíng.

Toàn Đảng và nhân dân các dân tộc trên cả nước bắt buộc phải luôn kiên trì đường lối cơ bản và cương lĩnh hành động của Đảng, kiên định không ngừng đứng cảm tiến bước trên con đường chủ nghĩa xã hội đặc sắc.

19 nét

HÁN VIỆT: CƯƠNG LÃNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1263

纲要

gāngyào

cương yếu, đề cương quy hoạch tổng thể, cương lĩnh

国家中长期科学和技术发展规划纲要为我国加快建设世界科技强国绘制了宏伟的战略路线图与任务书。

Guó jiā zhōng cháng qī kē xué hé jì shù fā zhǎn guī huà gāng yào wèi wǒ guó jiǎ kuài jiàn shè shì jiè kē jì qiáng guó huì zhì le hóng wěi de zhàn lüè lù xiàn tú yǔ rèn wù shū.

Cương yếu Đề cương Quy hoạch Phát triển Khoa học và Kỹ thuật Trung và Dài hạn Quốc gia đã vẽ nên tập nhiệm vụ và bản đồ lộ trình chiến lược hùng vĩ cho việc đẩy nhanh xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới của nước ta.

24 nét

HÁN VIỆT: CƯƠNG YẾU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1264

缸

gāng

chum, vại lu thùng; xi-lanh buồng đốt (qìgāng)

在航空发动机极限热力学试验中，高压燃烧室特种耐高温合金气缸经受了数千度极限高温燃气的剧烈冲击。

Zài háng kōng fā dòng jī jì xiàn rè lì xué shì yàn zhōng, gāo yā rán shāo shì tè zhōng nài gāo wēn hé jīn qì gāng jīng shòu zhù le shù qiān dù jì xiàn gāo wēn rán qì de jù lì chōng jī.

Trong thử nghiệm nhiệt động học giới hạn động cơ hàng không, xi-lanh buồng đốt hợp kim chịu nhiệt độ cao đặc chủng của buồng đốt cao áp đã chịu đựng được sự xung kích dữ dội của khí cháy nhiệt độ cực cao hàng ngàn độ.

12 nét

HÁN VIỆT: CANG



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1265

钢

gāng

thép, thép hợp kim kim loại thép

我国成功研制出用于深海万米载人潜水器耐压球舱制造的特种超高强度高韧性钛合金与特种高纯超锈钢。

Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū yòng yú shēn hǎi wàn mǐ zài rén qián shuǐ qì nà yā qiú cāng zhì zào de tè zhǒng chāo gāo qiáng dù gāo rèn xìng tài hé jīn yǔ tè zhǒng gāo chún chāo xiàng gāng.

Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công thép thép siêu cường độ tinh khiết cao đặc chủng cùng hợp kim titan độ dẻo dai cao cường độ siêu cao đặc chủng dùng cho chế tạo khoang cầu chịu áp tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu.

13 nét

HÁN VIỆT : CƯƠNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1266

港

gǎng

cảng, hải cảng cảng biển (nghĩa
đen/bóng)

全国首个全自动化全流程无人智慧集装箱深水大港全面应用了完全自主研发的高通量智能物联网调度大脑。

Quán guó shǒu gè quán zì dòng huà quán liú chéng wú rén zhì huì xiāng xiāng shēn shuǐ dà gǎng quán miàn yìng yòng le wán quán zì zhǔ yán fā de gāo tōng liàng zhì néng wú lián wǎng diào dù dà nǎo.

Cảng biển nước sâu container thông minh không người toàn bộ quy trình tự động hóa hoàn toàn đầu tiên trên toàn quốc đã ứng dụng toàn diện bộ não điều phối Internet vạn vật (IoT) thông minh thông lượng cao do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển.

12 nét

HÁN VIỆT : CẢNG

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1267

高昂

gāo'áng

hừng hực, dâng cao ngút trời (tinh
thần); đắt đỏ cao ngất (giá)

全体大科学工程参建人员始终保持着昂扬向上的斗志与高昂的工作热情，攻克了一道道重大技术难关。

Quán tǐ dà kē xué gōng chéng cān jiàn rén yuán shǐ zhōng bǎo chí zhe áng yáng xiàng shàng de dòu zhì yǔ gāo áng de gōng zuò rè qíng, gōng kè le yī dào dào zhòng dà jì shù xiǎn guān.

Toàn thể những người tham gia xây dựng công trình khoa học lớn luôn giữ vững nhiệt huyết công tác dâng cao ngút trời hừng hực cùng ý chí chiến đấu vươn lên hừng hực, chinh phục từng ải hiểm nguy công nghệ trọng đại.

26 nét

HÁN VIỆT : CAO NGANG

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1268

高傲

gāo'ào

kiêu ngạo, ngạo mạn kiêu kỳ

大科学攻关团队面对取得的重大突破从不沾沾自喜、高傲自满，而是始终保持谦虚谨慎、严谨求实的科学作风。

Dà kē xué gōng guān tuán duì miàn duì qǔ dé de zhòng dà pò wǔ cóng bú zān zān zì xǐ, gāo ào zì mǎn, ér shì shǐ zhōng bǎo chí qiān xū jìn shèn, yán jìn qiú shí de kē xué zuò fēng.

Đội ngũ vượt khó khoa học lớn khi đối mặt với những đột phá trọng đại đạt được không bao giờ tự đắc vinh vào, kiêu ngạo kiêu ngạo tự mãn, mà luôn giữ trọn tác phong khoa học cầu thị nghiêm cần, khiêm tốn cần trọng.

23 nét

HÁN VIỆT : CAO NGẠO

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1269

高超

gāo chāo

cao siêu, siêu phàm, tuyệt đỉnh (tay
nghề, kỹ nghệ)

心血管外科专家凭借极其高超精湛的微创手术技艺，成功为百岁高龄危重患者实施了复杂心脏搭桥手术。

Xīn xuè guǎn wài kē zhuan jiā píng jiè jí qí gāo chāo jīng zhàn de wēi chuāng shǒu shù jì yì, chéng gōng wéi bǎi suì gāo líng wēi zhòng huàn zhē shí shī le fù zá xīn zàng dā qiáo shǒu shù.

Chuyên gia phẫu thuật ngoại khoa tim mạch nhờ vào tay nghề phẫu thuật xâm lấn tối thiểu vô cùng cao siêu tinh xảo đã phẫu thuật bắc cầu mạch vành phức tạp thành công cho một bệnh nhân nguy kịch trăm tuổi.

26 nét

HÁN VIỆT : CAO SIÊU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#1270

高低

gāodī

cao thấp, mức độ nông sâu trình
độ; sống chết thế nào cũng (khẩu
ngữ)

科学评价体系不应简单看发表论文数量的高低多少，而应把解决实际重大科学问题与技术突破作为核心价值导向。

Kē xué píng jià tí xī bù yīng jiǎn dān kàn fā biào lùn wén shù liàng de gāo dī duō shǎo, ér yīng bǎ jiě jué shí jì zhòng dà kē xué wēn tí yú jì shù tú pò zuò wéi hé xīn jià zhí dǎo xiàng.

Hệ thống đánh giá khoa học không nên nhìn một cách đơn giản vào mức độ nông sâu cao thấp cao thấp hay số lượng nhiều ít của bài báo công bố, mà cần lấy việc giải quyết vấn đề khoa học trọng đại thực tế và đột phá công nghệ làm định hướng giá trị cốt lõi.

24 nét

HÁN VIỆT : CAO ĐỀ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1271

高调

gāodiào

phô trương rùm beng, ồn ào khoe
mẽ, đao to búa lớn

真正具有战略眼光的顶级科学家从不搞虚浮夸张的高调宣传，而是数十载如一日心无旁骛潜心攻坚。

Zhēn zhèng jù yǒu zhàn lüè yǎn guāng de dīng jí kē xué jiā cóng bú gāo xu fú kuāng zhāng de gāo diào xuān chuán, ér shì shù zài rú yī xīn wú páng wú qiǎn xīn gōng jiān.

Những nhà khoa học đỉnh cao thực sự sở hữu tầm nhìn chiến lược không bao giờ làm tuyên truyền ồn ào khoe mẽ phô trương rùm beng đao to búa lớn phù phiếm phóng đại, mà mấy chục năm như một ngày toàn tâm toàn ý chuyên tâm vượt khó.

25 nét

HÁN VIỆT : CAO ĐIỀU

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1272

高额

gāo'é

khoản tiền lớn, số tiền cao ngất
ngưỡng, giá trị cao

针对个别企业恶意侵害国家重大战略技术发明专利的侵权行为，司法机关依法判处了高额惩罚性赔偿。

Zhēn duì gè bié qì yè è yì qīn hài guó jiā zhòng dà zhàn lüè jì shù fā míng quán lì de qīn quán wéi fǎ xíng wéi, sī fǎ jī guān yī fǎ pàn chú le gāo é chéng fá xíng péi cháng.

Đối với hành vi vi phạm pháp luật xâm quyền ác ý xâm phạm bằng sáng chế phát minh công nghệ chiến lược trọng đại của quốc gia của một số doanh nghiệp, cơ quan tư pháp theo đúng pháp luật đã phán quyết mức bồi thường mang tính trừng phạt số tiền cao ngất ngưỡng khoản tiền lớn.

24 nét

HÁN VIỆT : CAO NGẠCH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1273

高尔夫球

gāo'ěrfūqiú

môn đánh golf, quả bóng golf

新型超轻碳纤维复合材料制备技术最新源于航天减重工程，如今已成功外溢推广到高端高尔夫球具与精密体育装备制造领域。

Xīn xíng chāo qīng wēi jīng tàn xiān wéi fù hé cái liào zhì bèi jì shù zuì chū yuán yú háng tiān jiǎn zhòng gōng chéng, rú jīn yì chéng gōng wài yì tuǐ guāng dǎo gāo尔夫球具 yǔ jīng mì tǐ yù zhǔng bēi zhì zào lǐng yù.

Công nghệ điều chế vật liệu composite sợi carbon vi tinh thể siêu nhẹ kiểu mới ban đầu bắt nguồn từ công trình giảm tải trọng hàng không vũ trụ, ngày nay đã lan tỏa nhân rộng thành công sang lĩnh vực chế tạo trang thiết bị thể thao chính xác và dụng cụ đánh golf môn đánh golf cao cấp.

35 nét

HÁN VIỆT : CAO NHÍ PHU CẦU



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1274

高峰期

gāofēngqī

giai đoạn cao điểm, giờ cao điểm,
thời kỳ đỉnh điểm

在大科学工程全系统联调测试的高峰期，数百位多学科交叉科学家与工程师二十四小时三班倒连续奋战。

Zài dà kē xué gōng chéng quán xì tǒng lián diào cè shí de gāo fēng qī, shù bǎi wèi duō xué kē jiāo chā kē xué jiā yǔ gōng chéng shī ěr shí sì xiǎo shí sān bān dǎo lián xù fèn zhàn.

Trong giai đoạn cao điểm thời kỳ đỉnh điểm kiểm tra thử nghiệm liên kết hiệu chỉnh toàn hệ thống của công trình khoa học lớn, hàng trăm nhà khoa học và kỹ sư liên ngành đã chiến đấu liên tục 24/24 theo ba ca xoay vòng.

35 nét

HÁN VIỆT: CAO PHONG KỲ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1275

高贵

gāo guì

cao quý

在面对复杂的挑战时，保持高贵的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí gāo guì de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái cao quý đặc biệt quan trọng.

23 nét

HÁN VIỆT: CAO QUÝ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1276

高空

gāokōng

trên không, tầm cao trên không,
không trung tầm cao

我国成功研制出全球领先的高空平流层长航时太阳能无人科学试验飞机，实现了超长周期对地综合遥感观测。

Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū quán qiú lǐng xiān de gāo kōng píng liú céng zhǎng háng shí tài yǎng néng wú rén kē xué shí yàn fēi jī, shí xiàn le chǎo cháng zhōu qī duì dì zōng hé yǎo gǎn guān cè.

Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công máy bay thử nghiệm khoa học không người lái năng lượng Mặt trời bay lâu trong tầng bình lưu trên không không trung tầm cao hàng đầu thế giới, thực hiện quan trắc viễn thám tổng hợp đối với mặt đất trong chu kỳ siêu dài.

23 nét

HÁN VIỆT: CAO KHÔNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1277

高龄

gāolíng

cao tuổi, thượng thọ tuổi cao

多位年逾八旬的高龄功勋院士依然坚持每周亲临大科学装置建设工地靠前指导，令在场青年学者深受触动。

Duō wèi nián yú bā xún de gāo líng gōng xūn yuàn shì yī rán jiān chí měi zhōu qín lín dà kē xué zhuāng zhì jiàn shè gōng dì kǎo qián zhǐ dǎo, lìng zài chǎng qīng nián xué zhě shēn shòu chù dòng.

Nhiều Viện sĩ có công lao tuổi cao cao tuổi thượng thọ đã ngoài 80 tuổi vẫn kiên trì hàng tuần đích thân đến công trường xây dựng thiết bị khoa học lớn trực tiếp tuyến trước chỉ đạo, khiến các học giả trẻ có mặt tại hiện trường vô cùng xúc động.

27 nét

HÁN VIỆT: CAO LINH

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1278

高明

gāomíng

cao minh, sáng suốt, thâm thúy tinh
tế

在这场复杂多变的多边外交博弈中，代表团采取了极其高明灵活的谈判策略，成功化解了双方的战略分歧。

Zài zhè fù zá duō biàn de duō biān wài jiāo bó yì zhōng, dài biǎo tuán cái qǔ le jí qí gāo míng líng huó de tán pàn cè lüè, chéng gōng huà jiě le shuāng fāng de zhàn lüè fēn qí.

Trong cuộc độ sức ngoại giao đa phương biến đổi phức tạp này, đoàn đại biểu đã áp dụng sách lược đàm phán vô cùng cao minh linh hoạt, hóa giải thành công những bất đồng chiến lược giữa hai bên.

24 nét

HÁN VIỆT: CAO MINH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1279

高山

gāoshān

núi cao, non cao hùng vĩ (nghĩa
đen/bóng)

建在海拔四千米雪域高山之巅的大科学天文观测台，以其极佳的大气视宁度捕获了宇宙深处最遥远星系的超清图像。

Jiàn zài hǎi bá sì qiān mǐ xuě yù gāo shān zhī diǎn de dà kē xué tiān wén guān cè tái, yǐ jí jiā de dà qì shì níng dù bù huò le yǔ zhōu shēn chù zì yáo yuǎn xīng xì de chāo qīng tú xiàng.

Đài quan trắc thiên văn khoa học lớn xây dựng trên đỉnh núi cao non cao vùng tuyết phủ ở độ cao 4000 mét so với mực nước biển, nhờ độ tinh thị quyển khí quyển tuyệt vời đã bắt trọn hình ảnh siêu nét của các thiên hà xa xôi nhất nơi sâu thẳm vũ trụ.

27 nét

HÁN VIỆT: CAO SƠN

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1280

高效

gāoxiào

hiệu quả cao, hiệu suất cao

国家超级计算中心研发出的新一代分布式异构并行算法，实现了对复杂前沿流体力学大模型的高效并行求解。

Guó jiā chāo jī suàn zhōng xīn yán fā chū de xīn yí dài fēn bù shì yǐ gòu bìng xíng suàn fǎ, shí xiàn le duì fù zá qián yán liú tǐ lì xué dà mō xíng de gāo xiào bìng xíng qiú jiě.

Thuật toán song song dị cấu phân tán thể hệ mới do Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia nghiên cứu phát triển đã thực hiện việc giải song song hiệu quả cao hiệu suất cao đối với mô hình lớn cơ học chất lưu tiên phong phức tạp.

22 nét

HÁN VIỆT: CAO HIỆU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1281

高新技术

gāoxīnjìshù

công nghệ cao mới, công nghệ cao
tiên tiến

我国以高新技术产业为核心引擎加快培育新质生产力，战略性新兴产业增加值占国内生产总值比重持续攀升。

Wǒ guó yǐ gāo xīn jì shù chān yè wéi hē xīn yīn qīng jiǎ kuài péi yù xīn zhì shēng chǎn lì, zhàn lüè xīng xīng chān yè zēng jiā zhí zhàn guó nèi shēng chǎn zǒng zhǐ bǐ zhòng chí xù pán shēng.

Nước ta lấy ngành công nghệ cao mới làm động cơ cốt lõi để đẩy nhanh ươm mầm lực lượng sản xuất chất lượng mới, tỷ trọng giá trị gia tăng của các ngành nghề mới nổi chiến lược trong GDP tiếp tục leo dốc tăng trưởng.

35 nét

HÁN VIỆT: CAO TÂN KỸ THUẬT

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1282

高血压

gāoxuèyā

cao huyết áp, bệnh huyết áp cao

国家心血管临床医学研究中心研发出基于可穿戴生物传感器的个性化智能降压闭环调控系统，有效降低了高血压并发症风险。

Guó jiā xīn xuè guǎn lín chuāng yī xué yán jiū zhōng xīn yán fā chū jī yú kě chuān fǎ chūn dài shēng wù chuán gǎn qì de gè xìng huà zhì néng jiàng yā bì huán tiáo kòng xì tǒng, yǒu xiào jiàng dī le gāo xuè yǎ bìng fā zhēng fēng xiǎn.

Trung tâm Nghiên cứu Y học Lâm sàng Tim mạch Quốc gia đã nghiên cứu phát triển hệ thống điều tiết kiểm soát khép kín hạ áp thông minh cá nhân hóa dựa trên cảm biến sinh học đeo trên người, giảm thiểu hiệu quả nguy cơ biến chứng bệnh cao huyết áp cao huyết áp.

35 nét

HÁN VIỆT: CAO HUYẾT ÁP

HÁN VIỆT : CÁO THI



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1292

告知

gàozhī

thông báo cho biết, báo tin cho hay

当深空探测指挥控制中心正式告知着陆器已平稳降落火星表面的捷报时，全场科研人员爆发出雷鸣般的掌声。

Dāng shēn kōng tàn cè zhǐ huī kòng zhì zhōng xīn zhèng shì gào zhī zhuó lù qì yì píng wěn jiàng luò huǒ xīng biāo miàn de jié bào shí, quán chǎng kè yán rén yán rén yuán bào fā chū léi míng bǎn de zhǎng shēng.

Khi Trung tâm Chỉ huy Điều khiển Thám trắc Không gian Sâu chính thức thông báo cho biết báo tin cho hay tin thắng trận tàu hạ cánh đã đáp êm thuận xuống bề mặt Sao Hỏa, toàn trường cán bộ nghiên cứu khoa học đã bùng lên tràng pháo tay như sấm dậy.

25 nét

HÁN VIỆT CÁO TRI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1293

告状

gàozhuàng

kiện cáo, mách tội tố cáo khiếu nại

面对某些西方企业无理向国际贸易仲裁机构恶意告状索赔，我国科技骨干企业凭借完整的自主专利链条赢得全面胜诉。

Miàn duì mǒu xiē xī fāng qì yè wú lǐ xiàng guó jì mào yì zhòng cái jī gòu è yì gào zhuàng suǒ péi, wǒ guó kē jì gǔ gān qì yè píng jiè wán zhěng de zì zhǔ zhuān lì liàn tiáo yíng dé quán miàn shèng sù.

Đứng trước việc một số doanh nghiệp phương Tây kiện cáo mách tội khiếu nại ác ý đòi bồi thường vô lý lên Cơ quan Trọng tài Thương mại Quốc tế, doanh nghiệp nòng cốt công nghệ nước ta dựa vào chuỗi bằng sáng chế tự chủ hoàn chỉnh đã giành toàn thắng kiện toàn diện.

21 nét

HÁN VIỆT CÁO TRẠNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1294

戈壁

gēbì

sa mạc Gobi, hoang mạc Gobi

数万名航天科技工作者扎根在广袤无垠的西北戈壁大漠，用青春和热血铸就了举世瞩目的两弹一星与载人航天伟业。

Shù wàn míng háng tiān kē jì gōng zuò zhě zhā gēn zài guǎng mào wú yín de xī běi gē bì dà mò, yòng qīng chūn hé rè xuè zhù jiù le jǔ shì mù dì dì liǎng dàn yī xīng yǔ zài rén háng tiān wēi yè.

Hàng vạn những người làm khoa học công nghệ hàng không vũ trụ cắm rễ nơi hoang mạc sa mạc Gobi sa mạc Gobi miền Tây Bắc bao la vô tận, dùng nhiệt huyết và thanh xuân đúc kết nên đại nghiệp hàng không vũ trụ có người lái và Hai bom một vệ tinh khiến toàn thế giới phải đổ nín.

23 nét

HÁN VIỆT QUA BÍCH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1295

胳膊

gēbo

cánh tay

在进行羽毛球高远球击球动作时，要注意运用大臂带动小臂和手腕发力。

Zài jìn xíng yǔ máo qiú gāo yuǎn qiú jī qiú jī dòng zuǒ shǒu, yào zhùyì yùn yòng dà bì dài dòng xiǎo bì hé shǒu wǎn fā lì.

Khi thực hiện động tác đánh cầu lông bóng cao xa, bạn cần chú ý dùng bắp tay kéo theo cẳng tay và cổ tay để phát lực chính xác.

25 nét

HÁN VIỆT CÁCH BÁC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1296

鸽子

gēzi

chim bồ câu

一群洁白如雪的和平安鸽在蔚蓝明澈的天空中展翅翱翔，象征着全世界人民对和平的美好祝愿。

Yí qún jié bái rú xuě de hé píng gē zi zài wèi lán míng chè de tiān kōng zhōng zhǎn chì áo xiáng, xiàng zhēng zhe quán shì jiè rén mín duì hé píng de měi hǎo qì yuàn.

Đàn chim bồ câu hòa bình trắng như tuyết sai cánh bay lượn trên nền trời trong xanh với vẻ, tượng trưng cho ước nguyện hòa bình tốt đẹp của nhân dân toàn thế giới.

19 nét

HÁN VIỆT CÁP TỬ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1297

割

gē

cắt, gặt (lúa), xẻ, cắt đứt

北斗导航农机自动驾驶系统引导着大型联合收割机在金黄色的麦浪中快速穿梭，高效完成万亩麦田麦粒收割作业。

Běi dòu dǎo háng nóng jī zì dòng jiàn zhǐ yǎn dǎo zhe dà xíng lián hé shōu gē jī zài jīn huáng sè de mài làng zhōng kuài sù chuān suō, gāo xiào wán chéng wàn mǔ mài tián mài lì shōu gē zuò yè.

Hệ thống lái tự động nông nghiệp dẫn đường Bắc Đẩu đã điều khiển máy gặt đập liên hợp cỡ lớn chạy thoăn thoắt giữa những sóng lúa mì vàng óng, hoàn thành thu hoạch lúa mì trên cánh đồng vạn mẫu với hiệu quả cực cao.

9 nét

HÁN VIỆT CẮT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1298

搁

gē

đặt, để; gác lại, đình lại (công việc)

面对关系到人民群众切身利益的急难愁盼民生问题，必须立行立办、抓紧落实，绝不能久拖不决、随意搁置。

Miàn duì guān xi dào rén mín qún zhòng qiè shēn lì yì de jí nán chóu pàn mǐn shēng wēn tí, bì xū lì xíng lì bàn, zhuā jǐn luò shí, jué bù néng jiǔ tuō bù jué, suí yì gē zhì.

Đứng trước các vấn đề dân sinh bức thiết nan giải liên quan mật thiết tới lợi ích thiết thân của quần chúng nhân dân, bắt buộc phải hành động ngay lập tức, khẩn trương triển khai, tuyệt đối không thể chần chừ kéo dài hay tùy tiện gác lại.

10 nét

HÁN VIỆT GÁC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1299

搁浅

gēqiǎn

mắc cạn (tàu bè/sinh vật biển); đình trệ dở dang (kế hoạch)

面对外部供应链中断险些导致重大科研项目搁浅的危机，攻坚团队发扬自力更生精神实现了核心元器件全面自主替代。

Miàn duì wài bù gòng ying lián zhōng duàn xiǎn dǎo zhǐ zhòng dà kē jì yán xiàng mù gē qiǎn de wēi jī, gōng jiān tuán duì fā yáng zì lì gēng shēng jīng shén shí xiàn le hé xīn yuán qì jiàn quán miàn zì zhǔ tì dài.

Đứng trước nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng bên ngoài suýt nữa khiến dự án nghiên cứu khoa học trọng đại bị đình trệ dở dang mắc cạn, đội ngũ vượt khó phát huy tinh thần tự lực cánh sinh thực hiện thay thế tự chủ toàn diện các linh kiện cốt lõi.

19 nét

HÁN VIỆT GÁC TIỀN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1300

搁置

gēzhì

gác lại, tạm hoãn để sang một bên, đình chỉ tạm thời

对于个别尚存在较大物理机理分歧的前沿假设，专家委员会建议暂时搁置争议，集中力量优先攻关紧迫工程瓶颈。

Duì yú gē bié shàng cún zài jià dà wù lǐ jī lǐ fēn qí de qián yán jiǎ shè, zhuān jiā wěi yuán huì jiàn yì zàn shí gē zhì zhēng yì, jí zhōng lì liàng yōu xiān gōng guān jìn pò gōng chéng píng jǐng.

Đối với một số giả thuyết tiên phong còn tồn tại bất đồng cơ chế vật lý tương đối lớn, Hội đồng Chuyên gia kiến nghị tạm thời gác lại để sang một bên các tranh cãi, tập trung lực lượng ưu tiên vượt khó nút thắt công trình cấp bách.

20 nét

HÁN VIỆT GÁC TRÍ



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1301

歌剧

gējù

vở kịch opera, ca kịch opera

在国家大剧院原创大型交响歌剧《钱学森》演出现场，老一辈科学家冲破万难毅然归国科技报国的史诗壮举令观众热泪盈眶。

Zài guó jiǎ dà jù yuán yuán chuàng dà xīng jiāo xiāng gē jù 《qián xué sēn》yǎn chū xiàn chǎng, lǎo yī bèi kē xué jiā chōng pò wàn nán yì rán guī guó kē jì bào guó de shǐ shī zhuàng jǔ lìng guān zhòng rè lèi yíng kuàng.

Tại hiện trường biểu diễn vở ca kịch opera kịch opera giao hưởng quy mô lớn nguyên tác 'Tiền Học Sâm' ở Nhà hát Lớn Quốc gia, kỳ tích sử thi của nhà khoa học tiên bối vượt qua muôn vàn khó khăn kiên quyết về nước phụng sự Tổ quốc bằng khoa học đã khiến khán giả lệ nhòa khỏe mắt.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CA KỊCH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1302

歌颂

gē sòng

ca ngợi, ngợi ca, ca tụng

文艺工作者应当深情歌颂人民群众在推进中国式现代化进程中展现出的伟大创造精神与无私奉献风貌。

Wén yì gōng zuò zhě zhē yīng dāng shēn qíng gē sòng rén mín qún zhòng zài tuī jìn zhōng guó shì xiàn chū de wēi dà chuàng zào jīng shén yǔ wú sī fèng xiàn fēng mào.

Các văn nghệ sĩ cần đạt dào tình cảm ngợi ca tinh thần sáng tạo vĩ đại cùng phong thái cống hiến vô tư của quần chúng nhân dân thể hiện trong tiến trình thúc đẩy hiện đại hóa đất nước.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: CA TỤNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1303

歌舞

gē wǔ

ca múa, tiết mục ca múa nhạc

在庆祝大科学工程全面投产运行的新春联欢会上，一线科研人员自编自演了富有现代科技元素的精彩歌舞节目。

Zài qīng zhù dà kē xué gōng chéng quán miàn tóu chǎn yùn xíng de xīn chūn lián huān huì shàng, yī xiàn kē yán rén yuán zì biān zì yǎn le fù yǒu xiàn dài kē jì yuán sù de jīng cǎi gē wǔ jié mù.

Tại buổi dạ hội liên hoan đón mừng xuân mới chúc mừng công trình khoa học lớn đi vào vận hành sản xuất toàn diện, những người làm nghiên cứu khoa học tuyển diễn đã tự biên tự diễn các tiết mục ca múa ca múa nhạc đặc sắc mang đậm yếu tố khoa học công nghệ hiện đại.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CA VŨ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1304

歌咏

gē yǒng

ca ngợi, ngâm vịnh ca hát; hội thi ca hát (gēyǒng bǐsài)

在全院红歌歌咏比赛中，青年科技骨干队伍用昂扬嘹亮的歌声歌颂伟大的党和祖国，唱响科技报国的时代强音。

Zài quán yuán hóng gē gē yǒng bǐ sài zhōng, qīng nián kē jì gǔ gān duì wǔ yòng áng yáng liáo liàng de gē shēng gē yǒng wēi dà de dǎng hé zǔ guó, chàng xiǎng kē jì bào guó de shí dài qiǎng yīn.

Trong cuộc thi ca hát ngâm vịnh ca hát nhạc đỏ toàn Viện, đội ngũ cán bộ nòng cốt khoa học công nghệ trẻ tuổi bằng giọng hát vang dội hào hùng đã ca ngợi ngâm vịnh ca tụng Đảng và Tổ quốc vĩ đại, cất cao âm vang mạnh mẽ của thời đại về phụng sự Tổ quốc bằng khoa học.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: CA VỊNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Động từ

#1305

革命

gé mìng

cách mạng, bước đột phá cách mạng

以生成式人工智能与量子信息为代表的新一轮科技革命，正在深刻重构全球产业生态格局。

Yǐ shēng chéng shì rén gōng zhī néng yǔ liàng zǐ xìn xī wéi dài biǎo de xīn yī lún kē jì gé mìng, zhèng zài shēn kè zhòng gòu quán qiú chǎn yè shēng tài gé jú.

Cuộc cách mạng khoa học công nghệ mới với đại diện là trí tuệ nhân tạo tạo sinh và thông tin lượng tử đang tái cấu trúc sâu sắc cục diện hệ sinh thái công nghiệp toàn cầu.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CÁCH MỆNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#1306

格

gé

ô kê, ô ngăn; cách thức khuôn phép, phẩm cách (gézhì)

大科学装置超精密多通道光纤阵列耦合系统要求每一格微纳光栅像素单元的物理对准精度均优于十纳米。

Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì duō tōng dào guāng xiān zhēn liè ǒu hé xī tōng yào qiū měi yí gé wēi nà guāng shān xiàng sù dǎn yuán de wù lǐ duì zhǔn jīng dù jūn yōu yú shí nǎ mǐ.

Hệ thống ghép nối cụm sợi quang đa kênh siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn đòi hỏi độ chính xác căn chỉnh vật lý của mỗi một ô ngăn ô kê đơn vị pixel cách tử vi nano đều phải ưu việt hơn 10 nanomet.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: CÁCH

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Tính từ

#1307

格格不入

gégébùrù

không hợp chút nào, hoàn toàn lạc lõng đối chọi, như nước với lửa

在崇尚客观实测真理的科学殿堂里，任何浮夸造假与形式主义学术泡沫都与严谨治学的科学家精神格格不入。

Zài chóng shàng kè guān shí cè zhēn lǐ de kē xué diàn táng lǐ, rèn hé fú kuā zào jiǎ yǔ xíng shì zhǔ yì xué shù pào mò dōu yǔ yán jīn zhì xué de kē xué jiā jīng shén gé gé bù rù.

Trong thánh đường khoa học tôn sùng chân lý đo đạc thực tế khách quan, bất kỳ bọt bong bóng học thuật chủ nghĩa hình thức và làm giả dối trá nào cũng đều hoàn toàn lạc lõng như nước với lửa không hợp chút nào với tinh thần nhà khoa học làm học vấn nghiêm cẩn.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: CÁCH CÁCH BẤT NHẬP

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1308

格局

gé jú

cục diện, bố cục, tầm vóc tầm nhìn

加快构建以国内大循环为主体、国内国际双循环相互促进的新发展格局，牢牢把握国家发展的主动权。

Jiā kuài gòu jiàn yǐ guó nèi dà xún huán wéi zhǔ tǐ, guó nèi guó jì shuāng xún huán xiāng jìn hù cù jìn de xīn fā zhǎn gé jú, lǎo lǎo bǎ wǒ guó jiā fā zhǎn de zhǔ dòng quán.

Đẩy nhanh xây dựng cục diện phát triển mới lấy tuần hoàn lớn nội địa làm chủ thể, tuần hoàn kép nội địa và quốc tế thúc đẩy lẫn nhau, nắm chắc quyền chủ động phát triển của đất nước.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CÁCH CỤC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1309

格式

gé shì

định dạng, khuôn dạng, mẫu chuẩn

国家科技报告系统推行统一规范的数据采集标准与元数据格式，实现了跨部门跨学科科研数据的高效互通共享。

Guó jiā kē jì jì bào gào xì tǒng tú xíng tóng yī guī fàn de shù jù jù cái jī biāo zhǔn yǔ yuán shù jù gé shì, shí xiàn le kuà bù mén kuà xué kē jì yán shù jù de gāo xiào hù tōng gòng xiāng.

Hệ thống báo cáo khoa học công nghệ quốc gia áp dụng tiêu chuẩn thu thập dữ liệu và định dạng siêu dữ liệu (metadata) quy chuẩn thống nhất, thực hiện chia sẻ liên thông dữ liệu nghiên cứu khoa học liên ngành liên ban ngành hiệu quả cao.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: CÁCH THỨC



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1310

隔阂

gé hé

ngăn cách, xa cách, bất đồng
khoảng cách

以文明交流超越文明隔阂、以文明互鉴超越文明冲突，积极推动不同文明在平等包容中共同繁荣进步。

Yǐ wén míng jiāo liú chāo yuè wén míng gé hé, yǐ wén míng hù jiàn chāo yuè wén míng chōng tū, jī jī tuī dòng bù tóng wén míng zài píng děng bāo róng zhōng gòng tóng fán róng jìn bù.

Lấy giao lưu văn minh vượt lên trên rào cản ngăn cách văn minh, lấy học hỏi tiếp thu văn minh vượt lên trên xung đột văn minh, tích cực thúc đẩy các nền văn minh khác nhau cùng phồn vinh tiến bộ trong sự bình đẳng bao dung.

22 nét

HÁN VIỆT

CÁCH NGẠI

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ

#1311

隔离

gé lí

cách ly, ngăn cách, cô lập an toàn

国家高等级生物安全实验室采用双门互锁气闸舱与负压物理隔离屏障，严密确保高致病性病原体绝不外泄。

Guó jiā gāo děng jí shēng wú ān quán shí yàn shì cái yòng shuāng mén hù suǒ qì zhā cāng yǔ fù yā wú lì gé lí píng zhàng, yán mì què bǎo gāo zhì bìng xìng bìng yuán tí jué bù wài xiè.

Phòng thí nghiệm an toàn sinh học cấp cao quốc gia áp dụng khoang khóa khí hai cửa lồng vào nhau cùng rào chắn cách ly vật lý áp suất âm, bảo đảm an toàn tuyệt đối mầm bệnh có độc lực cao không bao giờ bị rò rỉ ra bên ngoài.

28 nét

HÁN VIỆT

CÁCH LY

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1312

个案

gè'àn

ca điển hình, trường hợp cá biệt
trường hợp riêng lẻ

在对超新型材料罕见物理异常特性的研究中，科学家通过对数十组特殊个案的深度比对，最终揭示了全新超导配对机理。

Zài duì chāo xīn xíng cái liào hǎn jiàn wú lǐ yì cháng tè xìng de yán jiū zhōng, kē xué jiā tōng guò duì shù shí zǔ tè shū gè'àn de shēn dù bǐ duì, zuì zhōng jiē shì le quán xīn chāo dǎo pèi duì jī lǐ.

Trong nghiên cứu về đặc tính dị thường vật lý hiếm gặp của vật liệu kiểu mới siêu dẫn, các nhà khoa học thông qua việc so sánh đối chiếu chuyên sâu hàng chục ca điển hình trường hợp cá biệt trường hợp riêng lẻ đặc thù, cuối cùng đã hé lộ cơ chế ghép đôi siêu dẫn hoàn toàn mới.

25 nét

HÁN VIỆT

CÁ ÁN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1313

个头儿

gètóur

vóc dáng, kích thước vóc dáng tầm vóc (khẩu ngữ)

新型星载微量子原子钟虽然物理个头儿只有传统原子钟的十分之一，但计时精度却跃升了整整两个数量级。

Xīn xíng xīng zài wēi wǒng zǐ yuán zǐ zhōng suī rán wú lì gè tóu er zhǐ yǒu chuān tǒng yuán zǐ zhōng de shí fēn zhī yī, dàn jì shí jīng dù què yuè shēng le zhěng zhěng liǎng gè shù liàng jí.

Đồng hồ nguyên tử lượng tử vi ba gắn trên vệ tinh kiểu mới tuy rằng kích thước vóc dáng tầm vóc vật lý chỉ bằng một phần mười so với đồng hồ nguyên tử truyền thống, nhưng độ chính xác bấm giờ lại nhảy vọt tăng vọt hẳn 2 bậc độ lớn (orders of magnitude).

32 nét

HÁN VIỆT

CÁ ĐẦU NHÂN

HSK 7-9
(3.0)

Thành ngữ / Động từ

#1314

各奔前程

gèbènjiǎnchéng

mỗi người một ngã, ai đi đường nấy
tìm tương lai

国家实验室毕业的青年学者们虽各奔前程前往全国各大科研院所与领军企业，但始终心怀报国之志、在各自岗位发光发热。

Guó jiā shí yàn shì bì yè de qīng nián xué zhě men suī gè bèn jiǎn chéng qián wǎng quán guó gè dà kē yán yuán suǒ yǔ lǐng jūn qì yè, dàn shǐ zhōng xīn huái bào guó zhī zhì, zài gè zì gǎng wèi fā guāng fā rè.

Các học giả trẻ tốt nghiệp từ Phòng thí nghiệm Quốc gia tuy ai đi đường nấy mỗi người một ngã đi tới các doanh nghiệp dẫn đầu và viện nghiên cứu khoa học lớn trên toàn quốc, nhưng luôn giữ trọn chí hướng phụng sự non sông, tỏa sáng tài năng ở vị trí của riêng mình.

35 nét

HÁN VIỆT

CÁC BÊN TIỀN TRÌNH

HSK 7-9
(3.0)

Thành ngữ / Tính từ

#1315

各式各样

gèshìgèyàng

đủ các kiểu loại, đủ mọi hình thức
muôn hình muôn vẻ

在大科学装置多学科开放共享实验大厅内，陈列着来自全球顶尖科研团队自主设计的各式各样前沿精密探测终端装置。

Zài dà kē xué zhuāng zhì duō xué kē kǎi fàng gòng xiāng shí yàn dà tīng nèi, chén liè zhe lái zì quán qiú dīng jiǎn kē yán tuān duì zì zhǔ shè jì de gè shì gè yàng qián yán jīng mì tàn cè zhōng duān zhuāng zhì.

Bên trong đại sảnh thực nghiệm mở cửa chia sẻ đa môn học của thiết bị khoa học lớn, trưng bày đủ mọi hình thức đủ các kiểu loại thiết bị đầu cuối dò tìm chính xác tiên phong do các đội ngũ nghiên cứu khoa học đỉnh cao toàn cầu tự chủ thiết kế.

35 nét

HÁN VIỆT

CÁC THỨC CÁC DẠNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1316

根基

gēnjī

nền móng, gốc rễ nền tảng căn bản
vững chắc

高水平基础科学研究是整个国家科技创新体系的源头活水，筑牢了建设世界科技强国的战略根基。

Gāo suǐ píng jī chǔ kē xué yán jiū shì zhěng gè guó jiā kē jì chuàng xīn tǐ xì de yuán tóu huó shuǐ, zhù láo le jiàn shè shì jì kē jì qiáng guó de zhàn lüè gēn jī.

Nghiên cứu khoa học cơ bản trình độ cao là nguồn nước đầu nguồn của toàn bộ hệ thống đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ quốc gia, đắp xây vững chắc nền móng gốc rễ nền tảng căn bản chiến lược cho việc xây dựng cường quốc khoa học công nghệ thế giới.

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ

#1317

根深蒂固

gēn shēn dì gù

ăn sâu bám rễ, thâm căn cố đế

深化科技体制综合改革，必须坚决破除唯论文、唯帽子等根深蒂固的人才评价痼疾与制度壁垒。

Shēn huà kē jì tǐ zhì zōng hé gǎi gé, bì xū jiān jué pò chú wéi lùn wén, wéi mào zi děng gēn shēn dì gù de rén cái píng jià gù jì yǔ zhì dù bì lǐ.

Đi sâu cải cách tổng hợp thể chế khoa học công nghệ, bắt buộc phải kiên quyết xóa bỏ những căn bệnh nan giải thâm căn cố đế và rào cản thể chế trong đánh giá nhân tài như chỉ chăm chăm vào bài báo khoa học hay danh xưng học vị.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1318

根源

gēn yuán

nguồn gốc, cội nguồn, căn nguyên

在基础科学研究中，科学家致力于从微观粒子相互作用机理出发，探寻物质质量起源与宇宙演化的根本根源。

Zài jī chǔ kē xué yán jiū zhōng, kē xué jiā zhì lì yú cóng wēi guān lì zì xiāng hù zuò yòng jī lǐ chū fā, tàn xún wù zhì zhī zhī liàng qǐ yuán yǔ yǔ zhòu yǎn huà de gēn běn gēn yuán.

Trong nghiên cứu khoa học cơ bản, các nhà khoa học dốc sức xuất phát từ cơ chế tương tác hạt vi mô để truy tìm nguồn gốc căn nguyên của khối lượng vật chất và sự tiến hóa của vũ trụ.



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1319

根治

gēnzhi

chữa trị tận gốc, trị dứt điểm
(bệnh/ô nhiễm/sâu hại)

国家医学攻关团队研发的新型基因编辑疗法，为从根本上彻底根治罕见单基因遗传性血液疾病带来了全新曙光。

Guójiā yī xué gōngguān tuánduì yán fā de xīn xíng jī yīn biān jí liáo fǎ, wèi cóng gēn běn shàng chéng gēn zhì hǎn jiàn dān yī yīn yí chuān xíng xuè yè jí bìng dài lái le quán xīn shǔ guāng.

Liệu pháp chỉnh sửa gen kiểu mới do đội ngũ vượt khó y học quốc gia nghiên cứu phát triển đã mang lại ánh bình minh rạng rỡ mới cho việc trị dứt điểm chữa trị tận gốc triệt để các căn bệnh huyết học di truyền đơn gen hiếm gặp.

23 nét

HÁN VIỆT: CĂN TRỊ

HSK 7-9 (3.0)

Cụm động từ

#1320

跟不上

gēnbushàng

không theo kịp, tụt hậu không theo
kịp

在大科学工程高强度快速推进中，软件系统如果架构滞后、跟不上硬件迭代节奏，就会造成整个项目进度延误。

Zài dà kē xué gōngchéng gāo qiáng dù kuài sù tuī jìn zhōng, ruǎn jiàn xì tǒng rú guǒ jià gòu zhì hòu, gēn bù shàng yīng jiàn dié dài jì zòu, jiù huì zào chéng zhěng gè xiàng mù jìn dù yán wǔ.

Trong sự thúc đẩy nhanh chóng cường độ cao của công trình khoa học lớn, hệ thống phần mềm nếu kiến trúc lạc hậu, không theo kịp nhịp độ lặp lại nâng cấp phần cứng thì sẽ dẫn đến sự chậm trễ tiến độ của toàn bộ dự án.

30 nét

HÁN VIỆT: CẦN BẮT THƯỜNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1321

跟上

gēnshàng

theo kịp, bắt kịp nhịp độ, theo sát
bước tiến

科研管理机制改革必须紧紧跟上新质生产力发展的客观要求，坚决破除一切束缚科学家创新活力的体制机制障碍。

Kē yán guǎn lǐ jī zhì gǎi gé bì xǔ jīn jīn gēn shàng xīn zhì shēng chǎn lì fā zhǎn de kè guān yāo qiú, jiǎn jué pò chú yī qiè shù fù kē xué jiā chuàng xīn huó lì de tǐ zhì jī zhì zhàng ài.

Cải cách cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học bắt buộc phải bám sát theo kịp bắt kịp các yêu cầu khách quan của sự phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới, kiên quyết xóa bỏ mọi rào cản thể chế cơ chế trói buộc sức sống đổi mới sáng tạo của các nhà khoa học.

19 nét

HÁN VIỆT: CẦN THƯỜNG

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ

#1322

跟踪

gēnzōng

theo dõi, bám sát, bám vết định vị

我国远洋航天测量船队在大洋腹地准确捕获并全程高精度跟踪测控神舟飞船重返大气层的飞行轨迹。

Wǒ guó yuǎn háng tiān cè liáng chuán duì dà yáng fù dì zhǔn què bǔ huò bìng quán chéng gāo jīng dù gēn zōng cè kòng shén zhōu fēi chuán chóng fān dà qì céng de fēi xíng guī jī.

Đội tàu đo đạc hàng hải viễn dương của nước ta giữa lòng đại dương đã thu nhận chuẩn xác và theo dõi định vị bám sát quỹ đạo bay hồi quyển của tàu vũ trụ Thần Châu với độ chính xác cao trong toàn bộ hành trình.

20 nét

HÁN VIỆT: CẦN TUNG

HSK 7-9
(3.0)

Danh từ / Động từ

#1323

耕地

gēngdì

đất canh tác, ruộng đất; cày ruộng

国家坚决守住十八亿亩耕地红线，实行最严格的耕地保护制度与占补平衡政策，确保国家粮食安全根基稳固。

Guójiā jiān jué shǒu zhù shí bā yì mǔ gēng dì hóng xiàn, shí xíng zú yán gé de gēng dì bǎo hù zhì dù yǔ zhàn bǔ píng héng zhèng cè, què bǎo guójiā liáng shí ān quán gēn jī wěn gù.

Nhà nước kiên quyết giữ vững lần ranh đỏ 1,8 tỷ mẫu đất canh tác, thực thi chế độ bảo vệ đất canh tác nghiêm ngặt nhất cùng chính sách cân bằng bù trừ chuyển đổi, bảo đảm vững chắc nền tảng an ninh lương thực quốc gia.

21 nét

HÁN VIỆT: CANH ĐỊA

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1324

耿直

gěngzhí

ngay thẳng, bộc trực chính trực
bộc trực

战略科学家性格耿直刚正、敢讲真话，在重大工程评审中始终坚持实事求是、严谨求真的科学原则。

Zhàn lüè kē xué jiǎ xíng gé gěng zhí gāng zhèng, gǎn jiǎng zhēn huà, zài zhòng dà gōng chéng píng shěn zhōng shì zhōng jiān chí shí shí qǐ shì, yán jìn qiú zhēn de kē xué yuán zé.

Vị nhà khoa học chiến lược tính cách chính trực bộc trực ngay thẳng bộc trực, dám nói lời thật, trong các đợt thẩm định công trình trọng đại luôn kiên trì nguyên tắc khoa học cầu thị nghiêm cần, thực sự cầu thị.

19 nét

HÁN VIỆT: CẢNH TRỰC

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ

#1325

更改

gēnggǎi

thay đổi, chỉnh sửa sửa đổi thay thế

大科学装置关键控制底层代码一旦经过严格物理联调闭环封装，未经专家组集体会审严禁任何私自更改。

Dà kē xué zhuāng zhì guān jiàn kòng zhì dī céng dài mǎ yí dàn jīng guò yán gé wù lǐ lián diào bì huán fēng bāo, wèi jīng zhuān jiǎ zǔ jī tǐ huì shěn yán jìn rén hé sī zì gēng gǎi.

Mã nguồn tầng dây điều khiển then chốt của thiết bị khoa học lớn một khi đã trải qua đóng gói phiên bản khép kín hiệu chỉnh liên kết vật lý nghiêm ngặt, nếu chưa qua Hội đồng Chuyên gia tập thể hội chẩn nghiêm cấm mọi sự tự ý sửa đổi thay đổi chỉnh sửa.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1326

更衣室

gēngyīshì

phòng thay đồ, phòng thay trang
phục bảo hộ/phòng sạch

在进入国家重点实验室百级超洁净微纳芯片制造车间前，科研人员必须在特种更衣室内完成多道除尘净化与防静电服穿戴。

Zài jìn rù guójiā zhòng diǎn shí yàn shì bǎi jí chāo jié jìng wēi nà chíp zhì zào chē jiān qián, kē yán rén yuán bì xū zài tè zhōng gēng yī shì nèi wán chéng duō dào chú chén jìng huà yǔ fǎn jìng diàn fú chuān dài.

Trước khi tiến vào phân xưởng chế tạo chip vi nano siêu sạch cấp 100 của Phòng thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia, các cán bộ nghiên cứu khoa học bắt buộc phải hoàn thành việc mặc đồ chống tĩnh điện và khử bụi lọc sạch qua nhiều bước bên trong phòng thay đồ phòng thay trang phục bảo hộ chuyên dụng.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1327

工地

gōngdì

công trường, hiện trường thi công
xây dựng

在大科学工程深地地下主实验大厅施工大干现场，数千名建设者冒着酷暑严寒日夜奋战在建设工地第一线。

Zài dà kē xué gōng chéng shēn dì dì xià zhǔ shí yàn dà tīng shī gōng dà gān xiàn chǎng, shù qiān míng jiàn shè zhě mào zhe kù shǔ yán hán rì yè fèn zhàn zài jiàn shè gōng dì dì yī xiàn.

Tại hiện trường thi công quyết liệt đại sảnh thực nghiệm chính dưới lòng đất sâu của công trình khoa học lớn, hàng ngàn người xây dựng bất chấp giá rét nắng gắt ngày đêm chiến đấu nơi tuyến đầu công trường hiện trường thi công.



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1328

工会

gōnghuì
công đoàn, tổ chức công đoàn bảo vệ người lao động

国家科研机构工会组织全心全意服务一线科技工作者，开展了丰富多彩的暖心慰问与身心健康关爱服务。

Guó jiā kē yán jī gòu gōng huì zǔ zhī zhī quán xīn quán yì fú wù yī xiàn kē jì gōng zuò zhě, kāi zhǎn le fēng fù duō cǎi de nuǎn xīn wèi wèn yǔ shēn xīn jiàn kāng guān ài fú wù.

Tổ chức công đoàn công đoàn cơ quan nghiên cứu khoa học quốc gia toàn tâm toàn ý phục vụ những người làm khoa học công nghệ tuyến đầu, triển khai các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thể chất tinh thần và thăm hỏi thăm lòng muôn màu muôn vẻ phong phú.

28 nét

HÁN VIỆT: CÔNG HỘI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1329

工科

gōngkē
ngành kỹ thuật công trình, khối ngành kỹ thuật công nghệ

国家深入推进“新工科”拔尖创新人才自主培养工程，着力培养具有深厚数理功底与卓越工程攻关能力的卓越工程师。

Guó jiā shēn rù tuī jìn "xīn gōng kē" bá jiǎn chuàng xīn rén cái zì zhǔ péi yǎng gōng chéng, zhuó lì péi yǎng jù yǒu shēn hòu shù lǐ gōng dì yǔ zhuó yuè gōng chéng gōng guān néng lì de zhuó yuè gōng chéng shī.

Nhà nước đi sâu thúc đẩy công trình tự chủ bồi dưỡng nhân tài xuất sắc đổi mới sáng tạo 'Khối Kỹ thuật Mới' ngành kỹ thuật công trình, chú trọng bồi dưỡng các kỹ sư trắc việt sở hữu năng lực vượt khó công trình trắc việt và bề dày công phu toàn lý sâu sắc.

22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG KHOA

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1330

工商界

gōngshāngjiè
giới công thương, giới doanh nghiệp công thương nghiệp

中国科技创新的蓬勃活力吸引了全球科技界与工商界领军企业前瞻布局、深度参与中国开放创新生态体系。

Zhōng guó kē jì chuàng xīn de péng bó huó lì xī yīn le quán qiú kē jì jiè yǔ gōng shāng jiè lǐng jūn qǐ yè qián zhān bù jú, shēn dù cān yǔ zhōng guó kāi fàng chuàng xīn shēng tài tǐ xì.

Sức sống bùng nổ của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ Trung Quốc đã thu hút các doanh nghiệp dẫn đầu giới công thương giới doanh nghiệp công thương và giới khoa học công nghệ toàn cầu bố cục có tầm nhìn xa, đi sâu tham gia vào hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở của Trung Quốc.

35 nét

HÁN VIỆT: CÔNG THƯƠNG GIỚI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1331

工序

gōngxù
công đoạn, quy trình công đoạn thao tác

在大科学工程超精密聚焦反射镜镀膜加工中，十多道复杂纳米级制备工序均实现了全自动高保真闭环控制。

Zài dà kē xué gōng chéng chāo jīng mì jù jiǎo fǎn shè jīng dù mó jiǎ gōng zhōng, shí duō dào fù zá nǎn mǐ jí zhì bèi gōng xù jūn shí xiàn le quán zì dòng gāo bǎo zhēn bì huán kòng zhì.

Trong gia công phủ màng gương phản xạ hội tụ siêu chính xác của công trình khoa học lớn, hơn mười quy trình công đoạn công đoạn điều chế cấp độ nano phức tạp đều đã thực hiện điều khiển khép kín độ trung thực cao tự động hoàn toàn.

23 nét

HÁN VIỆT: CÔNG TỰ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1332

工整

gōngzhěng
ngay ngắn, ngay ngắn nắn nót chỉnh tề

在中国科技历史档案馆里，老一辈科学家数十年如一日用工整手写体记录的厚重科研计算手稿令人肃然起敬。

Zài zhōng guó kē jì lì shǐ dǎng àn guǎn lǐ, lǎo yī bèi kē xué jiā shù shí nián rú yī rì yòng gōng zhěng shǒu xiě tǐ jì lù de hòu zhòng kē yán jì suàn shǒu gǎo líng rén sù rán qǐ jìng.

Bên trong Trung tâm Lưu trữ Lịch sử Khoa học Kỹ thuật Trung Quốc, những tập bản thảo tính toán nghiên cứu khoa học dày cộm được các nhà khoa học tiến bộ mấy chục năm như một ngày ghi chép bằng nét chữ viết tay ngay ngắn nắn nót chỉnh tề khiến người xem phải kính cẩn nghiêng mình.

24 nét

HÁN VIỆT: CÔNG CHỈNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1333

工作量

gōngzuòliàng
khối lượng công việc, lượng công tác

尽管大科学装置二期扩建工程物理调试工作量极其庞大繁重，全体参研人员依然保质保量如期完成了所有节点任务。

Jìn guǎn dà kē xué zhuāng zhì èr qī kuò jiàn gōng chéng wù lǐ tiáo shì gōng zuò liàng jí qí páng dà fán zhòng, quán tǐ cān yán yuán yì rán bǎo zhì bǎo liàng rú qī wán chéng le suǒ yǒu jié diǎn rèn wù.

Mặc dù khối lượng công việc lượng công tác hiệu chỉnh vật lý công trình mở rộng giai đoạn 2 thiết bị khoa học lớn vô cùng nặng nề khổng lồ, toàn thể cán bộ tham gia nghiên cứu vẫn hoàn thành đúng hạn mọi nhiệm vụ mốc điểm bảo đảm chất lượng và số lượng.

35 nét

HÁN VIỆT: CÔNG TÁC LƯỢNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1334

弓

gōng
cung tên, cây cung; dạng vòng cung (gōngxíng)

大科学装置超精密同步辐射偏转磁铁采用了独特的双曲线弓形磁极结构设计，实现了粒子束流超强聚焦偏转。

Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mì tóng bù fú shè piān zhuǎn cí tiě cái yǎng le dú tè de shuāng qū xià gōng xíng cí jī jié gòu shè jì, shí xiàn le lì zì shù liú chāo qiáng jù jiǎo piān zhuǎn.

Nam châm làm lệch bức xạ synchrotron siêu chính xác thiết bị khoa học lớn áp dụng thiết kế kết cấu cực từ dạng vòng cung hình cánh cung hyperbol độc đáo, thực hiện việc làm lệch hội tụ siêu mạnh chùm hạt.

8 nét

HÁN VIỆT: CUNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1335

公安局

gōng ān jú
Cục Công an, Công an quận/thành phố

市公安局依托现代智慧警务大数据指挥平台，实现了警情秒级快速响应与多警种高效协同作战。

Shì gōng ān jú yī tuō xiàn dài zhì huì jǐng wù dà shù jù zhǐ huī píng tái, shí xiàn le jǐng qíng miǎo jí kuài yǎng yīng yǔ duō jǐng zhǒng gāo xiào xié tóng zuò zhàn.

Cục Công an Thành phố dựa vào nền tảng chỉ huy dữ liệu lớn cảnh vụ thông minh hiện đại đã thực hiện phản ứng nhanh tình hình an ninh trật tự trong vài giây và hiệp đồng tác chiến hiệu quả cao giữa nhiều lực lượng cảnh sát.

35 nét

HÁN VIỆT: CÔNG AN CỤC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1336

公车

gōngchē
xe công, xe công vụ nhà nước; xe buýt công cộng

国家实验室严格推行公务用车全流程数字化透明管理，坚决杜绝任何违规私用公车行为发生。

Guó jiā shí yán shì yán gé tuī xíng gōng wù yòng chē quán liú chéng shù zì huà tòu míng guǎn lǐ, jiǎn jué duì jué rèn hé wéi guī sī yòng gōng chē xíng wéi fā shēng.

Phòng thí nghiệm quốc gia thực thi nghiêm ngặt quản lý số hóa minh bạch toàn bộ quy trình đối với xe dùng cho công vụ xe công, kiên quyết chấm dứt mọi hành vi sử dụng xe công việc tư vi phạm quy định phát sinh.

23 nét

HÁN VIỆT: CÔNG XA


**HSK 7-9
(3.0)**

Tính từ / Danh từ #1337

公道

gōngdào

công bằng, hợp lý, công đạo lẽ phải

中国在国际事务中始终坚持伸张正义、主持公道，坚定站在和平一边、站在广大发展中国家一边。

Zhōng guó zài guó jì shì wù zhōng shǐ zhōng jiān chí shēn zhāng zhèng yì, zhǔ chí gōng dào, jiǎn dīng zhàn zài hé píng yì biān, zhàn zài guāng dà fā zhǎn zhōng guó jiā yì biān.

Trung Quốc trong các vấn đề quốc tế luôn kiên trì bảo vệ chính nghĩa, chủ trì lẽ phải công đạo, kiên định đứng về phía hòa bình, đứng về phía đông đảo các nước đang phát triển.

22 nét

HÁN VIỆT : CÔNG ĐẠO

**HSK 7-9
(3.0)**

Tính từ / Danh từ #1338

公费

gōngfèi

công phí, được nhà nước/công quỹ chi trả

国家设立专项公费资助计划，选拔大批优秀青年拔尖科研骨干赴全球顶尖大科学实验室开展前沿学术深造。

Guó jiā shè lì zhuān xiàng gōng fèi zī zhù jì huà, xuǎn bá dà pī yōu xiù qīng nián bá jiān kē yán gǔ gàn fù quán qiú dīng jiān dà kē xué shí yàn shì kǎi zhǎn qián yán xué shù shēn zào.

Nhà nước thành lập kế hoạch tài trợ công phí bằng ngân sách nhà nước chuyên án, tuyển chọn đông đảo các cán bộ nòng cốt nghiên cứu trẻ xuất chúng sang các phòng thí nghiệm khoa học lớn đỉnh cao toàn cầu để tu nghiệp học thuật tiên phong.

26 nét

HÁN VIỆT : CÔNG PHÍ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1339

公共场所

gōnggòng chǎngsuǒ

nơi công cộng, địa điểm công cộng

国家在新一代智慧城市示范区所有大型公共场所全面部署了毫米波高灵敏度应急安全无感智能感知系统。

Guó jiā zài xīn yí dài zhì huì chéng shì shì fàn qū suǒ yǒu dà xíng gōng gòng chǎng suǒ suǒ quán miàn bù shǔ le háo mǐ bō gāo líng dù mǐn dù yīng ān quán wú gǎn zhì néng gǎn zhī xì tǒng.

Nhà nước đã bố trí triển khai toàn diện hệ thống cảm nhận thông minh không chạm an toàn khẩn cấp độ nhạy cao sóng milimet tại tất cả các địa điểm công cộng nơi công cộng quy mô lớn thuộc Khu Trình diễn Thành phố Thông minh Thế hệ Mới.

35 nét

HÁN VIỆT : CÔNG CỘNG TRẢNG SỞ

**HSK 7-9
(3.0)**

Danh từ / Động từ #1340

公关

gōngguān

quan hệ công chúng (PR), công tác đối ngoại

科技企业在拓展海外跨国业务时，建立了专业高效的公共关系与法务合规团队，妥善维护企业国际品牌形象。

Kē jì qǐ yè zài tuō zhǎn hǎi wài kuò guó yè wù shí, jiàn lì le zhuān yè gāo xiào de gōng gòng guān xì yǔ fǎ wù hé guī tuán duì, tuǒ shàn wéi hù qǐ yè guó jì pǐn pái xíng xiàng.

Các doanh nghiệp công nghệ khi mở rộng hoạt động kinh doanh xuyên quốc gia ở nước ngoài đã xây dựng đội ngũ pháp lý tuân thủ và quan hệ công chúng chuyên nghiệp hiệu quả cao, bảo vệ thỏa đáng hình ảnh thương hiệu quốc tế của doanh nghiệp.

26 nét

HÁN VIỆT : CÔNG QUAN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1341

公函

gōnghán

công văn, thư công vụ chính thức

国家科技部向国际大科学计划执委会正式致发官方公函，重申中国坚定不移推进全球开放科学合作的确立场。

Guó jiā kē jì bù xiàng guó jì dà kē xué jì huà zhī wěi huì zhèng shì zhī fā guān fāng gōng hán, chóng shēn zhōng guó jiǎn dīng bù yí tuī jìn quán qiú kāi fàng kē xué hé zuò de míng què lì chǎng.

Bộ Khoa học và Công nghệ Quốc gia đã chính thức gửi thư công vụ công văn chính thức tới Ban Chấp hành Kế hoạch Đại Khoa học Quốc tế, tái khẳng định lập trường rõ ràng của Trung Quốc về việc kiên định không đổi thúc đẩy hợp tác khoa học mở toàn cầu.

24 nét

HÁN VIỆT : CÔNG HÀM

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1342

公积金

gōngjījīn

quỹ tích lũy nhà ở, quỹ công tích bảo đảm

国家高新技术科学城为新入职的青年博士后科研人员提供了高比例住房公积金补贴与共有产权人才房保障。

Guó jiā gāo xīn jì shù kē xué chéng wéi xīn rù zhí de qīng nián bó shì hòu kē yán yuán tǐ gōng jī gē gāo bǐ lì zhù fáng gōng jī jīn bǔ tiē yǔ gòng yǒu chǎn quán rén cái fáng bǎo zhàng.

Thành phố Khoa học Công nghệ Cao mới Quốc gia đã cung cấp bảo đảm nhà ở nhân tài sở hữu chung cùng mức trợ cấp quỹ tích lũy nhà ở quỹ công tích tỷ lệ cao cho các nhân viên nghiên cứu sau tiến sĩ (postdoc) trẻ tuổi mới tuyển dụng.

35 nét

HÁN VIỆT : CÔNG TÍCH KIM

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1343

公开信

gōngkāixìn

thư ngỏ, bức thư ngỏ công khai

百余位两院院士联合向全国科技界发表公开信，号召广大科技工作者弘扬胸怀祖国、服务人民的科学家精神。

Bǎi yú wèi liǎng yuàn yuàn shì lián hé xiàng quán guó kē jì jiē fā biāo gōng kāi xìn, hào zhào guāng dà kē jì gōng zuò zhě hóng yáng xiōng huái zú guó, fú wù rén mín de kē xué jiā jīng shén.

Hơn một trăm Viện sĩ hai Viện Hàn lâm đã liên danh công bố bức thư ngỏ thư ngỏ công khai gửi tới giới khoa học công nghệ toàn quốc, kêu gọi đông đảo những người làm khoa học công nghệ phát huy tinh thần nhà khoa học phụng sự nhân dân, ôm trọn Tổ quốc trong tim.

33 nét

HÁN VIỆT : CÔNG KHAI TÍN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1344

公款

gōngkuǎn

công quỹ, tiền công quỹ nhà nước

国家实验室严格执行科研经费使用全流程穿透式审计，坚决遏制任何挪用、套取或违规挥霍国家公款的违法行为。

Guó jiā shí yàn shì yán gé zhī xíng kē yán jīng fèi shǐ yòng quán liú chéng chuān tòu shì shěn jì, jiǎn jué è zhì rēn hé nuó yòng, táo qǔ huò wéi guǐ huī huò guó jiā gōng kuǎn de wéi fǎ xíng wéi.

Phòng thí nghiệm quốc gia thực thi nghiêm ngặt việc kiểm toán xuyên suốt toàn bộ quy trình sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, kiên quyết ngăn chặn mọi hành vi phạm pháp bòn rút, biến thủ hoặc vung phí tiền công quỹ công quỹ nhà nước vi phạm quy định.

21 nét

HÁN VIỆT : CÔNG KHOẢN

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ #1345

公立

gōnglì

công lập, thuộc nhà nước thành lập quản lý

国家区域重大公立科研医疗中心依托大科学装置重离子束流平台，成功为数千名复杂疑难肿瘤患者实施了高精度放疗。

Guó jiā qū yù zhòng dà gōng lì kē yán yī liáo zhōng xīn yǐ tuǒ dà kē xué zhuāng zhì zhòng líng shù liú píng tái, chéng gōng wéi shù qiān míng fù zá yǎn zhòng lǚ huàn zhě shí shī le gāo jīng dù fàng liáo.

Trung tâm y tế nghiên cứu khoa học công lập thuộc nhà nước trọng đại khu vực quốc gia dựa vào nền tảng chùm hạt ion nặng thiết bị khoa học lớn, đã thực hiện thành công xạ trị độ chính xác cao cho hàng ngàn bệnh nhân khối u nan y phức tạp.

26 nét

HÁN VIỆT : CÔNG LẬP



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1346

公墓

gōngmù

nghĩa trang công cộng, nghĩa trang liệt sĩ

在八宝山革命公墓功勋科学家墓前，每年清明时节都有成千上万青年科研工作者自发前来敬献鲜花、寄托深切哀思。

Zài bā bǎo shān gé míng gōng mù gōng xūn kē xué jiǎ mù qián, měi nián qīng míng shí jié dōu yǒu chéng qian shàng wàn qīng nián kē yán gōng zuò zhě zì fā qián lái jìng xiàn xiān huā, jì tuō shēn qiè āi sī.

Trước phần mộ các nhà khoa học có công lao tại nghĩa trang nghĩa trang công cộng Cách mạng Bát Bảo Sơn, mỗi dịp tiết Thanh minh hàng năm đều có hàng ngàn hàng vạn cán bộ nghiên cứu khoa học trẻ tuổi tự nguyện đến dâng hoa tươi, gửi gắm niềm tiếc thương sâu sắc.

23 nét

HÁN VIỆT: CÔNG MỘ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1347

公仆

gōngpú

công bộc, người đầy tớ của nhân dân

战略科学家始终把自己定位为科技报国的人民公仆，将毕生精力毫无保留地献给了党和国家的科技自立自强伟业。

Zhàn lüè kē xué jiǎ shǐ zhōng bǎ zì jǐ dìng wèi wèi kē jì bào guó de rén mín gōng pú, jiāng bì shēng jīng lì háo wú bǎo liú dì xiàn gěi le dǎng hé guó jiā de kē jì zì lì zì qiáng wěi yè.

Nhà khoa học chiến lược luôn định vị bản thân mình là người công bộc người đầy tớ của nhân dân phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, dốc cạn sinh lực cả đời không chút giữ lại cho đại nghiệp tự cường tự cường khoa học công nghệ của Đảng và Nhà nước.

27 nét

HÁN VIỆT: CÔNG BỘC

HSK 7-9 (3.0)

Lượng từ

#1348

公顷

gōngqīng

hec-ta (ha, đơn vị diện tích: 10.000 m²)

国家现代农业高新技术示范区内上万公顷超级耐盐碱杂交水稻试验田喜获丰收，平均亩产再创历史新高。

Guó jiā xiàn dài nóng yè gāo xīn jì shù shì fàn qū nèi shàng wàn gōng qīng chāo jí nài yán jiān zá jiāo shuǐ dào shì yàn tián xī huò fēng shōu, píng jūn mǔ chǎn zài chuàng lǐ shǐ xīn gāo.

Hơn một vạn hec-ta ruộng lúa lai thử nghiệm chịu mặn phen siêu cấp bên trong Khu Trình diễn Công nghệ Cao mới Nông nghiệp Hiện đại Quốc gia đã đón nhận mùa vàng bội thu, năng suất bình quân trên mỗi mẫu tiếp tục lập nên kỷ lục lịch sử mới.

27 nét

HÁN VIỆT: CÔNG KHUYNH

HSK 7-9 (3.0)

Phó từ

#1349

公然

gōngrán

công nhiên, trắng trợn, ngang nhiên

国际社会严厉谴责个别外部势力公然违背联合国宪章宗旨原则、非法侵犯他国领土主权的霸道行径。

Guó jì shè huì yán lì qiǎn zé gè bié wài bù shì lì gōng rán wéi bèi lián hé guó xiān zhāng zōng zhī yuán zé, fēi fǎ qīn fàn tā guó lǐng tǔ zhǔ quán de bà dào héng jìng.

Cộng đồng quốc tế lên án nghiêm khắc hành vi bá quyền ngang nhiên trắng trợn vi phạm tôn chỉ nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc, xâm phạm phi pháp chủ quyền lãnh thổ của quốc gia khác của một số thế lực bên ngoài.

23 nét

HÁN VIỆT: CÔNG NHIÊN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1350

公示

gōngshì

công bố công khai, niêm yết công khai để lấy ý kiến

国家最高科学技术奖与国家自然科学奖评审结果严格执行全流程网上公示制度，广泛接受社会与学术界全方位监督。

Guó jiā zuì gāo kē xué jì shù jiǎng yǔ guó jiā zì rán kē xué jiǎng píng shěn jié guó yán gé zhī xíng quán liú chéng quán wǎng shàng gōng shì zhì dù, guāng fàn jiē shòu shè huì huì yǔ xué shù jiè quán fāng wèi jiān dū.

Kết quả thẩm định Giải thưởng Tự nhiên Khoa học Quốc gia và Giải thưởng Khoa học Kỹ thuật Tối cao Quốc gia thực hiện nghiêm ngặt chế độ công bố công khai niêm yết công khai trên mạng toàn bộ quy trình, tiếp nhận rộng rãi sự giám sát toàn diện của giới học thuật và xã hội.

24 nét

HÁN VIỆT: CÔNG THỊ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1351

公事

gōngshì

việc công, công vụ việc nhà nước/tổ chức

总工程师公私分明、一心为公，在重大工程装备采购审查中始终铁面无私，从不因私情影响公事公办原则。

Zōng gōng chéng shì gōng sī fēn míng, yī xīn wèi gōng, zài zhòng dà gōng chéng zhuāng bèi cǎi gòu shěn chá zhōng shì zhōng tiě miàn wú sī, cóng bù yīn sī qíng yǐng xiǎng gōng shì gōng bàn yuán zé.

Vị Tổng Kỹ sư việc công việc tư rạch ròi, một lòng vì việc công việc công, trong thẩm tra mua sắm trang thiết bị công trình trọng đại luôn thiết diện vô tư, không bao giờ để tình riêng ảnh hưởng đến nguyên tắc công sự công biện (việc công xử lý theo phép công).

24 nét

HÁN VIỆT: CÔNG SỰ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1352

公务

gōngwù

công vụ, công tác nhà nước

国家机关全面推行公务用车全流程北斗定位监管与无纸化办公，严格厉行节约、反对铺张浪费。

Guó jiā jī guān quán miàn tuī xíng gōng wù yòng chē quán liú chéng bēi dòu dìng wèi jiān guǎn yǔ wú zhǐ huà bàn gōng, yán gé lì xíng jié yuē, fǎn duì pū zhāng làng fèi.

Các cơ quan nhà nước phổ biến toàn diện việc giám sát định vị Bắc Đẩu toàn quy trình cho xe công vụ cùng mô hình văn phòng không giấy tờ, thực thi nghiêm túc tiết kiệm, kiên quyết phản đối xa hoa lãng phí.

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1353

公益

gōngyì

công ích, lợi ích chung cộng đồng, vì cộng đồng

国家重大前沿大科学装置全面向全社会中小师生免费开放公益科学探索日，厚植青少年科学探索报国情怀。

Guó jiā zhòng dà qián yán dà kē xué zhuāng zhì quán miàn xiàng quán shè huì zhōng xiǎo shī shēng miǎn fèi kāi fàng gōng yì kē xué tàn sù rì, hòu zhǐ qīng shào nián kē xué tàn sù bào guó qīng huái.

Thiết bị khoa học lớn tiên phong trọng đại quốc gia mở cửa miễn phí toàn diện ngày khám phá khoa học công ích vì cộng đồng cho giáo viên và học sinh tiểu học trung học toàn xã hội, bồi đắp sâu sắc tấm lòng khám phá khoa học phụng sự Tổ quốc cho thanh thiếu niên.

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1354

公益性

gōngyìxìng

tính công ích, bản chất vì lợi ích cộng đồng phi lợi nhuận

国家实验室作为战略科技基础设施，必须始终牢牢把握其公益性与战略性定位，严禁任何纯商业化牟利导向。

Guó jiā shí yàn shì zuò wéi zhàn lüè kē jì jī chǔ shè shí, bì xū shǐ zhōng láo láo bǎ wò qí gōng yì xìng yǔ zhàn lüè xìng dìng wèi, yán jìn rèn hé chún shāng yè huà móu lì dào xiàng.

Phòng thí nghiệm quốc gia với tư cách là cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ chiến lược, bắt buộc phải luôn nắm vững định vị mang tính chiến lược và tính công ích bản chất vì lợi ích cộng đồng của nó, nghiêm cấm mọi định hướng trục lợi thuần túy thương mại hóa.



HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1355

公用

gōngyòng

dùng chung, công cộng dùng chung

国家综合性科学中心集中规划建设了超洁净配电、特种工业气体与高纯液氮集中循环利用公用工程支撑体系。

Guó jiā zōng hé xīng kē xué zhōng xīn jī zhōng guī huà jiàn shè le chāo jié jīng pèi diàn, tè zhōng gōng yè qì tǐ yǔ gāo chún yè lì zhōng xún huán lì yòng gōng yòng gōng chéng zhī chēng tǐ xì.

Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia đã quy hoạch xây dựng tập trung hệ thống nâng đỡ công trình dùng chung công cộng dùng chung tận dụng tuần hoàn tập trung heli lỏng siêu tinh khiết, khí công nghiệp đặc chủng và cấp điện siêu sạch.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: CÔNG DỤNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1356

公寓

gōngyú

căn hộ chung cư, chung cư mini

这栋坐落于大学城核心区域的现代化人才公寓设施齐全，为青年学者提供了温馨便利的居住环境。

Zhè dòng zuò luò yú dà xué chéng hé xīn qū yú de xiàn dài huà rén cái gōng yú shè shī qí quán, wèi qīng nián xué zhě tí gōng lè wēn xīn biàn lì de jū zhù huán jīng.

Tòa nhà chung cư nhân tài hiện đại tọa lạc tại khu trung tâm làng đại học này trang bị đầy đủ tiện nghi, mang lại môi trường sống ấm cúng và thuận tiện cho các học giả trẻ.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG NGỰ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1357

公约

gōngyuē

công ước, quy ước điều ước chung

全国数百家科研院所与高校共同签署了《科技伦理治理与学术诚信自律公约》，坚决筑牢科研诚信道德底线。

Quán guó shù bǎi jiā kē yán yǎn suǒ yǔ gāo xiào gòng tóng qiān shù le 《kē jì lún lǐ zhì lǐ yǔ xué shù chéng xìn zì lǜ gōng yuē》，jiǎn jué zhù láo kē yán chéng xìn dào dé dǐ xiàn.

Hàng trăm trường đại học và viện nghiên cứu khoa học trên toàn quốc đã cùng ký kết 'Công ước Công ước Tự giác Liêm chính Học thuật và Quản trị Đạo đức Khoa học Kỹ thuật', đắp xây vững chắc lần ranh đạo đức liêm chính nghiên cứu khoa học.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: CÔNG YÊU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Động từ

#1358

公证

gōngzhèng

công chứng; làm thủ tục công chứng

公证机构推行海外远程视频公证便民举措，为远在国外他乡的海外华人华侨提供高效合法的远程公证法律服务。

Gōng zhèng jī gòu tuī xíng hǎi wài yuǎn chéng shì pín gōng zhèng biàn mǐn jǔ cuò, wèi yuǎn zài yì guó tā xiāng de hǎi wài huà rén huà qiáo tǐ gōng gāo xiào hé fǎ de yuǎn chéng gōng zhèng fǎ lǚ fú wù.

Tổ chức công chứng triển khai giải pháp công chứng tiện ích qua video từ xa ở nước ngoài, mang lại dịch vụ pháp lý công chứng từ xa hợp pháp hiệu quả cao cho kiều bào người Hoa ở phương xa.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CÔNG CHỨNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1359

公职

gōngzhí

chức vụ công, công chức biên chế nhà nước

国家对在科研经费管理中存在严重贪污侵占与学术造假的涉案人员，依法依规坚决给予开除公职处分并移送司法机关。

Guó jiā duì zài kē yán jīng fèi guǎn lǐ zhōng cún zài yán zhòng tān wū qīn zhàn yú xué shù zào jiǎ de shè àn rén yuán, yī fǎ yī guī jiǎn jué jǐ yǔ kāi chú gōng zhí chǔ fèn bìng yí sòng sī fǎ jī guǎn.

Nhà nước đối với các nhân sự liên quan có hành vi làm giả học thuật và tham nhũng chiếm đoạt nghiêm trọng trong quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học, kiên quyết xử lý kỷ luật khai trừ chức vụ công duỗi khỏi biên chế công chức theo đúng quy định pháp luật và chuyển giao cơ quan tư pháp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CÔNG CHỨC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1360

功

gōng

chiêng

老师鼓励大家积极功，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ dà jiā jī jī gōng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chiêng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: CÔNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1361

功臣

gōngchén

công thần, người có công lớn với đất nước

老一辈功勋战略科学家是挺起中华民族科技脊梁的历史功臣，他们的光辉业绩永远铭刻在共和国的史册之上！

Lǎo yī bèi gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā shì tǐng qǐ zhōng huá mín zú kē jì jī liáng de lì shǐ gōng chén, tā men de guāng huī yè jì yǒng yuǎn míng kè zài zhōng huá mín zú kē jì jī liáng de lì shǐ gōng chén.

Các nhà khoa học chiến lược có công lao tiến bối chính là những công thần người có công lớn lịch sử nâng đỡ cột sống khoa học công nghệ của dân tộc Trung Hoa, sự nghiệp sáng ngời của các cụ mãi mãi khắc ghi trên những trang sử vàng của nước Cộng hòa!

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CÔNG THẦN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1362

功底

gōngdǐ

nền tảng công phu, bề dày kỹ năng kiến thức căn bản

扎实深厚的数理科学理论功底与严谨的逻辑思维，是青年学者在前沿交叉科学无人区实现原创突破的立身之本。

Zhā shí shēn hòu de shù lǐ kē xué lǐ lùn gōng dǐ yǔ yán jǐn de luó jí sī wéi, shì qīng nián xué zhě zài qián yán jiāo chā kē xué wú rén qū shí xiàn yuán chuàng tú pō de lì shēn zhī běn.

Tư duy logic nghiêm cẩn cùng nền tảng công phu bề dày kiến thức căn bản lý luận khoa học toán lý vững chắc sâu sắc chính là gốc rễ lập thân để các học giả trẻ thực hiện đột phá nguyên bản trong vùng không người khoa học liên ngành tiên phong.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CÔNG ĐỂ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1363

功劳

gōngláo

công lao, công trạng, cống hiến lớn lao

袁隆平院士一生扎根稻田培育超级杂交水稻，为解决全中国人民吃饭问题与世界粮食安全立下了卓越不朽的功劳。

Yuán lóng píng yuàn shì yì shēng zhā gēn dào tián péi yù chāo jí jiāo shuǐ dào, wèi jiě jué quán zhōng guó rén mín chí fán wèn tí yǔ shì jiè liáng shí ān quán lì xià le zhuó yuè bù xiǔ de gōng láo.

Viện sĩ Viên Long Bình cả cuộc đời bám rễ nơi đồng ruộng lai tạo lúa siêu lai, đã lập nên công lao trác tuyệt bất hủ trong việc giải quyết vấn đề cơm ăn cho toàn thể nhân dân và bảo đảm an ninh lương thực thế giới.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CÔNG LAO



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1364

功力

gōnglì

công lực, nội lực trình độ tay nghề thâm hậu

顶级大国工匠凭借数十载超精密手工研磨的深厚功力，加工出了表面粗糙度小于零点一纳米的全球最高精度聚焦反射镜。

Dìngjí dàguó gōngjiàng píngjiè shùshí zǎi zhāo jīng mǐ shǒu gōng yǎn mó de shēn hòu gōnglì, jiǎ gōng chǔ le bǎo miàn cǎo dù xiǎo yú líng diǎn yí nà mǐ de quán qiú zuì gāo jīng dù jù jiǎo fǎn shè jìng.

Bậc thợ lớn quốc gia đỉnh cao dựa vào công lực nội lực trình độ thâm hậu mấy chục năm mài thủ công siêu chính xác, đã gia công nên chiếc gương phản xạ hội tụ có độ chính xác cao nhất toàn cầu với độ nhám thô ráp bề mặt nhỏ hơn 0,1 nanomet.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CÔNG LỰC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1365

功率

gōnglǜ

công suất (vật lý: W, kW)

大科学装置超导加速腔高频功率源系统稳定输出了数兆瓦级超高峰功率，各项电磁物理指标全面达到国际领先水平。

Dà kē xué zhuāngzhì zhāo sǎo dǎo jiǎ shù qīng gāo pín gōng lǜ yuán xì tǒng wěn dìng shū chū le shù zhào wǎ jī zhāo gāo mǎi chōng gōng lǜ, gè xiàng diàn cí wù lǐ zhǐ biāo quán miàn dá dào guó jì líng xiān shuǐ píng.

Hệ thống nguồn công suất cao tần buồng gia tốc siêu dẫn của thiết bị khoa học lớn đã xuất ra ổn định công suất xung siêu cao cấp độ megawatt, tất cả các chỉ tiêu vật lý điện từ đều đạt mức hàng đầu quốc tế toàn diện.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CÔNG LUẬT

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1366

功效

gōngxiào

công hiệu, hiệu năng điều trị/sử dụng

屠呦呦科研团队通过现代药理学实验证实了青蒿素抗疟疾的强劲功效，在全球范围内拯救了数百万疟疾患者生命。

Tú yōu yōu kē yán tuán duì tóng guò xiàn dài yào lí xué shí yàn zhèng shí le qīng hāo sù kàng nuè jí de qiáng jīng gōng xiào, zài quán qiú fàn wéi nèi zhěng jù le shù bǎi wàn nuè jí jiàn zhě shēng mìng.

Nhóm nghiên cứu khoa học của bà Đỗ U U thông qua thực nghiệm dược lý học hiện đại đã chứng minh công hiệu chống sốt rét mạnh mẽ của hoạt chất Artemisinin, cứu sống tính mạng của hàng triệu bệnh nhân sốt rét trên toàn thế giới.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CÔNG HIỆU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1367

攻

gōng

tấn công vượt khó, công phá chuyên sâu; chuyên nghiên cứu (gōngdú)

我们要集中优势科技力量攻坚克难，全力攻克制约我国战略性新兴产业发展的卡脖子关键核心技术难题。

Wǒ men yào jí zhōng yōu shì kējì lì liàng gōng jiān kè nán, quán lì gōng kè zhì yuē wǒ guó zhān lǚ xīng xīng chǎn yè fā zhǎn de qiǎ bó zǐ guān jiàn hé xīnjì shù nán tí.

Chúng ta phải tập trung lực lượng khoa học công nghệ ưu thế để tấn công vượt khó công phá khắc phục khó khăn, đổ toàn lực công phá vượt qua những bài toán công nghệ lõi then chốt nghẽn cổ chai kìm hãm sự phát triển ngành nghề mới nổi chiến lược của nước ta.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: CÔNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1368

攻读

gōngdú

học tập

老师鼓励大家积极攻读，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí gōng dú, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực học tập, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: CÔNG ĐẠU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1369

攻关

gōngguān

vượt khó tấn công then chốt, công phá ải khó công nghệ

国家实验室集聚数千名多学科交叉拔尖科研骨干，向受控核聚变与拓打量子计算等世界级技术高峰发起协同攻关。

Guójiā shíyàn shì jíjù shùqiān shù duō môn xiāo jiā kē yán gǔ gàn, xiàng shòu kòng hé jù biàn yù tuò liàng zǐ jì suàn děng shì jiè jí jì shù gāo fēng fā qǐ xié tóng gōng guān.

Phòng thí nghiệm quốc gia quy tụ hàng ngàn cán bộ nòng cốt nghiên cứu khoa học xuất sắc liên ngành, phát động đột hiệp đồng vượt khó tấn công then chốt công phá ải khó công nghệ hướng tới các đỉnh cao công nghệ tầm cỡ thế giới như tính toán lượng tử tô-pô và nhiệt hạch có kiểm soát.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG QUAN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1370

供

gòng

cung cấp (gōng); cúng tế thờ phụng, cung phụng (gòng)

大科学装置不间断多路供电与超纯水处理循环系统二十四小时稳定运转，为前沿物理实验提供了万无一失的能源保障。

Dà kē xué zhuāngzhì bù jiàn duàn duō lù gòng diàn yǔ chāo chún shuǐ chǔ lǐ xún huán xì tǒng èr shí sì xiǎo shí wěn dìng yùn zhuǎn, wèi qián yán wù lǐ shí yàn tí gòng le wàn wú yí shī de néng yuán bǎo zhàng.

Hệ thống cấp điện cung cấp điện đa nhánh không ngắt quãng và tuần hoàn xử lý nước siêu tinh khiết của thiết bị khoa học lớn vận hành ổn định suốt 24/24, mang lại sự bảo đảm năng lượng hoàn hảo không sai sót cho các thực nghiệm vật lý tiên phong.

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ

#1371

供不应求

gòng bù yìng qiú

cung không đủ cầu, cháy hàng

我国具有自主知识产权的新一代高密度固态锂电池核心材料，在国际高端新能源市场上持续供不应求。

Wǒ guó jǔ yǒu wán quán zì zhǔ zhī shǐ chǎn quán de xīn yí dài gāo néng lìng mǐ dù gù thể zhì shí chǎn quán de xīn yí dài gāo néng lìng mǐ dù gù tài lì diǎn chí hé xīn cái liào, zài guó jì gāo duān xīn néng yuán shì chǎng shàng chí xù gòng bù yìng qiú.

Vật liệu cốt lõi pin lithium thể rắn mật độ năng lượng cao thế hệ mới sở hữu bản quyền sở hữu trí tuệ tự chủ hoàn toàn của nước ta trên thị trường năng lượng mới cao cấp quốc tế liên tục rơi vào tình trạng cung không đủ cầu.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1372

供奉

gòngfèng

thờ phụng, cung phụng hương khói kính thờ

老一辈科学家胸怀家国、隐姓埋名科技报国的崇高精神，被全体科技后辈永远在心中虔诚供奉并化作前进动力。

Lǎo yī bèi kē xué jiā xiōng huái jiā guó, yǐn xìng mái míng kē jì bào guó de chóng gāo jīng shén, bèi quán tǐ kē jì hòu bèi yǒng yuǎn zài xīn zhōng qián chéng gòng fèng bīng huà zuò qián jìn dòng lì.

Tinh thần cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, ẩn danh giấu tên ôm trọn non sông đất nước của các nhà khoa học tiên bối mãi mãi được toàn thể các thế hệ hậu bối khoa học công nghệ kính cẩn thờ phụng cung phụng trong tim và hóa thành động lực tiến bước.

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1373

供暖

gōngnuǎn

sưởi ấm, cấp nhiệt sưởi ấm mùa đông

我国成功建成了全球首个大型核能综合利用零碳清洁供暖示范工程，为数十万北方居民提供了温暖绿色的冬季热源。

Wǒ guó chéng gōng jiàn chéng le quán qiú shǒu gè dà xíng hé néng zōng hé lì yòng líng tàn qīng jié gōng nuǎn shì fàn gōng chéng, wéi shù shí wàn běi fāng jū mín tí gōng le wēn nuǎn lǜ sè de dōng jì rè yuán.

Nước ta đã xây dựng thành công công trình trình diễn sưởi ấm cấp nhiệt sạch không phát thải carbon tận dụng tổng hợp năng lượng hạt nhân quy mô lớn đầu tiên trên toàn cầu, mang lại nguồn nhiệt mùa đông xanh ấm áp cho hàng chục vạn cư dân phương Bắc.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: CUNG NOǺN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1374

供求

gōngqiú

cung cầu, quan hệ cung và cầu trên thị trường

国家构建了覆盖全国主要高科技产业集群的关键核心元器件供求动态大数据智能监测与预警调度平台。

Guó jiā gòu jiàn le fù gài quán guó zhǔ yào gāo kē jì chǎn yè jī qún de guān jiàn hé xīn yuán qì jiàn gōng qiú dòng tài dà shù jī nǎng jiān cè yǔ yù jǐng diào dù píng tái.

Nhà nước đã xây dựng nền tảng điều phối cảnh báo sớm và giám sát thông minh dữ liệu lớn động thái cung cầu quan hệ cung và cầu lĩnh kiện cốt lõi then chốt bao phủ các cụm ngành công nghệ cao chính trên toàn quốc.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: CUNG CẦU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1375

宫殿

gōng diàn

cung điện, hoàng cung nguy nga

故宫太和殿作为我国现存规模最大、建筑规格最高的古代木结构宫殿建筑，金碧辉煌、气势磅礴。

Gù gōng tài hé diàn zuò wéi wǒ guó xiàn cún guī mó zuì dà, jiàn zhù guī gé zuì gāo de gù dài mù jié gòu gōng diàn jiàn zhù, jīn bì huī huáng, qì shì páng bó.

Điện Thái Hòa bên trong Cố Cung với tư cách là công trình kiến trúc cung điện bằng kết cấu gỗ cổ đại có quy mô lớn nhất và cấp độ kiến trúc cao nhất còn tồn tại của nước ta, vàng son lộng lẫy, khí thế nguy nga hùng tráng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CUNG ĐIỆN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1376

宫廷

gōngtíng

cung đình, hoàng cung triều đình phong kiến

故宫科技文保团队综合运用拉曼光谱与X射线荧光无损微区检测，完整解析了明清宫廷御用特种颜料的分子化学成分。

Gù gōng kē jì wén bǎo tuán dui zōng hé yùn yòng lā màn guāng pǔ yǔ X shè xiàn yíng guāng wú sùn wēi qū jiǎn cè, wán zhěng jiě xī le míng qīng gōng tíng yù yòng tè zhǒng yán liào de fēn zǐ huà xué chéng fēn.

Đội ngũ bảo tồn văn vật khoa học công nghệ Cố Cung vận dụng tổng hợp kiểm tra vi vùng không phá hủy huỳnh quang tia X và quang phổ Raman đã giải mã hoàn chỉnh thành phần hóa học phân tử của các loại thuốc màu đặc chủng ngự dụng cung đình hoàng cung thời Minh - Thanh.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: CUNG ĐÌNH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1377

恭维

gōngwéi

tâng bốc, nịnh nọt ca tụng tâng bốc

真正的战略科学家从不被外界浮夸的名利恭维所诱惑，始终保持清醒冷静、心无旁骛扎根在原始科研第一线。

Zhēn zhèng de zhàn lüè kē xué jiā cóng bù bèi wài jiè fú kuā de míng lì gōng wéi suǒ yòu huò, xīn wú páng wú zhā gēn zài yuán shǐ kē yán dì yī xiàn.

Những nhà khoa học chiến lược thực thụ không bao giờ bị những lời nịnh nọt tâng bốc ca tụng danh lợi phù phiếm bên ngoài cám dỗ, luôn giữ vững sự điềm tĩnh tỉnh táo, toàn tâm toàn ý cắm rễ nơi tuyến đầu nghiên cứu khoa học nguyên bản.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: CUNG DUY

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1378

恭喜

gōngxǐ

chúc mừng, cung hỉ chúc mừng thành công

当大科学装置首轮物理束流成功引出并打破世界纪录时，国际粒子物理联合会第一时间向中国团队发来热烈祝贺电。

Dāng dà kē xué zhuāng zhì shǒu lún wù lǐ shù liú chéng gōng yīn chū bīng dà pò shì jiè jì lù shí, guó jì lì zǐ wù lǐ lián hé huì dì yī shí jiān xiàng zhōng guó tuán dui fā lái rè liè cǎi zhù diàn.

Khi chùm hạt vật lý đợt đầu của thiết bị khoa học lớn được dẫn ra thành công và phá vỡ kỷ lục thế giới, Liên đoàn Vật lý Hạt Quốc tế đã gửi điện mừng chúc mừng chúc mừng nồng nhiệt tới đội ngũ Trung Quốc ngay trong thời khắc đầu tiên.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: CUNG HỖ

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1379

拱

gǒng

chắp tay vòm (gǒngshǒu); vòm cung, kết cấu vòm (gǒng)

大科学装置地下超深实验主洞室采用了特种超大跨度双曲钢筋混凝土拱形支护结构，确保承载地层巨大围岩压力。

Dà kē xué zhuāng zhì dì xià chāo shēn shí yàn zhǔ dòng shì cǎi yòng le tè zhǒng chāo dà kù dù shuāng qū gāng jīn hùn níng tǔ gǒng xíng zhī hù jié gòu, què bǎo chéng zài dì cǎng jù dà wéi yán yā lì.

Hầm lò thực nghiệm chính siêu sâu dưới lòng đất của thiết bị khoa học lớn áp dụng kết cấu chống đỡ hình vòm vòm cung bê tông cốt thép khẩu độ siêu lớn đặc chủng, bảo đảm gánh chịu áp lực đá vây quanh khổng lồ của tầng địa chất.

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1380

共鸣

gòng míng

cộng hưởng, đồng cảm sâu sắc (tâm hồn, nghệ thuật)

这部真实展现脱贫攻坚壮丽历程与乡村振兴感人故事的电视剧，在全国数亿观众中引发了极其强烈的精神共鸣。

Zhè bù zhēn shí zhǎn xiàn tuō pín gōng jiàn zhuàng lì lì chéng yǔ xiāng cūn zhēn xīng gǎn rén gù shì de diàn shì jù, zài quán guó shù yì guān zhòng zhōng yīn fā le jí qí qiáng liè de jīng shén gòng míng.

Bộ phim truyền hình tái hiện chân thực hành trình tráng lệ của công cuộc xóa đói giảm nghèo và những câu chuyện lay động lòng người về chấn hưng nông thôn đã tạo nên sự đồng cảm cộng hưởng tinh thần vô cùng mãnh liệt trong lòng hàng trăm triệu khán giả trên cả nước.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1381

共识

gòngshí

đồng thuận, nhận thức chung quan điểm chung

与会多国顶尖科学家就共同发起全球深空探索与微量子精密测量大科学合作计划达成了广泛而坚定的国际共识。

Yǔ huì duō guó dīng jiān kē xué jiā jiù gòng tóng fā qí quán qiú shēn kōng tàn sù yǔ wēi liàng zī jīng mǐ cè liáng dà kē xué hé zuò jì huà dà chéng le guǎng fàn ér jiān dìng de guó jì gòng shí.

Các nhà khoa học đỉnh cao nhiều quốc gia tham dự hội nghị đã đạt được sự đồng thuận nhận thức chung quốc tế kiên định và rộng rãi về việc cùng khởi xướng Kế hoạch Hợp tác Khoa học Lớn Đo đạc Chính xác Lượng tử Vi mô và Thăm trắc Không gian Sâu Toàn cầu.



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1382

共同体

gòngtóngtǐ

cộng đồng, cộng đồng chung cùng
 chung vận mệnh

中国始终积极倡导构建人类卫生健康共同体与全球开放科学共同体，推动前沿科技创新成果造福全人类。

Zhōng guó shǐ zhōng jī jí chàng dǎo gòu jiàn rén lèi wèi shēng jiàn kāng gòng tóng tǐ yǔ quán qiú kāi fàng kē xué gòng tóng tǐ, tuī dòng qián yán kē jī chuàng xīn chéng guǒ zào fú quán rén lèi.

Trung Quốc luôn tích cực khởi xướng xây dựng cộng đồng khoa học mở toàn cầu và cộng đồng chung vận mệnh sức khỏe y tế nhân loại, thúc đẩy các thành quả đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ tiên phong mang lại hạnh phúc cho toàn nhân loại.

32 nét

HÁN VIỆT: CỘNG ĐỒNG THỂ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1383

共性

gòngxìng

tính phổ biến, tính chất chung điểm
 tương đồng

国家制造业创新中心着力突破跨行业、跨领域的关键共性基础制造技术与核心工业母机装备瓶颈。

Guó jiā zhì zào yè chuàng xīn zhōng xīn zhuó lì pò kuà háng yè, kuà lǐng yù de guān jiàn gòng xìng jī chǔ zhì zào jì shù yǔ hé xīn gōng yè mǔ jī zhuāng bèi píng jǐng.

Trung tâm Đổi mới Sáng tạo Ngành Chế tạo Quốc gia chú trọng đột phá các nút thắt trang thiết bị máy công cụ công nghiệp cốt lõi và công nghệ chế tạo cơ bản tính chất chung tính phổ biến then chốt xuyên ngành nghề, xuyên lĩnh vực.

22 nét

HÁN VIỆT: CỘNG TÍNH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1384

勾

gōu

móc câu, móc nối lỗi cuốn; đánh
 dấu tích (gou)

在老科学家珍贵科研手稿旁，密密麻麻地用红笔打满了各种重点公式标记与清晰的勾选推导符号。

Zài lǎo kē xué jiā zhēn guì kē yán shǒu gǎo páng, mì mì má má de yòng hóng bǐ dǎ mǎn le gè zhǒng zhòng diǎn gōng shì biāo jì yǔ qīng xī de gōu xuǎn tuī dǎo fú hào.

Bên cạnh bản thảo nghiên cứu khoa học quý giá của vị nhà khoa học lão thành, chỉ chít những ký hiệu suy diễn đánh dấu tích đánh dấu tích rõ ràng và các đánh dấu công thức trọng điểm được ghi bằng bút đỏ.

9 nét

HÁN VIỆT: CÂU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1385

勾画

gōuhuà

phác họa, vẽ nên đường nét phác
 thảo

国家科技中长期战略规划清晰勾画出了未来三十年我国建成世界主要科学中心和创新高地的宏伟蓝图。

Guó jiā kē jì zhōng cháng qī zhàn lüè qīng xī gōu huà chū le wèi lái sān shí nián wǒ guó jiàn chéng shì jiè zhǔ yào kē xué zhōng xīn hé chuàng xīn gāo dì de hóng wěi lán tú.

Quy hoạch chiến lược trung và dài hạn khoa học công nghệ quốc gia đã phác họa phác thảo vẽ nên rõ ràng bức tranh tổng thể hùng vĩ về việc nước ta xây dựng thành công vùng đất cao đổi mới sáng tạo và trung tâm khoa học chính của thế giới trong 30 năm tới.

19 nét

HÁN VIỆT: CÂU HỌA

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1386

勾结

gōujié

câu kết, câu kết, thông đồng làm
 bậy

国家司法机关坚决依法打击任何境内外敌对势力相互勾结、企图危害国家主权安全的违法犯罪活动。

Guó jiā sī fǎ jī guān jiān jué yī fǎ dǎ jī rēn hé jìng nèi wài dí duì shì lì xiāng hù gōu jié, qǐ tú wēi hài guó jiā zhǔ quán ān quán de wéi fǎ fàn zuì huó dòng.

Cơ quan tư pháp quốc gia kiên quyết theo quy định pháp luật xử lý nghiêm minh mọi hoạt động vi phạm pháp luật câu kết cấu kết lẫn nhau giữa các thế lực thù địch trong và ngoài nước mưu toan xâm hại chủ quyền an ninh quốc gia.

18 nét

HÁN VIỆT: CÂU KẾT

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Động từ

#1387

钩

gōu

cái móc, móc sắt móc treo; móc
 vào

在深海载人潜水器收放作业中，母船特种重型伸缩吊臂上的智能防摆脱钩装置精准锁定了潜水器吊环。

Zài shēn hǎi zài rén qiǎn shuǐ qì shōu fàng zuò yè zhōng, mǔ chuán tè zhòng zhòng xíng shēn suō diào bì shàng de zhì néng fǎng tuō gōu zhuāng zhì jīng zhǔn suǒ dìng le qiǎn shuǐ qì diào huán.

Trong thao tác thả và thu hồi tàu lặn có người lái biển sâu, thiết bị móc treo cái móc thông minh chống tuột trên cần cấu co duỗi hạng nặng đặc chủng của tàu mẹ đã khóa chặt chuẩn xác vòng móc treo của tàu lặn.

13 nét

HÁN VIỆT: CÂU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1388

钩子

gōuzi

cái móc, móc câu, móc câu

重型舰载起重机的特种合金巨型吊钩具备数千吨级超强抗拉强度，能够平稳精准吊装大型深海装备。

Zhòng xíng jiàn zài qǐ zhòng jī de tè zhòng hé jīn jù xíng diào gōu jù bèi shù qiān dùn jī cháo qiáng kàng lā qiáng dù, néng gòu píng wěn jīng zhǔn diào zhuāng dà xíng shēn hǎi zhuāng bèi.

Móc câu khổng lồ bằng hợp kim đặc chủng của cần cấu hạng nặng trên tàu chiến sở hữu sức chịu kéo siêu mạnh cấp độ hàng ngàn tấn, có thể cấu lắp các thiết bị biển sâu cỡ lớn một cách êm ái và chuẩn xác.

24 nét

HÁN VIỆT: CÂU TỬ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1389

构思

gòusī

hình thành ý tưởng, bố cục dàn ý
 (sáng tác, thiết kế)

建筑大师巧妙构思，将中国传统榫卯结构与现代节能被动房理念完美融合在一座国家级大剧院设计中。

Jiàn zhù dà shī qiǎo miào gòu sī, jiāng zhōng guó chuán tǒng sǔn mǎo jié gòu yǔ xiàn dài jié néng bèi dòng fáng lǐ niàn wán měi róng hé zài yí zuò guó jiā jí dà jù yuàn shè jì zhōng.

Bậc thầy kiến trúc đã hình thành ý tưởng bố cục một cách tài tình, dung hòa hoàn mỹ kết cấu mộng ngàm truyền thống cùng quan niệm nhà thụ động tiết kiệm năng lượng hiện đại bên trong thiết kế của một nhà hát lớn cấp quốc gia.

21 nét

HÁN VIỆT: CÂU TƯ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Động từ

#1390

构想

gòuxiǎng

ý tưởng kiến trúc, phác thảo thiết
 kế, ý đồ quy hoạch

战略科学家提出的深空引力波空间探测天基实验系统前瞻性构想，如今已逐步转化为国家重大科技立现现实。

Zhàn lüè kē xué jiā tí chū de shēn kōng yǐn lì bō kōng jiān tàn cè tiān jī shí yàn xì tǒng qián zhān xíng gòu xiǎng, rú jīn yǐ zhú bù zhuǎn huà wéi guó jiā zhòng dà kē jì lì xiàn xiàn shí.

Ý tưởng kiến trúc ý đồ quy hoạch có tầm nhìn xa về hệ thống thực nghiệm trên vũ trụ thám trắc sóng hấp dẫn không gian sâu do nhà khoa học hiển lược đưa ra ngày nay đã từng bước chuyển hóa thành hiện thực lập dự án khoa học công nghệ trọng đại quốc gia.

25 nét

HÁN VIỆT: CÂU TƯỞNG


HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1391

购

gòu

mua sắm, mua vào trang bị

国家重大科技专项优先支持采购和应用完全自主研发的国产高精度仪器设备及前沿工业基础软件。

Guó jiā zhòng dà kē jì xiān yuán zhī chí cǎi gòu hé yìng yòng wán quán zì zhǔ yán fā de guó chǎn gāo jīng dù yí qì shè bèi yǔ qián yán gōng yè jī chǔ ruǎn jiàn.

Chuyên án khoa học công nghệ trọng đại quốc gia ưu tiên hỗ trợ mua sắm trang bị mua vào và ứng dụng các phần mềm nền tảng công nghiệp tiên phong cùng trang thiết bị dụng cụ độ chính xác cao sản xuất trong nước do ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển.

8 nét

HÁN VIỆT: CẤU

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#1392

够呛

gòuqiàng

gay cấn mệt bỏ hơi tai, khốn đốn gay go (khẩu ngữ)

面对突发的特大雷暴天气险情，野外地质科考应急突击队连续高强度抢险作业二十多个小时，着实把大家累得够呛。

Miàn duì tū fā de tè dà léi bào tiān qì xiǎn qīng, yě wài dì zhì kǎo yìng jī tuī dǔì lián xù gāo qiǎng dù qiǎng xiǎn zuò yè èr shí duō gè xiǎo shí, zhe shí bǎ dà jiā lèi dé gòu qiàng.

Đứng trước hiểm họa thời tiết giông bão cực lớn đột xuất, đội xung kích ứng phó khẩn cấp khảo sát địa chất dã ngoại đã liên tục cứu hộ cường độ cao suốt hơn 20 tiếng đồng hồ, thực sự làm cho mọi người mệt bỏ hơi tai gay cấn vất vả khốn đốn.

18 nét

HÁN VIỆT: CÚ SẮC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1393

估算

gūsuàn

ước tính, tính toán ước lượng sơ bộ

超级计算机根据百亿光年外超新星爆发观测数据进行严密物理估算，精确还原了星系演化的动态物理参数。

Chāo jí jì suàn jī gēn jù bǎi yì guāng nián wài chāo xīn xīng bào fā gūan cè shù jù jīn xīng yǎn huà de wú lǐ gū suàn, jīng què huán yuán le xīng xì yǎn huà de dòng tài wú lǐ cān shù.

Siêu máy tính căn cứ vào số liệu quan trắc vụ nổ siêu tân tinh cách xa hàng trăm tỷ năm ánh sáng tiến hành ước tính tính toán ước lượng vật lý chặt chẽ, phục dựng chuẩn xác các tham số vật lý động thái của sự tiến hóa thiên hà.

22 nét

HÁN VIỆT: CỔ TOÁN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1394

孤单

gū dān

cô đơn, cô độc

独自一人身处异国他乡求学难免会感到些许孤单，多参加社团活动有助于结交志同道合的好友。

Dú zì yì rén shēn chù yì guó tā xiāng qiú xué nán miǎn huì gǎn dào xiē xǔ gū dān, duō cān jiā tuán huó yǒu zhù yú jiāo zhì tóng dào hé de hǎo yǒu.

Một mình nơi đất khách quê người học tập khó tránh khỏi những lúc cảm thấy cô đơn quanh quẩn, tích cực tham gia các câu lạc bộ sẽ giúp bạn dễ dàng kết giao những người bạn cùng chí hướng.

22 nét

HÁN VIỆT: CÔ THIỆN

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Động từ

#1395

孤立

gū lì

cô lập, đơn độc; tách rời

在推进中国式现代化进程中，我们必须坚持系统观念，决不能把各项经济社会发展改革孤立割裂开来看待。

Zài tuī jìn zhōng guó shì xià dài huà jìn chéng zhōng, wǒ men bì xū jiān chí xì tǒng guān niàn, jué bù néng bǎ gè xiàng jīng jì shè huì fā zhǎn gǎi gé gū lì gē liè kāi lái kàn dài.

Trong tiến trình thúc đẩy hiện đại hóa đất nước, chúng ta bắt buộc phải kiên trì quan điểm hệ thống, tuyệt đối không thể nhìn nhận các cuộc cải cách phát triển kinh tế xã hội một cách cô lập và chia cắt rời rạc.

23 nét

HÁN VIỆT: CÔ LẬP

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#1396

孤零零

gūlínglíng

cô độc lẻ loi, đơn độc trơ trọi một mình

在渺无人烟的荒漠深处，孤零零矗立的深空雷达测控天线日夜不知疲倦地旋转着，守护着深空飞行的航天器。

Zài miǎo wú rén yān de huāng mò shēn chù, gū líng líng chù lì de shēn kōng léi dá cè kòng tiān xiàn rì yè bù zhī pí juàn de xuán zhuǎn zhe, shǒu hù zhe shēn kōng fēi xíng de háng tiān qì.

Nơi sâu thẳm trong sa mạc hoang vu vắng bóng người, chiếc ăng-ten trắc nghiệm điều khiển radar không gian sâu sừng sững đơn độc trơ trọi cô độc lẻ loi ngày đêm xoay tròn không mệt mỏi, bảo vệ các tàu vũ trụ đang bay trong không gian sâu.

35 nét

HÁN VIỆT: CÔ LINH LINH

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Tính từ

#1397

孤陋寡闻

gūlòuguǎwén

hẹp hòi thiếu hiểu biết, thiếu cận nông cận ít thấy nghe

搞科学研究必须放眼全球科技前沿、保持开放包容心态，决不能固步自封、陷入孤陋寡闻的狭隘泥潭。

Gǎo kē xué yán jiū bì xū fàng yǎn quán qiú kē jì qián yán, bǎo chí kāi fàng bāo róng xīn tài, jué bù néng gù bù zì fēng, xiàn rù gū lòu guǎ wén de xiá ài ní tán.

Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải phóng tầm mắt nhìn ra các mũi nhọn khoa học công nghệ toàn cầu, giữ vững tâm thế bao dung mở cửa, tuyệt đối không được tự mãn dậm chân tại chỗ, rơi vào vũng bùn thiếu cận hẹp hòi thiếu hiểu biết ít thấy nghe.

35 nét

HÁN VIỆT: CÔ LẬU QUẢ VĂN

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Động từ

#1398

沽名钓誉

gū míng diào yù

mua danh chuộc tiếng, hám danh hám lợi trục lợi hư danh

战略科学家一生淡泊名利、科技报国，坚决鄙弃一切弄虚作假与沽名钓誉的学术不良风气。

Zhàn lüè kē xué jiā yì shēng dàn bó míng lì, kē jì bào guó, jiǎn jué bǐ qí yì qiè nuò xué yǔ gū míng diào yù de xué shù bù liáng fēng qì.

Nhà khoa học chiến lược cả đời dậm bạc danh lợi, phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, kiên quyết bài trừ khinh bỉ mọi thói xấu học thuật làm giả dối trá và mua danh chuộc tiếng hám danh trục lợi.

35 nét

HÁN VIỆT: CÔ DANH ĐIỀU DỰ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1399

辜负

gū fù

phụ lòng, cô phụ, làm uổng phí (sự kỳ vọng, công ơn)

广大青年科技工作者立志攻坚克难、科技报国，绝不辜负党和人民对新一代青年科技人才的殷切期望。

Guǎng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě lì zhì gōng gǎn kè nán, kē jì bào guó, jué bù gū fù dāng hé rén mǐn duì xīn yì dài qīng nián kē jì rén cái de yīn qì qī wàng.

Đồng đạo các cán bộ khoa học công nghệ trẻ lập chí vượt qua gian khó, đem khoa học phụng sự Tổ quốc, tuyệt đối không phụ lòng kỳ vọng tha thiết của Đảng và nhân dân đối với thế hệ nhân tài khoa học công nghệ trẻ tuổi.

16 nét

HÁN VIỆT: CÔ PHỤ


HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1400

古董

gǔ dòng
cổ vật, đồ cổ; người cổ hủ

国家文物局运用激光拉曼光谱与微痕无损检测技术, 对馆藏商周青铜古董进行高精度科技断代与材质鉴定。

Guó jiā wén wù jú yòng jī guāng lā màn guāng pǔ yǔ wēi hén wú sǔn jiǎn cè jī shù, duì guǎn cáng shāng zhōu qīng tóng gǔ dòng jìn xíng gāo jīng dù kē jì duàn dài yǔ cái zhì jiàn dìng.

Cục Di sản Văn hóa Quốc gia áp dụng công nghệ quang phổ Raman laser và kiểm tra vi vết không phá hủy để xác định niên đại và giám định chất liệu bằng công nghệ cao đối với các cổ vật đồ đồng thời Thương - Chu lưu giữ trong bảo tàng.

20 nét

HÁN VIẾT

CỔ ĐỒNG
HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1401

古怪

gǔ guài
kỳ quặc, quái dị, lập dị khó hiểu

在深海热液喷口极端高压无光环境下, 生活着许多外形极其古怪且具备特殊化能合成机制的深海生物。

Zài shēn hǎi rè yè pēn kǒu jí duān gāo yā wú guāng huán jīng xià, shēng huó zhe xǔ duō wài xíng jí qí gǔ guài qíè jù bèi tè shū huà néng hé chéng jī zhì de shēn hǎi shēng wù.

Dưới môi trường cực đoan áp suất cao và không có ánh sáng của các miệng phun thủy nhiệt biển sâu, đang là nơi sinh sống của rất nhiều sinh vật biển sâu có hình thù vô cùng kỳ quặc và sở hữu cơ chế hóa tổng hợp đặc biệt.

22 nét

HÁN VIẾT

CỔ QUÁI
HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1402

古迹

gǔ jì
di tích cổ, di tích lịch sử cổ xưa

国家科技文保重点实验室综合运用激光雷达微变形监测与环境DNA分析技术, 实现了对千年古迹的高精度无损保护。

Guó jiā kē jì wén bǎo zhòng yān shí yàn shì zōng hé yòng jī guāng léi dá wēi biàn xíng jiān cè yǔ huán jīng DNA fēn xī jī shù, shí xiàn le duì qiān nián gǔ jì de gāo jīng dù wú sǔn bǎo hù.

Phòng thí nghiệm trọng điểm bảo tồn văn vật khoa học công nghệ quốc gia vận dụng tổng hợp công nghệ phân tích ADN môi trường và quan trắc vi biến dạng LiDAR radar laser, thực hiện việc bảo vệ không phá hủy độ chính xác cao đối với các di tích cổ di tích lịch sử ngàn năm.

18 nét

HÁN VIẾT

CỔ TÍCH
HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Danh từ

#1403

古今中外

gǔ jīn zhōng wài
xưa nay trong ngoài nước, xưa và nay kim cổ đông tây

古今中外科学技术发展的历史生动表明: 谁牵住了科技创新这个“牛鼻子”, 谁就能占领先机、赢得未来。

Gǔ jīn zhōng wài kē jì xué jī shù fā zhǎn de lì shǐ shēng dòng biāo míng: shuí qiān zhù le kè jì chuàng xīn zhè ge "niú bí zǐ", shuí jiù néng zhàn lǐng xiān jī, yíng dé wèi lái.

Lịch sử phát triển khoa học kỹ thuật xưa và nay kim cổ đông tây xưa nay trong ngoài nước đã chứng minh một cách sinh động: ai dắt được 'mũi bò' đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ, người đó sẽ chiếm lĩnh thời cơ dẫn đầu, giành lấy tương lai.

35 nét

HÁN VIẾT

CỔ KIM TRUNG NGOẠI
HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1404

古朴

gǔ pǔ
cổ kính mộc mạc, cổ kính thanh nhã

国家综合性科学中心建筑群巧妙融合了古朴典雅的中华传统园林风貌与极富未来感的现代大科学装置形态。

Guó jiā zōng hé kē xué zhōng xīn jiàn zhù qún qiǎo róng hé le gǔ pǔ yǎo yàn de zhōng huá chuán tǒng yuán lín fēng mào yǔ jí fù wèi lái gǎn de xiàn dài dà kē xué zhuāng zhì xíng tài.

Quần thể kiến trúc Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia đã hòa quyện khéo léo phong mạo lâm viên truyền thống Trung Hoa cổ kính mộc mạc thanh nhã với hình thái thiết bị khoa học lớn hiện đại tràn đầy cảm giác tương lai.

18 nét

HÁN VIẾT

CỔ PHÁC
HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1405

古人

gǔ rén
người xưa, tiền nhân thuở trước

中国航天科学家以现代硬核科技圆了古人嫦娥奔月、祝融探火与天宫揽胜的千载浪漫梦想。

Zhōng guó háng tiān kē xué jiā yǐ xiàn dài yīng yǎng kē jì yuán le gǔ rén cháng é bēn yuè, zhù róng tàn huǒ yǔ tiān gōng lǎn shèng de qiān zǎi làng mǎn mèng xiǎng.

Các nhà khoa học hàng không vũ trụ Trung Quốc bằng khoa học công nghệ cứng hiện đại đã hiện thực hóa giấc mơ lãng mạn ngàn năm của người xưa tiền nhân thuở trước về Hằng Nga bay lên Cung trăng, Chức Dung thám trắc Sao Hỏa và Thiên Cung ngắm trọn dải ngân hà.

17 nét

HÁN VIẾT

CỔ NHÂN
HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1406

股份

gǔ fèn
cổ phần, cổ phiếu

国家完善科研人员职务科技成果转化股权期权激励机制, 允许优秀科研团队依法持有科技转化企业股份。

Guó jiā wán shàn kē yán yǎn yuán zhí wù kē jì chéng guó zhuǎn huà gǔ quán qī quán jī jī zhì, yǔn xǔ yōu xiù kē yán tuán duì yī fǎ chí yǒu kē jì zhuǎn huà qī yè gǔ fèn.

Nhà nước hoàn thiện cơ chế khích lệ bằng quyền chọn cổ phiếu và vốn cổ phần đối với việc chuyển giao thành quả khoa học công nghệ thuộc nhiệm vụ của cán bộ nghiên cứu, cho phép các nhóm nghiên cứu xuất sắc nắm giữ cổ phần doanh nghiệp chuyển hóa công nghệ theo luật định.

22 nét

HÁN VIẾT

CỔ PHẦN
HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1407

股民

gǔ mín
nhà đầu tư chứng khoán, người chơi cổ phiếu

随着国产高端半导体产业链全面实现自主突破, 资本市场广大股民对国家科技自立自强的信心空前高涨。

Suí zhe guó chǎn gāo duān bàn dǎo chǎn yè quán miàn shí xiàn zì zhǔ tú pò, zī běn shì chǎng guǎng dà gǔ mín duì guó jiā kē jì zì lì zì qiáng de xìn xīn kōng qián gāo zhāng.

Cùng với việc chuỗi ngành bán dẫn cao cấp sản xuất trong nước thực hiện đột phá tự chủ toàn diện, niềm tin của đông đảo các nhà đầu tư chứng khoán người chơi cổ phiếu trên thị trường vốn đối với sự tự chủ tự cường khoa học công nghệ quốc gia dâng cao chưa từng thấy.

18 nét

HÁN VIẾT

CỔ DÂN
HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1408

股市

gǔ shì
thị trường chứng khoán, sàn giao dịch cổ phiếu

国家科创板股票上市制度全面优化, 强力引导金融资本活水流向硬科技创新企业与大科学产业链领跑者。

Guó jiā kē chuāng bǎn gǔ piào shàng shì zhì dù quán miàn yōu huà, qiáng lì yǐn dǎo jīn róng zī běn huó shuǐ liú xiàng yīng kē jì chuàng xīn qī yè yǔ dà kē xué chǎn yè lǐn pǎo zhě.

Chế độ niêm yết cổ phiếu Sàn Giao dịch Đối mới Khoa học Công nghệ (STAR Market) Quốc gia được tối ưu hóa toàn diện, dẫn dắt mạnh mẽ dòng nước vốn tài chính chảy tới các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo công nghệ cứng và những doanh nghiệp dẫn đầu chuỗi ngành khoa học lớn.

17 nét

HÁN VIẾT

CỔ THỊ



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1409

骨干

gǔ gàn

cốt cán, xương sống, lực lượng
nòng cốt

青年科学家与杰出工程师已经迅速成长为支撑国家重大科技专项攻坚克难的战略主力与核心骨干。

Qīng nián kē xué jiā yǔ jié chū gōng chéng shī yī jīng xùn sù chéng zhāng wèi zhī chéng guó jiā zhòng dà kē jì zhuān xiàng gōng jiān kè nán de zhàn lüè zhǔ lì yǔ hé xīn gǔ gàn.

Các nhà khoa học trẻ tuổi và kỹ sư kiệt xuất đã nhanh chóng trưởng thành trở thành lực lượng chủ lực chiến lược và nòng cốt xương sống nâng đỡ các đề án khoa học công nghệ trọng đại của đất nước vượt qua gian khó.

16 nét

HÁN VIỆT: CỐT CAN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1410

骨气

gǔ qì

khí phách, khí phách kiên cường
bất khuất

中国科学家以顶天立地的志气与自立自强的骨气，在外部极限技术封锁打压中成功开辟出完全自主的技术新路！

Zhōng guó kē xué jiā yǐ dǐng tiān lì dì de zhì qì yǔ zì lì zì qiáng de gǔ qì, zài wài bù jí xiàn jì shù fēng suǒ dǎ yā zhōng chéng gōng kāi pì chū wán quán zì zhǔ de jì shù xīn lù!

Các nhà khoa học Trung Quốc bằng chí khí đội trời đạp đất cùng khí phách kiên cường bất khuất khí phách tự chủ tự cường đã mở ra thành công con đường công nghệ mới hoàn toàn tự chủ giữa muôn trùng phong tỏa chèn ép công nghệ giới hạn từ bên ngoài!

20 nét

HÁN VIỆT: CỐT KHÍ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Động từ

#1411

骨折

gǔ zhé

gãy xương, rạn nứt xương gãy
xương khớp

国家再生医学团队成功研制出可生物降解仿生微孔钛合金骨板，使复杂粉碎性骨折患者的骨骼愈合周期缩短了过半。

Guó jiā zài shēng yī xué tuán duì chéng gōng yán zhì chū kě shēng jiě xiāng fǎng wēi kǒng tài hé jīn gǔ bǎn, shǐ fù zá fēn suì xíng gǔ zhé huàn zhě de gǔ gē yǔ hé zhōu qī suǒ duǎn le guò bàn.

Đội ngũ y học tái sinh quốc gia đã nghiên cứu chế tạo thành công nẹp xương hợp kim titan vi lỗ thông sinh học có thể tự phân hủy sinh học, giúp rút ngắn hơn một nửa chu kỳ liền xương cho bệnh nhân bị gãy xương gãy xương gãy vụn phức tạp.

21 nét

HÁN VIỆT: CỐT CHIẾT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1412

鼓动

gǔ dòng

kích động, xúi giục; cổ vũ khích lệ

国际社会坚定维护真正的多边主义与联合国权威，坚决反对个别外部势力蓄意挑动阵营对抗与鼓动地缘冲突。

Guó jì shè huì jiān dìng wéi hù zhēn zhèng de duō biān zhǔ yì yǔ lián hé guó quán wēi, jiān jué fǎn duì gè bié wài bù shì lì xù yì tiào dòng zhēn yíng duì kàng yǔ gǔ dòng dì yuán chōng tū.

Cộng đồng quốc tế kiên định bảo vệ chủ nghĩa đa phương chân chính và uy quyền của Liên Hợp Quốc, kiên quyết phản đối các thế lực bên ngoài cố tình kích động đối đầu phe phái và xúi giục xung đột địa chính trị.

26 nét

HÁN VIỆT: CỔ ĐỘNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1413

鼓舞

gǔ wǔ

cổ vũ, khích lệ, động viên

老一辈航天科学家矢志报国、勇攀高峰的奉献精神，始终深深鼓舞着青年一代科研人员奋勇前行。

Lǎo yī bèi háng tiān kē xué jiā shǐ zhì bào guó, yǒng pān gāo fēng de fèng xiàn jīng shén, shǐ zhōng shēn shēn gǔ wǔ zhe qīng nián yī dài kē yán fǎn yǎn yuán fèn yǒng qián xíng.

Tinh thần cống hiến kiên định phụng sự Tổ quốc và dũng cảm chinh phục đỉnh cao của các thế hệ nhà khoa học hàng không vũ trụ đi trước luôn là nguồn cổ vũ sâu sắc thôi thúc thế hệ nghiên cứu trẻ vững bước tiến lên.

24 nét

HÁN VIỆT: CỔ VŨ

HSK 7-9 (3.0)

Liên từ

#1414

固然

gù rán

tuy rằng, cố nhiên là, dầu rằng đúng
là

外部先进经验固然值得认真吸收借鉴，但关键核心技术的突破最终必须紧紧依靠自主创新与自主研发。

Wài bù xiān jìn jīng yàn gù rán zhí de rèn zhēn xī shōu jiè jiàn, dàn guān jiàn hé xīn jì shù de tū pò zuì zhōng bì xū jìn jìn yī kào zì zhǔ chuàng xīn yǔ zì yán fā.

Kinh nghiệm tiên tiến bên ngoài cố nhiên là rất đáng để tiếp thu học hỏi, nhưng sự đột phá của các công nghệ lõi then chốt cuối cùng bắt buộc phải dựa chặt vào đổi mới sáng tạo tự chủ và tự thân nghiên cứu phát triển.

24 nét

HÁN VIỆT: CỔ NHIÊN

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1415

固执

gù zhí

cố chấp, bướng bỉnh, khăng khăng
không đổi

在面对确凿客观的实验复现数据与反例事实面前，真正的科学工作者绝不能固执己见、拒绝修正理论。

Zài miàn duì què záo kè guān de shí yàn fù xiàn shù jù yǔ fǎn lì shí shí miàn qián, zhēn zhèng de kē xué gōng zuò zhě jué bù néng gù zhí jǐ jiàn, jù jué xiū zhèng lǐ lùn.

Đứng trước các số liệu tái lập thực nghiệm khách quan xác thực và các sự thật phản ví dụ, người làm khoa học chân chính tuyệt đối không thể cố chấp giữ khu vực ý mình mà từ chối sửa đổi lý thuyết.

27 nét

HÁN VIỆT: CỔ CHẤP

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1416

故

gù

Vi thể

老师鼓励大家积极放，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ dà jiā jī jí fàng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Vi thể, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: CỔ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Phó từ

#1417

顾不得

gù bù de

không màng đến, không kịp để ý
tới, quên cả

在大科学工程试验抢险紧要关头，总工程师顾不得擦拭脸上的汗水与雨水，争分夺秒下达应急处置指令。

Zài dà kē xué gōng chéng shí yàn qiǎng xiǎn jǐn yào guān tóu, zǒng gōng chéng shī gù bù dé cǎ shì liǎn shàng de hàn shuǐ yǔ yǔ shuǐ, zhēng fēn duó miǎo xià dá yǐng jì chǔ zhì zhī lìng.

Vào thời khắc khẩn yếu cứu hộ thử nghiệm công trình khoa học lớn, vị Tổng Kỹ sư không màng đến không kịp để ý tới việc lau những giọt mồ hôi và nước mưa trên mặt, tranh thủ từng phút từng giây phát khẩu lệnh xử lý khẩn cấp.

35 nét

HÁN VIỆT: CỔ BẤT ĐẮC



HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Phó từ #1418

顾不上

gùbushàng

không kịp ngó ngang, không rảnh lo
tối, không đoái hoài

为了抢抓宝贵的空间天文观测窗口期，值班天文学家们整整一夜顾不上吃饭休息、全神贯注记录每一个光谱信号。

Wèi le qiǎng zhuā bǎo guì de kōng jiān tiān wén guān cè chuāng kǒu qī, zhí bān tiān wén xué jiā men zhěng zhěng yí yè gù bù shàng cān xiū xi, quán shén guān zhù jì lù měi yí gè guāng pǔ xìn hào.

Để tranh thủ giai đoạn cửa sổ quan trắc thiên văn không gian quý giá, các nhà thiên văn học trực ban suốt cả một đêm không rảnh lo tối không kịp ngó ngang đến chuyện ăn uống nghỉ ngơi, tập trung cao độ ghi chép từng tín hiệu quang phổ.

33 nét

HÁN VIỆT: CỔ BẤT THƯỜNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1419

顾及

gùjì

đoái hoài để ý, bận tâm chăm sóc
tối, đếm xỉa

大科学工程管理既要狠抓严密工程进度与质量节点，也要充分顾及一线参建科研人员的身心健康保障。

Dà kē xué gōng chéng guǎn lǐ jì yào hěn zhuā yán mì gōng chéng jìn dù yǔ zhí xiàn jiàn jié diǎn, yě yào chōng fèn gù jí yí xiàn cān jiàn kē yán rén yuán de shēn xīn jiàn kāng bǎo zhàng.

Quản lý công trình khoa học lớn vừa phải bám sát nghiêm ngặt các mốc điểm chất lượng và tiến độ công trình chặt chẽ, lại cũng phải đoái hoài để ý bận tâm chăm sóc đầy đủ đến việc bảo đảm sức khỏe thể chất tinh thần cho những người làm nghiên cứu khoa học tuyến đầu tham gia xây dựng.

24 nét

HÁN VIỆT: CỔ CẬP

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Động từ #1420

顾虑

gùlǚ

lo ngại, e ngại, băn khoăn lo âu

国家建立健全了科技创新尽职免责与容错纠错机制，彻底打消了科研团队敢于探索未知前沿的后顾之忧与顾虑。

Guó jiā jiàn lì jiàn quán le kē jì chuàng xīn jìn zhí miǎn zé yǔ róng cuò jiù cuò jī zhì, chè dǐ dǎo xiāo le kē yán tuán duì gǎn yú tàn suǒ wèi zhī qián yán de hòu gù yōu yǔ gù lǚ.

Nhà nước đã xây dựng và hoàn thiện cơ chế dung sai sửa sai và miễn trừ trách nhiệm khi đã làm hết chức trách trong đổi mới khoa học công nghệ, xóa bỏ triệt để mọi nỗi lo âu e ngại và băn khoăn phía sau của các nhóm nghiên cứu khi dũng cảm thám hiểm các mũi nhọn chưa biết.

23 nét

HÁN VIỆT: CỔ LỰ

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Động từ #1421

顾全大局

gùquándàjú

nghĩ cho đại cục, vì toàn cục chung,
đặt lợi ích chung lên trên

在跨单位跨学科大科学战略攻坚中，各参研团队胸怀大局、顾全大局，主动让渡局部利益确保国家任务圆满成功。

Zài kuà dān wèi kuà xué kē dà kē xué zhàn lüè gōng jiàn zhōng, gè cān yán tuán duì xiōng huái dà jú, gù quán dà jú, zhǔ dòng ràng dù jù bù lì yì què bǎo guó jiā rèn wù yuán mǎn chéng gōng.

Trong các trận vượt khó chiến lược khoa học lớn liên ngành liên đơn vị, các đội ngũ tham gia nghiên cứu nghĩ cho đại cục vì toàn cục chung đặt lợi ích chung lên trên, chủ động nhường lại lợi ích cục bộ để bảo đảm nhiệm vụ quốc gia thành công mỹ mãn.

35 nét

HÁN VIỆT: CỔ TOÀN ĐẠI CỤC

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1422

雇

gù

thuê mướn, thuê nhân công tuyển
dụng

国家实验室通过全球开放引才机制，面向全球公开招聘并高薪雇请了数十位在量子计算领域具有卓越造诣的顶尖外籍青年学者。

Guó jiā shí yàn shì tōng guò quán qiú kāi fàng yǐn cái jī zhì, miàn xiàng quán qiú gōng kāi zhāo pìn bìng gāo xīn gù qǐng le shù shí wèi zài liàng zǐ jì suàn lǐng yǔ jù yǒu zhōu yùè zào yì de dǐng jiān wài jī qīng nián xué zhě.

Phòng thí nghiệm quốc gia thông qua cơ chế thu hút nhân tài mở cửa toàn cầu, đã tuyển dụng công khai hướng tới toàn cầu và thuê mướn tuyển dụng mức lương cao hàng chục học giả trẻ nước ngoài đỉnh cao sở hữu kiến thức uyên bác trác việt trong lĩnh vực tính toán lượng tử.

9 nét

HÁN VIỆT: CỔ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1423

雇佣

gùyōng

thuê, tuyển dụng (nhân công, lao
động)

用人单位在雇佣劳动者时必须依法依规签订正规劳动合同，并按时足额缴纳各项社会保险。

Yòng rén dān wèi zài gù yōng láo dòng zhě shí bì xū yǐ fǎ yī guī qiān dīng zhèng guī láo dòng hé tóng, bìng àn shí zú é jiǎo nǎ gè xiàng shè huì bǎo xiǎn.

Đơn vị sử dụng lao động khi tuyển dụng thuê mướn người lao động bắt buộc phải ký kết hợp đồng lao động chính quy đúng quy định pháp luật và đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội đúng hạn.

19 nét

HÁN VIỆT: CỔ DONG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1424

雇员

gùyuán

người làm thuê, nhân viên người lao
động hợp đồng

国家高科技企业依法全面健全员工知识产权激励与期权激励长效机制，让核心研发雇员充分享受创新增值红利。

Guó jiā gāo kē jì yī fǎ quán miàn jiàn quán yuán gōng zhī shí chān quán jī lì yǔ qī quán jī lì zhāng xiào jī zhì, ràng hé xīn yán fā gù yuán chōng fèn xiǎng shòu chuàng xīn zēng zhí hóng lì.

Doanh nghiệp công nghệ cao quốc gia theo đúng pháp luật hoàn thiện toàn diện cơ chế lâu dài khích lệ quyền chọn cổ phiếu và khích lệ quyền sở hữu trí tuệ cho nhân viên, giúp các nhân viên người làm thuê nghiên cứu phát triển cốt lõi được thụ hưởng trọn vẹn nguồn lợi tăng giá trị đổi mới sáng tạo.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1425

雇主

gùzhǔ

người sử dụng lao động, người chủ
doanh nghiệp thuê mướn

国家综合性科学中心连续多年荣获全国“最佳科研雇主”称号，为战略科技领军人才打造了一流的创新沃土与人文环境。

Guó jiā zōng hé kē xué zhōng xīn lián xù duō nián róng huò quán guó "zuì jiā kē yán gù zhǔ" chéng hào, wèi zhàn lüè kē jì lǐng jūn rén cái dǎ zào le yí liú de chuàng xīn wǔ tǔ yǔ rén wén huán jīng.

Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia nhiều năm liên vinh dự nhận danh hiệu 'Người sử dụng lao động nghiên cứu khoa học xuất sắc nhất' người sử dụng lao động toàn quốc, kiến tạo mảnh đất màu mỡ đổi mới sáng tạo và môi trường nhân văn hàng đầu cho các nhân tài dẫn đầu khoa học công nghệ chiến lược.

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1426

瓜分

guāfēn

xâu xé chia cắt, phân chia thôn tính
(thị trường/lãnh thổ)

国产高精度光刻设备与芯片制造工艺的突破，彻底粉碎了外部跨国垄断巨头企图长期瓜分并霸占中国市场的企图。

Guó chǎn gāo jīng dù guāng kè shè bèi yǔ xīn piàn zhì zào gōng yì de tuō pò, chè dǐ fěn suì le wài bù kuà guó lǒng duàn jù tóu qì tú cháng qī guā fēn bìng bà zhàn zhōng guó shì chǎng de qī tú.

Bước đột phá của quy trình chế tạo chip và thiết bị quang khắc độ chính xác cao sản xuất trong nước đã đập tan hoàn toàn mưu toan thôn tính phân chia xâu xé chia cắt và độc chiếm thị trường Trung Quốc lâu dài của các tập đoàn khổng lồ độc quyền đa quốc gia bên ngoài.



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1427

瓜子

guāzǐ

hạt dưa, hạt hướng dương/hạt bí ăn
vật

现代农业分子育种科研团队成功选育出抗旱抗盐碱、单盘结实率极高的高产食用向日葵“大板瓜子”新品种。

Xiàn dài nóng yě fēn zǐ yù zhōng kē yán tuān duì chéng gōng xuān yù chū kàng yán kàng hán kàng yán jiǎn, dǎn pán jiē shí lǜ jī gāo de gāo chǎn shí yòng xiàng rì kuí "dà bǎn guā zǐ" xīn pǐn zhǒng.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học chọn giống phân tử nông nghiệp hiện đại đã lai tạo thành công giống mới hướng dương ăn hạt 'hạt dưa bản lớn' năng suất cao, chịu hạn chịu mặn phen và có tỷ lệ đậu hạt trên đài hoa cực kỳ cao.

24 nét

HÁN VIỆT: QUATỬ

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Hiện
tượng

#1428

刮风

guāfēng

nổi gió, gió thổi giông gió

在戈壁大科学工程室外高精度天线吊装作业中，微风仪实时监测现场风速，严格执行遇大风刮风即刻停工的刚性安全红线。

Zài gē bì dà kē xué gōng chéng shì wài gāo jīng dù tiān xiàn diào zhuāng zuò yè zhōng, wēi fēng yí shí shí jiān cè xiàn chǎng fēng sù, yán gé zhí xíng yù dà fēng guā fēng jí kè tíng gōng de gāng xìng ān quán hóng xiàn.

Trong thao tác cầu lắp ăng-ten độ chính xác cao ngoài trời của công trình khoa học lớn sa mạc Gobi, máy đo gió vi mô quan trắc tốc độ gió hiện trường theo thời gian thực, thực thi nghiêm ngặt lần ranh độ an toàn cứng nhắc gặp nổi gió thổi lớn là lập tức tạm dừng thi công.

21 nét

HÁN VIỆT: QUÁT PHONG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1429

寡妇

guǎfu

góa phụ, người phụ nữ góa chồng

国家烈士褒扬与优抚政策为所有为国防科技与大科学事业英勇献身的功勋烈士遗孀寡妇提供终身全方位生活尊崇保障。

Guó jiā liè shì bāo yáng yǔ yōu fú zhèng cè wèi suǒ yǒu wèi guó fáng kē jì yǐ yù dà kē xué shì yè yīng yǒng xiàn shēn de gōng xūn liè shì yī shuāng guǎ fù tǐ gōng zhōng shēn quán fāng wèi shēng huó zūn chǒng bǎo zhàng.

Chính sách ưu đãi người có công và tuyên dương liệt sĩ quốc gia mang lại sự bảo đảm phụng dưỡng sinh hoạt tồn kính toàn diện trọn đời cho tất cả những người góa phụ góa phụ góa chồng là vợ liệt sĩ có công lao anh dũng hi sinh vì sự nghiệp đại khoa học và công nghệ quốc phòng.

18 nét

HÁN VIỆT: QUẢ PHỤ

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1430

挂钩

guàgōu

gắn liền với, liên kết móc nối với;
móc nối

国家实验室全面深化科研评价改革，坚决打破将论文篇数与科研人员职称评审和薪酬待遇简单直接挂钩的唯论文倾向。

Guó jiā shí yàn shì quán miàn shēn huà kē yán píng jià gǎi gé, jiǎn jué dǎ pò jiāng lùn wén piān shù yǔ kē yán rén yuán zhī chéng píng shěn hé shù yǔ kē yán rén yuán zhī chéng píng shěn hé xīn chóu dài yù jiǎn dān zhī jiē guà gōu de wéi lùn wén qīng xiàng.

Phòng thí nghiệm quốc gia đi sâu cải cách đánh giá nghiên cứu khoa học toàn diện, kiên quyết xóa bỏ khuynh hướng 'chỉ duy nhất bài báo' khi đem số lượng bài báo gắn liền với liên kết móc nối đơn giản trực tiếp với việc xét duyệt chức danh và đãi ngộ tiền lương của cán bộ nghiên cứu.

27 nét

HÁN VIỆT: QUẢICÂU

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1431

挂号

guà hào

đăng ký khám bệnh, lấy số khám;
gửi thư bảo đảm

患者只需通过手机智慧医疗小程序，便可足不出户提前一周精准预约挂号知名三甲医院专家门诊。

Huàn zhě zhǐ xū tōng guò shǒu jī zhì huì yī liáo xiǎo chéng xù, biàn kě zú bù chū hù tí qián yī zhōu jīng zhǔn yù guà hào zhī míng sān jiǎ yī yuàn zhuān jiǎ mén zhěn.

Người bệnh chỉ cần thao tác qua ứng dụng y tế thông minh trên điện thoại là có thể ngồi tại nhà đặt lịch hẹn lấy số khám bệnh chuyên khoa của các bệnh viện lớn tuyến đầu trước cả một tuần một cách chuẩn xác.

27 nét

HÁN VIỆT: QUẢIGÀO

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1432

挂念

guàniàn

vương vãn nhớ nhung, bận lòng lo
nghĩ, đau đầu nhớ về

两院院士临终前依然时刻挂念着大科学装置二期工程的物理进展，反复叮嘱身旁的青年弟子要早日攻克核心理论难关。

Liǎng yuàn yuàn shǐ lín zhōng qián yī rán shí kè guà niàn zhe dà kē xué zhuāng zhì èr qī gōng chéng de wù lǐ jìn zhǎn, fǎn fù dīng zhǔ shēn páng de qīng nián dì zǐ yào zǎo rì gōng kè hé xīn lǐ lùn nán guān.

Vị Viện sĩ hai Viện Hàn lâm trước lúc lâm chung vẫn luôn đau đầu nhớ về bận lòng lo nghĩ tới tiến triển vật lý của công trình giai đoạn 2 thiết bị khoa học lớn, liên tục dặn dò các môn đệ học trò trẻ tuổi bên cạnh phải sớm ngày chinh phục ải khó lý thuyết cốt lõi.

24 nét

HÁN VIỆT: QUẢINIỆM

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1433

挂失

guàishī

báo mất (thẻ ngân hàng/giấy tờ),
khai báo mất

国家大科学装置安保通行管理系统全面接入实时人脸生物识别，任何通行证件一旦遗失即可在云端实现毫秒级自动挂失作废。

Guó jiā dà kē xué zhuāng zhì ān bǎo tōng xíng guǎn lǐ xì tǒng quán miàn jiē rù shí shí rén liǎn shēng wù shí bié, rēn hé tōng xíng zhèng jiàn yí dàn yǐ shī jí kě zài yún duān shí xiàn háo miǎo jí zì dòng guà shī zuó fèi.

Hệ thống quản lý ra vào an ninh thiết bị khoa học lớn quốc gia được kết nối toàn diện với nhận dạng sinh trắc học khuôn mặt theo thời gian thực, bất kỳ giấy tờ ra vào nào một khi bị thất lạc đều có thể tự động khai báo mất báo mất vô hiệu hóa trên nền tảng đám mây ở cấp độ mili-giây.

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1434

乖

guāi

ngoan ngoãn, nghe lời ngoan hiền;
khôn lanh

常年奋战在深海科考一线的青年女科学家每次视频通话，都会温柔地叮嘱家中的孩子：“要听爷爷奶奶的话，做一个乖孩子。”

Cháng nián fēn zhàn zài shēn hǎi kē kǎo yī xiàn de qīng nián nǚ kē xué jiā měi cì shí pín tōng huà, dū huì wēn róu dì dīng zhǔ jiā zhōng de hái zǐ: "yào tīng yé yé nǎi nai de huà, zuò yí gè guāi hái zǐ."

Nữ nhà khoa học trẻ tuổi quanh năm chiến đấu nơi tuyến đầu khảo sát khoa học biển sâu mỗi lần gọi video đều dịu dàng dặn dò đứa con nhỏ ở nhà: 'Phải nghe lời ông bà nội ngoại, làm một đứa trẻ ngoan ngoãn nghe lời nhé.'

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1435

乖巧

guāiqiǎo

ngoan ngoãn lanh lợi, khôn ngoan
biết điều

国家人工智能重点实验室成功研发出具备情感多模态自主交互能力的新一代仿生机器导盲犬，展现出极其乖巧灵敏的行为反应。

Guó jiā rén gōng zhì néng zhòng yān shí yàn shì chéng gōng yán fā chū jù bēi qīng gǎn duǎo mó tài zì zhǔ jiāo hù néng lì de xīn yí dài fǎng shēng jī qì dǎo máng quǎn, zhǎn xiàn chū jí qí guāi qiǎo líng mǐn de xíng wéi fǎn yīng.

Phòng thí nghiệm trọng điểm trí tuệ nhân tạo quốc gia đã nghiên cứu phát triển thành công chó dẫn đường robot phòng sinh học thể hệ mới sở hữu năng lực tương tác tự chủ đa phương thức cảm xúc, phổ biến những phản hồi hành vi vô cùng khôn ngoan biết điều ngoan ngoãn lanh lợi và nhanh nhạy.



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1436

拐弯

guǎi wān

rẽ, quẹo, cua; chuyển hướng (tư duy)

车辆在行经视线受阻的多弯山区公路拐弯处时，必须提前减速慢行并鸣笛示警。

Chē liàng zài xíng jīng shì xiàn shòu zǔ de duō wān shān qū gōng lù guǎi wān chù shí, bì xū tí qián jiǎn sù mǎn xíng bìng míng dī shì jǐng.

Phương tiện khi lưu thông qua những khúc cua khuất tầm nhìn trên các cung đường đèo núi hiểm trở nhất thiết phải chủ động giảm tốc độ đi chậm và bấm còi báo hiệu từ xa.

📖 21 nét

HÁN VIỆT

QUÁI LOAN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1437

拐杖

guǎi zhàng

cây gậy, gậy chống (của người già/người khuyết tật)

这位扎根大山深处四十载的乡村老教师拄着一根磨得光滑的枣木拐杖，风雨无阻地每天接送山里娃上下学。

Zhè wèi zhā gēn dà shān shēn chù sì shí zài de xiāng cūn lǎo jiāo zhǔ zhē yī gēn mó dé guāng huá de zǎo mù guǎi zhàng, fēng yǔ wú zǔ dì měi tiān jiē sòng shān lǐ wá shàng xià xué.

Người thầy giáo già làng cắm bản suốt 40 năm nơi non cao chống một cây gậy bằng gỗ táo mài nhẵn bóng, mưa gió chẳng sờn lòng ngày ngày đưa đón các em nhỏ trong bản đến trường đi học.

📖 22 nét

HÁN VIỆT

QUÁI TRƯỢNG

HSK 7-9 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#1438

怪不得

guài bu de

thảo nào, hão nào, hèn chi; không trách được

原来他常年坚持晨跑五公里与规律作息，怪不得年过花甲依然精神矍铄、身手矫健。

Yuán lái tā cháng nián jiān chí chén pǎo wǔ gōng lǐ yú guī lǚ zuò xī, guài bu dé nián guò huā jiǎ yǐ rán jīng shén jué shuò, shēn shǒu jiǎo jiǎn.

Hóa ra quanh năm suốt tháng ông đều kiên trì chạy bộ 5 km mỗi sáng và sinh hoạt điều độ, thảo nào dẫu đã ngoài lục tuần trông ông vẫn quắc thước tráng kiện, tác phong nhanh nhẹn vô cùng.

📖 35 nét

HÁN VIỆT

QUÁI BẤT ĐẮC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1439

怪物

guài wu

quái vật, sinh vật kỳ dị; quái kiệt (nghĩa bóng)

深海万米载人潜水器在西太平洋马里亚纳海沟最深处成功拍摄到了前所未见的深海超高压特异发光“深渊生物”，彻底颠覆了以往的怪物传说。

Shēn hǎi wàn mí zài rén qián shuǐ qì zài xī tài píng yáng mǎ lǐ yà nà hǎi gōu zuì shēn chù chéng gōng pāi shè dào le qián suǒ wèi jiàn de shēn hǎi cháo gāo yā tè yì fā guāng "shēn yuān shēng wù", chè dǐ diǎn fù le yǐ wǎng de guài wu chuán shuō.

Tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu tại nơi sâu nhất của rãnh Mariana thuộc Tây Thái Bình Dương đã quay chụp thành công 'sinh vật vực sâu' phát quang dị thường dưới siêu áp suất biển sâu chưa từng thấy trước đây, lật đổ hoàn toàn những truyền thuyết quái vật quái vật quái dị thuở trước.

📖 23 nét

HÁN VIỆT

QUÁI VẬT

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#1440

怪异

guàiyì

kỳ dị, kỳ quặc lạ thường quái đản

理论物理学家通过严密数理推导，成功解释了超导量子比特在超强磁场极端环境下表现出的看似怪异的反常霍尔效应物理跃迁。

Lǐ lùn wù lǐ xué jiǎ tōng guò yán mì shù lǐ tuī dǎo, chéng gōng jiě shì le chāo dǎo liàng zǐ bǐ tè zài zài chāo qiáng cí chǎng jí duǎn huán jīng xià biǎo xiàn chū de kàn sī guàiyì de fǎn cháng hōu lǚ xiào yīng wù lǐ yuē qiǎn.

Các nhà vật lý lý thuyết thông qua suy diễn toán lý chặt chẽ đã giải thích thành công sự chuyển mình vật lý hiệu ứng Hall dị thường xem chừng kỳ dị kỳ quặc lạ thường mà qubit lượng tử siêu dẫn thể hiện dưới môi trường cực đoan từ trường siêu mạnh.

📖 26 nét

HÁN VIỆT

QUÁI DỊ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1441

关掉

guāndiào

tắt đi, đóng ngắt ngắt kết nối

在大科学装置停机检修规范中，工程师严格按照安全标准流程逐级关掉超高压主电源与大功率微波发射源。

Zài dà kē xué zhuāng zhǐng jī xiū jiǎ guī fàn zhōng, gōng chéng shī yán gē ān zhào ān quán biāo zhǔn liú chéng zhú jí guān diào chāo gāo yā zhǔ diǎn yuán yǔ dà gōng lǜ wēi bō fā shè yuán.

Trong quy phạm bảo dưỡng dừng máy của thiết bị khoa học lớn, các kỹ sư thực hiện nghiêm ngặt theo quy trình tiêu chuẩn an toàn từng bước đóng ngắt tắt đi nguồn phát sóng vi ba công suất lớn và nguồn điện chính siêu cao áp.

📖 22 nét

HÁN VIỆT

QUAN ĐIỀU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1442

关节

guānjié

khớp xương khớp nối; mắt xích mấu chốt then chốt (quānjié)

新一代全自主国产人形机器人采用了高扭矩高精度微型谐波减速器关节，实现了极其流畅自然的拟人化运动姿态。

Xīn yí dài quán zì zhǔ guó chǎn rén xíng jī rén cài yòng le gāo niǔ jù gāo jīng dù wēi xíng xié bō jiǎn sù qì guān jié, shí xiàn le jí qí liú cháng zì rán de nǐ rén huà yùn dòng bù tài.

Robot hình người sản xuất trong nước hoàn toàn tự chủ thể hệ mới áp dụng khớp nối khớp xương bộ giảm tốc sóng hài vi mô độ chính xác cao mô-men xoắn cao, thực hiện đáng di vận động mô phỏng con người tự nhiên vô cùng mượt mà.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1443

关税

guānshuì

thuế quan, thuế xuất nhập khẩu

为鼓励基础前沿科学探索，国家对进口用于大科学工程建设的紧缺高精度科研仪器设备依法实行零关税优惠政策。

Wèi gǔ lì jī chǔ qián yán kē xué tàn sù, guó jiā duì jìn kǒu yòng yú dà kē xué gōng chéng jiàn shè de jīn quē gāo jīng dù kē yán yī shì bèi yí fǎ shí xíng líng guān shuì yōu huì zhèng cè.

Để khích lệ tìm tòi khoa học tiên phong cơ bản, Nhà nước thực thi chính sách ưu đãi thuế quan thuế xuất nhập khẩu bằng không theo đúng pháp luật đối với các trang thiết bị dụng cụ nghiên cứu khoa học độ chính xác cao khan hiếm nhập khẩu phục vụ xây dựng công nghệ khoa học lõi.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1444

关头

guāntóu

thời khắc then chốt, bước ngoặt sinh tử, thời điểm quyết định

在大科学工程全系统物理点火攻坚的紧要关头，总设计师带领全体团队咬紧牙关、一鼓作气夺取了最后胜利！

Zài dà kē xué gōng chéng quán xì tǒng wù lǐ diǎn huǒ gōng jiǎn de jīn yào guān tóu, zǒng shè jì shī dài lǐng quán tǐ tuán duì yǎo jǐn yá guān, yī gǔ zuò qì duó qǔ le zuì hòu shèng lì!

Vào thời điểm quyết định thời khắc then chốt bước ngoặt sinh tử vượt khỏi điểm hòa vật lý toàn hệ thống của công trình khoa học lớn, vị Tổng Thiết kế đã dẫn dắt toàn thể đội ngũ can chiến rằng, một khắc quyết sức giành lấy thắng lợi quyết định!

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1445

关照

guānzhào

chăm sóc, quan tâm chiếu cố; dẫn
đo

社区网格员与青年志愿者常态化结对帮扶独居高龄老人，在日常生活中给予了无微不至的暖心关照。

Shè qū wǎng gé yǔ qīng nián zì yuǎn zhì yuǎn zhě cháng tài huà jié duì bāng fú dú jū gāo líng lǎo rén, zài rì cháng shēng huó zhōng jǐ yǔ wú lǎo wú wēi bú zhì de nuǎn xīn guān zhào.

Cán bộ mạng lưới khu dân cư cùng các bạn tình nguyện viên trẻ thường xuyên kết nghĩa giúp đỡ các cụ già cao tuổi sống neo đơn, mang lại sự quan tâm chăm sóc âm lòng chu đáo đến từng chi tiết nhỏ trong cuộc sống thường nhật.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: QUAN CHIẾU

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1446

观测

guāncè

quan trắc, quan sát đo đạc thực
nghiệm

中国天眼FAST对脉冲星开展了高灵敏度长期连续物理观测，发现了数百颗全新脉冲星并测定了极高精度的物理自转参数。

Zhōng guó tiān yǎn FAST duì mài chōng xīng kāi zhǎn le gāo líng mǐn dù cháng qī lián xù wú lǐ guān cè, fā xiàn le shù bǎi kē quán xīn mài chōng xīng bìng cè dìng le jí gāo jīng dù de wú lǐ zì zhuǎn cān shù.

Thiên Nhãn Trung Quốc FAST đã triển khai quan trắc quan sát đo đạc vật lý liên tục dài hạn độ nhạy cao đối với các ẩn tinh (pulsar), phát hiện hàng trăm ẩn tinh hoàn toàn mới và đo định các tham số tự quay vật lý có độ chính xác cực cao.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: QUÁN TRẮC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1447

观感

guāngǎn

cảm nhận, ấn tượng thị giác trải
nghiệm khi xem

在参观国家大科学装置模型展示大厅后，国际顶尖同行纷纷写下热情洋溢的学术观感，盛赞中国科技创新的磅礴气魄。

Zài cān guān guó jiā dà kē xué zhì zhuāng zhì mó xíng zhǎn shì dà tīng hòu, guó jì dīng jiān tóng háng fēn fēn xià xià rè qíng yáng yì de xué shù guān gǎn, shèng zàn zhōng guó kē jì chuàng xīn de páng bó qì pò.

Sau khi tham quan đại sảnh trưng bày mô hình thiết bị khoa học lớn quốc gia, các đồng nghiệp đỉnh cao quốc tế đã đua nhau viết nên những dòng cảm nhận trải nghiệm học thuật tràn đầy nhiệt huyết, ngợi ca hết lời khí phách to lớn cuộn trào của đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ Trung Quốc.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: QUÁN CẢM

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1448

观摩

guānmó

quan sát học hỏi, tham quan học
tập kinh nghiệm

来自全球二十多个国家的青年物理学家应邀亲临大科学装置现场，全程实地观摩首轮高能物理束流联合调试试验。

Lái zì quán qiú èr shí duō gè guó jiā de qīng nián wú lǐ xué jiā yīng yào qīn lín dà kē xué zhì zhuāng zhǐ xiàn chǎng, quán chéng shí dì guān mó shǒu lún gāo néng wú lǐ shù liú lián hé tiáo shì shì yàn.

Các nhà vật lý trẻ tuổi đến từ hơn 20 quốc gia trên toàn cầu đã nhận lời mời đích thân đến hiện trường thiết bị khoa học lớn, trực tiếp tham quan học tập quan sát học hỏi toàn bộ quá trình thử nghiệm hiệu chỉnh liên hợp chùm hạt vật lý năng lượng cao đợt đầu tiên.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: QUÁN MA

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1449

观赏

guānshǎng

thưởng ngoạn, chiêm ngưỡng
ngắm nhìn thưởng thức

在中国科技馆全息深空漫游球幕大厅里，青少年观众身临其境地观赏了百亿光年外遥远星系诞生与演化的壮丽宇宙奇观。

Zài zhōng guó kē jì quán quán xī shēn kōng màn yóu qiú mù dà tīng lǐ, qīng shào nián guān zhòng shēn lín qí jìng dì guān shǎng le bǎi yì guāng nián wài yáo yuǎn xīng xì dàn shēng yǔ yǎn huà de zhuàng lì yǔ zhòu qí guān.

Bên trong đại sảnh vòm dạo chơi không gian sâu hologram Bảo tàng Khoa học Kỹ thuật Trung Quốc, các khán giả thanh thiếu niên đã chìm đắm tận mắt chiêm ngưỡng thưởng ngoạn ngắm nhìn kỳ quan vũ trụ tráng lệ về sự sinh thành và tiến hóa của các thiên hà xa xôi cách xa hàng trăm tỷ năm ánh sáng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: QUÁN THƯỜNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1450

观望

guānwàng

nghe ngóng chờ xem, ngập ngừng
đứng nhìn do dự

面对全球前沿颠覆性科技竞赛赛道，我们必须主动出击抢占制高点，决不能犹豫观望而错失战略历史机遇。

Miàn đối quán qiú qián yán diǎn fù xìng kē jì jìng zhēng sài dào, wǒ men bì xū zhǔ dòng chū jī qiǎng zhàn zhì gāo diǎn, jué bù néng yóu yù guān wàng ér cuò shī zhàn lǚ lì shǐ jī yù.

Đứng trước đường đua cạnh tranh khoa học công nghệ mang tính cách mạng tiên phong toàn cầu, chúng ta bắt buộc phải chủ động xuất kích chiếm lĩnh điểm cao không chế, tuyệt đối không được do dự ngập ngừng đứng nhìn nghe ngóng chờ xem mà bỏ lỡ cơ hội lịch sử chiến lược.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: QUÁN VỌNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1451

官兵

guānbīng

sĩ quan và binh sĩ, cán bộ chiến sĩ
quân đội

执行深空探测海上测量任务的远望号测量船全体官兵战斗浪，圆满完成了卫星入轨高精度测控跟踪任务。

Zhí xíng shēn kōng tàn cè hǎi shàng cè liáng rén wù de yuǎn wàng hào cè liáng chuán quán tǐ guān bīng zhàn dòu làng, yuán mǎn wán chéng le wèi xīng rù guī gāo jīng dù cè kòng gēn zōng rèn wù.

Toàn thể cán bộ chiến sĩ sĩ quan và binh sĩ tàu đo đạc Viễn Vọng thực hiện nhiệm vụ đo đạc trên biển thám trắc không gian sâu đã chiến đấu với sóng gió, hoàn thành mỹ mãn nhiệm vụ theo dõi trắc nghiệm điều khiển độ chính xác cao khi vệ tinh tiến vào quỹ đạo.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: QUAN BINH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1452

官吏

guānlǐ

quan lại, quan chức chế độ phong
kiến

通过对秦汉出土简牍的超高光谱数字化断层成像扫描，历史科技考古学者完整解析了古代官吏行政考核与粮草调拨制度。

Tōng guò duì qín hàn chū tǔ jiǎn dǔ de chāo gāo guāng pǔ shù zǐ huà duàn céng chéng xiàng sǎo miáo, lì shǐ kē jì kǎo gǔ xué zhě wán zhěng jiě xī le gǔ dài guān lì xíng zhèng kǎo hé yù liáng cǎo diào bō zhì dù.

Thông qua việc quét chụp ảnh cắt lớp số hóa siêu quang phổ đối với các thẻ tre trúc khai quật thời Tần Hán, các học giả khảo cổ học khoa học công nghệ lịch sử đã giải mã hoàn chỉnh chế độ điều chuyển lương thảo và khảo sát hành chính quan lại quan chức thời cổ đại.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: QUAN LAI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1453

官僚

guānliáo

quan liêu, thói quan liêu cửa quyền

国家实验室全面深化科研管理扁平化改革，坚决破除任何官僚习气，全心全意为科学家潜心攻坚做好无干扰后勤服务。

Guó jiā shí yàn shì quán miàn shēn huà kē yán guǎn lǐ biǎn píng huà gǎi gé, jiǎn jué pò chú rén hé guān liáo xí qì, quán xīn quán yì wèi kē xué jiā qián xīn gōng jiǎn zuò hào wú gǎn rǎo hòu qín fú wù.

Phòng thí nghiệm quốc gia đã sâu cải cách phẳng hóa quản lý nghiên cứu khoa học toàn diện, kiên quyết xóa bỏ mọi thói cửa quyền quan liêu quan liêu, toàn tâm toàn ý làm tốt công tác phục vụ hậu cần không can nhiễu để các nhà khoa học chuyên tâm vượt khó.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: QUAN LIÊU



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1454

官僚主义

guānliáozhǔyì

chủ nghĩa quan liêu, tệ nạn quan liêu
hách dịch

科技管理部门坚决克服形式主义与官僚主义，大幅削减不必要的各类评审表格，把宝贵时间真正还给一线科学家。

Kē jì guǎn lǐ bù mén jiǎn jué kè fú xíng shì zhǔ yì yǔ guān liáo zhǔ yì, dà fú xuē jiǎn bù bì yào de gè lèi píng shen biǎo gé, bǎ bǎo guì shí jiān zhēn zhèng huán gěi yī xiàn kē xué jiā.

Cơ quan quản lý khoa học công nghệ kiên quyết khắc phục chủ nghĩa quan liêu chủ nghĩa quan liêu và chủ nghĩa hình thức, cắt giảm tối đa các loại biểu mẫu thẩm định không cần thiết, thực sự trả lại thời gian quý báu cho các nhà khoa học tuyến đầu.



35 nét

HÁN VIỆT

QUAN LIÊU CHỦ NGHĨA

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1455

官员

guānyuán

quan chức, quan chức chính phủ
nhà nước

联合国教科文组织高级官员在实地考察我国大科学工程基础设施后，盛赞中国在推动全球开放科学合作中的卓越领导力。

Lián hé guó jiào kē wén zǔ zhī gāo jí guān yuán zài shí dì kǎo chá wǒ guó dà kē xué gōng chéng jī chǔ shè shī hòu, shèng zàn zhōng guó zài tuī dòng quán qú kāi fàng kē xué hé zuò zhōng de zhuó yuè lǐng dǎo lì.

Quan chức quan chức cấp cao của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) sau khi khảo sát thực địa cơ sở hạ tầng công trình khoa học lớn của nước ta đã ngợi ca hết lời năng lực lãnh đạo trách nhiệm của Trung Quốc trong việc thúc đẩy hợp tác khoa học mở toàn cầu.



25 nét

HÁN VIỆT

QUAN VIÊN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1456

棺材

guāncai

quan tài, áo quan cổ quan tài

科技考古文保团队运用超洁净环境同位素质谱定年与微环境无氧氮技术，完整保护了出土古代珍贵木质彩绘棺材。

Kē jì kǎo gǔ wén bǎo tuán duì yùn yòng chāo jié jìng huán jìng tóng wèi sù zhì pǔ dìng nián yǔ wēi huán jìng wú yǎng chōng dòng jīn sù sǎi huà guān cái.

Đội ngũ bảo tồn văn vật khảo cổ khoa học công nghệ ứng dụng công nghệ nạp nitơ không oxy vì môi trường và xác định niên đại khối phổ đồng vị môi trường siêu sạch đã bảo tồn trọn vẹn cổ quan tài quan tài áo quan bằng gỗ vẽ sơn mài quý giá thời cổ đại được khai quật.



19 nét

HÁN VIỆT

QUAN TÀI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1457

管家

guǎnjiā

quản gia, người quản lý coi sóc toàn
diện (nghĩa đen/bóng)

国家实验室部署了全自主大模型“智能实验管家”系统，实现了对海量多源仪器数据与实验流程的全天候自动化智能管护。

Guó jiā shí yàn shì bù shǔ le quán zì zhǔ dà mó xíng "zhì néng shí yàn guǎn jiā" xì tǒng, shí xiàn le duì hǎi liàng duō yuán yí qì shù jù yǔ shí yàn liú chéng de quán tiān hòu zì dòng huà zhì néng guǎn hù.

Phòng thí nghiệm quốc gia đã bố trí triển khai hệ thống 'Quản gia Thực nghiệm Thông minh' mô hình lớn hoàn toàn tự chủ, thực hiện việc quản lý chăm sóc thông minh tự động hóa 24/7 đối với quy trình thực nghiệm và dữ liệu dụng cụ đa nguồn khổng lồ.



18 nét

HÁN VIỆT

QUẢN GIA

HSK 7-9
(3.0)Động từ / Danh
từ

#1458

管教

guǎnjiào

dạy dỗ bảo ban, quản giáo kỷ luật
uốn nắn

老一辈功勋科学家家风严谨，在子女教育上始终严格管教，教育后辈必须自食其力、绝不享受任何特权。

Lǎo yī bèi gōng xūn kē jiā fēng yán jǐn, zài zǐ nǚ jiào yù shàng shǐ zhōng yán gē guǎn jiào, jiào yù hòu bèi bì xū zì shí qí lì, jué bù xiǎng shòu rén hé tè quán.

Các nhà khoa học có công lao tiến bối gia phong nghiêm cẩn, trong giáo dục con cái luôn dạy dỗ bảo ban uốn nắn nghiêm khắc, giáo dục thế hệ sau bắt buộc phải tự lực cánh sinh, tuyệt đối không được hưởng thụ bất kỳ đặc quyền nào.



21 nét

HÁN VIỆT

QUẢN GIÁO

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1459

管理费

guǎnlǐfèi

phí quản lý, chi phí quản lý vận hành

国家科研经费管理新规大幅降低了依托单位间接管理费扣缴比例，将更多宝贵科研资金直接倾斜给一线科学家。

Guó jiā kē yán jīng fèi guǎn lǐ xīn guī dà fú jiàng dī le yī tuō dān wèi jiàn jiē guǎn lǐ fèi kòu jiǎo bǐ lì, jiāng gèng duō bǎo guì kē yán zī jīn zhí jiē qīng xié gěi yī xiàn kē xué jiā.

Quy chế mới về quản lý kinh phí nghiên cứu khoa học quốc gia đã giảm thiểu vượt bậc tỷ lệ khấu trừ chi phí quản lý phí quản lý gián tiếp của các đơn vị sở tại, dành nhiều nguồn vốn nghiên cứu quý giá hơn trực tiếp cho các nhà khoa học tuyến đầu.



32 nét

HÁN VIỆT

QUẢN LÝ PHÍ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1460

管辖

guǎn xiá

quản hạt, thuộc quyền tài phán,
quản lý

国家海警执法舰艇编队常态化巡航在我国依法管辖的海域，坚决维护国家海洋权益与海上作业秩序。

Guó jiā hǎi jīng zhí fǎ jiàn tīng biān duì cháng huà xíng huáng zài wǒ guó yī fǎ guǎn xiá de hǎi yù, jiǎn jué wéi hù guó jiā hǎi yáng quán yì yǔ yú hǎi shàng zuò yè zhì xù.

Biên đội tàu tuần tra thực thi pháp luật của Cảnh sát biển Quốc gia thường xuyên tuần tra trên các vùng biển thuộc quyền quản hạt tài phán hợp pháp của nước ta, kiên quyết bảo vệ quyền lợi biển quốc gia và trật tự hoạt động trên biển.



19 nét

HÁN VIỆT

QUẢN HẠT

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1461

管用

guǎnyòng

hữu dụng, hiệu quả có tác dụng,
thực tế đắc dụng

搞科学技术攻关必须坚持实效导向，拿出真正管用、好用且具有自主知识产权的硬核解决方案。

Gǎo kē xué jì shù gōng guān bì xū jiān chí shí xiào dǎo xiàng, nǎ chū zhēn zhèng guǎn yòng, hào yòng qiè jù yǒu zì zhǔ zhī shǐ chǎn quán de yìng hé jiě jué fāng àn.

Làm vượt khó khoa học kỹ thuật bắt buộc phải kiên trì định hướng hiệu quả thực chất, đưa ra các phương án giải quyết công nghệ cứng thực sự hữu dụng hiệu quả có tác dụng, để dùng và sở hữu quyền sở hữu trí tuệ tự chủ.



22 nét

HÁN VIỆT

QUẢN DỤNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1462

管子

guǎn zi

ống, đường ống, ống dẫn

水电维修师傅使用专业仪器对墙体内部老化的自来供水水管子进行了精准无损探伤排查。

Shuǐ diàn wéi xiū shī fú shǐ yòng zhuān yè yí qì duì qiáng tǐ nèi bù lǎo huà de zì lái shuǐ gòng shuǐ guǎn zi jìn xíng le jīng zhǔn wú sǔn tàn shāng pái chá.

Thợ sửa chữa điện nước đã dùng thiết bị chuyên dụng để kiểm tra dò tìm chuẩn xác không phá hủy các đoạn đường ống cấp nước sinh hoạt bị lão hóa bên trong tường.



21 nét

HÁN VIỆT

QUẢN TỬ



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1463

贯彻

guànchè

quán triệt, thực hiện thấu suốt

完整、准确、全面贯彻新发展理念，牢牢把握高质量发展这个首要任务，因地制宜加快发展新质生产力。

Wán zhěng, zhǔn què, quán miàn guàn chè xīn fā zhǎn lǐ niàn, láo láo bǎ wò gāo zhì liàng fā zhǎn zhè ge shǒu yào rèn wù, yīn dì zhì yí jiǎ kuài fā zhǎn xīn zhì shēng chǎn lì.

Quán triệt một cách đầy đủ, chuẩn xác và toàn diện quan niệm phát triển mới, nắm chắc nhiệm vụ hàng đầu là phát triển chất lượng cao, tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương để đẩy nhanh phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới.

24 nét

HÁN VIỆT

QUÁN TRIỆT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1464

贯穿

guànchuān

xuyên suốt, thấm nhuần quán triệt từ đầu đến cuối

胸怀祖国、勇攀高峰的科学家精神，始终贯穿于我国重大科技工程从立项论证到圆满成功的全过程。

Xiōng huái zǔ guó, yǒng pān gāo fēng de kē xué jiā jīng shén, shǐ zhōng guān chuān yú wǒ guó zhòng dà kē jì gōng chéng cóng lì xiàng lùn zhèng dào yuán mǎn chéng gōng de quán guò chéng.

Tinh thần nhà khoa học ôm trọn Tổ quốc trong tim, dũng cảm trèo lên đỉnh cao luôn luôn xuyên suốt thấm nhuần từ đầu đến cuối trong toàn bộ quá trình từ luận chứng lập dự án cho tới thành công mỹ mãn của các công trình khoa học công nghệ trọng đại nước ta.

24 nét

HÁN VIỆT

QUÁN XUYÊN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#1465

贯通

guàntōng

thông suốt, nối liền thông suốt; tình thông liên hoàn

随着地下最后一米高强度花岗岩层精准爆破完成，大科学装置超长直线加速器深部地下隧道顺利实现全线贯通。

Suí zhe dì xià zuì hòu yī mǐ gāo qiáng dù huā gǎng yán céng jīng zhǔn bào pò wán chéng, dà kē xué zhuāng zhì cháng zhǎo cháng zhí xiàn jiā sù qì shēn bù dì xià suí dào shùn lì shí xiàn quán xiàn guān tōng.

Cùng với khối đá hoa cương (granite) cường độ cao một mét cuối cùng dưới lòng đất được nổ mìn chuẩn xác hoàn thành, đường hầm sâu dưới lòng đất của máy gia tốc thẳng siêu dài thiết bị khoa học lớn đã thuận lợi thực hiện nối liền thông suốt thông suốt toàn tuyến.

18 nét

HÁN VIỆT

QUÁN THÔNG

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Động từ

#1466

惯

guàn

quen thói, tập quán quen; nuông chiều (guàn zhe)

老科学家常年习惯了在戈壁荒漠恶劣环境下潜心科研，始终保持着艰苦朴素、矢志报国的本色。

Lǎo kē xué jiā cháng nián xí guàn le zài gē bì huāng mò è liè huán jīng xià quán xīn kē yán, shǐ zhōng bǎo chí zhe jiān kǔ pǔ sù, shǐ zhì bào guó de běn sè.

Vị nhà khoa học lão thành quanh năm đã quen với quen thói việc chuyên tâm nghiên cứu khoa học dưới môi trường khắc nghiệt nơi hoang mạc sa mạc Gobi, luôn giữ trọn phẩm chất son sắt phụng sự non sông và gian khổ mộc mạc.

8 nét

HÁN VIỆT

QUÁN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1467

惯例

guànlì

thông lệ, tiền lệ, tập quán thông thường

在国际多边外交与经贸争端解决机制中，各方应当严格遵守公认的国际法准则与国际惯例。

Zài guó jì duō biān wài jiāo yǔ jīng mào zhēng duān jiě jué jī zhì zhōng, gē fāng yīng dāng yán gē zūn shǒu gòng rèn de guó jì fǎ zhǔn zé yǔ guó jì guànlì.

Trong các cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế thương mại và ngoại giao đa phương quốc tế, các bên cần tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn tắc luật pháp quốc tế được thừa nhận chung cùng các thông lệ quốc tế.

16 nét

HÁN VIỆT

QUÁN LỆ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1468

惯性

guànxìng

quán tính (vật lý/tư duy), sức ỳ quán tính

我国成功研制出基于微观原子干涉原理的第一代超高精度量子惯性导航系统，实现了无卫星信号条件下的厘米级自主精确定位。

Wǒ guó chéng gōng yán zhì chū jī yú wēi guān yuán zǐ gān shè yuán lǐ de xīn yí dài chāo gāo jīng dù liàng zǐ quán xíng dǎo háng xī tǒng, shí xiàn liáo wú wēi xīng xìn hào tiáo jiàn xià de lí mǐ jì zǐ zhǔ jīng què dìng wèi.

Nước ta đã nghiên cứu chế tạo thành công hệ thống định vị quán tính quán tính lượng tử độ chính xác siêu cao thế hệ mới dựa trên nguyên lý giao thoa nguyên tử vi mô, thực hiện định vị chính xác tự chủ cấp độ centimet dưới điều kiện không có tín hiệu vệ tinh.

19 nét

HÁN VIỆT

QUÁN TÍNH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1469

灌

guàn

rót đổ, bơm rót nạp đầy; tưới tiêu (guànmù)

在超导磁体极端物理试验前，工程师严格按照真空冷冻流程将高纯度液氮平稳灌注进低温绝热容器中。

Zài chāo dǎo cí tǐ jí duān wù lǐ shí yàn qián, gōng chéng shí yán gē àn zhào zhēn kōng fáng dòng liú chéng jiāng gāo chún dù yè lìng píng wěn rùn zhù jìn dī wēn jué rè róng qì zhōng.

Trước thử nghiệm vật lý cực đoan của nam châm siêu dẫn, các kỹ sư thực hiện nghiêm ngặt theo quy trình chống đông chân không bơm rót rót đổ heli lỏng độ tinh khiết cao êm thuận vào bên trong bình chứa cách nhiệt nhiệt độ thấp.

14 nét

HÁN VIỆT

QUÁN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ

#1470

灌溉

guàngài

tưới tiêu, thủy lợi tưới tiêu

建于两千多年前的都江堰古代大型水利工程至今依然造福成都平原，滋养灌溉着两千多万亩天府良田。

Jiàn yú liǎng qiān duō nián qián de dà xīng yàn gōng dàì dà xíng shuǐ lì gōng chéng zhì jīn yǐ rán zào fú chéng dù píng yuán, zī yǎng guàngài zhe liǎng qiān duō wàn mǔ tiān fù liáng tián.

Công trình thủy lợi cỡ lớn cổ đại Đô Giang Yên được xây dựng từ hơn 2.000 năm trước tới nay vẫn tiếp tục tạo phúc cho đồng bằng Thành Đô, nuôi dưỡng và tưới tiêu cho hơn 20 triệu mẫu ruộng đồng trù phú nơi đất lành Thiên Phủ.

25 nét

HÁN VIỆT

QUÁN KHÁI

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1471

灌输

guànshū

truyền thụ, thấm nhuần giáo dục tư tưởng, truyền bá

两院院士在指导研究生时，注重潜移默化地向青年学子灌输严谨求真、科技报国的崇高科学家精神。

Liǎng yuàn yuàn shì zài zhǐ dǎo yán jiū shēng shí, zhù zhòng qián yí mò huà dì xiàng qīng nián xué zǐ quán shū yán jìn qiū zhēn, kè jì bào guó de chóng gāo kē xué jiā jīng shén.

Các Viện sĩ hai Viện Hàn lâm khi hướng dẫn nghiên cứu sinh, chú trọng việc thấm nhuần truyền thụ giáo dục từng bước một cách tự nhiên tinh thần nhà khoa học cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, cầu thị nghiêm cần cho các học trò trẻ.

27 nét

HÁN VIỆT

QUÁN THẦU



HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1472

罐

guàn

bình

老师鼓励大家积极罐，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí guàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bình, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: QUÁN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1473

罐头

guǎn tóu

đồ hộp, thực phẩm đóng hộp

在野外地质勘探与远洋科考期间，营养丰富且保质期长的优质肉类水果罐头是重要的后勤口粮保障。

Zài yě wài dì zhì kǎn tàn yǔ yuǎn yáng kē kǎo qī jiān, yíng yǎng fēng fù qiē bǎo zhì qī zhǎng de yōu zhì ròu lèi shuǐ guǒ guǎn tóu shì zhòng yào de hòu qín kǒu liáng bǎo zhàng.

Trong những chuyến thám hiểm địa chất dã ngoại và khảo sát khoa học viễn dương, các loại đồ hộp hoa quả và thịt chất lượng cao giàu dinh dưỡng và hạn sử dụng dài là nguồn bảo đảm lương thực hậu cần quan trọng.

18 nét

HÁN VIỆT: QUẢN ĐẦU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1474

光彩

guāng cǎi

quang vinh, rực rỡ; ánh hào quang

大国工匠用一双布满老茧的手在平凡岗位上创造了不凡奇迹，生动谱写了“劳动最光荣”的壮丽时代华章。

Dà guó gōng jiàng yòng yī shuāng shuāng bù mǎn lǎo jiǎn de shǒu zài píng fán gǎng wèi shàng chuàng zào le bù fán qí jì, shēng dòng pǔ xiě le "láo dòng zuì guāng róng" de zhuàng lì shí dài huá zhāng.

Những người thợ cao đại đức của đất nước bằng đôi bàn tay dày cộm những vết chai sần nơi vị trí công tác bình dị đã kiến tạo nên những kỳ tích phi thường, viết nên thiên sử ca thời đại tráng lệ sinh động 'Lao động là vinh quang nhất'.

23 nét

HÁN VIỆT: QUANG THÁI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1475

光碟

guāng dié

đĩa quang, đĩa CD/DVD lưu trữ quang học

我国科学家成功突破了基于纳米三维双光子超高密度光存储技术，将相当于数十万张传统光碟的数据容量集成在单晶圆级薄片上。

Wǒ guó kē xué jiā chéng gōng tuō pò le jī yú nǎn mǐ sān wéi shuāng guāng zì chāo gāo mì dù guāng cún chū jì shù, jiāng xiāng dāng yú shù wàn zhāng chuán tǒng guāng dié de shù jù róng liàng jí chéng zài dān yuán jīng yuán jí báo piàn shàng.

Các nhà khoa học nước ta đã đột phá thành công công nghệ lưu trữ quang học mật độ siêu cao hai photon 3D nano, tích hợp dung lượng dữ liệu tương đương với hàng chục vạn chiếc đĩa quang đĩa CD truyền thống lên một片片 mỏng cấp độ wafer duy nhất.

23 nét

HÁN VIỆT: QUANG ĐIỆP

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1476

光顾

guāng gù

ghé thăm, chiếu cố quang lâm; ghé đến (nghĩa đen/bóng)

在重大科技成果展览开放日，来自数十个国家的驻华外交使节与国际学者专程光顾中国大科学工程展区并给予高度评价。

Zài zhòng dà kē jì chéng guǒ zhǎn lǎn kāi fàng rì, lái zì shù shí gè guó jiā de zhù huá wài jiāo shǐ jié yǔ guó jì xué zhě zhuān chéng guāng gù zhòng guó dà kē xué gōng chéng zhǎn qū bìng jǔ gāo píng jià.

Vào ngày mở cửa triển lãm thành quả khoa học công nghệ trọng đại, các nhà học giả quốc tế và quan chức ngoại giao thường trú tại Trung Quốc đến từ hàng chục quốc gia đã đặc biệt ghé thăm quang lâm chiếu cố khu triển lãm công trình khoa học lớn Trung Quốc và dành sự đánh giá rất cao.

27 nét

HÁN VIỆT: QUANG CỐ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1477

光滑

guāng huá

nhẵn bóng, trơn láng, mượt mà

这件宋代官窑青瓷花瓶胎质坚密细腻，通体釉色温润如玉、表面光滑平整。

Zhè jiàn sòng dài guān yáo qīng cí huā píng tāi zhì jiǎn mì xì nǐ, tōng tǐ yóu sè wēn rùn rú yù, biǎo miàn guāng huá píng zhěng.

Chiếc bình hoa gốm sứ hoa lam lò quan thời Tống này có cốt gốm đánh chắc mịn màng, toàn thân tráng lớp men óng ả như ngọc, bề mặt trơn láng nhẵn bóng không tí vết.

26 nét

HÁN VIỆT: QUANG HOẠT

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1478

光环

guāng huán

hào quang, vòng hào quang rực rỡ (nghĩa đen/bóng)

战略科学家从不沉醉于过往荣誉的光环之中，而是始终以归零心态向着下一个世界科学制高点勇毅前行。

Zhàn lüè kē xué jiā cóng bù chén zuì yú guò wǎng róng yù de guāng huán zhī zhōng, ér shì shǐ zhōng yǐ guī líng xīn tài xiàng zhe xià yí gè shì jiè kē xué zhì gāo diǎn yǒng yì qián xíng.

Nhà khoa học chiến lược không bao giờ say đắm trong vòng hào quang hào quang của những vinh dự đã qua, mà luôn bằng tâm thế trở về vạch số không dũng cảm tiến bước hướng tới điểm cao khổng lồ chế khoa học thế giới tiếp theo.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1479

光缆

guāng lǎn

cáp quang, đường truyền cáp quang

国家超快分布式科研智算网络铺设了数万公里特种超低损耗多芯量子加密保密光缆通信干线。

Guó jiā chāo kuài fēn bù shì kē yán zhì suàn wǎng lù pū shè le shù wàn gōng lǐ tè zhōng chāo dī sǔn hào duō xīn liàng zǐ jiǎ mǐ bǎo mǐ guāng lǎn tōng xìn gàn xiàn.

Mạng lưới tính toán thông minh nghiên cứu khoa học phân tán siêu nhanh quốc gia đã rải đặt hàng vạn cây số tuyến trực truyền thông cáp quang đường truyền cáp quang bảo mật mã hóa lượng tử đa lõi tổn hao siêu thấp đặc chủng.

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1480

光芒

guāng máng

tia sáng, ánh hào quang rạng ngời

在深邃漆黑的太空中，空间站太阳能电池翼在金色阳光照射下熠熠生辉，闪耀着大国航天科技的璀璨光芒。

Zài shēn suì qī hēi de tài kōng zhōng, kōng jiān zhàn tài yǎng néng diǎn chí yì zài jīn sè yǎng guāng zhào shè xià yì yì shèng huī, shǎn yào zhe dà guó háng tiān kē jì de cuī càn guāng máng.

Giữa không gian vũ trụ sâu thẳm tối tăm, các cánh pin mặt trời của trạm vũ trụ dưới ánh nắng vàng rực rỡ lấp lánh tỏa sáng, rực rỡ ánh hào quang chói lọi của công nghệ hàng không vũ trụ nước lớn.

HSK 7-9
(3.0)

Thành ngữ / Tính từ

#1481

光明磊落

guāngmínglěiluò

quang minh lỗi lạc, đường hoàng chính trực trong sạch

老一辈科学家做人光明磊落、治学严谨求实，在学术界树立了令人敬仰的高尚道德风范丰碑。

Lão yì bèi kē xué jiā zuò rén guāng míng lěi luò, zhì xué yán jìn qiú shí, zài xué shù jiè shù lì le líng rén jīng yǎng de gāo shàng dào dé fēng fán fēng bēi.

Các nhà khoa học tiến bộ làm người quang minh lỗi lạc đường hoàng chính trực, làm học vấn cầu thị nghiêm cần, đã dựng nên tượng đài phong phạm đạo đức cao đẹp khiến mọi người kính ngưỡng trong giới học thuật.



35 nét

HÁN VIỆT: QUANG MINH LỖI LẠC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1482

光泽

guāngzé

độ bóng, ánh sáng bóng loáng mịn màng

经过亚纳米级超精密抛光加工，大科学装置高能X射线反射镜表面呈现出如水镜般完美无瑕的金属光泽。

Jīng guò yà nà mǐ jí chāo jīng mì pào guāng jiǎ gōng, dà kē xué zhuāng zhì gāo néng X shè xiàn fǎn shè jīng biǎo miàn chéng xiàn chǔ rú shuǐ jīng bǎn wán měi wú xiá de jīn shǔ guāng zé.

Trải qua gia công đánh bóng siêu chính xác cấp độ dưới nanomet, bề mặt gương phản xạ tia X năng lượng cao của thiết bị khoa học lớn hiện ra độ bóng ánh sáng bóng loáng mịn loại hoàn mỹ không tì vết tựa như mặt gương nước.



27 nét

HÁN VIỆT: QUANG TRẠCH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1483

广义

guǎngyì

nghĩa rộng, thuyết tương đối rộng (guǎngyì xiāngduìlùn)

中国天眼FAST对双星系统空间引力辐射的超高精度测定，再次以无可辩驳的实测数据强力验证了爱因斯坦广义相对论预言。

Zhōng guó tiān yǎn FAST duì shuāng xīng xì tǒng kōng jiān yǐn lì fú shè de chāo gāo jīng dù cè dìng, zài cǐ yǐ wú kě biàn bó de shí cè shù jù qiáng lì yàn zhèng le ài yīn sī tǎn guāng yì xiāng duì lùn yǎn yán.

Việc đo đạc độ chính xác siêu cao bức xạ hấp dẫn không gian hệ sao đôi của Thiên Nhân Trung Quốc FAST một lần nữa bằng số liệu đo đạc thực tế không thể chối cãi đã kiểm chứng mạnh mẽ dự đoán thuyết tương đối rộng nghĩa rộng của Einstein.



22 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG NGHĨA

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ

#1484

归根到底

guī gēn dào dǐ

suy cho cùng, rốt cuộc, xét đến cùng

科技竞争归根到底是人才竞争，必须把培育战略科学家与拔尖创新人才摆在国家发展的突出战略位置。

Kē jì jìng zhēng guī gēn dào dǐ shì rén cái jìng zhēng, bì xū bǎ péi yù zhàn lüè kē xué jiā yǔ bá jiān chuàng xīn rén cái bǎi zài guó jiā fā zhǎn de tū chū zhàn lüè wèi zhì.

Cạnh tranh khoa học công nghệ suy cho cùng xét đến cùng chính là cạnh tranh về nhân tài, bắt buộc phải đặt việc bồi dưỡng các nhà khoa học chiến lược và nhân tài đối mới sáng tạo xuất chúng vào vị trí chiến lược nổi bật trong sự phát triển quốc gia.



35 nét

HÁN VIỆT: QUY CĂN ĐÁO ĐỂ

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1485

归还

guī huán

hoàn trả, trả lại (nguyên vẹn)

经过多边国际文物追索外交司法协作，多批流失海外百余年的珍贵国家级青铜文物被成功追索并全数归还祖国。

Jīng guò duō biān guó jì wén wù zhuī suǒ wài jiāo sī fǎ xié zuò, duō pī liú huái shí jǐ wǎn nián de zhēn guì guó jiā jí qīng tóng wén wù bèi chéng gōng zhuī suǒ bìng quán shù guī huán zǔ guó.

Trải qua sự hợp tác tư pháp và ngoại giao truy tìm cổ vật quốc tế đa phương, nhiều lô bảo vật bằng đồng quý hiếm cấp quốc gia bị thất lạc ra nước ngoài hơn một trăm năm đã được truy đòi thành công và hoàn trả đầy đủ về cho Tổ quốc.



20 nét

HÁN VIỆT: QUY HOÀN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1486

归结

guī jié

quy về, quy kết thành, đúc kết lại ở

战略科学家指出，大科学工程能够连克险关的根本原因，归结于社会主义集中力量办大事的显著制度优势与团队无私奉献。

Zhàn lüè kē xué jiā zhǐ chū, dà kē xué gōng chéng néng lián kè xiǎn guān de gēn běn yuán yīn, guī jié yú shè huì zhū yì jī zhōng lì liàng bàn dà shì de xiǎn zhù zhì dù yōu shì yǔ tuán dui wú sī fèng xiàn.

Nhà khoa học chiến lược chỉ rõ, nguyên nhân căn bản giúp công trình khoa học lớn liên tục vượt qua các hiểm quan đúc kết lại ở quy về ưu thế thể chế vượt bậc tập trung sức mạnh làm việc lớn của chủ nghĩa xã hội và sự cống hiến quên mình của đội ngũ.



17 nét

HÁN VIỆT: QUY KẾT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1487

归来

guī lái

trở về, khai hoàn trở về, quay về

当搭载着月背珍贵土壤岩芯样本的嫦娥返回舱凯旋归来稳稳着陆时，北京飞控中心大厅掌声经久不息。

Dāng dǎ zài zhe yuè bèi zhēn guì tǔ rǎng yán xīn yàng běn de cháng é fǎn huí cāng kāi xuān guī lái wěn wěn zhuó lù shí, bēi jīng fēi kòng zhōng xīn dà tīng zhāng shēng jǐng jiǔ bù xī.

Khi khoang hồi quyển Hằng Nga mang theo các mẫu vật lõi đất đá quý giá nơi mặt sau Mặt trăng khai hoàn trở về quay về hạ cánh vững vàng, đại sảnh Trung tâm Điều khiển Bay Bắc Kinh vang dội những tràng pháo tay kéo dài không ngừng.

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ

#1488

归纳

guī nà

quy nạp, đúc kết, tổng hợp khái quát

理论物理学家在深入分析数万组粒子对撞实测数据后，成功归纳提炼出了描述新型强子态对称性的普适规律。

Lǐ lùn wù lǐ xué jiā zài shēn rù fēn xī shù wàn zǔ lì zì duì zhuàng shí cè shù jù hòu, chéng gōng guī nà tí liǎn chū le miáo shù xīn xíng qiáng zì tài duì chèn xìng de pǔ shì guī lǜ.

Các nhà vật lý lý thuyết sau khi phân tích chuyên sâu hàng vạn tổ hợp số liệu đo đạc thực tế và chạm hạt đã quy nạp đúc kết thành công quy luật phổ quát mô tả tính đối xứng của trạng thái hadron kiểu mới.

HSK 7-9
(3.0)

Động từ / Danh từ

#1489

归属

guī shǔ

thuộc về, quyền sở hữu quy thuộc; nơi chốn thuộc về

国家科技成果转化法明确界定了职务科技成果知识产权归属与长效收益分配比例，极大激发了科研人员成果转化热情。

Guó jiā kē jì chéng guǒ zhuān huà fǎ míng què jiè dìng le zhí wù kē jì chéng guǒ zhī shǐ chǎn quán guī shǔ yǔ zhǎng xiào shōu yì fēn pèi bǐ lì, jí dà jī fā le kē yán rén yuán chéng guǒ zhuān huà rè qíng.

Luật Chuyển hóa Thành quả Khoa học Kỹ thuật Quốc gia đã định nghĩa rõ ràng quyền sở hữu thuộc về quyền sở hữu trí tuệ thành quả khoa học công nghệ chức vụ cùng tỷ lệ phân phối thu nhập lâu dài, khích lệ tốt bậc nhiệt huyết chuyển hóa thành quả của cán bộ nghiên cứu.



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1490

归宿

guīsù

chốn về, bến đỗ cuối cùng, nơi quy
túc đích đến

把个人的学术追求深深融入国家重大战略科技事业之中，是当代广大青年科技工作者实现人生价值的最高精神归宿。

Bǎ gè rén de xué shù zhūi qiú shēn shēn róng rù guó jiǎ zhòng dà zhàn lüè kē jì shì yè zhǐ zhōng, shì dāng dài guāng dà qīng nián kē jì gōng zuò zhě shí xiàn rén shēng jià zhí de zuì gāo jīng shén guī sù.

Hòa quyện sâu sắc sự theo đuổi học thuật của cá nhân vào sự nghiệp khoa học công nghệ chiến lược trọng đại của quốc gia chính là bến đỗ cuối cùng chốn về tinh thần cao đẹp nhất để đồng đạo những người làm khoa học công nghệ trẻ đương đại thực hiện giá trị nhân sinh.

18 nét

HÁN VIỆT: QUY TÚC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1491

龟

guī

con rùa, loài rùa; mai rùa cổ tự (giáp
cốt văn: jiǎgǔwén)

科技考古团队利用三维高精度激光显微与拉曼光谱扫描，完整识读了殷墟出土千年占卜龟甲上细微的商代甲骨文文字痕迹。

Kē jì kǎo gǔ tuán duì lì yòng sān wéi gāo jīng dù lā sè guāng jǐn wēi yǔ là mǎn guāng pǔ sǎo miào, wán zhěng shí dú le yīn xū chǔ tǔ qiān nián zhān bǔ guī jiǎ shàng xì wēi de shāng dài jiǎ gǔ wén zì hén jì.

Đội ngũ khảo cổ khoa học công nghệ ứng dụng quét quang phổ Raman và hiển vi laser độ chính xác cao 3D đã nhận diện đọc trọn vẹn dấu vết văn tự giáp cốt thời Thương tinh vi trên mai rùa con rùa bò toán ngàn năm khai quật tại Ân Khư.

12 nét

HÁN VIỆT: QUY

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1492

规格

guīgé

quy cách, tiêu chuẩn kích thước;
cấp độ quy mô

现代重型运载火箭所有结构锻件均实行了最高工业制造规格与全流程超声波无损探伤质量检测。

Xià dài zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn suǒ yǒu jié gōu duàn jiàn jūn shí xíng le zuì gāo gōng yè zhì zào guī gé yǔ quán liú chéng chāo shēng bō wú sǔn tàn shāng zhì liàng jiǎn cè.

Toàn bộ các chi tiết rèn đúc kết cấu của tên lửa đẩy hạng nặng hiện đại đều thực thi quy cách sản xuất công nghiệp cấp cao nhất và quy trình kiểm định chất lượng dò khuyết tật siêu âm không phá hủy toàn quy trình.

18 nét

HÁN VIỆT: QUY CÁCH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#1493

规矩

guīju

quy củ, phép tắc; đứng đắn, nề nếp

不以规矩，不能成方圆；在严谨的科学实验中，必须严格恪守操作规程与安全规矩。

Bù yǐ guī jǔ, bù néng chéng fāng yuán; zài yán jǐn de kē xué shí yàn zhōng, bì xū yán gē kè shǒu cāo zuò guī chéng yǔ ān quán guī jǔ.

Không có quy củ thì không thể nên khuôn phép; trong các thí nghiệm khoa học nghiêm cần, nhất thiết phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình thao tác và nội quy an toàn.

20 nét

HÁN VIỆT: QUY CỦ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1494

闺女

guīnǚ

con gái, cô con gái rệu (khẩu ngữ
thân mật)

常年扎根戈壁发射场的航天功勋总工程师在任务圆满成功，第一时间给远方的闺女打电话分享胜利喜悦。

Cháng nián zhā gē bì fā shè chǎng de háng tiān gōng xūn zǒng gōng chéng shī zài rèn wù yuán mǎn chéng gōng hòu, dì yí shí jiān gěi yuǎn fāng de guī nǚ dǎ diàn huà fēn xiǎng shèng lì xǐ yuè.

Vị Tổng Kỹ sư có công lao hàng không vũ trụ quanh năm cắm rễ nơi bãi phóng sa mạc Gobi sau khi nhiệm vụ thành công mỹ mãn, đã gọi điện thoại ngay trong thời khắc đầu tiên cho cô con gái cô con gái rệu ở nơi phương xa để chia sẻ niềm vui thắng lợi.

24 nét

HÁN VIỆT: KHUÊ NỮ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1495

瑰宝

guībǎo

bảo vật vô giá, báu vật quý báu,
tinh hoa trân quý

传统中医药学凝聚着深邃的哲学智慧与千百年防病治病实践经验，是中华民族和全人类不可多得科学文化瑰宝。

Chuán tǒng zhōng yī yào xué níng jù zhe shēn suǐ de zhé xué zhì huì yǔ qiān bǎi nián fáng bìng zhì bing shí jiàn jīng yàn, shì zhōng huà mín zú hé quán rén lèi bù kě duō dé de kē xué wén huà guī bǎo.

Trung y được học truyền thống kết tinh trí tuệ triết học sâu sắc cùng kinh nghiệm thực tiễn phòng và trị bệnh ngàn trăm năm, chính là báu vật quý báu bảo vật vô giá văn hóa khoa học hiếm có của dân tộc Trung Hoa và toàn nhân loại.

21 nét

HÁN VIỆT: KHÔI BẢO

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1496

轨迹

guǐjī

quỹ đạo, đường đi quỹ tích di
chuyển

深空探测飞控测控系统实现了对数亿公里外探测器行星际飞行运动轨迹毫米级精度的超远程精准实时定轨。

Shēn kōng tàn cè fēi kòng kè kòng xì tǒng shí xiàn le duì shù yì gōng lǐ wài tàn cè qì xíng xīng jì fēi xíng yùn dòng guī jī háo mǐ jī jīng dù de chāo yuǎn chéng jīng zhūn shí shí dìng guī.

Hệ thống trắc nghiệm điều khiển điều khiển bay thám trắc không gian sâu đã thực hiện việc xác định quỹ đạo thời gian thực chuẩn xác siêu cự ly xa với độ chính xác cấp độ milimet đối với đường đi quỹ đạo quỹ tích chuyển động bay liên hành tinh của tàu thám trắc cách xa hàng trăm triệu cây số.

22 nét

HÁN VIỆT: QUỸ TÍCH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1497

柜台

guì tái

quầy hàng, quầy thu ngân, quầy
phục vụ

航站楼值机柜台前地服人员热情周到地为旅客办理行李托运与选座手续。

Háng zhàn lóu zhī jī guì tái qián dì fú rén yuán rè qíng zhōu dào de wéi lǚ kè bàn lí xíng sù yǔ xuǎn zuò shǒu xù.

Tại quầy làm thủ tục nhà ga sân bay, các nhân viên mặt đất niềm nở và chu đáo làm thủ tục gửi hành lý cùng chọn chỗ ngồi cho hành khách.

23 nét

HÁN VIỆT: QUỸ ĐÀI

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1498

贵宾

guìbīn

khách quý, quý khách quan khách
danh dự

在世界顶尖科学家高峰论坛开幕式上，国家综合性科学中心热情接待了来自全球数十个国家和地区的诺贝尔奖贵宾学者。

Zài shì jiè dīng jiān kē xué jiā gāo fēng lùn tàn kāi mù shì shàng, guó jiā zōng hé xíng kē xué zhōng xīn rè qíng jiē dài le lái zì quán qíu shù shí gè guó jiā hé dì qū de nuò bèi ěr jiǎng guī bīn xué zhě.

Tại lễ khai mạc Diễn đàn Thượng đỉnh Các Nhà khoa học Đỉnh cao Thế giới, Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia đã tiếp đón nồng hậu các vị học giả quý khách khách quý đoạt giải Nobel đến từ hàng chục quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu.

18 nét

HÁN VIỆT: QUỸ TÂN



HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1499

贵重

guìzhòng

quý giá, quý trọng đắt giá, đắt tiền
quý báu

大科学装置超精密光学部件与贵重实验靶材在恒温恒湿特种真空手套箱中实行最高密级保管。

Dà kē xué zhuāng zhì chāo jīng mǐ guāng xué bù jiàn yú guì zhòng shí yàn bǎ cái zài héng wēn héng shī tè zhōng zhēn kōng shǒu tāo xiāng zhōng shí xíng zuì gāo mǐ jí bǎo guǎn.

Các vật liệu bìa thực nghiệm quý giá quý báu đắt giá cùng linh kiện quang học siêu chính xác của thiết bị khoa học lớn được thực thi bảo quản ở cấp bảo mật cao nhất bên trong tủ găng tay chân không đặc chủng độ ẩm ổn định nhiệt độ ổn định.

18 nét

HÁN VIỆT

QUÝ TRÚNG

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1500

贵族

guì zú

cao quý

在面对复杂的挑战时，保持贵族的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí guì zú de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái cao quý đặc biệt quan trọng.

19 nét

HÁN VIỆT

QUÝ TỘC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1501

桂花

guīhuā

hoa quế, hoa mộc tê thơm ngát

金秋时节，国家综合性科学中心园区内盛开的桂花阵阵飘香，与现代化大科学装置相映成趣、生机盎然。

Jīn qiū shí jié, guó jiā zōng hé xīng kē xué zhōng xīn yuán qū nèi shèng kāi de guī huā zhèn zhèn piāo xiāng, yǔ xiān dài huà dà kē xué zhuāng zhì xiāng yǐng chéng qǔ, shēng jī àng rán.

Vào tiết trời thu vàng, hoa mộc tê hoa quế nở rộ bên trong khuôn viên Trung tâm Khoa học Tổng hợp Quốc gia tỏa hương thơm ngát từng luồng, hòa cùng các thiết bị khoa học lớn hiện đại tạo nên cảnh sắc tràn trề sức sống đầy thi vị.

26 nét

HÁN VIỆT

QUẾ HOA

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ

#1502

滚动

gǔndòng

lăn chuyển động, lăn tròn; cuộn
lăn phiên (gǔndòng fāzhǎn)

国家自然科学基金实施前瞻性滚动支持机制，对取得突破性原创进展的青年科学家团队给予不间断长期科研资助。

Guó jiā jī chǔ kē xué yǐ jīn shí shǐ qián zhān xīng gǔn dòng zhī chí jī zhì, duì qǔ dé tú pò xīng yuán chuàng jīn zhǎn de qīng nián kē xué jiā tuán duì jǐ yǔ wú jiàn duàn cháng qī kē yán zī zhù.

Quý Khoa học Cơ bản Quốc gia thực thi cơ chế hỗ trợ lăn phiên liên tục cuộn lăn có tầm nhìn xa, dành sự tài trợ nghiên cứu khoa học lâu dài không gián đoạn cho các đội ngũ nhà khoa học trẻ đạt được tiến triển nguyên bản mang tính đột phá.

22 nét

HÁN VIỆT

CỎN ĐỘNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1503

棍

gùn

cây gậy, cây côn gậy gỗ (nghĩa
đen/bóng)

在大科学工程超导磁体极端低温管道绝热固定中，工程师严格采用了特制高强度无磁特种绝缘环氧树脂支撑棍棒。

Zài dà kē xué gōng chéng chāo dǎo cí tǐ jí duǎn dī wēn guǎn dào jué rè gù dìng zhōng, gōng chéng shī yán gé cái yòng le tè zhì gāo qiáng dù wú cí tè zhōng jué yuán huán yāng shù zhī zhī chéng gùn bàng.

Trong việc cố định cách nhiệt đường ống nhiệt độ cực thấp của nam châm siêu dẫn công trình khoa học lớn, các kỹ sư thực hiện nghiêm ngặt việc sử dụng các thanh chống cây gậy cây côn nhựa epoxy cách điện đặc chủng không từ tính cường độ cao.

13 nét

HÁN VIỆT

CÔN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1504

棍子

gùnzi

cây gậy, chiếc gậy (nghĩa
đen/bóng: dũa gùnzi)

科技界要营造百家争鸣、包容失败的宽松学术氛围，决不允许动辄抓辫子、扣帽子、打棍子等恶劣不良风气存在。

Kē jì jiè yào yíng zào bǎi jiā zhēng míng, bāo róng shí bài de kuān sōng xué shù fēn wéi, jué bù yǔn xǔ dòng zhé zhuā biàn zi, kòu mào zi, dǎ gùn zi děng è liè bù liáng fēng qì cún zài.

Giới khoa học công nghệ phải kiến tạo bầu không khí học thuật phóng khoáng trầm nhà đua tiếng (bách gia tranh minh), bao dung thất bại, tuyệt đối không cho phép tồn tại những thói xấu tệ hại một tí là nắm tóc bởi lông tìm vết, chụp mũ, vung cây gậy chiếc gậy đánh đòn.

24 nét

HÁN VIỆT

CÔN TỬ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1505

国宝

guóbǎo

quốc bảo, báu vật quốc gia; nhà
khoa học quốc bảo

老一辈功勋战略科学家是党和人民的崇高骄傲，是挺起中华民族科技脊梁的真正无价“国宝”。

Lǎo yī bèi gōng xūn zhàn lüè kē xué jiā shì dāng hé rén mín de chóng gāo jiāo ào, shì tǐng qǐ zhōng huá mín zú kē jì jǐ liáng de zhēn zhèng wú jià "guó bǎo".

Các nhà khoa học chiến lược có công lao tiến bối chính là niềm tự hào cao đẹp của Đảng và nhân dân, là 'quốc bảo' báu vật quốc gia vô giá đích thực nâng đỡ cột sống khoa học công nghệ của dân tộc Trung Hoa.

21 nét

HÁN VIỆT

QUỐC BẢO

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1506

国防

guó fáng

quốc phòng, an ninh quốc phòng

建设巩固的国防和强大的军队，是实现中华民族伟大复兴的战略支撑与坚强柱石。

Jiàn shè gǒng gù de guó fáng hé qiáng dà de jūn duì, shí shí xiàn zhōng huá mín zú wèi dà fù xīng de zhàn lüè zhī chēng yǔ jiān qiáng zhù shí.

Xây dựng nền quốc phòng vững chắc và quân đội hùng mạnh chính là trụ cột chiến lược và hòn đá tảng kiên cường để hiện thực hóa sự phục hưng vĩ đại của dân tộc.

24 nét

HÁN VIỆT

QUỐC PHÒNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1507

国画

guóhuà

tranh thủy mặc truyền thống, quốc
họa Trung Hoa

科技文保专家运用超高清多光谱红外断层扫描成像技术，揭示了传世千年古代国画绢本深层的古老矿物颜料微观分布。

Kē jì wén bǎo zhuān jiā yùn yòng chāo gāo qīng duǒ guāng pǔ hóng wài duàn céng sǎo miào chéng xiàng jì shù, jiē shì le chuán shì qiān nián gǔ dài guó huà juǎn běn shēn céng de gǔ lǎo kuàng wù yán liào wēi guān fēn bù.

Các chuyên gia bảo tồn văn vật khoa học công nghệ ứng dụng công nghệ chụp ảnh cắt lớp hồng ngoại đa quang phổ siêu nét đã hé lộ sự phân bố vi mô của các loại thuốc màu khoáng vật cổ xưa nơi tầng sâu lụa tơ tằm tranh thủy mặc truyền thống quốc họa cổ ngàn năm truyền đời.

20 nét

HÁN VIỆT

QUỐC HỌA



HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1508

国徽

guóhuī

quốc huy, biểu tượng quốc huy của quốc gia

在神舟载人飞船返回舱外壳正面，庄严镌刻的中华人民共和国国徽在金色太阳光照耀下格外耀眼夺目。

Zài shén zhōu zài rén fēi chuán fēi chuán fǎn huì cāng wài kè zhēng miàn, zhuāng yán juān kè de zhōng huá rén mín gòng hé guó guó huī zài jīn sè tài yáng guāng zhào yào xià gé wài yào yǎn duó mù.

Trên mặt chính lớp vỏ khoang hồi quyền của tàu vũ trụ có người lái Thần Châu, biểu tượng Quốc huy quốc huy nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được khắc trang nghiêm sáng ngời rực rỡ bắt mắt dưới ánh nắng vàng không gian vũ trụ.

20 nét

HÁN VIỆT: QUỐC HUY

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1509

国情

guóqíng

tình hình đất nước, điều kiện thực tế quốc gia

推进科技自立自强必须紧密结合我国国情与战略急需，走适合中国特色自主创新的正确道路。

Tuī jìn kē jì zì lì zì qiáng bì xū jīn mì jié hé wǒ guó guó qíng yǔ zhàn lüè jí xū, zǒu shì hé zhōng guó tè sè zì zhǔ chuàng xīn de zhèng què dào lù.

Thúc đẩy tự chủ tự cường khoa học công nghệ bắt buộc phải kết hợp chặt chẽ với nhu cầu cấp bách chiến lược và điều kiện thực tế quốc gia tình hình đất nước nước ta, đi trên con đường đúng đắn đổi mới sáng tạo tự chủ phù hợp đặc sắc Trung Quốc.

18 nét

HÁN VIỆT: QUỐC TÌNH

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1510

国土

guótǔ

lãnh thổ đất nước, bờ cõi non sông đất nước

国家高分辨率对地观测卫星星座实现了对广袤国土资源与生态环境的高频次全覆盖高精度立体监测。

Guó jiā gāo fēn biàn lǜ dì duì dì guān cè wèi xīng xīng zuò shí xiàn le dì duì guǎng mào guó tǔ zì yuán yǔ shēng tài huán jīng de gāo pín cǐ quán fù gài gāo jīng dù dì lǐ jī jiǎn cè.

Chòm sao vệ tinh quan trắc mặt đất độ phân giải cao quốc gia đã thực hiện việc quan trắc lập thể độ chính xác cao bao phủ toàn diện tần suất cao đối với môi trường sinh thái và tài nguyên lãnh thổ đất nước non sông bờ cõi bao la.

19 nét

HÁN VIỆT: QUỐC THỔ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1511

国学

guóxué

quốc học, nghiên cứu văn hóa truyền thống học thuật cổ

许多杰出科学家兼具深厚的现代数理科学功底与博大精深的传统国学修养，展现出融通文理的大家风范。

Xǔ duō jié chū kē xué jiā jiā jù shēn hòu de xiàn dài shù lǐ kē xué gōng dǐ yǔ bó dà jīng shēn de chuán tǒng guó xué xiū yǎng, zhǎn xiàn chū róng tōng wén lǐ de dà jiā fēng fàn.

Nhiều nhà khoa học kiệt xuất vừa sở hữu bề dày công phu khoa học toán lý hiện đại sâu sắc, lại vừa có sự tu dưỡng quốc học nghiên cứu văn hóa truyền thống uyên bác thâm sâu, phô diễn phong thái bậc đại gia dung thông hòa quyện giữa tự nhiên và nhân văn.

22 nét

HÁN VIỆT: QUỐC HỌC

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1512

国有

guóyǒu

thuộc nhà nước, sở hữu nhà nước quốc doanh

大型国有科技骨干企业主动发挥创新领头羊作用，加大底层前沿研发投入，全力担当国家战略科技攻关重任。

Dà xíng guó yǒu kē jì gàn gǔ qǐ yè xīng gǔ gàn qì yè zhǔ dòng fā huī chuàng xīn lǐng tóu yǎng zuò yòng, jiā dà dī céng qián yán yán fā tóu rù, quán lì dān dāng guó jiā zhàn lüè kē jì gōng guān zhòng rèn.

Các doanh nghiệp nòng cốt loại hình công nghệ thuộc nhà nước sở hữu nhà nước quy mô lớn chủ động phát huy vai trò đầu tàu đổi mới sáng tạo, gia tăng đầu tư nghiên cứu phát triển tiên phong nền tảng, dốc toàn lực gánh vác trọng trách vượt khó khoa học công nghệ chiến lược quốc gia.

19 nét

HÁN VIỆT: QUỐC HỮU

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ

#1513

果断

guǒduàn

quả đoán, dứt khoát, quyết đoán

在特大山洪泥石流险情突发的千钧一发之际，现场防汛指挥员果断下达整村紧急撤离指令，成功避免了重大人员伤亡。

Zài tè dà shān hóng ní shí liú xiǎn qíng tū fā de qiān jūn yí fà zhī jī, xiàn chǎng fǎng xùn zhǐ huī yuán guǒ duàn xià dá zhěng cūn jǐn jí chè lí zhī lìng, chéng gōng bì miǎn le zhòng dà rén yuán shāng wáng.

Vào thời khắc ngàn cân treo sợi tóc khi hiểm họa lũ quét bùn đá bất ngờ ập đến, người chỉ huy phòng chống thiên tai tại hiện trường đã dứt khoát quả đoán ban bố mệnh lệnh sơ tán khẩn cấp toàn bộ thôn làng, tránh được thương vong trọng đại về người một cách thành công.

20 nét

HÁN VIỆT: QUẢ ĐOÁN

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ

#1514

果园

guǒyuán

vườn cây ăn quả, vườn cây ăn trái

国家智能农业示范果园全面普及了无人机光谱病虫害遥感监测与水肥一体化自动精准滴灌系统。

Guó jiā zhì néng nóng yè shì fàn guǒ yuán quán miàn pǔ jí liáo wú rén jī gāo guāng pǔ bìng chóng hài yào gǎn jiān cè yǔ shuǐ fēi yī tǐ huà zì dòng jīng zhǔn dī guǎn xì tǒng.

Vườn cây ăn quả vườn cây ăn trái trình diễn nông nghiệp thông minh quốc gia đã phổ cập toàn diện hệ thống tưới nhỏ giọt chuẩn xác tự động tích hợp nước phân và quan trắc viễn thám sâu bệnh hại siêu quang phổ bằng máy bay không người lái.

17 nét

HÁN VIỆT: QUẢ VIÊN

HSK 7-9 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#1515

果真

guǒzhēn

quả thực, đúng thật là, quả nhiên

经过超级计算机连续多月高精度物理模拟，实验测试得出的反常量子跃迁参数与理论预测结果果真完全一致。

Jīng guò chāo jí jì suàn jī lián xù duō yuè gāo jīng dù wù lǐ mó nǐ, shí yǎn cè shì de fǎn cháng liàng zǐ yuè qiān cān shù yǔ lǐ lùn yù cè jié guǒ zhēn wán quán yí zhì.

Trải qua nhiều tháng liên tục mô phỏng vật lý độ chính xác cao bằng siêu máy tính, các tham số chuyển mức lượng tử dị thường thu được qua thử nghiệm thực nghiệm quả thực đúng thật là quả nhiên hoàn toàn nhất trí ăn khớp với kết quả dự đoán lý thuyết.

20 nét

HÁN VIỆT: QUẢ CHÂN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ

#1516

裹

guǒ

bọc

老师鼓励大家积极裹，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí guǒ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bọc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: KHOẢ


HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ #1517

过半

guòbàn

quá nửa, vượt quá một nửa tiến độ

随着大科学工程地下深部主实验洞室混凝土结构浇筑过半，全系统全面转入设备精密预装与管线敷设阶段。

Suī zhe dà kē xué gōng chéng dì xià shēn bù zhǔ shí yàn dòng shì hùn níng tǔ jié gòu jiāo zhù guò bàn, quán xì tǒng quán miàn zhuǎn rù shè bèi jīng mì yǐng zhuāng yǔ guǎn xiàn fú shè jiē duàn.

Cùng với việc đổ kết cấu bê tông hầm lò thực nghiệm chính sâu dưới lòng đất của công trình khoa học lớn đã hoàn thành quá nửa vượt quá một nửa, toàn hệ thống chuyển sang giai đoạn rải đặt đường ống tuyến cáp và lắp đặt trước chính xác thiết bị toàn diện.

17 nét

HÁN VIỆT: QUÁ BÁN

HSK 7-9 (3.0)

Cụm động từ #1518

过不去

guòbùqu

làm khó, gây khó dễ; không qua được, áy náy (xin lỗi guòbùqu)

搞学术评价必须坚持求真务实，决不能因学术流派见解不同就故意在项目评审中给青年学者过不去。

Gǎo xué shù píng jià bì xū jiān chí qiú zhēn wú shí, jué bù néng yīn xué shù liú pài jiàn jiě bù tóng jiù gù yì zài xiàng mù píng shěn zhōng gěi qīng nián xué zhě guò bù qū.

Làm đánh giá học thuật bắt buộc phải kiên trì cầu thị thực chất, tuyệt đối không được vì kiến giải trường phái học thuật khác nhau mà cố ý làm khó gây khó dễ cho các học giả trẻ trong thẩm định dự án.

29 nét

HÁN VIỆT: QUÁ BẤT KHỨ

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1519

过错

guòcuo

lỗi lầm, sai sót khuyết điểm vi phạm

国家科技伦理委员会健全了学术不端容错纠错与追责机制，严格区分探索性实验失败与主观学术造假过错。

Guó jiā kē jì lún lǐ wēi yuán huì jiàn quán le xué shù bù duān róng cuò jiù cuò yǔ zhuī zé jī zhì, yán gé qū fēn tàn suǒ xìng shí yàn shī bài yǔ zhǔ guān xué shù zào jiǎ guò cuo.

Hội đồng Đạo đức Khoa học Kỹ thuật Quốc gia đã hoàn thiện cơ chế truy cứu trách nhiệm cùng sửa sai dung lỗi sai sót học thuật, phân biệt rạch ròi nghiêm ngặt giữa lỗi lầm khuyết điểm làm giả học thuật chủ quan và thất bại thực nghiệm mang tính tìm tòi.

22 nét

HÁN VIỆT: QUÁ THÁC

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1520

过道

guòdào

hành lang, lối đi hành lang thông đạo

在深空探测指挥大厅通往机房的专用过道两侧，陈列着中国航天人历次重大发射任务的珍贵历史照片与徽章。

Zài shēn kōng tàn cè zhǐ huī dà tīng tōng wǎng jī fáng de zhuān yòng guò dào liǎng cè, chén liè zhe zhōng guó háng tiān rén lì cì zhòng dà fā shè wú de zhēn guī lǐ shǐ zhào piān yǔ huī zhāng.

Ở hai bên lối đi hành lang thông đạo chuyên dụng từ đại sảnh chỉ huy thăm trắc không gian sâu dẫn tới phòng máy, trưng bày các huy hiệu và bức ảnh lịch sử quý giá về các nhiệm vụ phóng trong đại qua các thời kỳ của những người làm hàng không vũ trụ Trung Quốc.

18 nét

HÁN VIỆT: QUÁ ĐẠO

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1521

过关

guòguān

qua ải, đạt yêu cầu vượt qua sát hạch kiểm định

大科学装置核心加速腔在出厂前必须经过数十道极限真空与极低温超导性能全要素严苛检验、全部高标准过关。

Dà kē xué zhuāng zhī hé xīn jiā sù qiāng zài chū fǎng qián bì xū jīng guò shù shí dào jí xiàn zhēn kōng yǔ jī dī wēn cháo dào xīng néng quán yào sù yán kē jiǎn yàn, quán bù gāo biāo zǔn guò guān.

Buổi gia tốc cốt lõi của thiết bị khoa học lớn trước khi xuất xưởng bắt buộc phải trải qua hàng chục đợt kiểm nghiệm khắt khe toàn diện yếu tố tính năng siêu dẫn nhiệt độ cực thấp và chân không cực hạn, tất cả đều đạt yêu cầu qua ải theo tiêu chuẩn cao.

22 nét

HÁN VIỆT: QUÁ QUAN

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1522

过奖

guòjiǎng

khen quá lời, quá khen (khiêm từ)

面对国际学术界同行专家对研究成果的高度盛赞，青年领衔科学家谦逊微笑着表示“大家过奖了，我们仍需继续努力”。

Miàn duì guó jì xué shù jiè tóng háng zhuān jiā duì yán jiǔ chéng guǒ de gāo dù shèng zàn, qīng nián lǐng xián kē xué jiā qiān xùn wēi xiào zhe biǎo shì "dà jiā guò jiǎng le, wǒ men réng xū jì xù nǚ lì".

Đứng trước sự khen ngợi đánh giá rất cao của các chuyên gia đồng nghiệp trong giới học thuật quốc tế đối với thành quả nghiên cứu, nhà khoa học trẻ đứng đầu dự án mỉm cười khiêm tốn nói "Mọi người quá khen rồi, chúng tôi vẫn cần tiếp tục nỗ lực hơn nữa".

18 nét

HÁN VIỆT: QUÁ THƯỜNG

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1523

过节

guòjié

đón tết đón lễ; hiểm khích xích mích khúc mắc (guòjié)

为了保障大科学装置高负荷连续物理实验不中断，数百位科研人员主动放弃过节休假、通宵达旦坚守在控制大厅。

Wèi le bǎo zhàng dà kē xué zhuāng zhì gāo fù hé lián xù wú lǐ shí yàn bù zhōng duàn, shù bǎi wèi kē yán rén yuán zhǔ dòng fàng qì guò jié xiū jià, tōng xiǎo dá dàn jiān shǒu zài kòng zhì dà tīng.

Để bảo đảm các thực nghiệm vật lý liên tục phụ tải cao của thiết bị khoa học lớn không bị gián đoạn, hàng trăm cán bộ nghiên cứu khoa học đã chủ động từ bỏ nghỉ tết đón lễ đón tết, thức thâu đêm suốt sáng bám trụ trong đại sảnh điều khiển.

23 nét

HÁN VIỆT: QUÁ TIẾT

HSK 7-9 (3.0)

Động từ #1524

过境

guòjìng

quá cảnh, bay qua không phận/lãnh thổ

空间环境监测卫星在过境极地电离层扰动区时，高灵敏度空间磁力仪实时记录下了强太阳风暴激发的空间物理波动。

Kōng jiān huán jīng jiān cè wèi xīng zài guò jìng jì dì diàn lí céng rǎo dòng qū shí, gāo líng mǐn dù kōng jiān cí lì yí shí shí jì lù xià le qiáng tài yáng fēng báo jī fā de kōng jiān wù lǐ bō dòng.

Vệ tinh quan trắc môi trường không gian khi bay qua không phận quá cảnh khu vực nhiễu động tầng điện ly vùng cực, máy đo từ không gian độ nhạy cao đã ghi chép lại theo thời gian thực những dao động vật lý không gian do bão Mặt trời mạnh kích phát.

17 nét

HÁN VIỆT: QUÁ CẢNH

HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Danh từ #1525

过滤

guòlǜ

lọc, lọc bỏ (tạp chất, bụi bẩn, thông tin)

高端海水淡化装备搭载的反渗透高分子纳米复合膜元件，能够以百分之九十九点八的超高效率过滤截留海水中的溶解盐分。

Gāo duān hǎi shuǐ dàn huà zhuāng zài de fǎn shèn tòu gāo fēn zǐ nà mí fù hé mó yuán jiàn, néng gòu yǐ bǎi fēn zhī jiǔ shí jiǔ diǎn bā de chāo gāo xiào lǜ guò lǜ jié liú hǎi shuǐ zhōng de róng jiě yán fēn.

Thiết bị khử mặn nước biển cao cấp trang bị màng composite nano polymer thẩm thấu ngược (RO) có thể lọc và giữ lại muối hòa tan trong nước biển với hiệu suất siêu cao lên tới 99,8%.

20 nét

HÁN VIỆT: QUÁ LỰ



HSK 7-9 (3.0)

Động từ / Tính từ #1526

过期

guòqī

hết hạn, quá hạn

在购买包装食品和药品前，务必仔细核对生产日期与保质期，严禁食用过期变质食品。

Zài gòu mǎi bāo zhuāng shí pǐn huò yào pǐn qián, wù bì zì xī hē duì shēng chān rì qī yǔ bǎo zhì qī, yán jìn shí yòng guò qī biàn zhì shí pǐn.

Trước khi chọn mua thực phẩm đóng gói và thuốc men, nhất định phải kiểm tra kỹ ngày sản xuất và hạn sử dụng, nghiêm cấm dùng thực phẩm đã hết hạn biến chất.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : QUÁ KỲ

HSK 7-9 (3.0)

Cụm động từ #1527

过日子

guòrìzi

sống qua ngày, sinh sống làm ăn
sinh hoạt đời thường

扎根大西北荒漠数十载的老一辈科学家把科研当成了过日子，用一生执着诠释了淡泊名利、科技报国的崇高品格。

Zhā gēn dà xī běi huāng mò shù shí zài de lǎo yī bèi kē xué jiā bǎ kē yán dāng chéng le guò rì zi, yòng yī shēng zhí zhuó quán shì le dàn bó míng lì, kē jì bào guó de chóng gāo pǐn gé.

Các nhà khoa học tiên bối cắm rễ nơi hoang mạc sa mạc Đại Tây Bắc mấy chục năm đã coi nghiên cứu khoa học như sinh hoạt đời thường sống cuộc đời mình, dùng sự kiên trì cả đời để diễn giải phẩm cách cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học, đậm bạc danh lợi.

📖 31 nét

HÁN VIỆT : QUÁ NHẬT TỬ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Danh từ #1528

过剩

guòshèng

dư thừa, dư thừa công suất thẳng dư

我国加快淘汰传统落后低端产能，坚决防止低水平重复建设，大力发展以高科技、高效能为特征的新质生产力。

Wǒ guó jiā kuài táo tài chuán tǒng hòu dī duān chǎn néng, jiǎn jué fáng zhǐ dī shuǐ píng chóng fù jiàn shè, dà lì fā zhǎn yǐ gāo kē jì, gāo xiào néng wéi tè zhēng de xīn zhì shēng chǎn lì.

Nước ta đẩy nhanh đào thải các năng lực sản xuất trình độ thấp lạc hậu truyền thống, kiên quyết ngăn ngừa việc xây dựng lặp lại trình độ thấp gây dư thừa dư thừa công suất, ra sức phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới mang đặc trưng hiệu năng cao, công nghệ cao.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : QUÁ THĂNG

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ #1529

过失

guòshī

lỗi vô ý, sơ suất, lầm lỗi

在重大工程安全管理中推行全流程双重预防机制，切实消除人为疏忽与微小过失可能引发的安全隐患。

Zài zhòng dà gōng chéng ān quán guǎn lǐ zhōng tuī xíng quán liú chéng shuāng chéng yù fáng jī zhì, qiè shí xiāo chú rén wéi shū hū yǔ wēi xiǎo guò shī kě néng yīn fā de ān quán yīn huǎn.

Trong công tác quản lý an toàn công trình trọng đại, áp dụng cơ chế phòng ngừa kép toàn quy trình, triệt tiêu thiết thực các mối nguy an toàn tiềm ẩn do sơ suất bất cẩn của con người hay những lỗi vô ý nhỏ bé gây ra.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : QUÁ THẤT

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Phó từ #1530

过头

guòtóu

quá trớn, quá mức đi quá giới hạn

在科技宣传报道中必须坚持实事求是与严谨客观，坚决反对任何脱离实际的浮夸吹嘘与过头炒作。

Zài kē jì xuān chuán bào dào zhōng bì xū jiān chí shí shì qǐu shì yǔ yán jìn kè guān, jiǎn jué fǎn duì rèn hé tuō lí shí jì de fú kuā chuī xū yǔ guò tóu chǎo zuò.

Trong tuyên truyền đưa tin khoa học công nghệ bắt buộc phải kiên trì thực sự cầu thị và khách quan nghiêm cẩn, kiên quyết phản đối mọi sự thổi phồng ba hoa phù phiếm và xào tung hô quá trớn quá mức xa rời thực tế.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : QUÁ ĐẦU

HSK 7-9 (3.0)

Danh từ / Động từ #1531

过往

guòwǎng

qua lại, dĩ vãng quá khứ; người qua lại

回顾过往几十年我国科技事业披荆斩棘的发展历程，全体科技工作者更加坚定了勇攀世界科技高峰的必胜信心。

Huí gù guò wǎng jǐ shí nián wǒ guó kē jì shì yè pī jīng zhǎn jí de fā zhǎn lì chéng, quán tǐ kē jì gōng zuò zhě gèng jiā jiān dìng le yǒng pān shì jiè kē jì gāo fēng de bì shèng xīn xìn.

Nhìn lại dĩ vãng quá khứ tiến trình phát triển vượt mọi chông gai mấy chục năm qua của sự nghiệp khoa học công nghệ nước ta, toàn thể những người làm khoa học công nghệ càng thêm kiên định niềm tin quyết thắng đứng cam trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ thế giới.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : QUÁ VẮNG

HSK 7-9 (3.0)

Thành ngữ / Tính từ #1532

过意不去

guòyìbùqù

áy náy trong lòng, cảm thấy có lỗi
ngượng ngùng

总设计师常年扑在科研一线顾不上照顾家庭，面对默默支持自己的妻子与孩子，内心深处总有一份深切的过意不去。

Zǒng shè jī shī cháng nián pū zài kē yán yī xiàn gù bù shàng zhào gù zì jǐ de qī zī yǔ hái zǐ, nèi xīn shēn chù zǒng yǒu yī fēn shēn qiè de guò yì bù qù.

Vị Tổng Thiết kế quanh năm lẫn lộn nơi tuyến đầu nghiên cứu khoa học không kịp ngó ngàng chăm sóc gia đình, đứng trước người vợ và đứa con nhỏ thầm lặng ủng hộ mình, sâu thẳm trong lòng luôn có một nỗi áy náy trong lòng cảm thấy có lỗi khôn nguôi.

📖 35 nét

HÁN VIỆT : QUÁ Ý BẤT KHỨ

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ / Động từ #1533

过瘾

guòyǐn

đã đời, thỏa thích, cực kỳ sướng
mất/sướng tai

在大剧院现场观看国家京剧院名家名段联袂演出的观众大呼过瘾，喝彩声与掌声响彻云霄。

Zài dà jù yuàn xiàn chāng guān kàn guó jiā jīng jù yuán míng jiā míng duàn lián mèi yǎn chū de guān zhòng dà hū guò yǐn, hè cǎi shēng yǔ zhǎng shēng xiǎng chè yún xiāo.

Khán giả trực tiếp theo dõi màn trình diễn kết hợp đỉnh cao các trích đoạn danh tiếng của các danh gia Nhà hát Kinh kịch Quốc gia tại nhà hát lớn đều trầm trồ hồ to quá đã đời, tiếng hò reo cùng những tràng pháo tay vang dội thấu tận mây xanh.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : QUÁ ẨM

HSK 7-9 (3.0)

Tính từ #1534

过硬

guòyìng

vững vàng xuất sắc, đạt chuẩn
cứng cáp bản lĩnh cao

青年科技突击队在大科学工程关键核心技术攻关中展现出了过硬的专业本领与敢打硬仗的顽强作风。

Qīng nián kē jì tǐ duì zài dà kē xué gōng chéng guān jiàn hé xīn jì shù gōng guān zhòng zhàn xiàn chū le guò yìng de zhuān yè běn lǐng yǔ gǎn dǎ yìng zhàng de wán qiáng zuò fēng.

Đội xung kích khoa học công nghệ thanh niên trong đợt vượt khó công nghệ lõi then chốt công trình khoa học lớn đã phô diễn bản lĩnh chuyên môn vững vàng xuất sắc cứng cáp cùng tác phong kiên cường dám đánh trận khó.

📖 17 nét

HÁN VIỆT : QUÁ NGẠNH

HSK 7-9
(3.0)Phó từ /
Tính từ #1535

过早

guòzǎo

quá sớm, vội vã quá sớm

在前沿科学假说尚未得到充分多维度实测数据全面验证之前，切忌过早下毫无根据的绝对物理定论。

Zài qián yán kē xué jiǎ shuō shàng wèi dé dào chōng fēn duō wéi dù shí cè shù jù quán miàn yàn zhèng zhī qián, qiè jì guò zǎo xià háo wú gēn jù de jué duì wù lǐ dìng lùn.

Trước khi giả thuyết khoa học tiên phong chưa nhận được kiểm chứng toàn diện bằng các số liệu đo đạc thực tế đa chiều đầy đủ, tránh việc đưa ra kết luận vật lý tuyệt đối vô căn cứ quá sớm vội vã quá sớm.

17 nét

HÁN VIỆT QUÁ TẢO

HSK 7-9
(3.0)

Danh từ #1536

咳嗽

ké sou

ho, cơn ho

感冒伴随严重咳嗽时应及时就医，并在医生指导下合理服用化痰止咳药剂与多饮温水。

Gǎn mào bàn suí yán zhòng ké sòu shí yīng jí shí jiù yī, bìng zài yī shēng zhǐ dǎo xià hé lǐ fú yòng huà tǎn zhǐ ké yào jì yǔ duō yǐn wēn shuǐ.

Khi bị cảm lạnh kèm theo ho nhiều cần đến bệnh viện khám kịp thời, uống thuốc long đờm giảm ho theo chỉ dẫn của bác sĩ và uống nhiều nước ấm.

25 nét

HÁN VIỆT HÀI THẤU

HSK 7-9
(3.0)Động từ /
Danh từ #1537

还款

huánkuǎn

hoàn trả nợ, trả tiền vay
thanh toán nợ

国家科技金融创新政策为初创期硬科技企业提供了长周期、低利息与灵活分期的知识产权质押还款支持。

Guó jiā kē jì jīn róng chuàng xīn zhèng cè wéi chū chuàng qī yìng kē jì qǐ yè tí gōng le zhǎng zhōu qī, dī lì xī yǔ líng huó fēn qī de zhī shí chǎn quán zhì yā hái kuǎn zhī chí.

Chính sách đổi mới tài chính khoa học công nghệ quốc gia mang lại sự hỗ trợ hoàn trả nợ thanh toán nợ vay cầm cố quyền sở hữu trí tuệ trả góp linh hoạt, lãi suất thấp và chu kỳ dài cho các doanh nghiệp công nghệ cứng trong thời kỳ khởi nghiệp.

20 nét

HÁN VIỆT HOÀN KHOẢN

HSK 7-9
(3.0)Động từ /
Danh từ #1538

还原

huán yuán

khôi phục nguyên trạng;
phản ứng khử (hóa học)

考古学家与数字化文博专家利用超高精度三维激光点云技术，完美数字化还原了千年敦煌莫高窟壁画的原本神采。

Kǎo gǔ xué jiā yǔ shù zì huà wén bǎo zhuān jiā lì yòng chāo gāo jīng dù sān wéi lasèr diǎn yún jì shù, wán měi shù zì huà huán yuán le qiān nián dūn huáng mò gāo kū bì huà de yuán běn shén cǎi.

Các nhà khảo cổ học cùng chuyên gia bảo tồn di sản số hóa nhờ vào công nghệ đám mây điểm laser 3D độ chính xác siêu cao đã phục chế khôi phục số hóa hoàn mỹ thần thái nguyên bản của những bức bích họa ngàn năm trong Hang Mạc Cao Đôn Hoàng.

21 nét

HÁN VIỆT HOÀN NGUYÊN

🎉 HOÀN THÀNH TẬP 2 (769 TỪ)!

- ☐ Đã đọc thuộc lòng 100% phiên âm Pinyin
☐ Đã quét mã QR nghe giọng đọc chuẩn Bắc Kinh

- ☐ Đã nhớ trọn vẹn âm Hán Việt để hiểu gốc từ
☐ Đã làm bài tập ôn tập ngắt quãng SRS



Sẵn sàng mở tiếp Tập 3! 🚀

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thể hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 - 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7-9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

